KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

— o0o —

QUYỂN 1

- Sa-môn Bát-thích-mật-đế người Trung Thiên Trúc, dịch vào đời Đường.
- Sa-môn Di-già Thích-ca, người nước Ô Trành dịch ngữ.
- Sa-môn Hoài Địch, chùa Nam Lâu, núi La Phù, chứng minh bản dịch.
- Đệ tử thọ Bồ-tát giới tên Phòng Dung, hiệu Thanh Hà, chức Tiền Chánh Nghị Đại Phu đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự bút thọ (nhuận bút).
- Sa-môn Thích Vân Đàm dịch Hán Văn qua Phiên Âm Việt Ngữ
- Buddhist Text Translation Society dịch Hán Văn qua Anh Văn

— o0o —

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

1. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
2. Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.
3. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi nhưng lại chê bai kẻ khác.
4. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
5. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
6. Dịch giả phải dùng trạch pháp nhãn để phán xét đâu là chân lý.
7. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch.
8. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.

— o0o —

KHAI KINH KỆ

無上甚深微妙法
百千萬刼難遭遇。
我今見聞得受持
願解如來真實義。

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

— o0o —

DUYÊN KHỞI

Tôi nghe như vậy: Lúc ấy Đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Hoàn, trong thành Thất La Phiệt, với chúng đại tỷ khưu, gồm một ngàn hai trăm năm mươi người đến dự. Tất cả các vị đều là bậc đại A La Hán đã chứng quả vô lậu.

Phật tử trú trì, khéo vượt qua các cõi, thường nơi các cõi nước thành tựu các uy nghi, theo Đức Phật chuyển pháp luân, khéo kham nhận lời di chúc của Đức Phật, giữ giới luật tinh nghiêm, làm bậc mô phạm trong ba cõi. Ứng thân vô số lượng để độ thoát chúng sinh trong đời vị Lai, cứu giúp họ vượt khỏi các ràng buộc nơi cõi trần.

Các vị ấy là Đại trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Hi La, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Bà Ni Sa Đà làm thượng thủ. Lại có vô lượng các bậc Bích chi, các bậc vô học và hàng sơ phát tâm cùng đến chỗ Phật. Nhằm lúc các tỷ-khưu làm lễ tự tứ mãn hạ, các vị Bồ Tát trong mười phương đến cầu thỉnh giải quyết tâm nghi. Đồng kính phụng đức từ nghiêm, thỉnh cầu Phật chỉ dạy nghĩa lý thâm mật.

Khi ấy Như Lai trải tòa ngồi an nhiên, vì đại chúng tuyên bày ý nghĩa thâm áo. Chúng hội thanh tịnh, được điều chưa từng có. Như tiếng chim ca-lăng-tần-già vang khắp mười phương cõi nước. Các vị Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng cùng đến đạo tràng. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi làm thượng thủ.

Khi ấy vua Ba-tư-nặc nhân ngày giỗ của vua cha, thiết lễ trai nghi, thỉnh Đức Phật vào cung cúng dường. Vua đích thân nghinh đón Như Lai, dâng cúng nhiều thức ăn ngon quý. Tự mình thỉnh mời các vị Đại Bồ Tát. Trong thành cũng có các vị trưởng giả cư sĩ đồng thời thiết lễ trai tăng, mong được thỉnh Phật đến cúng dường.

Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi phân lãnh các vị Bồ Tát và A La Hán đến nhà trai chủ dự lễ cúng dường.

Chỉ có A-Nan đã nhận lời biệt thỉnh. Đi xa chưa về, nên không kịp dự vào hàng tăng chúng, không cùng các vị thượng tọa và a-xà-lê đi. Hôm ấy không có người cúng dường, A-Nan chỉ một mình trên đường về.

Lúc ấy A-Nan mang bát vào thành khất thực theo thứ tự từng nhà. Ban đầu, trong tâm mong được gặp người đàn việt cuối cùng để làm trai chủ, A-Nan không kể sang hèn, dòng dõi sang trọng, hay chiên-đà-la thấp hèn, đều thực hành tâm từ bi bình đẳng. Mong được thành tựu viên mãn công đức vô lượng cho tất cả chúng sinh.

A-Nan biết Như Lai quở trách Tu-bồ-đề và Đại Ca-diếp, là bậc A La Hán mà tâm không bình đẳng. A-Nan kính vâng lời khai thị không phân biệt của Đức Phật, để giúp chúng sinh thoát khỏi nghi ngờ và hủy báng. A-Nan thong thả đi qua hoàng thành rồi vào cổng, uy nghi nghiêm chỉnh theo đúng pháp hóa trai.

Khi ấy A-Nan theo thứ tự khất thực từng nhà, đi qua nhà dâm nữ. Gặp phải đại huyễn thuật Ma-đăng-già dùng thần chú Ta tì ca la tiên Phạm thiên bắt A-Nan, ép làm chuyện dâm dục. Dựa kề vuốt ve khiến A-Nan sắp hủy phạm giới thể.

Như Lai biết A-Nan bị dâm thuật kia gia hại nên thọ trai xong liền trở về. Vua cùng các quan đại thần trưởng giả cư sĩ đều theo Phật, mong được nghe pháp yếu.

Khi ấy, trên đảnh Thế Tôn phóng ra trăm đạo hào quang vô úy quý báu sáng rỡ. Trong hào quang hiện ra hoa sen báu nghìn cánh, trên đó có hóa thân Phật đang ngồi kiết già, tuyên thuyết thần chú.

Đức Phật dạy ngài Văn Thù Sư Lợi đem thần chú đến cứu A-Nan, khiến tà chú liền bị tiêu diệt, rồi dẫn A-Nan và con gái Ma Đăng Già về chỗ Phật.

A-Nan đảnh lễ Đức Phật, hối hận từ vô thỉ đến nay, chỉ một hướng thích học rộng nhớ nhiều, nên chưa được toàn vẹn đạo lực. Nay A-Nan ân cần cung kính thỉnh Phật truyền dạy pháp tu xa-ma-tha (chỉ), tam-ma (quán) và thiền-na (thiền) là phương tiện vi diệu ban đầu của mười phương các đức Như Lai đã tu tập mà chứng được bồ-đề.

Khi ấy có hằng hà sa Bồ Tát, các vị Đại A La Hán, Bích Chi Phật… trong khắp mười phương, đều mong mỏi được nghe. Tất cả ngồi im lặng chờ nghe lời Phật chỉ dạy.

Khi ấy trong hội chúng, Đức Thế Tôn duỗi cánh tay màu vàng xoa đảnh A-Nan, nói với A-Nan cùng đại chúng: “Có pháp tam-ma-đề, gọi là Đại Phật đảnh Thủ Lăng

Nghiêm vương, đầy đủ vạn hạnh, là pháp môn trang nghiêm vi diệu mà mười phương Như Lai đều từ đó lưu xuất, nay ông nên nghe kỹ.”

A-Nan đảnh lễ, cung kính lắng nghe lời dạy từ bi của Thế Tôn.

7 VẤN ĐÁP VỀ TÂM

Đức Phật bảo A-Nan: “Ông với Như Lai là anh em cùng một dòng họ, khi mới phát tâm tu tập trong giáo pháp của Như Lai, ông thấy điểm thù thắng nào mà từ bỏ ân ái sâu nặng thế gian để xuất gia?”

A-Nan thưa: “Bạch Thế Tôn, do con thấy ba mươi hai tướng tốt thù thắng vi diệu tuyệt vời của Như Lai, hình thể sáng chói trong suốt như ngọc lưu ly.”

Con thường tự suy nghĩ những tướng tốt này không phải do ái dục mà sanh ra.

Sao vậy? Vì dục khí thì thô nặng và dơ bẩn. Từ sự uế tạp và thối tha ấy giao hợp với nhau tạo thành một thứ tinh huyết hỗn tạp. Từ đó không thể sinh ra một thân thể thù thắng thanh tịnh, sáng chói vi diệu như khối vàng tía này. Do đó mà con khát ngưỡng, theo Phật xuất gia.

Đức Phật nói: “Lành thay! A-Nan, các ông nên biết tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay chịu sanh tử tương tục do vì không nhận ra chân tâm thường trụ, thể tánh vốn trong sạch sáng suốt, mà nhận lầm các vọng tưởng. Các vọng tưởng này vốn chẳng chân thật, thế nên bị luân chuyển.”

Nay ông muốn thấu rõ quả vị vô thượng bồ-đề và phát minh chân tánh, ông phải dùng trực tâm đáp ngay lời Như Lai hỏi. Mười phương Như Lai ra khỏi sinh tử, đều nhờ trực tâm. Do tâm và lời nói đều ngay thẳng như thế, đến khoảng thời gian trước, sau, và thời kỳ trung gian tuyệt nhiên không có lời nói cong vạy.

1. CHẤP TÂM Ở TRONG THÂN

A-Nan, nay tôi hỏi ông: “Ngay khi ông vừa mới phát tâm là do ông thích ba mươi hai tướng tốt của Như Lai, Vậy ông lấy gì để thấy và ông ưa thích cái gì?

A-Nan thưa: “Bạch Thế Tôn! Sự yêu thích như thế là do tâm và mắt của con. Do mắt thấy tướng thù thắng của Như Lai nên tâm ưa thích và phát tâm nguyện xả bỏ sinh tử.”

Đức Phật bảo A-Nan: “Như ông nói, thật chỗ yêu thích là do tâm và mắt. Nếu ông không biết tâm và mắt ở đâu thì không thể nào hàng phục được trần lao.”

Ví như quốc vương, khi có giặc đến xâm chiến nước mình, muốn phát binh đi trừ dẹp, thì cần phải biết giặc ở nơi đâu.

Lỗi lầm là ở tâm và mắt khiến ông bị lưu chuyển. Nay tôi hỏi ông, riêng tâm và mắt nay ở chỗ nào?

A-Nan thưa: “Bạch Đức Thế Tôn, tất cả mười loài dị sinh ở trong thế gian đồng cho rằng tâm ở trong thân. Con thấy dù con mắt sen xanh của Như Lai, cũng nằm ở trên mặt.”

Nay con quan sát các căn thô phù của tứ trần này, chỉ ở trên mặt con. Và cũng quán sát như vậy, thức tâm thực là ở trong thân con.

Đức Phật bảo A-Nan: “Nay ông hiện đang ngồi trong giảng đường cùng Như Lai, ông xem thấy vườn cây Kỳ-đà đang ở chỗ nào?”

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, giảng đường thanh tịnh nhiều tầng rộng lớn này là ở trong vườn ông Cấp Cô Độc. Còn rừng Kỳ Đà đúng là ở bên ngoài giảng đường.

Đức Phật bảo: A-Nan, nay đang ngồi trong giảng đường, trước hết ông thấy gì?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, con nay trong giảng đường, trước hết thấy Như Lai, rồi thấy đại chúng. Như thế nhìn ra ngoài, con thấy được rừng cây.

Đức Phật bảo A-Nan: A-Nan, khi ông thấy rừng cây là nhờ vào đâu mà thấy được?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, do các cửa của giảng đường này mở rộng, nên con ở trong giảng đường thấy suốt ra ngoài xa.

Đức Phật bảo A-Nan: “Như ông vừa nói, ở trong giảng đường, do cửa mở rộng, nên có thể nhìn ra thấy được vườn rừng. Liệu có người ở trong giảng đường không thấy Như Lai, mà thấy được vật bên ngoài không?

A-Nan thưa: “Bạch Thế Tôn, ở trong giảng đường, không thấy Như Lai, mà thấy được rừng suối là điều không thể có.”

Đức Phật bảo A-Nan Này A-Nan, ông cũng như vậy. Tâm linh của ông thông suốt rõ ràng tất cả mọi vật. Nếu tâm hiện tiền thông suốt rõ ràng, ấy thật là ở trong thân ông, thì trước hết nó phải biết được những gì trong thân ông. Liệu có nơi nào thấy được trong thân trước rồi sau mới thấy cảnh vật bên ngoài chăng?

Dù chẳng thấy tim, gan, tỳ, vị… nhưng móng tay mọc ra, tóc dài, gân chuyển, mạch đập, lẽ ra phải biết rõ. Tại sao chẳng biết? Nếu đã không biết chuyện bên trong thân, làm sao biết vật ngoài thân?

Thế nên phải biết, ông nói tâm hiểu biết này ở bên trong thân, là không hợp lý.

2. CHẤP TÂM Ở NGOÀI THÂN

A-Nan cúi đầu đảnh lễ bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, con nghe lời khai thị của Như Lai như thế, nên nhận ra tâm con đúng là ở ngoài thân.”

Tại sao? Ví như có ngọn đèn sáng ở trong nhà, trước tiên chắc chắn phải soi chiếu trong nhà, rồi theo cửa mở, mới chiếu ra ngoài sân. Tất cả chúng sinh sở dĩ không thấy trong thân, mà chỉ thấy ngoài thân. Cũng giống như ngọn đèn sáng để ngoài nhà, nên không thể soi chiếu trong phòng được.

Nghĩa này chắc đã rõ ràng, không có gì nghi ngờ và hoàn toàn đúng với nghĩa rốt ráo của Đức Phật. Như thế không biết có đúng chăng?

Đức Phật bảo A-Nan: “Các vị tỷ-khưu vừa rồi cùng Như Lai tuần tự khất thực trong thành Thất-la-phiệt, nay đã trở về rừng Kỳ Đà. Như Lai đã thọ trai xong, nay hỏi các tỷ khưu, khi một người ăn, các người khác có no không?”

A-Nan thưa: “Bạch Thế Tôn, không thể. Tại sao? Các vị tỷ-khưu này tuy đã chứng quả A La Hán, nhưng thân mạng không đồng. Làm sao một người ăn mà tất cả đều no được?

Đức Phật bảo A-Nan: “Nếu cái tâm thấy nghe hiểu biết của ông thực ở ngoài thân, thì thân tâm tách biệt nhau, tự nó không liên quan với nhau. Vậy điều gì tâm biết thì thân ắt không biết, và những gì thân biết thì tâm không thể biết.”

Nay Như Lai đưa cánh tay đâu la miên cho ông xem, khi mắt ông thấy, tâm ông có phân biệt chăng?”

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật bảo A-Nan: Nếu thân tâm cùng biết nhau, thế sao ông nói tâm ở ngoài thân?”

Thế nên phải biết, ông nói tâm thấy nghe hiểu biết ở ngoài thân, thật không có lý.

3. CHẤP TÂM Ở TRONG MẮT

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy, vì chẳng thấy bên trong, nên tâm con chẳng phải ở trong thân. Vì thân tâm đều biết nhau, mà chẳng rời nhau nên tâm con chẳng phải ở ngoài thân. Nay con suy nghĩ, biết nó ở tại một chỗ.

Đức Phật hỏi: “Nay ở nơi nào?”

A-Nan thưa: “Do tâm rõ biết này chẳng biết những gì bên trong, mà lại thấy được những thứ bên ngoài. Như con suy xét, thì nó núp bên trong con mắt.”

Ví như có người lấy chén lưu ly úp lên con mắt, tuy có vật phủ lên mà mắt chẳng bị ngăn ngại. Khi mắt thấy được, liền theo đó có sự phân biệt.

Song cái tâm rõ biết của con chẳng thấy được bên trong, là vì nó ở trong con mắt. Nhưng nó vẫn thấy được vật bên ngoài rõ ràng không bị chướng ngại, là vì tâm núp sau con mắt.

Đức Phật bảo A-Nan: Như ông vừa nói, tâm núp sau con mắt, như con mắt núp sau chén lưu ly. Vậy người kia sau khi úp chén lưu ly lên mắt mà xem thấy núi sông, thật có thấy chén lưu ly không?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn: Đúng thế, khi người ấy úp chén lưu ly lên mắt, thật có thấy chén lưu ly.

Đức Phật bảo: “Nếu tâm ông giống như con mắt núp sau chén lưu ly, thì khi xem thấy núi sông, sao ông không thấy con mắt?”

Nếu thấy được mắt thì mắt đồng như cảnh bị thấy. Như vậy chẳng thành nghĩa tùy thấy. Còn nếu chẳng thấy con mắt thì tại sao ông lại nói tâm hiểu biết này núp trong con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly?

Thế nên phải biết, ông nói cái tâm hiểu biết suốt khắp núp trong con mắt giống như con mắt nấp sau chén lưu ly. Điều đó vô lý.

4 .CHẤP TÂM Ở TRONG NGOÀI THÂN

A-Nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nay con có suy nghĩ như vậy: thân thể con người, tạng phủ ở trong, khiếu huyệt ở ngoài. Nơi tạng phủ thì tối, nơi khiếu huyệt thì sáng.

Nay con đối trước Phật, mở mắt thấy sáng, gọi là thấy bên ngoài, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy bên trong. Nghĩa ấy đúng chăng?

Đức Phật bảo A-Nan: Khi ông nhắm mắt thấy tối, bóng tối có sẵn ở trước mắt ông hay sao? Nếu có sẵn trước mắt ông thì bóng tối ấy là ở trước mắt ông, sao lại nói ở là bên trong?

Nếu thật ở bên trong thì khi ông vào trong nhà tối không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng hay đèn thì bóng tối trong phòng ấy là từ tam tiêu và ngũ tạng của ông hay sao? Còn nếu nó chẳng có trước mắt ông thì làm sao có nghĩa thấy?

Nếu bỏ qua cái thấy bên ngoài, mà cho rằng con mắt hướng vào bên trong nên thấy tối, thì khi nhắm mắt thấy tối, gọi là thấy trong thân. Vậy khi mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy được khuôn mặt?

Nếu chẳng được thấy mặt thì chẳng có cái thấy bên trong. Nếu thấy được mặt thì cái tâm rõ biết này và con mắt phải ở ngoài hư không, làm sao ở phía trong được?

Nếu ở ngoài hư không thì nó chẳng phải là tự thể của ông, thế nay Như Lai thấy được mặt ông. Như Lai cũng là thân của ông hay sao?

Trong trường hợp đó, khi mắt ông biết thì thân ông vẫn không biết. Ắt là ông cho thân và mắt đều biết, thì phải thành hai cái biết. Tức là một thân của ông có thể thành hai vị Phật.

Thế nên phải biết, khi ông nói thấy tối là thấy trong thân, điều ấy vô lý.

5. CHẤP TÂM Ở CHỔ HÒA HỢP

A-Nan thưa: Con thường nghe Đức Phật dạy tứ chúng, do tâm sinh nên các pháp sinh, do pháp sinh nên các thứ tâm sinh.

Nay con suy nghĩ, thì cái thể của suy nghĩ ấy thực là tâm con, tùy chỗ hoà hợp, tâm theo đó mà có, chẳng phải ba chỗ trong, ngoài và ở giữa.

Đức Phật bảo A-Nan: Nay ông nói do pháp sanh nên các thứ tâm sanh, tùy chỗ hòa hợp, tâm tùy theo đó mà có. Tâm ấy nếu có tự thể, chắc là không có chỗ hòa hợp. Nếu không có tự thể mà hòa hợp thì cũng giống như giới thứ mười chín hòa hợp với trần thứ bảy. Nghĩa ấy không đúng.

Nếu tâm có tự thể, khi ông lấy tay gãi trên thân thì tâm ông có nhận ra cái biết từ bên trong thân ra, hay do ngoài thân mà có? Nếu từ trong thân ra thì phải trở lại thấy trong thân. Nếu từ ngoài vào thì trước hết phải thấy được mặt của ông.

A-Nan thưa: Thấy là ở con mắt, còn cái biết nơi tâm thì không phải do mắt, tâm thấy là không hợp lý.

Đức Phật bảo: Giả sử như mắt có thể thấy thế khi ông ở trong nhà, cái cửa có thể thấy được chăng? Cũng thế, khi người chết, mắt họ vẫn còn, lẽ ra vẫn còn thấy được vật. Nếu thấy được vật, sao gọi là chết?

Lại nữa A Nan, nếu tâm hiểu biết của ông có tự thể, thì có một thể hay nhiều thể? Nó ở nơi thân ông là khắp cả thân hay chẳng khắp cả thân?

Nếu tâm chỉ có một thể thì khi ông lấy tay gãi một chỗ trên thân thì lẽ ra các nơi khác trên thân đều có cảm giác. Nếu tất cả thân phần đều có cảm giác, thì chỗ gãi không nhất định. Nếu chỗ gãi nhất định thì nghĩa tâm có một thể là không hợp lý.

Nếu có nhiều thể thì thành ra có nhiều người. Vậy thể nào là của ông?

Nếu ở khắp thân thì như đã nói trước đây, nếu chẳng khắp thân thì khi ông xoa đầu rồi sờ chân, nếu đầu biết thì chân phải không biết. Nhưng trường hợp này không đúng với ông.

Thế nên phải biết, tùy chỗ hòa hợp, tâm theo đó mà hiện hữu là không hợp lý.

6. CHẤP TÂM Ở CHÍNH GIỮA

A-Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con được nghe khi Thế Tôn cùng với ngài Văn Thù Sư Lợi và các vị pháp vương tử bàn về nghĩa thực tướng. Thế Tôn nói: Tâm chẳng phải ở trong, cũng không phải ở ngoài.

Theo con suy nghĩ, nếu tâm ở bên trong mà không thấy được vật bên trong, còn ở ngoài thì tâm và thân chẳng biết nhau. Vì tâm không biết ở trong, nên nghĩa ở trong không hợp lý. Vì thân tâm biết nhau, nên nói tâm ở ngoài cũng chẳng phải. Nay vì thân tâm biết nhau, và lại cũng không thấy được bên trong, nên tâm chắc chắn ở giữa.

Đức Phật bảo: Ông nói tâm ở giữa, chỗ ấy hẳn là không phải bỗng dưng mà có, hoặc không có vị trí nhất định. Nay ông phải xét kỹ, điểm giữa ấy là nơi nào? Là tại cảnh bên ngoài, hay là ở trên thân?

Nếu điểm giữa ấy ở nơi thân, khi ở một bên thân thì chẳng phải là ở giữa. Nếu ở giữa thân thì đồng như ở trong thân. Nếu điểm giữa là nơi cảnh, thì điểm ấy nêu ra được hay không nêu ra được? Nếu không nêu ra được thì đồng như không có, còn nêu ra được thì điểm ấy không có vị trí nhất định.

Tại sao? Ví như có người cắm cây nêu để làm điểm giữa, nếu nhìn từ phương Đông thì cây nêu ở phía Tây, nếu nhìn từ phương Nam thì cây nêu ở phía Bắc. Tiêu điểm đã không rõ ràng thì tâm ông cũng thành rối loạn.

A-Nan thưa: Con nói điểm giữa, chẳng phải là hai thứ ấy. như Thế Tôn dạy, mắt gặp sắc trần, duyên sanh nhãn thức. Mắt thì có phân biệt, còn sắc trần thì vô tri. Thức phát sinh trong khoảng giữa ấy, đó chính là tâm con.

Đức Phật bảo: Tâm ông nếu ở khoảng giữa căn và trần, vậy tâm thể ấy gồm cả hai bên, hay không gồm cả hai bên?

Nếu gồm cả hai bên thì căn trần lẫn lộn. Trần thì không biết, căn thì có biết, hai thứ đối lập nhau. Chỗ nào gọi là điểm giữa? Gồm cả hai bên cũng không được, vì không phải có biết và cũng không phải không có biết, tức là không có thể tánh. Điểm giữa ấy lấy gì làm tướng?

Thế nên phải biết tâm ở chặng giữa là không có lý.

7. CHẤP TÂM Ở CÁI KHÔNG DÍNH MẮC

A-Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, xưa nay con thấy Phật cùng bốn vị đệ tử lớn là ngài Đại Mục Kiền Liên, Tu bồ-đề, Phú-lâu-na, Xá-lợi-phất cùng chuyển pháp luân. Đức Phật thường nói: tâm tánh hiểu biết phân biệt không phải ở trong, không phải ở ngoài, không phải ở chặng giữa, đều không có nơi chỗ. Hết thảy đều không dính mắt, đó gọi là tâm. Vậy cái không dính mắc của con có được gọi là tâm chăng?

Đức Phật bảo A-Nan: Ông nói bản tánh của tâm hiểu biết phân biệt này đều không ở tại đâu cả. Vậy các vật có hình tướng trên thế gian như hư không và các loài thủy, lục, không, hành... tất cả các vật. Cái dính mắc mà ông nói đó là hiện hữu hay không hiện hữu?

Nếu không hiện hữu thì đồng như lông rùa sừng thỏ. Sao gọi là không dính mắc?

Nếu đã có cái không dính mắc thì không thể gọi là không. Không tướng thì không. Chẳng không thì phải có tướng. Có tướng thì phải có chỗ nơi, làm sao lại nói là không dính mắc?

Thế nên phải biết tất cả cái không dính mắc mà gọi là tâm hiểu biết, là không có lý.

VỌNG TÂM – TÂM PHÂN BIỆT

Khi ấy A-Nan ở trong đại chúng, đứng dậy bày vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ xuống đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

Con là em nhỏ nhất của Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thương yêu, nay tuy con đã xuất gia, nhưng vẫn còn ỷ lại lòng yêu thương của Thế Tôn, do đó chỉ được đa văn mà chưa được quả vô lậu. Nên con không thể chiết phục được chú thuật Ta-tỳ-ca-la, bị nó xoay chuyển và sa vào nhà dâm, tất cả chỉ vì không biết chỗ quy hướng chân tâm.

Cúi mong đức Thế Tôn mở rộng lòng từ, thương xót chỉ dạy cho chúng con, pháp tu thiền định (xa-ma-tha), khiến cho hàng nhất-xiển-đề và miệt-lệ-xa thoát khỏi tà kiến.

Sau khi thưa thỉnh, A-Nan gieo năm vóc xuống đất, cùng toàn thể đại chúng kính cẩn đứng trông chờ được nghe lời chỉ dạy của Đức Phật.

Khi ấy từ trên cửa mặt (khoảng giữa hai chân mày) của Đức Thế Tôn phóng ra các thứ hào quang. Các hào quang ấy sáng chói như trăm ngàn mặt trời.

Sáu điệu chấn động khắp các cõi Phật. Mười phương cõi nước như số vi trần đồng thời hiện ra. Do oai thần của Phật, khiến các thế giới vi trần ấy hợp thành một cõi. Trong các cõi nước ấy, các vị Đại Bồ Tát ở nơi quốc độ của mình đều chắp tay lắng nghe lời Phật dạy.

Đức Phật bảo A-Nan: Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, theo các thứ điên đảo, tự nhiên tạo thành các giống nghiệp như chùm hạt ác-xoa.

Những người tu hành không thành được đạo vô thượng bồ-đề, mà chỉ thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành ngoại đạo, chư thiên, ma vương và quyến thuộc của ma…

Đều do không biết hai món căn bản, nên tu tập sai lầm. Họ cũng như người nấu cát mà mong thành cơm. Dù có trải qua nhiều kiếp như vi trần nhưng rốt ráo vẫn không thể đạt được những gì mong muốn.

Những gì là hai món căn bản?

A-nan, một là căn bản sinh tử, từ vô thỉ, chính là tâm phan duyên mà hiện nay ông và toàn thể chúng sinh nhận làm tự tánh.

Thứ hai là nguyên thể thanh tịnh của bồ đề niết bàn từ vô thỉ. Đó chính là cái thức tinh nguyên minh của ông. Hiện nay hay sinh khởi các duyên bị ông quên mất.

Do các chúng sinh bỏ quên tánh bản minh này, tuy trọn ngày mình sử dụng nó mà chẳng tự biết, nên bị trôi lăn oan uổng trong các cõi.

A-Nan, nay ông muốn biết con đường tu tập thiền định, với ước nguyện được thoát khỏi sinh tử, tôi lại hỏi ông. Như Lai đưa cánh tay sắc vàng lên, co năm ngón tay lại rồi

Đức Phật hỏi: A-Nan, Ông có thấy chăng?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật hỏi: Ông thấy cái gì?

A-Nan đáp: Con thấy Như Lai đưa cánh tay lên và co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào tâm và mắt của con.

Đức Phật hỏi: Ông lấy cái gì để thấy?

A-Nan thưa: Cả đại chúng và con đều thấy bằng mắt.

CHẤP SUY NGHĨ PHÂN BIỆT LÀM TÂM

Đức Phật bảo A-Nan; Như ông vừa trả lời, nói rằng Như Lai co năm ngón lại thành nắm tay sáng chói chiếu vào tâm và mắt ông. Mắt ông có thể thấy được, nhưng ông lấy gì làm tâm để cho nắm tay sáng chói chiếu vào?

A-Nan thưa: Đức Phật gạn hỏi tâm ở chỗ nào, nay con dùng tâm suy xét cùng tột để tìm kiếm. Con cho rằng chính cái biết suy nghĩ tìm kiếm ấy là tâm con.

Đức Phật bảo: Sai rồi A-Nan, đó chẳng phải là tâm ông.

A-Nan giật mình, rời chỗ ngồi, đứng dậy chắp tay bạch Phật: Đó chẳng phải là tâm của con, vậy thì nó là gì?`

Đức Phật bảo A-Nan: Đó là sự tưởng tượng những tướng giả dối của tiền trần, nó làm mê mờ chân tánh của ông. Do từ vô thỉ đến nay, ông nhận giặc này làm con, bỏ mất tánh nguyên thường nên phải chịu luân hồi.

A-Nan bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn, con là em của Phật, vì tâm kính yêu Phật nên con xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai mà còn trải qua nhiều quốc độ như cát sông Hằng, thừa sự chư Phật và thiện tri thức. Phát tâm đại dõng mãnh, làm tất cả những pháp sự khó làm là đều vận dụng tâm này. Dù con có hủy báng Phật pháp, rời bỏ thiện căn, cũng do tâm này.

Nay Đức Phật chỉ rõ cái ấy không phải là tâm, thì con thành ra không có tâm, như gỗ như đá, vì ngoài cái hay biết ấy ra, con chẳng còn gì khác nữa. Sao Như Lai lại bảo cái ấy chẳng phải là tâm? Con thật kinh sợ và trong đại chúng ai cũng nghi hoặc. Cúi xin Đức Phật rủ lòng từ bi chỉ dạy cho những người chưa được giác ngộ.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn chỉ dạy cho A-Nan và cả đại chúng, muốn cho tâm họ được vô sanh pháp nhẩn. Từ nơi toà sư tử, Đức Phật xoa đầu A-Nan rồi

Đức Phật bảo rằng: Như Lai thường nói các pháp phát sinh đều do từ tâm biểu hiện. Tất cả nhân quả và thế giới nhiều như vi trần đều nhân nơi tâm mà có thể tánh.

A-Nan, như tất cả sự vật hiện hữu trong thế giới từ ngọn cỏ, lá cây, sợi dây, nút thắt …

Khi gạn xét cội gốc của nó, mỗi thứ đều có thể tánh. Cho đến như hư không cũng có tên gọi và dáng mạo.

Huống gì bản tâm thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu này là bản chất của tất cả mọi tâm niệm mà tự nó lại không có thể tánh hay sao?

Nếu ông chấp chặt tánh phân biệt hiểu biết, cho đó là tâm, thì tâm này khi rời tất cả sắc thanh, hương, vị xúc, thì tâm ấy phải riêng có toàn tánh. Như ông nay nghe pháp của Như Lai, đó là nhân âm thanh mà có sự phân biệt. Dù có diệt hết cái thấy, nghe, hiểu, biết mà giữ được sự thanh thản, lặng lẽ bên trong, đều do bóng dáng của sự phân biệt pháp trần vẫn còn.

Chẳng phải tôi bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm. Nhưng ông phải suy xét chính chắn, nếu có một thể tánh phân biệt khi rời hẳn tiền trần thì đó chính là tâm ông.

Nếu tánh phân biệt này khi rời hẳn tiền trần mà không còn tự thể thì đó chỉ là bóng dáng phân biệt của tiền trần. Trần ấy chẳng phải là thường trụ, khi nó biến diệt thì cái tâm ấy cũng như lông rùa sừng thỏ. Ắt pháp thân ông cũng đồng như đoạn diệt. Ai là người tu chứng vô sanh pháp nhẫn?

Lúc ấy A-Nan cùng toàn thể đại chúng đều im lặng, ngơ ngác.

Đức Phật bảo A-Nan: Tất cả mọi người tu học trong thế gian, mặc dù nay đã được cửu thứ đệ định, nhưng không hết sạch mê lầm, thành bậc A La Hán, đều do vì chấp vào vọng tưởng sinh diệt, lầm cho đó là tính chân thực. Thế nên nay ông tuy được học rộng nghe nhiều mà chưa thành thánh quả.

A-Nan nghe rồi đau xót khóc lóc, gieo năm vóc sát đất, quỳ xuống chắp tay bạch Phật. Từ khi con phát tâm xuất gia theo Phật, chỉ biết ỷ lại vào oai thần của Phật. Con thường nghĩ rằng, khỏi phải nhọc công tu hành làm gì, hy vọng Như Lai sẽ ban cho con chánh định. Con không tự biết thân và tâm của Phật và con chẳng thay thế cho nhau được. Vậy nên con tự đánh mất bản tâm, tuy thân đã xuất gia mà tâm chẳng nhập đa. Con như người cùng tử bỏ cha trốn đi.

Ngày nay mới biết, tuy được nghe Phật pháp nhiều, nếu chẳng tu hành thì cũng như chưa nghe. Như người chỉ nói đến thức ăn, rốt cục chẳng được no bụng.

Bạch Thế Tôn, nay chúng con đều bị trói buộc bởi hai thứ chướng ngại, do chẳng biết tâm tánh vốn thường hằng vắng lặng. Cúi mong Như Lai thương xót kẻ nghèo cùng cơ cực, làm phát khởi tâm nhiệm mầu sáng suốt, mở bày mắt đạo cho chúng con.

TÁNH THẤY CHẲNG PHẢI LÀ MẮT

Khi ấy từ chữ vạn ở trên ngực Như Lai phóng ra hào quang báu, ánh sáng rực rỡ với trăm ngàn màu sắc, chiếu sáng đồng thời suốt khắp mười phương thế giới chư Phật nhiều như số vi trần. Hào quang ấy rót xuống trên đảnh các đức Như Lai ở các cõi Phật trong khắp mười phương. Xoay về soi đến A-Nan và toàn thể đại chúng.

Rồi Đức Phật bảo A-Nan: Nay Như Lai vì ông dựng lập pháp tràng lớn khiến cho tất cả chúng sinh khắp mười phương đạt được tâm tánh trong sạch, sâu kín nhiệm mầu và đạo nhãn thanh tịnh.

A-Nan, trước đây ông đã trả lời rằng thấy nắm tay chói sáng. Vậy nắm tay này nhân đau mà có? Làm sao nắm tay trở nên sáng chói? Ông lấy cái gì để thấy?

A-Nan thưa: Thân của Phật như vàng diêm-phù-đàn sáng ngời như núi báu, do đức tính thanh tịnh sinh ra, vậy nên có hào quang chói sáng. Con thật đã dùng mắt xem thấy năm ngón tay Phật co lại thành nắm tay, đưa lên cho mọi người xem.

Đức Phật bảo A-Nan: Hôm nay Như Lai chân thật nói với ông, những người có trí cần phải dùng ví dụ mới được khai ngộ.

A-Nan, ví như nắm tay của Như Lai, nếu không có bàn tay thì chẳng thành nắm tay. Nếu không có mắt thì ông không thể thấy. Áp dụng ví dụ nắm tay của Như Lai và cái thấy từ mắt ông có giống nhau chăng?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, đúng như vậy. Nếu không có mắt thì không thành cái thấy. Nếu đem ví dụ nắm tay của Phật so với cái thấy từ mắt của con, nghĩa ấy như nhau.

Đức Phật bảo A-Nan: Ông nói giống nhau, nghĩa ấy không đúng. Sao vậy? Nếu một người không có tay thì hẳn nhiên là không có nắm tay, nhưng những người mù, chẳng phải họ hoàn toàn không có cái thấy.

Bởi tại sao? Ông thử ra đường hỏi những người mù mắt: Ông thấy gì không?

Các người mù chắc chắn sẽ đáp: Nay tôi chỉ thấy một màu tối đen trước mắt, ngoài ra không thấy gì khác. Theo nghĩa ấy mà quán xét thì đã rõ, người mù thấy màu tối đen phía trước, chứ cái thấy của họ đâu có thiếu mất.

A-Nan thưa: Cái duy nhất mà người mù có thể thấy được trước mắt là màu tối đen. Sao có thể gọi là thấy được?

Đức Phật bảo A-Nan: Có gì khác nhau giữa màu tối đen mà người mù thấy được và màu tối đen mà người sáng mắt nhìn thấy khi họ ở trong phòng tối?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Hai màu tối đen, một do người ở trong phòng tối thấy và một do người mù thấy không có gì khác nhau.

Đức Phật bảo: A-Nan, nếu người mù chỉ thấy được màu tối đen khi bỗng dưng được sáng mắt lại, thấy được đủ loại sắc tướng, ông gọi đó là do mắt thấy. Và khi người ở trong phòng tối kia, chỉ thấy phía trước hoàn toàn tối đen, bỗng dưng thấy được mọi vật nhờ có đèn sáng, lẽ ra nên gọi đèn thấy là đúng hơn.

Nếu cái thấy do đèn thì đèn đã có được cái thấy, nên chẳng gọi là đèn; và nếu là đèn thấy thì quan hệ gì đến ông?

Thế nên phải biết, đèn làm hiển lộ các vật thể. Còn cái thấy đó là do ở mắt, chứ không phải đèn. Khi mắt nhận rõ các vật thể thì tánh thấy đó chính là tâm, chẳng phải là mắt.

Mặc dù A-Nan và đại chúng được nghe đức Phật chỉ dạy như vậy, nhưng tâm chưa được khai ngộ nên vẫn im lặng, mong Như Lai dùng lời từ bi chỉ dạy thêm. Nên đứng chắp tay, lắng lòng trông chờ Đức Phật thương xót chỉ bày.

Khi ấy, Đức Thế Tôn duỗi cánh tay đâu-la miên sáng chói, xoè năm ngón tay, bảo A-Nan cùng toàn thể đại chúng:

Khi mới thành đạo, Như Lai đến vườn Lộc uyển, có dạy cho năm anh em tỷ khưu A-nhã Kiều-trần-như cùng ông và tứ chúng rằng: Tất cả chúng sinh bị mê hoặc bởi khách trần phiền não nên chẳng được giác ngộ, chẳng chứng quả A La Hán. Lúc đó các ông nhân đâu mà được khai ngộ, thành tựu quả vị thánh?

Rồi A-nhã Kiều-trần-na đứng dậy bạch Phật: Nay hàng trưởng lão trong đại chúng, chỉ riêng con được danh hiệu là Giải. Nhờ ngộ được nghĩa hai chữ khách trần mà thành tựu quả vị.

Bạch Thế Tôn, như người du khách dừng chân nghỉ lại một quán trọ bên đường để ngủ qua đêm hoặc chỉ ăn một bữa. Khi việc lưu trú hoặc ăn uống đã xong, họ liền chuẩn bị hành lý lên đường, không ở lại nữa. Nếu họ thật là người chủ thì chẳng phải đi đâu.

Như thế mà suy sét, người chẳng dừng nghỉ lâu gọi là khách, người dừng trụ lâu gọi là chủ. Do không dừng trụ, nên có nghĩa là khách.

Lại như khi mưa vừa mới tạnh, mặt trời lấp lánh trên cao, tia sáng chiếu vào nhà thông qua khe cửa, làm hiện rõ các hạt bụi trong hư không. Bụi trần lay động, còn hư không thì yên lặng.

Thế nên con suy nghĩ, trong lặng gọi là hư không lay động là trần. Do lay động mà có nghĩa là trần.

Đức Phật bảo: Đúng như thế!

Khi ấy ở trong đại chúng, Như Lai co năm ngón tay lại, co rồi lại mở, mở rồi lại co.

Đức Phật hỏi A-Nan rằng: – Nay ông thấy gì?

A-Nan thưa: Con thấy bàn tay bách bảo luân của Như Lai, xoè ra nắm lại giữa hội chúng.

Đức Phật bảo A-Nan: Ông thấy tay Như Lai xoè ra nắm lại trong đại chúng, đó là tay Như Lai xoè ra nắm lại, hay cái thấy của ông có xoè ra nắm lại?

A-Nan thưa: Bàn tay báu của Thế Tôn có xoè nắm trong đại chúng, con thấy bàn tay của Như Lai tự xoè ra nắm lại, chớ chẳng phải tánh thấy của con có xoè nắm.

Đức Phật hỏi: Cái nào động, cái nào tịnh?

A-Nan thưa: Bàn tay Phật không dừng nghỉ. Còn tánh thấy của con còn chẳng có ý niệm về sự yên tĩnh, làm sao còn có động?

Đức Phật đáp: Đúng như vậy!

Bấy giờ từ trong lòng bàn tay, Như Lai phóng ra một đạo hào quang báu chiếu đến vai bên phải của A-Nan.

A-Nan liền quay đầu qua bên phải để nhìn.

Đức Phật lại phóng hào quang khác qua phía vai bên trái.

A-Nan liền quay đầu về bên trái để nhìn.

Đức Phật bảo A-Nan: Nay đầu ông tại sao lay động?

A-Nan thưa: Con thấy Như Lai phóng đạo hào quang báu chiếu vào vai bên phải rồi vai bên trái của con, nên đầu con tự lay động.

Đức Phật bảo: A-Nan, khi ông nhìn hào quang của Như Lai, đầu ông xoay qua hai bên vai, thì đầu ông động hay cái thấy của ông động?

A-Nan thưa: Bạch Thế Tôn, chính đầu con động, bởi tánh thấy của con còn không có ý niệm dừng chỉ, làm sao có động?

Đức Phật nói: Đúng như vậy!

Khi ấy Đức Phật lại bảo khắp đại chúng: Giả sử có người khác gọi cái động là trần, cái không dừng trụ gọi là khách."

Các ông lưu ý rằng chính đầu của A Nan dao động chứ cái thấy không dao động. Các ông cũng để ý rằng tay Như Lai có co mở, chứ cái thấy không co mở.

Tại sao nay các ông vẫn còn nhận cái động làm thân và nhận các cảnh làm hiện thể? Nên từ đầu đến cuối, các ông ở trong niệm niệm sinh diệt. Các ông bỏ mất chân tánh, làm những việc điên đảo. Đã đánh mất tâm tánh chân thật rồi, còn nhận vật làm chính mình, nên chính mình bị trôi lăn theo vòng lưu chuyển.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

* * *

QUYỂN 2

TÁNH THẤY KHÔNG SANH DIỆT

Khi ấy A-Nan và cả đại chúng nghe Phật chỉ dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay quên mất bản tâm, nhận lầm bóng dáng duyên trần phân biệt. Hôm nay được khai ngộ, như trẻ thơ khát sữa bỗng gặp được mẹ hiền, liền chắp tay lễ Phật.

Mong được nghe Như Lai chỉ bày cái chân vọng hư thực và phát minh tánh sinh diệt cùng không sinh diệt nơi thân tâm.

Khi ấy vua Ba-tư-nặc đứng dậy bạch Phật: "Xưa khi chưa được Đức Phật chỉ dạy, con gặp nhóm Ca-chiên-diên Tỳ-la-chi-tử, cả hai đều nói rằng thân nầy sau khi chết sẽ mất hẳn, gọi là niết-bàn. Con nay tuy được gặp Phật nhưng còn hồ nghi. Làm sao để phát huy thực chứng tánh không sinh không diệt nơi tâm nầy. Nay hàng hữu lậu trong đại chúng đều mong được nghe điều ấy. "

Đức Phật bảo: "Đại vương! Ngay nơi thân ông đang tồn tại, nay Như Lai hỏi ông: Thân thịt nầy của ông có giống như thân kim cương bất hoại hay sẽ bị biến hoại?"

Vua Ba-tư-nặc thưa: Bạch Thế Tôn! Thân con hiện nay, rốt cục rồi sẽ bị biến hoại.

Đức Phật bảo: " Đại vương! Ông chưa từng diệt, làm sao biết mình sẽ biến diệt?"

Vua Ba-tư-nặc thưa: Bạch Thế Tôn! Cái thân biến hoại vô thường của con hiện nay tuy chưa từng diệt, nhưng con thấy trước mắt, từng niệm dời đổi mãi không dừng, như lửa tàn thành tro, dần dần tiêu tan. Vì tàn hoại không dừng, nên con biết chắc thân nầy sẽ diệt mất.

Đức Phật nói: “Đại vương, đúng như vậy!”

Đại vương, nay ông tuổi đã già yếu, dung mạo so với lúc trẻ như thế nào?

Vua Ba-tư-nặc thưa: Bạch Thế Tôn! Xưa khi con còn bé, da dẻ tươi nhuận, đến tuổi trưởng thành, khí huyết sung mãn, nay tuổi đã già, hình sắc cũng theo đó già yếu khô gầy, tinh thần không còn sáng suốt, tóc bạc mặt nhăn, sống chẳng còn bao lâu. Làm sao có thể so sánh với khi còn trẻ mạnh.

Đức Phật bảo: Đại vương! Thân thể của ông đâu phải già liền?

Vua Ba-tư-nặc thưa: “Bạch Thế Tôn, nó âm thầm thay đổi, con thật chẳng biết, lạnh nóng đổi dời, cho đến ngày nay.”

Vì sao? Lúc hai mươi tuổi, tuy tuổi còn nhỏ, nhưng sắc mặt đã già hơn lúc mười tuổi. Đến khi ba mươi tuổi lại già hơn khi hai mươi tuổi. Nay đã sáu mươi hai tuổi, so với lúc năm mươi tuổi, rõ ràng lúc năm mươi tuổi cường tráng hơn.

Bạch Thế Tôn! Con thấy nó âm thầm dời đổi, tuy cái già nua nầy thay đổi trong vòng mười năm. Nếu con suy nghĩ kỹ hơn, chẳng những nó thay đổi trong khoảng một kỷ, hai kỷ, mà thực ra nó thay đổi trong mỗi năm; chẳng những nó thay đổi trong từng năm, mà thực ra nó thay đổi trong từng tháng; chẳng những nó thay đổi trong từng tháng, mà thực ra nó thay đổi trong từng ngày.

Chiêm nghiệm thật sâu, quán sát thật kỹ, thấy nó thay đổi trong từng sát-na, trong từng mỗi niệm, không hề dừng nghỉ. Thế nên con biết thân nầy cuối cùng phải chịu sự biến đổi và hoại diệt.

Đức Phật bảo: “Đại vương, ông thấy sự biến hóa thay đổi không dừng, nên biết thân mình hoại diệt. Vậy ngay chính khi hoại diệt ấy, ông có biết trong thân cái gì không hoại diệt chăng?”

Vua Ba-tư-nặc chắp tay bạch Phật: “Thật con chẳng biết.”

Đức Phật bảo: “Nay tôi sẽ chỉ cho ông tánh chẳng sinh diệt.”

“Đại vương! Ông thấy nước sông Hằng lúc ông mấy tuổi?”

Vua Ba-tư-nặc thưa: “Khi lên ba tuổi, mẹ con dẫn đến lễ bái Kỳ-bà thiên, có đi qua sông nầy. Con được thấy nước sông Hằng khi ấy.”

Đức Phật bảo: “Đại vương, như ông vừa nói khi hai mươi tuổi thấy mình đã già hơn khi mười tuổi, cho đến khi sáu mươi tuổi, ngày qua tháng lại, niệm niệm đổi dời. Vậy khi ông thấy sông Hằng lúc ba tuổi, so với cái thấy nước sông Hằng lúc mười ba tuổi như thế nào?’

Vua Ba-tư-nặc thưa: “Cái thấy ấy không khác so với khi con ba tuổi, cho đến nay con đã 62 tuổi, cái thấy ấy vẫn không khác.”

Đức Phật bảo: “Nay ông tự cảm thương tóc bạc mặt nhăn, mặt ông nhất định là nhăn hơn lúc trẻ. Vậy cái thấy sông Hằng của ông hiện nay và cái thấy sông Hằng của ông hồi nhỏ có già có trẻ chăng?

Vua Ba-tư-nặc thưa: “Bạch Thế Tôn, không vậy.”

Đức Phật bảo: “Đại vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng tánh thấy nầy chưa từng bị nhăn. Cái bị nhăn thì biến đổi, còn cái không bị nhăn thì chẳng biến đổi.

“Cái biến đổi thì phải bị hoại diệt, cái không biến đổi kia vốn chẳng sinh diệt, làm sao trong ấy nó nhận chịu sự sinh tử của ông?, mà ông còn dẫn lời của ngoại đạo Mạt-già-lê rằng: thân nầy sau khi chết là hoàn toàn mất hẳn.”

Vua nghe lời ấy, tin rằng thân nầy sau khi chết sẽ sinh thân khác, nên vua cùng đại chúng vui mừng đứng phắt dậy, như được điều chưa từng có.

TÁNH THẤY KHÔNG BỊ MẤT

A-Nan từ chỗ ngồi liền đứng dậy, chắp tay quỳ xuống bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, nếu cái thấy nghe nầy thật là không sinh diệt, tại sao Thế Tôn gọi chúng con bỏ quên chân tánh, làm việc điên đảo? Nguyện xin Thế Tôn đem lòng từ bi rửa sạch trần cấu cho chúng con.”

Liền khi ấy Đức Phật buông cánh tay sắc vàng, năm ngón tay chỉ xuống, bảo A-Nan rằng: “Nay ông thấy cánh tay mẫu-đà-la của Như Lai là thuận hay là nghịch?”

A-Nan thưa: “Chúng sinh trong thế gian cho đó là nghịch, riêng con chẳng biết thế nào là thuận, thế nào là nghịch”

Đức Phật bảo A-Nan: “Nếu người thế gian cho đây là nghịch, vậy họ cho thế nào là thuận?”

A-Nan thưa: “Khi Như Lai đưa cánh tay đâu-la miên lên, các ngón tay chỉ lên hư không, đó gọi là thuận.”

Đức Phật liền đưa cánh tay lên rồi bảo A-Nan: “Điên đảo là như thế, lấy đầu làm đuôi. Chúng sinh trong thế gian đều nhìn thấy như vậy.”

Nên biết thân ông cùng với pháp thân thanh tịnh của các Đức Như Lai, theo đó mà phát minh, thì thân Như Lai gọi là chánh biến tri, còn thân của ông gọi là tánh điên đảo.

“Ông nên quán sát kỹ thân ông và thân Phật, tên gọi điên đảo ấy, chỗ nào là điên đảo?

Khi ấy A-Nan và toàn thể đại chúng chăm chăm nhìn Phật không chớp mắt, không biết nơi thân tâm mình chỗ nào là điên đảo.”

Đức Phật khởi lòng từ bi, thương xót A-Nan và cả đại chúng, nên phát ra lời nói với âm thanh như tiếng hải triều, dạy bảo hội chúng.

Này các thiện nam tử! Như Lai thường nói: “Sắc, tâm, các duyên, các tâm sở sử cùng các pháp sở duyên, đều do tâm biến hiện.”

Thân tâm ông đều là vật hiện ra từ trong diệu minh chân tinh diệu tâm. Tại sao các ông lại bỏ mất tâm tánh vốn nhiệm mầu sáng suốt ấy, mà nhận cái mê trong ngộ?

Mê muội thành ra có hư không, trong hư không mê muội ấy, kết cái tối tăm thành sắc. Sắc xen tạp với vọng tưởng, nhận tướng vọng tưởng làm thân. Nhóm các duyên dao động bên trong, rong ruổi theo cảnh vật bên ngoài, nhận tướng mờ mịt lăng xăng đó làm tâm tánh.

Một khi đã lầm là tâm thì chắc chắn nhận lầm tâm ở trong thân. Chẳng biết rằng từ sắc thân cho đến núi sông, hư không và thế giới đều là vật ở trong diệu minh chân tâm.

Ví như bỏ đi trăm ngàn biển lớn trong lặng, chỉ nhận một hòn bọt nổi mà cho là toàn thể biển lớn. Các ông là những người trong đám người mê, như cánh tay Như Lai rủ xuống không khác. Như Lai nói các ông thật là đáng thương xót.

A-Nan nghe lời chỉ dạy từ bi cứu độ sâu mầu của Đức Phật, khóc lóc rồi chắp tay bạch rằng: “Tuy con nghe được pháp âm vi diệu của Phật, ngộ được tâm vốn thanh tịnh sáng suốt viên mãn thường trú,”

Song con ngộ được pháp âm của Phật vừa dạy, con cũng dùng tâm phan duyên để nhận biết điều ước mong. Con dù có được tâm nầy, cũng chưa dám nhận là tâm tánh xưa nay hằng có.

“Cúi mong Đức Phật thương xót, tuyên dạy viên âm, nhổ sạch gốc nghi ngờ trong con, để quay về đạo vô thượng.”

Đức Phật bảo A-Nan: “Các ông vẫn còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, thì pháp ấy chỉ là sở duyên, hư vọng, chẳng phải là pháp tánh.”

Như người dùng ngón tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người kia phải nhờ ngón tay mới thấy được mặt trăng.

Nếu lại nhìn ngón tay nhận là mặt trăng, thì người ấy không những quên mất mặt trăng mà còn mất luôn cả ngón tay.

Vì sao? Vì cho ngón tay là mặt trăng sáng. Không những quên mất ngón tay, mà còn không biết đến tối và sáng.

Sao vậy? Vì cho ngón tay là tánh sáng của mặt trăng. Thế là không rõ được tánh sáng và tối. Các ông cũng như vậy.

Nếu lấy cái phân biệt pháp âm của Như Lai làm tâm của ông, thì tâm ấy lẽ ra khi tự tách rời cái phân biệt âm thanh nói pháp, nó phải có tánh phân biệt. Như người khách ngủ trọ trong lữ quán, tạm nghỉ rồi đi, không dừng lại mãi; mà người chủ quán thì chẳng đi đâu, nên gọi là chủ.

Đây cũng như vậy, nếu thật là tâm của ông thì chẳng đi đâu, làm sao rời tiếng lại không có tánh phân biệt?

Thế thì, chẳng những tâm phân biệt các âm thanh, mà ngay phân biệt hình dung của Như Lai, khi rời các sắc tướng, cũng không có tánh phân biệt.

Như thế cho đến cái phân biệt đều không, chẳng phải sắc, chẳng phải không, mà nhóm Câu-xá-ly…lầm cho là minh đế. Rời các pháp trần, không còn tánh phân biệt.

Thì tâm tánh của ông đều có chỗ trả về, vậy lấy gì làm chủ?

CÁI KHÔNG THỂ TRẢ VỀ

A-Nan thưa: "Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì tại sao Như Lai dạy tâm diệu minh sẵn có ấy không trả về đâu? Cúi mong Như Lai thương xót chỉ bày điều ấy."

Đức Phật bảo A-Nan: "Vả lại, khi ông thấy Như Lai bằng cái thấy nhiệm mầu sáng suốt của ông, cái thấy ấy tuy chưa phải là diệu tinh minh tâm, mà nó như mặt trăng thứ 2, không phải là bóng của mặt trăng."

Ông nay hãy lắng nghe, Như Lai sẽ chỉ cho ông cái không thể trả về.

A-Nan, cửa đại giảng đường nầy mở thông về hướng Đông, khi mặt trời lên thì có ánh sáng, giữa đêm không trăng mây mù mờ mịt thì tối tăm. Chỗ có các cửa thì thấy thông suốt. Chỗ có tường ngăn thì thấy bít lấp. Chỗ phân biệt được thì thấy cảnh sở duyên, trong chỗ trống rỗng, toàn là hư không. Cảnh tượng mù mịt khi bụi dấy lên. Mưa tạnh trời quang lại thấy trong lặng.

A-Nan, ông hãy xem các tướng biến hóa nầy, nay Như Lai đều trả về nơi xuất phát của nó.

Thế nào là nơi xuất phát? A-Nan, các tướng biến hóa nầy, sáng trả về cho mặt trời.

Vì sao? Vì nếu không có mặt trời thì không có sáng. Nguyên nhân cái sáng là do mặt trời, nên trả về cho mặt trời. Cái tối trả về cho đêm không trăng; thông suốt trả về cho cửa; ngăn bít trả về cho tường vách; cảnh sở duyên trả về cho phân biệt; trống rỗng trả về cho hư không; mù mịt trả về cho bụi; trong lặng trả về cho trời tạnh. Tất cả mọi vật có trong thế gian đều không ngoài các thứ nầy.

Còn tánh thấy sáng suốt của ông thấy 8 tướng kia, ông muốn trả về đâu?

Vì sao? Vì nếu trả về cho sáng, thì khi chẳng có ánh sáng cũng không thấy tối. Tuy sáng tối mỗi mỗi đều sai khác, nhưng cái thấy không hề sai khác.

Các thứ có thể trả về được, đương nhiên chẳng phải là ông. Cái không trả về được, chẳng phải ông thì là ai?

Vậy nên biết tâm ông vốn nhiệm mầu thanh tịnh sáng suốt mà ông tự mê muội, bỏ mất tánh bản nhiên, đành chịu luân hồi, thường bị chìm đắm trong biển sinh tử. Nên Như Lai cho là đáng thương xót.

A-Nan thưa: "Con tuy biết tánh thấy nầy không trả về đâu. Nhưng làm sao biết nó là chân tánh của con?"

Đức Phật bảo A-Nan: "Nay Như Lai hỏi ông, hiện nay ông chưa chứng quả vô lậu thanh tịnh, nhưng do nương oai thần chư Phật mà thấy được cõi Sơ thiền không ngăn ngại. Còn ông A-na-luật-đà thì thấy cõi Diêm-phù-đề như xem trái am-ma-la trong lòng bàn tay."

Các vị Bồ Tát…thấy được cả trăm ngàn thế giới. Mười phương Như Lai đều thấy cùng tận các cõi nước thanh tịnh như số vi trần không sót chỗ nào, còn chúng sinh thấy rõ không quá gang tấc.

A-Nan, tôi lại cùng ông xem cung điện của Tứ thiên vương, và xem khắp các loài trong nước, trên đất, trong hư không, tuy có nhiều hình tượng tối sáng khác nhau, nhưng chúng đều là tiền trần phân biệt ngăn ngại.

TÁNH THẤY VÀ VẬT THẤY

Ông nên ngay nơi đó phân biệt cái gì là mình, cái gì là vật. Nay Như Lai để cho ông lựa ra trong cái thấy, cái gì là tâm thể, cái gì là vật tượng.

A-Nan, cùng tột cội nguồn cái thấy của ông, từ cung nhật nguyệt, đều chính là vật chứ chẳng phải ông; cho đến cả bảy ngọn núi bằng vàng, xem xét cùng khắp, tuy phát ra vô số ánh sáng, cũng là vật chứ chẳng phải ông. Lần lần quan sát mây nổi chim bay, gió động bụi mù, rừng cây, núi sông, rau cỏ, người thú, đều là vật chứ chẳng phải ông.

A-Nan, tánh chất của các vật xa gần tuy có sai khác, cũng đều là do tánh thấy thanh tịnh của ông nhìn thấy được. Vậy nên vật thể tự có sai biệt mà tánh thấy chẳng khác, cái tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt nầy chính thật là tánh thấy của ông.

Nếu tánh thấy là vật thì ông cũng có thể thấy được tánh thấy của Như Lai.

Nếu khi cùng thấy sự vật, gọi là thấy cái thấy của Như Lai, vậy khi Như Lai không thấy, sao ông không thấy được chỗ không thấy của Như Lai?

Nếu ông thấy được cái không thấy, thì tự nhiên nó không phải là tướng của cái không thấy kia. Nếu ông không thấy được chỗ không thấy của Như Lai, thì cái thấy rõ ràng không phải là vật, sao chẳng phải ông?

Lại như cái thấy là vật, thì khi ông nhìn thấy vật, ông đã thấy vật thì vật cũng thấy được ông. Thế là thể tánh xen tạp, nên ông với Như Lai cùng cả thế gian đều không an lập được.

A-Nan, như khi ông thấy, thì chính ông chứ chẳng phải Như Lai, tánh thấy trùm khắp đó chẳng phải ông thì ai?

Sao ông tự nghi chân tánh của mình là chẳng chân mà bám vào Như Lai cầu cái chân thật?

A-Nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn, nếu tánh thấy nầy nhất định là con chứ chẳng phải là gì khác, thế khi con và Như Lai xem lầu các bảo điện thù thắng của Tứ thiên vương trong cung nhật nguyệt, cái thấy nầy bao trùm cả cõi Ta-bà. Quay về tinh xá chỉ thấy vườn chùa, nơi giảng đường thanh tịnh thì chỉ thấy hành lang."

Bạch Thế Tôn, cái thấy nầy như vậy, bản thể của nó trùm khắp cả pháp giới. Nay tại trong phòng thì chỉ khắp một phòng. Vậy cái thấy nầy rút lớn thành nhỏ, hay bị tường vách xen vào giữa làm cho đứt đoạn? Nay con chẳng biết nghĩa ấy như thế nào? Kính mong Như Lai từ bi dạy rõ.

Đức Phật bảo A-Nan: "Tất cả các thứ trong ngoài, lớn nhỏ trên thế gian đều thuộc về tiền trần. Chẳng nên cho rằng cái thấy có co giãn."

Thí như trong vật hình vuông, ta thấy hư không trong ấy có hình vuông. Nay Như Lai lại hỏi ông, hư không hình vuông được nhìn thấy trong vật vuông ấy là vuông cố định hay vuông không cố định?

Nếu cố định vuông, thì khi ở trong vật tròn, hư không lẽ ra chẳng tròn. Nếu không cố định vuông, thì khi ở trong vật vuông, lẽ ra hư không chẳng phải vuông.

Ông nói chẳng biết nghĩa nầy thế nào. Nghĩa tánh là như vậy. Sao còn hỏi như thế nào nữa?

A-Nan, nếu muốn nhận ra tánh chẳng vuông tròn, thì chỉ cần trừ bỏ cái vuông của đồ vật, thể hư không vốn chẳng vuông; không nên nói phải bỏ đi tướng vuông của hư không.

"Nếu như ông hỏi, khi vào trong nhà, tánh thấy đã rút nhỏ lại, vậy khi ông ngước xem mặt trời, phải chăng tánh thấy đã giãn ra để tiếp xúc với mặt trời? Nếu bị tường vách ngăn ép khiến cho tánh thấy phải đứt đoạn, thì khi xoi một lỗ nhỏ sao không thấy dấu nối? Nghĩa ông nói chẳng đúng."

Tất cả chúng sinh từ vô thuỷ đến nay, mê mình là vật, lạc mất bản tâm, bị vật xoay chuyển, nên trong ấy xem có lớn nhỏ.

Nếu chuyển được vật, tức đồng Như Lai, Thân tâm tròn đầy sáng suốt, là đạo tràng bất động. Trên đầu mảy lông có thể chứa trọn cả cõi nước trong mười phương.

TÁNH THẤY VÀ CẢNH BỊ THẤY

A-Nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tánh thấy nầy nhất định là chân tánh nhiệm mầu của con, thì diệu tánh đó phải ở ngay trước mắt. Tánh thấy đó chắc thật là con, vậy thân tâm con hiện nay là vật gì? Nhưng nay thân tâm con thật có sự phân biệt, còn tánh thấy kia không phân biệt được thân con."

Nếu thật là tâm con, khiến cho con nay thấy được, thì tánh thấy ấy thật là con, còn thân chẳng phải là con.

Khác nào trước kia Như Lai gạn hỏi: "Vật có thể thấy được con chăng?" Cúi mong Đấng đại từ bi chỉ bày cho kẻ chưa ngộ.

Đức Phật bảo A-Nan: "Nay ông nói cái thấy ở trước mặt ông, nghĩa ấy không đúng."

Nếu tánh thấy thực sự ở trước mặt ông, và ông thật thấy được, thì tánh thấy nầy đã có chỗ nơi, chẳng phải không chỉ ra được.

Vậy nay Như Lai cùng ông đang ngồi trong vườn Kỳ-đà, xem khắp rừng suối, nhà cửa; xa đến mặt trời mặt trăng, phía trước là sông Hằng. Nay ông đang ở trước toà sư tử của Như Lai, hãy dùng tay chỉ rõ ra các tướng loại ấy: chỗ mát là rừng cây, chỗ sáng là mặt trời, chỗ ngăn ngại là vách, chỗ thông suốt là hư không. Như thế cho đến cỏ cây, mảy lông lớn nhỏ tuy có sai khác, nhưng đã có hình tướng thì đều chỉ ra được.

Nếu nhất định có cái thấy hiện ở trước mắt ông, thì ông phải dùng tay chỉ chính xác cái nào là cái thấy. A-Nan nên biết, nếu hư không là cái thấy, đã thành cái thấy rồi, thì cái gì là hư không? Nếu vật là cái thấy, đã thành cái thấy rồi, thì cái gì là vật?

Ông nên phân tích kỹ càng trong vạn vật, chọn ra tánh thấy vốn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, chỉ rõ ra ngã thể cùng các vật kia một cách phân minh không nhầm lẫn.

A-Nan bạch Phật: "Nay con ở trong giảng đường Trùng Các, nhìn ra xa thấy sông Hằng, trên thấy mặt trời mặt trăng. Cái mà tay chỉ ra được và mắt thấy được, thảy đều là vật, chẳng phải là tánh thấy."

"Bạch Thế Tôn, đúng như lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh Văn chúng con, cho đến hàng Bồ Tát cũng không thể nào trước các hiện tượng mà chỉ ra được cái thấy khi lìa tất cả vật riêng có tự tánh."

Đức Phật bảo: "Đúng thế! Đúng thế!"

Đức Phật lại bảo A-Nan: "Như ông đã nói không có cái thấy khi lìa tất cả vật riêng có tự tánh, thì trong tất cả vật ông chỉ ra được chỉ là vật chứ không phải là cái thấy."

Nay Như Lai lại hỏi ông, ông cùng Như Lai ngồi trong rừng Kỳ-đà lại xem vườn rừng, cho đến mặt trời mặt trăng, các loại vật tượng sai khác, nhất định không có tánh thấy mà ông có thể chỉ ra được. Ông hãy phát minh trong các vật nầy, cái gì chẳng phải là tánh thấy?

A-Nan thưa: "Con thật xem khắp trong rừng Kỳ-đà nầy, không biết trong ấy cái gì chẳng phải là cái thấy."

Vì sao? Nếu cây chẳng phải là cái thấy thì làm sao thấy được cây? Nếu cây là cái thấy thì sao lại gọi là cây? Như thế cho đến nếu hư không chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy được hư không? Nếu hư không là cái thấy thì làm sao lại gọi là hư không?

Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong muôn vật, không có cái nào chẳng phải là tánh thấy.

Đức Phật bảo: “Đúng vậy! Đúng vậy!”

Khi ấy những vị chưa chứng quả vô học trong đại chúng, nghe Đức Phật nói lời nầy đều mờ mịt chẳng hiểu nghĩa ấy đầu đuôi như thế nào. Họ đều lo lắng, sợ đánh mất những điều hiểu biết xưa nay.

Như Lai biết đại chúng lo sợ, nên trong lòng thương xót, an ủi A-Nan và đại chúng:

“Các thiện nam tử! Những lời Đấng Vô thượng pháp vương nói đều là lời chân thật, nói những lời như thật, không cuống dối, không hư vọng. Chẳng phải như ngoại đạo Mạt-già-lê dùng 4 thứ luận nghị “bất tử kiểu loạn”. Ông nên chín chắn suy nghĩ, chớ phụ lòng lân mẫn của Như Lai.

VĂN THÙ SƯ LỢI THƯA HỎI

Khi ấy Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử thương xót bốn chúng, từ chỗ ngồi ở trong đại chúng đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, đại chúng đây chưa nhận ra chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa ‘phải’ và ‘chẳng phải’ của ‘tánh thấy’ và ‘sắc không’.”

Bạch Đức Thế Tôn, như các hiện tượng sắc không ở trước mắt, nếu là tánh thấy thì đáng lẽ ra phải chỉ được; nếu chẳng phải là tánh thấy thì không thể được nhìn thấy. Nay chẳng biết nghĩa nầy do đâu, nên sinh tâm lo sợ.

Chứ chẳng phải trước đây căn lành mỏng ít. Cúi mong Như Lai từ bi chỉ bày các vật tượng này cùng tánh thấy vốn là cái gì mà trong ấy không có cái ‘phải’ và ‘chẳng phải’?

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi và cả đại chúng: “Mười phương Như Lai và các Đại Bồ Tát khi tự an trụ trong chánh định kia, cái thấy và cảnh bị thấy đều là tưởng tướng, đều như hoa đốm giữa hư không.”

Cái thấy và cảnh bị thấy nầy đều vốn là thể giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu. Cớ sao trong ấy lại có nghĩa ‘phải’ và ‘chẳng phải’?

Đức Phật đáp: “Cái thấy và cảnh bị thấy nầy đều vốn là thể giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu.”

Này Văn Thù Sư Lợi, nay Như Lai hỏi ông: “Như ông là Văn-thù, lại có đúng là Văn-thù hay chẳng phải là Văn-thù chăng?”

Văn Thù Sư Lợi thưa: Đúng vậy! Bạch Đức Thế Tôn! Con chính là Văn-thù. Chẳng có Văn-thù 'thật'. Tại sao? Nếu có một Văn-thù khác là Văn-thù 'thật', thì sẽ có hai Văn-thù. Nhưng hiện nay chẳng phải con không phải là Văn-thù. Trong ấy thật không có hai tướng 'phải' và 'chẳng phải'."

Đức Phật bảo: "Tánh thấy nhiệm mầu sáng suốt nầy, cùng với hư không và tiền trần, cũng lại như vậy.".

Vốn là chân tâm viên mãn thanh tịnh vô thượng giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu, vọng làm ra sắc không và thấy nghe.

Ví như mặt trăng thứ hai, thì cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng.

Nầy Văn-thù, chỉ có một mặt trăng chân thật. Trong ấy vốn không có cái nào là mặt trăng thật, cái nào chẳng phải là mặt trăng.

Thế nên nay ông hãy xem cái thấy và trần cảnh cùng các thứ phát minh ra được đều là vọng tưởng, trong ấy không thể chỉ ra nghĩa 'phải' và 'chẳng phải'. Bởi do tánh giác sáng suốt nhiệm mầu ấy, nên khiến ông vượt ra khỏi cái 'chỉ ra được' và cái 'chẳng chỉ ra được' vậy.

A-NAN CHẤP VÀO TỰ NHIÊN

A-Nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thật như Đấng Pháp vương đã nói, tánh giác duyên khắp 10 phương cõi nước, tánh giác ấy thanh tịnh vắng lặng, thường trú, không sinh không diệt. So với thuyết Minh đế của Phạm chí Ta-tỳ-ca-la, hoặc các thuyết của ngoại đạo Đầu hôi v.v..., nói có một chân ngã trùm khắp cả 10 phương thì có gì sai khác?

Thế Tôn đã từng ở núi Lăng-già, vì ngài Đại Huệ v.v... giảng rộng nghĩa nầy: ngoại đạo kia thường nói tự nhiên, còn Như Lai nói nhân duyên, chẳng phải là cảnh giới của hàng ngoại đạo kia.

Nay con quán sát kỹ, thấy tánh giác vốn tự nhiên, không sinh không diệt, xa lìa mọi hư vọng điên đảo nầy, dường như chẳng phải nhân duyên hoặc tự nhiên của ngoại đạo kia.

Xin Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con làm sao để khỏi rơi vào tà kiến, đạt được tâm tánh chân thật giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu.

Đức Phật bảo A-Nan: "Nay Như Lai dùng phương tiện chỉ dạy như vậy, chân thật dạy ông mà ông còn chưa ngộ, lầm cho là tự nhiên."

A-Nan, nếu chắc là tự nhiên, thì cần phải xét rõ có cái thể tự nhiên chăng.

Ông hãy quán sát trong tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu nầy, lấy gì làm tự thể? Tánh thấy nầy lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể; lấy không làm tự thể, hay lấy ngăn bít làm tự thể?

A-Nan, nếu lấy sáng làm tự thể, thì đáng lẽ chẳng thấy tối. Nếu lấy không làm tự thể, thì đáng lẽ chẳng thấy ngăn bít. Như thế cho đến lấy các tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy phải diệt mất, làm sao thấy được sáng?

A-Nan thưa: "Tánh thấy nhiệm mầu nầy chắc chẳng phải tự nhiên. Nay con phát minh là do nhân duyên sinh. Nhưng tâm vẫn còn chưa rõ. Xin hỏi Đức Như Lai nghĩa ấy như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên?"

Đức Phật bảo: "Ông nói nhân duyên, Như Lai lại hỏi ông , nay ông nhân thấy, tánh thấy hiện tiền. Vậy cái thấy nầy nhân nơi sáng mà có thấy hay nhân nơi tối mà có thấy, nhân nơi hư không mà có thấy hay nhân nơi ngăn bít mà có thấy?"

A-Nan, nếu nhân nơi sáng mà có, thì đáng lẽ chẳng thấy được tối. Nếu nhân nơi tối mà có, thì đáng lẽ chẳng thấy được sáng. Như thế cho đến nhân nơi hư không, nhân nơi ngăn bít, cũng đồng như sáng và tối.

Lại nữa A-Nan, cái thấy nầy lại duyên nơi sáng mà có thấy, hay duyên nơi tối mà có thấy? Duyên nơi hư không mà có thấy, hay duyên nơi ngăn bít mà có thấy?

A-Nan, nếu duyên nơi hư không mà có, lẽ ra không thấy chỗ bít lấp; nếu duyên nơi bít lấp mà có, lẽ ra không thấy hư không. Như thế cho đến duyên nơi sáng, duyên nơi tối, cũng đồng như hư không và bít lấp.

Phải biết tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu nầy chẳng phải nhân chẳng phải duyên, chẳng phải tự nhiên, chẳng phải không tự nhiên.

Chẳng phải không tự nhiên, không có cái chẳng phải (phi) và chẳng chẳng phải (bất phi), không có cái phải (thị) và chẳng phải (phi thị).

Lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp. Nay ông sao ở trong chỗ bỏ mất bản tâm, nhận các danh tướng hý luận thế gian mà vọng khởi phân biệt? Như lấy tay chụp bắt hư không chỉ thêm tự nhọc, hư không làm sao để ông bắt được?

BỐN NGHĨA THẤY & KHÔNG THẤY

A-Nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tánh giác nhiệm mầu nầy chẳng phải nhân chẳng phải duyên, tại sao Thế Tôn thường chỉ dạy các tỷ-khưu: tánh thấy

gồm đủ bốn thứ nhân duyên, nghĩa là nhân nơi hư không, nhân nơi sáng, nhân nơi tâm, và nhân nơi mắt. Nghĩa ấy như thế nào?”

Đức Phật bảo A-Nan: “Như Lai nói các tướng nhân duyên trong thế gian, chẳng phải là đệ nhất nghĩa.”

A-Nan, nay Như Lai lại hỏi ông, người trong thế gian thường nói: “Tôi thấy được.” Thế nào gọi là thấy? Thế nào là không thấy?

A-Nan thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Người thế gian nhờ có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn mà thấy được mọi vật; nên gọi là thấy. Nếu không có ba thứ ánh sáng nầy thì không thể thấy được.”

Đức Phật bảo A-Nan: Nếu khi không có ánh sáng gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy được tối. Nếu thực thấy tối chỉ vì không có ánh sáng, sao gọi là không thấy?

A-Nan, nếu khi tối, không thấy sáng, mà gọi là không thấy được; vậy đang lúc sáng, không thấy có tối, lẽ ra đều phải gọi là không thấy.

Nếu hai tướng sáng tối tự xâm đoạt nhau, thì tánh thấy của ông trong đó chẳng phải tạm không. Như thế ắt biết trong cả hai trường hợp đều gọi là thấy. Sao gọi là không thấy?

Thế nên A-Nan! Nay ông phải biết,

4. Khi thấy sáng thì cái thấy không phải là sáng,
5. Khi thấy tối thì cái thấy không phải là tối,
6. Khi thấy hư không thì cái thấy không phải là hư không,
7. Khi thấy ngăn bít thì cái thấy không phải là ngăn bít.

Bốn nghĩa đã thành tựu. Ông lại nên biết khi ông thấy (biết) được tánh thấy, thì tánh thấy không phải là cái (bị) thấy. Tánh thấy còn vượt xa cả cái thấy và cái thấy còn không thể bắt gặp tánh thấy được. Làm sao ông còn nói nhân duyên tự nhiên và tướng hòa hợp?

Các ông là hàng Thanh Văn hẹp hòi không hiểu biết, không thông đạt được thật tướng thanh tịnh. Nay Như Lai bảo ông phải biết chiêm nghiệm, không nên trì hoãn trên đường tu đạo giác ngộ nhiệm mầu.

A-Nan bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Như Phật Thế Tôn vì chúng con giảng nói về nhân duyên, tự nhiên và các tướng hòa hợp và chẳng hòa hợp, trong tâm chúng con vẫn còn chưa rõ, mà nay lại nghe thấy được cái thấy chẳng phải là tánh thấy, con càng thêm mê muội.”

Cúi mong Thế Tôn mở rộng lòng từ, ban cho con mắt đại trí huệ, chỉ dạy cho chúng con cách giác ngộ tâm tánh sáng suốt và thanh tịnh. Nói xong, A-Nan buồn khóc rồi đảnh lễ, vâng nhận thánh chỉ.

Khi ấy Thế Tôn thương xót A-Nan cùng đại chúng, đang muốn chỉ dạy pháp đại tổng trì, con đường tu tam-ma-đề vi diệu.

Phật bảo A-Nan: "Ông tuy nhớ giỏi, chỉ có ích cho việc học rộng. Đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp xa-ma-tha, tâm ông còn chưa rõ. Nay ông hãy lắng nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông phân biệt khai thị."

Cũng là giúp cho hàng hữu lậu trong tương lai chứng được quả vị bồ-đề.

A-Nan, tất cả chúng sinh luân hồi trong thế gian, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sinh, ngay đó mà nghiệp luân chuyển.

HAI THỨ VỌNG KIẾN

Thế nào là hai thứ vọng kiến? Một là biệt nghiệp vọng kiến của chúng sinh. Hai là đồng phận vọng kiến của chúng sinh.

1. **Thế nào gọi là biệt nghiệp vọng kiến?**

A-Nan, như người thế gian bị bệnh nhặm mắt, ban đêm nhìn đèn sáng, riêng thấy quanh đèn có vòng tròn năm màu bao phủ.

Ý ông nghĩ sao? Đèn sáng ban đêm nầy hiện ra quầng sáng, đó là màu sắc của đèn hay là màu sắc của cái thấy?

A-Nan, nếu màu sắc nầy là của ngọn đèn, thì người không bị nhặm mắt sao chẳng cùng thấy, mà quầng sáng ấy chỉ riêng người nhặm mắt mới thấy? Nếu đó là màu sắc của cái thấy, thì cái thấy đã thành màu sắc, còn người nhặm mắt kia thấy quầng sáng thì gọi là gì?

Lại nữa A-Nan! Nếu quầng sáng nầy rời đèn mà có, thì khi nhìn những vật chung quanh như bình phong, ghế, màn, cũng thấy quầng sáng hiện ra. Nếu rời cái thấy mà có quầng sáng, thì lẽ ra chẳng phải mắt thấy. Tại sao người nhặm mắt mới thấy quầng sáng?

Thế nên phải biết, màu sắc thực là do tại đèn, và cái thấy do bệnh nhặm nên nhìn ra quầng sáng; quầng sáng và cái thấy đều do mắt bị nhặm, chứ cái nhận biết mắt bị nhặm kia thì không bệnh. Rốt ráo chẳng nên nói quầng sáng kia là đèn hay là cái thấy, hoặc trong đó chẳng phải đèn cũng chẳng phải cái thấy.

Ví như mặt trăng thứ hai, chẳng phải là thể của mặt trăng, cũng chẳng phải là bóng của mặt trăng. Vì sao?

Mặt trăng thứ hai là do khi dụi mắt mà thấy có. Những người có trí không nên nói rằng căn nguyên của cái dụi mắt ấy là có hình tướng hay không hình tướng, là rời cái thấy hay chẳng rời cái thấy.

Cũng giống như quầng sáng tạo thành do mắt nhặm. Nay ông muốn gọi cái gì là đèn, cái gì là thấy, huống gì phân biệt không phải đèn, không phải cái thấy?

2. **Thế nào gọi là đồng phận vọng kiến?**

Này A-Nan! Cõi Diêm-phù-đề nầy trừ biển ra, trong đó đất bằng gồm 3000 châu. Châu lớn ở giữa, bao quát từ đông sang tây, có đến 2300 nước lớn. Ngoài ra các châu nhỏ nằm trong các biển, trong đó có châu gồm hai trăm ba trăm nước, hoặc mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi cho đến năm mươi nước.

A-Nan, lại nếu trong đó, một châu nhỏ chỉ có hai nước, mà riêng người trong một nước cùng chiêu cảm ác duyên, thì tất cả chúng sinh trong nước đó đều xem thấy hết thảy cảnh giới không lành; hoặc họ thấy 2 mặt trời, hai mặt trăng, cho đến thấy nhiều ác tướng như vựng, thích, bội, quyết, tuệ, bột, phi lưu, phụ nhĩ, hồng nghê.

Chỉ có nước nầy thấy, còn chúng sinh nước khác, vốn chẳng thấy cũng chẳng nghe.

A-Nan, nay Như Lai vì ông lấy hai việc đó, kết hợp lui tới để chỉ rõ.

A-Nan, như biệt nghiệp vọng kiến của chúng sinh kia, thấy nơi đèn có quầng sáng hiện ra, tuy giống như là cảnh, nhưng cái thấy đó rốt ráo là do mắt nhặm mà thành. Giống như ông hôm nay dùng mắt xem thấy núi sông, cõi nước và các chúng sinh, đều do cái thấy bị bệnh từ vô thuỷ mà thành.

Mắt nhặm tức cái thấy lao nhọc, không phải do màu sắc tạo ra. Song người biết được mắt nhặm thì cái thấy của họ không bị lầm lỗi.

Cái thấy và cảnh vật bị thấy, như thể có cảnh trước mắt, nguyên là tâm giác ngộ sáng suốt, do phân năng kiến sở kiến mà thành bệnh. Nhận rõ cái thấy sinh khởi từ bệnh nhặm. Chứ bản giác minh tâm rõ biết các duyên thì không bệnh.

Có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đây mới thật là nhận ra tánh thấy. Sao còn gọi nó là thấy, nghe, hay, biết?

Thế nên nay ông thấy Như Lai và ông cùng với mười loại chúng sinh trong thế gian, đều do mắt nhặm, chứ không phải cái thấy (biết) mắt nhặm bị bệnh. Tánh thấy chân thật đó không bị nhặm, nên chẳng gọi là thấy.

A-Nan, nếu so sánh đồng phận vọng kiến của chúng sinh với biệt nghiệp vọng kiến của một người.

Một người nhặm mắt cũng giống như người trong cả nước kia. Người thấy quầng sáng là do mắt nhặm mà có. Còn trong nước kia hiện ra những tướng không lành là do cộng nghiệp mà cùng thấy trong đó các điềm ác hiện ra.

Cả hai đều do vọng kiến từ vô thuỷ phát sinh. Giống như 3000 châu trong cõi Diêm-phù-đề, gồm bốn biển lớn và thế giới Ta-bà, cho đến các nước và các chúng sinh hữu lậu trong mười phương, đều là tâm giác ngộ sáng suốt vô lậu nhiệm mầu. Kiến văn giác tri là bệnh duyên hư vọng, khiến hư dối hòa hợp sinh ra, hư dối hòa hợp chết đi.

Nếu có thể xa lìa các duyên hòa hợp và không hòa hợp, thì diệt trừ được các nhân sinh tử. Đó chính là tánh giác ngộ tròn đầy không sinh không diệt, chính là chân tâm bản giác thanh tịnh thường trú.

A-Nan, tuy trước đây ông đã ngộ được bản giác sáng suốt nhiệm mầu, tánh giác ấy chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, nhưng ông vẫn chưa rõ được cội nguồn của tánh giác ấy vốn chẳng phải hòa hợp và cũng chẳng phải không hòa hợp mà sinh.

A-Nan, nay Như Lai lại lấy tiền trần để hỏi ông. Nay ông còn lấy tất cả vọng tưởng hòa hợp với tánh nhân duyên trong thế gian mà tự nghi lầm rằng chứng được tâm bồ-đề là do hòa hợp mà phát khởi.

Vậy nay tánh thấy thanh tịnh nhiệm mầu của ông là cùng với sáng hòa hợp hay cùng với tối hòa hợp? Là cùng với thông hòa hợp hay cùng với bít hòa hợp?

Nếu cùng với sáng hòa hợp, thì khi ông đang thấy sáng, cái sáng hiện trước mặt, vậy chỗ nào xen lẫn với cái thấy.

Nếu có thể phân biệt được tướng của cái thấy, thì hình tượng của cái xen tạp là thế nào?

Nếu chẳng phải là cái thấy, thì làm sao thấy được sáng? Còn nếu chính là cái thấy, thì làm sao thấy được cái thấy?

Nếu cái thấy cùng khắp, thì chỗ nào hòa với cái sáng?

Nếu sáng cùng khắp thì không thể hòa với cái thấy. Cái thấy đã khác với cái sáng, thì khi xen tạp, ắt phải mất tên gọi của tánh sáng. Cái thấy xen lẫn vào làm mất tánh chất của cái sáng, mà nói hòa với cái cái sáng là không có nghĩa. Đối với cái tối, thông, bít lấp kia cũng lại như vậy.

Lại nữa A-Nan, tánh thấy thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu hiện nay của ông lại hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với bít?

Nếu hợp với sáng, thì khi tối đến, tướng sáng đã mất, cái thấy nầy không hợp với tối, thì làm sao thấy tối được?

Nếu khi thấy tối mà không hợp với tối, mà hợp với sáng, thì lẽ ra cũng không thấy được sáng, thì làm sao gọi là hợp với sáng?

Rõ ràng chẳng phải là tối. Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.

A-Nan bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Nay con suy nghĩ, cái tâm vốn giác ngộ nhiệm mầu nầy, cùng các duyên trần và các tâm niệm nghĩ suy không hòa hợp chăng?"

Phật bảo A-Nan: Nay ông nói tánh giác chẳng phải hòa hợp. Như Lai lại hỏi ông, tánh thấy nhiệm mầu nầy chẳng hòa, là chẳng hòa với cái sáng, hay chẳng hòa với cái tối, chẳng hòa cùng cái thông, hay chẳng hòa với cái bít?

Nếu chẳng hòa cùng cái sáng, thì giữa cái thấy và cái sáng ắt phải có ranh giới. Ông hãy xem kỹ, nơi nào là cái sáng, nơi nào là cái thấy? Nơi đâu là ranh giới của cái thấy và cái sáng?

A-Nan, nếu bên cái sáng, ắt không có cái thấy, thì hai cái chẳng tiếp xúc được với nhau. Cái thấy tự chẳng biết tướng sáng ở đâu thì làm sao thành lập được ranh giới?

Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.

Lại nữa, tánh thấy nhiệm mầu không hòa hợp, là chẳng hợp với cái sáng, hay chẳng hợp với cái tối, là chẳng hợp với cái thông, hay chẳng hợp với cái bít?

Nếu chẳng hợp với cái sáng, thì cái thấy và cái sáng có tánh trái nghịch nhau. Ví như lỗ tai và cái sáng, hoàn toàn không tiếp xúc với nhau được. Cái thấy còn chẳng biết tướng sáng ở đâu. Làm sao phân biệt được rõ ràng nghĩa hợp hoặc không hợp?

Đối với cái tối, cái thông, cái bít kia cũng lại như vậy.

A-Nan, ông còn chưa rõ tất cả các tướng huyễn hóa nơi tiền trần, ngay đó sinh ra, ngay đó diệt mất. Huyễn vọng nên gọi là tướng, nhưng tánh chân thật vốn là thể giác ngộ sáng suốt nhiệm mầu.

Như vậy cho đến ngũ ấm, lục nhập, từ thập nhị xứ cho đến thập bát giới, khi nhân duyên hòa hợp thì hư vọng sinh ra, khi nhân duyên tách rời, hư vọng gọi là diệt.

Mà ông chẳng biết sinh, diệt, đến, đi, vốn là Như Lai tạng thường trú sáng suốt nhiệm mầu, là tánh chân như vi diệu tròn khắp, không lay động. Trong tánh chân thường ấy mà cầu những cái đến đi, mê ngộ, sinh tử hoàn toàn không thể được.

NGŨ ẤM

8. Sắc Ấm

A-Nan, tại sao ngũ ấm vốn là Như Lai tạng, là tánh chân như nhiệm mầu?

A-Nan, thí như có người dùng mắt thanh tịnh để nhìn bầu trời quang đãng, chỉ thấy một khoảng không trong vắt.

Người kia vô cớ nhìn sững chẳng nháy mắt, nhìn lâu phát ra mỏi mệt, nên trong hư không riêng thấy có hoa đốm lăng xăng và tất cả các tướng giả dối không thật.

Nên biết sắc ấm cũng lại như vậy.

A-Nan! Các hoa đốm lăng xăng ấy chẳng phải từ hư không mà đến, cũng chẳng phải từ mắt mà ra.

Đúng vậy, A-Nan. Nếu từ hư không đến, đã từ hư không đến thì phải trở về với hư không. Nếu có ra có vào tức chẳng phải là hư không. Hư không nếu chẳng không thì chẳng dung chứa được tướng hoa đốm sinh diệt kia.

Như thân thể A-Nan thì chẳng dung nạp thêm một A-Nan nào được nữa. Nếu hoa đốm từ mắt mà có, đã từ mắt mà ra thì phải trở về trong mắt.

Nếu tánh của hoa đốm từ mắt mà có, thì lẽ ra nó phải thấy được. Nếu nó thấy được thì khi ra làm hoa đốm giữa hư không, khi trở về nó phải thấy con mắt. Nếu không thấy được, thì khi ra làm mờ hư không và khi trở về phải làm mờ con mắt.

Lại nữa, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt không mờ. Tại sao khi thấy hư không trong lặng, mới gọi là con mắt trong sáng?

Do vậy nên biết sắc ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

9. Thọ Ấm

A-Nan, ví như có người, tay chân rảnh rang, thân thể điều hòa, bỗng dưng quên mình vì tâm tánh chẳng có gì chống trái nhau. Người nầy vô cớ xoa hai bàn tay giữa hư không, trong lòng bàn tay vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng.

Nên biết thọ ấm cũng giống như vậy.

A-Nan! Các cảm xúc không thật ấy, chẳng từ hư không mà đến, cũng chẳng từ bàn tay mà ra.

Đúng vậy, A-Nan. Nếu từ hư không đến, đã xúc chạm với bàn tay, sao chẳng xúc chạm với thân? Chẳng lẽ hư không biết chọn lựa nơi chốn để xúc chạm?

Nếu nó đến từ bàn tay thì lẽ ra chẳng đợi hai bàn tay hợp lại mới có. Lại nữa, nếu từ trong lòng bàn tay mà ra thì khi bàn tay hợp lại mới biết có cảm xúc, đến khi hai tay rời nhau thì cảm xúc phải trở vào. Vậy cánh tay, cổ tay, xương tủy lẽ ra phải biết tung tích khi ra vào của cảm xúc.

Còn phải có tâm hay biết, biết khi nó ra, khi nó vào, cho đến phải biết có một vật qua lại trong thân. Đâu cần phải đợi khi hai tay hợp nhau mới gọi là cảm xúc?

Do vậy nên biết thọ ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

10. Tưởng Ấm

A-Nan, như có người khi nghe nói đến me chua thì trong miệng nước bọt chảy ra, nghĩ đến khi đứng trên dốc cao thì lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn. Nên biết tưởng ấm cũng giống như vậy.

Nên biết tưởng ấm cũng giống như vậy.

A-Nan! cái tiếng chua nầy chẳng từ me sinh ra, chẳng phải từ miệng vào.

Thật vậy A-Nan, nếu từ me sanh ra thì me tự biết nói, đâu cần đợi người nói. Nếu từ miệng mà vào thì tự miệng đã nghe tiếng, đâu cần đến tai nghe. Nếu riêng tai nghe được thì nước bọt nầy tại sao không tiết ra từ lỗ tai ?

Việc nghĩ tưởng mình đứng trên dốc cao cũng giống như vậy.

Do vậy nên biết tưởng ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

11. Hành Ấm

A-Nan, ví như dòng nước chảy mạnh, các làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau.

Nên biết hành ấm cũng lại như vậy.

A-Nan! tánh của dòng nước như vậy chẳng do hư không sinh ra, chẳng phải do nước mà có, cũng chẳng phải tánh nước, cũng chẳng lìa hư không và nước.

Thật vậy, A-Nan. Nếu nhân hư không mà sinh thì mười phương hư không vô tận sẽ thành dòng nước vô tận. Thế giới tự nhiên sẽ bị chìm đắm.

Nếu do nước mà có thì dòng nước nầy tánh nó lẽ ra không phải là nước nữa, và hiện nay có thể chỉ ra tướng của nước và dòng nước khác nhau. Nếu dòng nước tức là tánh nước thì khi nước trong lặng, sẽ không còn là thể của nước nữa?

Nếu lìa hư không và nước thì hư không vốn chẳng có trong và ngoài; ngoài nước ra vốn chẳng có dòng nước.

Do vậy nên biết hành ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

12. Thức Ấm

A-Nan, ví như có người lấy một cái bình tần già, bịt kín hai đầu lại, trong đó đựng đầy hư không, đem đi xa ngàn dặm, đến cho nước khác.

Nên biết thức ấm cũng lại như vậy.

A-Nan! Hư không nầy chẳng phải từ phương kia đến, cũng chẳng phải từ phương nầy vào.

Như vậy A-Nan, nếu hư không từ phương kia lại, thì trong bình nầy đã đựng hư không đem đi, thì ở chỗ chiếc bình phải thiếu đi một ít hư không.

Nếu hư không từ phương nầy vào, thì khi mở miệng bình đổ ra, phải thấy hư không đi ra.

Do vậy nên biết thức ấm không thật, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

* * *

QUYỂN 3

LỤC NHẬP

13. Nhãn Nhập

Lại nữa, A-Nan, tại sao lục nhập vốn là tánh chân như nhiệm mầu từ Như Lai tạng ?

A-Nan! Như mắt kia nhìn chăm chú lâu khiến cho mỏi mệt. Con mắt và tướng mỏi mệt đều là bồ-đề. Tướng nhìn sững quá lâu hoá ra mỏi mệt nhân nơi sáng tối, phát ra cái thấy từ trong hai thứ vọng trần kia, thu nạp trần cảnh, gọi là tánh thấy. Tánh thấy nầy rời hai trần cảnh sáng tối kia, hoàn toàn không có tự thể.

Như vậy, A-Nan! phải biết cái thấy đó, chẳng phải do sáng hay tối mà có, chẳng phải từ mắt mà ra, chẳng phải do hư không phát sinh.

Sao vậy? Nếu tánh thấy từ sáng đến, thì cái tối phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái tối nữa. Nếu tánh thấy từ tối mà đến, thì cái sáng phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái sáng nữa.

Nếu cái thấy từ mắt sinh ra, ắt hẳn không có sáng và tối. Thế nên cái thấy vốn không có tự tánh.

Nếu cái thấy từ hư không mà ra thì khi nhìn, trước tiên sẽ thấy trần cảnh, khi xoay trở về lại, phải thấy được con mắt. Còn như nếu tự hư không thấy được thì có quan hệ gì đến nhãn nhập của ông?

Thế nên phải biết, nhãn nhập là hư vọng. Vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

14. Nhĩ Nhập

A-Nan, thí như có người lấy hai ngón tay bít chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỏi mệt nên nghe trong đầu phát ra âm thanh. Cả lỗ tai và cái mỏi mệt đều là tánh bồ-đề, do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Nhân nơi động tỉnh, phát ra cái nghe từ trong hai thứ vọng trần, thu nạp trần tướng nầy, gọi là tánh nghe. Tánh nghe nầy rời hai trần tướng động tĩnh kia hoàn toàn không có thật thể.

Như vậy, A-Nan! phải biết cái nghe đó, chẳng phải do động hay tĩnh mà có, chẳng phải từ lỗ tai mà ra, chẳng phải do hư không phát sinh.

Sao vậy? Nếu tánh nghe từ tĩnh mà đến thì cái động phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn thấy được cái động nữa. Nếu tánh nghe từ động mà đến, thì cái tĩnh phải theo đó mà biến mất, lẽ ra không còn biết được cái tĩnh nữa.

Nếu từ tai sinh ra, ắt hẳn không có động và tĩnh. Thế nên tánh nghe vốn không có tự tánh.

Nếu từ hư không mà ra, đã có tánh nghe, tức không phải là hư không nữa; còn nếu hư không tự nghe được, thì quan hệ gì đến nhĩ nhập (nhĩ căn) của ông.

Thế nên phải biết nhĩ nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

15. Tị Nhập

A-Nan, ví như có người bít chặt hai lỗ mũi, bít lâu thành ra mỏi mệt. Trong lỗ mũi nghe có cảm giác lạnh, do cảm giác như vậy mà phân biệt được là thông, là ngăn bít, là rỗng, là đặc; cho đến các mùi hương thơm khí thối, cả cái ngửi cùng tướng mỏi mệt đều là thể tánh bồ-đề, do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Nhân nơi hai thứ vọng trần thông và bít, phát ra cái ngửi ở trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là tánh ngửi. Tánh ngửi đó rời hai thứ vọng trần thông và bít kia, hoàn toàn không có tự thể.

Như vậy, A-Nan! phải biết cái ngửi đó, chẳng phải từ thông hay bít mà có, chẳng phải do lỗ mũi mà ra, chẳng phải từ hư không phát sinh.

Sao vậy? Nếu (tánh ngửi) từ cái thông mà đến, thì khi bít, (tánh ngửi) đã tự biến mất rồi, làm sao còn biết được bít. Nếu nhân nơi bít mà có (tánh ngửi), thì khi thông sẽ không còn tánh ngửi. Làm sao biết được các mùi thơm thối?

Nếu (tánh ngửi) từ lỗ mũi sinh ra, hẳn không còn có cái thông cái bít. Nên tánh ngửi như vậy vốn không có tự tánh.

Nếu (tánh ngửi) do hư không mà ra, thì cái ngửi đó phải xoay trở lại ngửi được lỗ mũi của ông. Lại nếu như hư không tự ngửi được, thì có dính dáng gì đến chỗ thu nạp (tị nhập) của ông?

Thế nên phải biết tị nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

16. Thiệt Nhập

A-Nan, ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sinh ra mỏi mệt. Nếu người đó có bệnh thì thấy có vị đắng, nếu người không bệnh thì thấy có chút vị ngọt. Do những cảm giác ngọt, đắng mà hiện bày tánh nếm, còn khi không động (không liếm mép) thì thường thấy tánh nhạt. Cả tánh nếm và cái mỏi mệt đều là tánh bồ-đề do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Nhân hai thứ vọng trần nhạt và ngọt đắng, phát ra cái biết bên trong, thu nạp các trần tượng đó, gọi là tánh biết nếm. Tính biết nếm ấy rời hai thứ vọng trần ngọt đắng và nhạt kia, rốt ráo không có tự thể.

Thật vậy, A-Nan, ông nên biết rằng cái biết đắng, biết nhạt như vậy, không phải từ vị ngọt, vị đắng mà đến; không phải do tánh nhạt mà có; chẳng phải từ lưỡi sinh ra, cũng chẳng phải từ hư không phát sinh.

Sao vậy? Nếu (tánh nếm) từ các vị ngọt đắng mà đến, thì khi nhạt, cái biết nếm đã biến mất rồi, làm sao biết được nhạt? Nếu từ cái nhạt mà ra thì khi ngọt, cái nếm đã biến mất rồi, làm sao biết được hai vị ngọt và đắng?

Nếu (tánh biết nếm) do lưỡi sinh ra, hẳn không có những vị ngọt đắng và nhạt, thì cái tánh biết nếm ấy vốn không có tự tánh.

Nếu (tánh biết nếm) do hư không mà ra, thì hư không tự nếm, chứ không phải lưỡi biết nếm. Lại nữa nếu hư không tự biết, thì có quan hệ gì đến chỗ thu nạp (thiệt nhập) của ông?

Vậy nên biết rằng thiệt nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

17. Thân Nhập

A-Nan, ví như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng. Nếu bên tay lạnh thấy lạnh nhiều hơn, thì bên tay nóng sẽ lạnh theo; nếu bên nóng thấy nóng hơn, thì tay bên lạnh cũng thành ra nóng.

Như vậy, do cảm xúc nhận biết khi hợp lại này mà rõ được sự nhận biết lúc rời ra. Nếu cái thế chênh lệch hình thành giữa nóng và lạnh, thì do đó mà phát ra tướng

mỏi mệt và có cảm xúc. Cả tánh biết xúc cảm cùng cái mỏi mệt đều là tánh bồ-đề chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Nhân nơi hai vọng trần ly và hợp, phát ra cái hay biết ở bên trong, thu nạp các trần tượng nầy, gọi là tánh biết cảm xúc. Tính biết cảm xúc nầy, rời hai vọng trần ly và hợp, trái và thuận kia, rốt ráo không có tự thể.

Như vậy, A-Nan, ông nên biết cái cảm xúc đó không phải từ cái ly, cái hợp mà đến; không phải từ cái trái, cái thuận mà có; không phải do nơi thân (căn) mà ra, cũng không phải do hư không phát sinh.

Sao vậy? Nếu từ cái hợp mà đến thì khi xa lìa, cái biết đã mất rồi, làm sao biết được sự xa lìa? Với hai tướng trái và thuận kia cũng giống như vậy.

Nếu (tánh biết cảm xúc) từ thân thể mà ra, hẳn không có bốn tướng ly hợp trái thuận, thì tánh biết cảm xúc nơi thân của ông vốn không có tự tánh.

Nếu (tánh biết cảm xúc) từ hư không mà ra, thì hư không tự biết, quan hệ gì đến chỗ thu nạp (thân nhập) của ông?

Vậy nên biết rằng thân nhập là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

18. Ý Nhập

A-Nan, ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ rất sâu rồi thức dậy, nhìn trần cảnh để nhớ lại (những gì đã hiện ra trong giấc ngủ), những gì không nhớ được thì gọi là quên. Các thứ sinh trụ dị diệt điên đảo đó, quen thói thu nạp vào bên trong mà không lẫn lộn nhau. Đó gọi là ý căn. Cả ý căn cùng cái mỏi mệt đều là thể tánh bồ-đề do chăm chú mà phát ra tướng mỏi mệt.

Nhân nơi hai thứ vọng trần sinh và diệt, nhóm cái biết bên trong. Thu nạp pháp trần bên trong, dòng thấy nghe đi ngược vào trong. Dòng nầy đi vào nơi không cùng tận, gọi là cái ý hay biết.

Cái ý hay biết nầy rời hai trần thức và ngủ, sinh và diệt kia thì rốt ráo không có tự thể. Thật vậy, A-Nan nên biết cái ý căn hay biết như thế, không phải do từ nơi thức, nơi ngủ mà đến; không phải do nơi sinh, nơi diệt mà có; không phải từ nơi ý căn mà ra, cũng không phải từ nơi hư không mà phát sinh.

Vì cớ sao? Nếu (cái ý căn hay biết) từ nơi thức mà đến, thì khi ngủ đã theo cái thức mà diệt rồi, còn lấy cái gì làm cái ngủ? Nếu chắc lúc sinh mới có, thì khi diệt, đã hoá như không có rồi, thì lấy cái gì mà biết là diệt? Nếu do cái diệt mà có, thì khi sinh sẽ không có cái diệt, lấy cái gì mà biết là sinh?

Nếu do ý căn mà ra, thì hai tướng thức ngủ thay đổi lẫn nhau nơi thân thể, nếu rời hai tướng ấy ra, thì cái ý hay biết ấy cũng đồng như hoa đốm giữa hư không, rốt ráo không có tự tánh. Nếu (cái ý hay biết) do hư không mà sinh thì tự hư không ấy biết, có quan hệ gì đến chỗ thu nạp (ý nhập) của ông?

Do vậy nên biết, ý nhập là hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP NHỊ XỨ

Cái Thấy & Sắc Trần

Lại nữa, A-Nan, vì sao bản tánh của 12 xứ vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng?

A-Nan, ông hãy xem rừng cây Kỳ-đà và các suối hồ nầy.

Ý ông nghĩ sao. Có phải những sắc trần nầy sinh ra cái thấy, hay cái thấy sinh ra sắc tướng?

A-Nan, nếu cái thấy sinh ra sắc tướng, thì khi thấy hư không chẳng có sắc tướng, lẽ ra tánh thấy sinh ra sắc tướng đã tiêu mất rồi. Đã tiêu mất thì hiển bày rõ hết thảy đều không. Sắc tướng đã không, thì lấy gì rõ bày tướng không? Đối với hư không cũng lại như vậy.

Lại nữa nếu sắc trần sinh ra cái thấy, khi thấy hư không chẳng có sắc tướng, thì cái thấy liền bị tiêu mất. Tiêu rồi thì tất cả đều không, còn ai để rõ được không và sắc tướng?

Do vậy nên biết rằng cái thấy cùng sắc không đều chẳng có nơi chốn. Tức là sắc trần cùng với cái thấy, hai xứ đó đều là hư vọng không thật, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Cái Nghe và Thanh Trần

A-Nan, ông hãy nghe trong vườn Kỳ-đà nầy, khi bữa ăn được bày dọn xong thì đánh trống, đại chúng sẽ nhóm lại khi nghe tiếng chuông. Tiếng chuông trống trước sau theo nhau.

Ý ông nghĩ sao? Như thế là âm thanh đến bên cái nghe, hay cái nghe đến chỗ âm thanh?

A-Nan, nếu như âm thanh đến bên cái nghe, như khi Như Lai khất thực trong thành Thất-la-phiệt, thì ở rừng Kỳ-đà ắt là không có Như Lai, Âm thanh đó đã đến

bên cái nghe của A-Nan, thì lẽ ra ông Mục-kiền-liên, ông Ca-diếp đều không cùng nghe được. Huống gì trong đây có đến 1250 sa-môn, một khi nghe được tiếng chuông, họ đều cùng đến trai đường cả.

Lại nếu như cái nghe của ông đến bên âm thanh, cũng như khi Như Lai về ở trong rừng Kỳ-đà rồi, thì trong thành Thất-la-phiệt ắt là không có Như Lai nữa. Vậy khi ông nghe tiếng trống, cái nghe của ông đã đến nơi tiếng trống rồi, thì khi tiếng chuông cùng phát ra, lẽ ra ông không thể nghe được cả hai thứ, huống gì ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều thứ âm thanh khác quanh ông.

Còn nếu (cái nghe) không chạy đi chạy lại, thì cũng không có cái nghe.

Do vậy nên biết rằng cái nghe và âm thanh đều không có nơi chốn; tức cái nghe và thanh trần hai thứ đều là hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Cái Ngửi & Hương Trần

A-Nan, ông hãy ngửi mùi hương chiên đàn trong lò, hương ấy nếu đốt đến một thù, thì cả thành Thất-la-phiệt trong khoảng 40 dặm đều ngửi được mùi thơm.

Ý ông nghĩ như thế nào? Mùi hương ấy sinh ra do cây chiên đàn, do nơi mũi ông hay do hư không?

A-Nan, nếu như mùi hương ấy sinh ra do từ mũi ông, nói do mũi sinh ra thì hương phải từ mũi phát ra, mà lỗ mũi không phải là chiên-đàn, làm sao trong mũi lại có hương chiên-đàn? Còn nói rằng ông ngửi được mùi hương thì mùi thơm phải đi vào trong mũi ông. Còn như trong mũi đã phát ra mùi hương, mà nói do mũi ngửi được thì không đúng nghĩa.

Nếu mùi hương sinh ra từ hư không, thì tánh của hư không là thường hằng, nên lẽ ra mùi hương cũng phải thường có, đâu cần phải nhờ đốt gỗ chiên-đàn trong lò mới có mùi hương?

Nếu mùi hương sinh ra từ gỗ chiên-đàn, thì mùi hương ấy nhân đốt mà thành khói. Nếu lỗ mũi ngửi được, thì lẽ ra khói phải xông đến lỗ mũi; làm sao khói đó xông vào không trung chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đều ngửi được cả?

Thế nên biết rằng hương trần và cái ngửi đều không có nơi chốn. Tức là nơi phát sinh cái ngửi và hương trần đều là hư vọng, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Cái Lưỡi & Vị Trần

A-Nan, ông thường ở trong chúng, hai thời mang bình bát khất thực. Trong đó, khi gặp tô, lạc, đề hồ, gọi là những món quý.

Ý ông nghĩ thế nào? Vị ấy sinh ra do trong hư không, do nơi lưỡi hay do thức ăn?

Lại nữa A-Nan, nếu vị ấy sinh ra do lưỡi của ông, thì trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi; cái lưỡi ấy bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra cái vị phải không thay đổi.

Nếu không dời đổi, thì không được gọi là biết vị. Còn nếu dời đổi, thì lưỡi không có nhiều tự thể, làm sao một lưỡi mà biết nhiều vị được?

Nếu sinh ra do thức ăn, thì thức ăn không có tri giác, làm sao tự biết được vị? Còn nếu thức ăn tự biết, Tức giống như người khác ăn, có dính dáng gì đến ông?

Nếu sinh ra do hư không, thì ông hãy nếm hư không xem nó có vị gì? Nếu hư không có vị mặn, thì nó đã làm mặn cái lưỡi của ông, và cũng làm mặn cái mặt của ông; ắt mọi người trong cõi giới nầy cũng giống như cá biển, đã thường chịu cái mặn, không còn biết thế nào là mặn nữa. Nếu đã không biết nhạt, thì cũng không biết mặn; làm sao được gọi là biết vị?

Vậy nên biết rằng mùi vị và cái lưỡi biết nếm đều là không có xứ sở. Tức là tánh biết nếm cùng với mùi vị, hai thứ đều là hư vọng, không thật; vốn chẳng phải tánh nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên.

Cái Thân & Xúc Trần

A-Nan, ông thường mỗi sáng, lấy tay xoa đầu.

Ý ông nghĩ sao? Trong sự biết xoa ấy, lấy gì làm biết cảm xúc? Cái biết ấy do nơi tay hay nơi đầu?

Nếu nó ở nơi tay, ắt là đầu không biết, thì làm sao thành cảm xúc ấy? Còn nếu nó ở nơi đầu, ắt là tay vô dụng, làm sao gọi là cảm xúc được?

Nếu cả đầu và tay, mỗi cái đều có biết; thì A-Nan, một mình ông có đến hai thân.

Nếu đầu và tay đều do một cảm xúc sinh ra, thì tay và đầu lẽ ra chỉ có một tự thể. Nếu chỉ có một tự thể, thì không thành cảm xúc được.

Còn nếu là hai thể, thì cảm xúc do ở đâu? Nếu ở bên năng thì không có bên sở, nếu ở bên sở thì không có bên năng. Không lẽ giữa hư không và ông mà tạo thành cảm xúc?

Vậy nên biết rằng cảm xúc và thân đều không xứ sở. Tức là thân biết cảm xúc và cái cảm xúc, cả hai đều là hư vọng, không thật, vốn không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên.

Cái Ý & Pháp Trần

A-Nan, trong tâm ý ông thường duyên với ba tánh: thiện, ác, vô ký; khiến sinh ra các pháp tắc.

A-Nan, nhược tức tâm giả, pháp tắc phi trần, phi tâm sở duyên, vân hà thành xứ?

Nếu rời tâm mà riêng có một chỗ riêng biệt, thì tự tánh của pháp trần là biết hay không biết?

Nếu có biết thì gọi là tâm, nhưng nếu nó khác với ông và không phải là trần cảnh thì cũng như tâm của người khác. Còn nếu nó tức là ông và cũng là tâm, thì làm sao cái tâm nơi ông lại thành hai được?

Lại nếu như không có biết, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì nó sẽ ở chỗ nào?

Nay nơi sắc không, chẳng thể nào chỉ nó ra được. Không lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không? Chẳng có cảnh sở duyên, thì ý căn do đâu mà lập thành một xứ được?

Vì vậy nên biết pháp trần cùng ý căn đều không có xứ sở; tức ý căn cùng với pháp trần, hai xứ đều là hư vọng, không thật; vốn không phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP BÁT GIỚI

Nhãn Căn, Sắc Trần & Nhãn Thức

Lại nữa, A-Nan, thế nào mà 18 giới vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng?

A-Nan, như ông đã rõ, nhãn căn và sắc trần làm duyên, phát sinh nhãn thức.

Thức đó nhân nơi nhãn căn mà sinh ra, lấy nhãn căn làm giới; hay nhân sắc trần mà sinh ra, lấy sắc trần làm giới?

A-Nan, nếu nhân nhãn căn phát sinh mà không có sắc trần và hư không thì không thể phân biệt được. Dù có thức của ông, thì dùng được vào việc gì?

Lại nữa cái thấy của ông, ngoài những sắc xanh vàng đỏ trắng thì không thể biểu hiện được. Vậy do đâu mà lập giới?

Nếu nhân sắc trần sinh ra, khi có hư không thì chẳng có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt. Làm sao thức ấy biết được tánh hư không?

Nếu khi sắc tướng biến đổi, ông cũng biết rằng sắc tướng ấy biến đổi. Nhưng cái thức của ông thì không biến đổi, thế do đâu mà giới được lập?

Nếu nhãn thức biến đổi khi sắc trần biến đổi, thì tự nhiên sắc trần không thành giới được. Nếu nhãn thức không biến đổi thì sẽ thường hằng, thức đã từ sắc sinh ra, lẽ ra nó phải không biết được hư không ở đâu.

Giả sử nhãn thức cùng phát sinh từ cả hai thứ nhãn căn và sắc trần, thì khi hợp lại, phải có một điểm nối ở giữa; khi rời ra thì phải còn một điểm tiếp giáp của hai bên. Như thế là thể tánh tạp loạn, làm sao thành giới?

Do vậy, ông nên biết nhãn căn và sắc trần làm duyên, sinh ra giới của nhãn thức. Cả ba chỗ nầy đều không thực có. "Nên cả ba giới của nhãn căn, sắc trần và nhãn thức đều vốn không phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên."

Nhĩ Căn, Thanh Trần & Nhĩ Thức

A-Nan, như ông đã rõ, nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sinh ra nhĩ thức. Thức nầy do nhĩ căn sinh ra, lấy nhĩ căn làm giới; hay do thanh trần sinh ra, lấy thanh trần làm giới?

A-Nan, nếu nhĩ thức do nhĩ căn sinh ra, mà không có hai tướng động tĩnh hiện tiền, thì nhĩ căn cũng không có cái biết. Mà đã không biết gì, cái biết còn không thành, thì thức có hình tướng gì?

Nếu cho rằng tai nghe, vậy khi không động tĩnh, cái nghe cũng không thành. Làm sao mà lỗ tai, chỉ là hình sắc, tiếp xúc với trần cảnh để được gọi là thức giới. Vậy giới nhĩ thức do đâu mà lập?

Nếu nhân thanh trần mà sinh, thì nhĩ thức cũng nhân thanh trần mà có, ắt không dính líu gì đến cái nghe. Không nghe thì cũng không biết các tướng thanh trần ở đâu.

Giả sử nhĩ thức do thanh trần sinh ra, dù cho thanh trần nhân cái nghe mà có tướng, thì cái nghe lẽ ra phải nghe được nhĩ thức.

Nếu không nghe được nhĩ thức, thì thanh trần không phải là giới của nhĩ thức. Nếu nghe được thì nhĩ thức đồng như thanh trần. Nhĩ thức đã bị nghe, thì lấy gì để biết là nghe được cái thức? Còn nếu không biết, thì rốt ráo cũng như cây cỏ.

Không lẽ thanh trần và cái nghe xen tạp thành giới ở giữa? Không có vị trí của giới ở giữa, thì các tướng trong ngoài làm sao mà lập được?

Do vậy nên biết, nhĩ căn và thanh trần làm duyên, sinh ra giới nhĩ thức. Cả ba chỗ nầy đều không thực có. Nên cả ba giới của nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức đều vốn không phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Tị Căn, Hương Trần & Tị Thức

A-Nan, như ông đã, tị căn và hương trần làm duyên, sinh ra tị thức rõ. Thức nầy do tị căn sinh ra, lấy tị căn làm giới; hay do hương trần sinh ra, lấy hương trần làm giới?

A-Nan, nếu tị thức nhân tị căn sinh ra, Ông lấy cái mũi thịt có hình tướng như hai móng tay, hay lấy cái tánh biết ngửi khi mũi lay động làm tị căn?

Nếu nhận hình tướng mũi thịt, thì chất thịt là thân căn; thân biết tức là cảm xúc. Đã gọi thân căn thì không phải tị căn, đã gọi là cảm xúc tức là xúc trần đối với thân căn. Vậy tị căn còn không có tên gọi, làm sao lập thành giới?

Nếu lấy cái ngửi biết làm tị căn, thì trong tâm ông lấy cái gì làm cái nhận biết? Nếu lấy mũi thịt làm cái nhận biết, thì cái biết của chất thịt vốn là xúc trần chứ không phải là của tị căn.

Nếu lấy hư không làm cái ngửi biết, thì hư không tự biết, còn xác thịt lẽ ra không biết. Như thế, lẽ ra hư không là ông. Thân của ông mà ông không biết, thì A-Nan hiện nay lẽ ra cũng không tồn tại.

Nếu lấy hương làm cái ngửi biết, thì cái ngửi biết thuộc về hương trần, có can dự gì đến ông?

Nếu các mùi thơm thối sinh ra do tị căn của ông, thì hai mùi thơm thối kia không sinh ra do cây y lan và cây chiên đàn. Mùi hương từ hai cây đó không đi đến mũi ông, ông tự ngửi mũi ông để biết là thơm hay thối. Nếu thối thì không phải thơm, thơm thì không phải thối.

Nếu cả hai mùi thơm thối đều ngửi được cả, thì một mình ông phải có hai tị căn, ở trước tôi hỏi đạo phải có hai ông A-Nan. Vị nào là tự thể của ông?

Còn nếu tị căn là một, thì thơm thối không hai. Thối đã thành thơm, thơm đã thành thối. Hai tánh đó đã không có, giới do đâu mà lập?

Nếu tị thức nhân hương trần mà sinh, thì tị thức đã nhân hương trần mà có. Cũng như con mắt thấy, nhưng không thể nào thấy được chính nó. Tị thức nhân hương trần mà có, lẽ ra không biết được hương trần.

Nếu biết được hương trần, thì không phải do hương trần sinh ra. Nếu không biết được hương trần, thì không phải là tị thức. Hương trần mà không biết có tánh ngửi, thì hương giới không thành. Tị thức mà không biết hương trần, thì giới của nó ắt không phải do hương trần lập nên.

Đã không có thức trung gian thì nội căn ngoại trần cũng không thành, và những điều ngửi biết kia, tất cả đều là hư vọng.

Vậy nên biết rằng tị căn, hương trần làm duyên, sinh ra giới tị thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của tị căn, hương trần, và tị thức đều vốn không phải tánh nhân duyên, cũng không phải tánh tự nhiên.

Thiệt Căn, Vị Trần & Thiệt Thức

A-Nan, như ông đã rõ, thiệt căn và vị trần làm duyên, sinh ra thiệt thức. Thức nầy lại nhân thiệt căn sinh ra, lấy thiệt căn làm giới; hay nhân vị trần sinh ra, lấy vị trần làm giới?

A-Nan, nếu nhân thiệt căn sinh ra, thì trong thế gian, các loại mía (ngọt), mơ (chua), hoàng liên (đắng), muối (mặn), tế tân, gừng quế (cay), đều không có vị. Ông hãy tự nếm lưỡi mình xem là ngọt hay đắng?

Nếu thấy lưỡi đắng, thì lấy gì để nếm được lưỡi? Lưỡi đã không tự nếm được, lấy gì để mà hay biết? Còn nếu lưỡi không đắng, thì vị trần vốn không tự sinh, làm sao mà lập thành giới?

Nếu nhân vị trần sinh ra, thì thiệt thức đã là vị rồi, nó cũng giống như thiệt căn, lẽ ra không tự nếm được. Làm sao còn biết là có vị hay không có vị?

Lại tất cả các vị không phải do một vật sinh ra. Các vị đã do nhiều vật sinh ra, thì thiệt thức cũng phải có nhiều tự thể.

Nếu tự thể của thiệt thức là một và thể đó thật do vị trần sinh ra, thì các vị mặn nhạt chua cay cùng hòa hợp mà sinh ra, các vị khác nhau ấy sẽ biến thành chỉ cùng một vị, lẽ ra phải không có sự phân biệt.

Không có phân biệt thì không được gọi là thức. Làm sao còn gọi là thiệt, vị và thức giới?

Chẳng lẽ hư không sinh ra tâm thức ông?

Nếu thiệt căn và vị trần hòa hợp thì giữa nó vốn không tự tánh. Làm sao giới được sinh ra?

Vậy nên biết rằng thiệt căn, vị trần làm duyên, sinh ra giới thiệt thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của thiệt căn, vị trần, và thiệt thức đều vốn không phải tánh nhân duyên, cũng không phải tánh tự nhiên.

Thân Căn, Xúc Trần & Thân Thức

A-Nan, như ông đã rõ, thân căn và xúc trần làm duyên, sinh ra thân thức. Thức nầy lại nhân thân căn sinh ra, lấy thân căn làm giới; hay nhân xúc trần sinh ra, lấy xúc trần làm giới?

A-Nan, nếu do thân căn sinh ra, ắt là không có cái biết về hai duyên hợp và ly, thì thân căn còn biết được gì?

Nếu nhân xúc trần sinh ra, ắt không cần đến thân của ông. Lẽ nào không có thân mà biết được hợp ly?

A-Nan, vật thì không biết cảm xúc, thân căn có biết, nên có cảm xúc. Những gì thân biết được chính là xúc trần, những gì biết được về xúc trần chính là thân căn. Đã là cảm xúc thì không phải thân căn, mà đã là thân căn thì không phải cảm xúc.

Cả hai tướng thân căn và xúc trần vốn không có xứ sở. Nếu xúc trần hợp với thân căn, tức là tự thể của thân căn. Còn nếu rời hẳn thân căn, thì cũng như các tướng hư không.

Trong ngoài đã không thành, làm sao mà thức lập được ở giữa? Giữa đã không lập được, thân thức ông sinh ra, do đâu mà lập thành giới?

Vậy nên biết rằng thân căn, xúc trần làm duyên, sinh ra giới thân thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của thân căn, xúc trần, và thân thức đều vốn không phải tánh nhân duyên, cũng không phải tánh tự nhiên.

Ý Căn, Pháp Trần & Ý Thức

A-Nan, như ông đã rõ, ý căn và pháp trần làm duyên, sinh ra ý thức.

Thức nầy lại nhân ý căn sinh ra, lấy ý căn làm giới; hay nhân pháp trần sinh ra, lấy pháp trần làm giới?

A-Nan, nếu nhân ý căn sinh ra, thì trong ý ông, chắc phải có chỗ suy nghĩ mới phát ra được ý ông. Nếu không có các pháp trần, thì ý căn không sinh ra cái gì cả. Rời các pháp trần, ý căn sẽ không có hình tướng, lấy ý thức dùng vào việc gì?

Lại nữa, thức tâm của ông với các thứ suy nghĩ, cùng tánh rõ biết phân biệt, là đồng hay khác? Nếu đồng với ý căn thì nó tức là ý căn. Sao lại do ý căn sinh ra? Nếu khác, không đồng như ý căn, thì lẽ ra sẽ không biết gì. Nếu không biết gì, thì làm sao mà do ý căn sinh ra? Còn nếu có biết, thì làm sao lại phân ra ý thức và ý căn? Chỉ hai tánh đồng và khác mà không thành, thì làm sao lập giới?

Nếu nhân pháp trần sinh ra, thì các pháp trong thế gian, không ngoài năm trần. Ông hãy xem các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, có tướng trạng rõ ràng đối với năm căn, đều không thuộc về phần thu nhiếp của ý căn.

Nếu ý thức của ông thực là nương nơi pháp trần mà sinh ra, thì nay ông xét kỹ từng pháp xem nó có hình trạng như thế nào.

Nếu rời hẳn các tướng sắc không, động tĩnh, thông tắc, hợp ly, sinh diệt thì rốt ráo không có một pháp nào cả.

Nếu sinh thì các pháp sắc không cũng đều sinh ra, nếu diệt thì các pháp sắc không cũng đều diệt. Các nguyên nhân đã không thành thì cái thức do nó sinh ra sẽ có hình tướng gì? Tướng trạng đã không có thì giới do đâu mà sinh?

Vậy nên biết rằng ý căn, pháp trần làm duyên, sinh ra giới ý thức. Cả ba chỗ đều không. Cả ba giới của ý căn, pháp trần, và ý thức đều vốn không phải tánh nhân duyên, cũng không phải tánh tự nhiên.

TỨ ĐẠI

A-Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp rằng: Tất cả các thứ biến hoá trong thế gian đều nhân bốn thứ 'đại' mà phát sinh.

Vì sao Như Lai bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên tự nhiên? Nay con không biết nghĩa đó như thế nào?

Xin Thế Tôn rủ lòng thường xót, chỉ bày cho chúng sinh nghĩa rốt ráo Trung đạo, không còn các điều hí luận.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-Nan rằng: “Trước đây ông nhàm chán các pháp tiểu thừa Thanh Văn Duyên Giác, phát tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề. Nên nay là lúc Như Lai sẽ chỉ bày cho ông Đệ nhất nghĩa đế.”

Sao ông lại còn đem những nhân duyên vọng tưởng hí luận thế gian mà tự ràng buộc mình?

Ông tuy nghe nhiều, nhưng cũng như người nói tên vị thuốc, mà không phân biệt được thuốc thật ở trước mắt. Như Lai cho là rất đáng thương xót.

Nay ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông mà chỉ bày tường tận. Và cũng để cho những người tu Đại thừa sau nầy thông đạt thật tướng. A-Nan yên lặng, chờ nghe thánh chỉ của Đức Phật.

A-Nan, như ông đã nói, tứ đại hòa hợp phát ra các thứ biến hoá trong thế gian.

A-Nan, nếu tánh của các đại kia không hòa hợp nhau, thì không thể lẫn lộn với các đại khác. Cũng như hư không, không thể hòa hợp với các sắc tướng.

Nếu tánh của tứ đại là hòa hợp, thì cũng đồng như các thứ biến hoá, trước sau biến thành nhau, sinh diệt nối nhau, sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, sinh sinh diệt diệt, như vòng lửa quay tròn chưa hề dừng nghỉ.

A-Nan, như nước thành băng, băng tan thành nước. Ông hãy quán sát tánh của địa đại, thô làm thành đất liền, tế làm thành vi trần, cho đến lân hư trần. Nếu chẻ chất cực vi có sắc tướng vô cùng nhỏ ra làm bảy phần. Càng chẻ lân hư trần đó nữa, thì thật là tánh hư không.

A-Nan, nếu lân hư trần đó chẻ thành hư không, thì nên biết hư không cũng sinh ra sắc tướng.

Nay ông hỏi rằng do hòa hợp mà sinh ra các tướng biến hoá trong thế gian.

Ông hãy xét kỹ lân hư trần nầy, phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới thành? Không lẽ lân hư hợp lại sẽ thành lân hư trần?

Lại nữa, lân hư trần chẻ đã thành hư không được, thì phải dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới thành cả hư không?

Nhưng nếu khi hợp sắc tướng lại, thì sắc tướng hợp lại, không thành được hư không. Nếu hợp hư không lại, khi hư không hợp lại thì không thành được sắc tướng. Sắc tướng còn chẻ được, chứ hư không làm sao hợp lại được?

Ông vốn không biết rằng trong Như Lai tạng, tánh sắc là chơn không, tánh không là chơn sắc, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tùy theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

19. Hoả Đại

A-Nan, tánh của hoả đại không có tự thể, nhờ các trợ duyên mà phát sinh. Ông hãy xem các nhà trong thành khi chưa đến bữa ăn, muốn nhóm bếp thì tay cầm tấm kính đưa trước ánh sáng mặt trời để lấy lửa.

A-Nan, cái gọi là hòa hợp, cũng như Như Lai và ông cùng 1250 tỷ-khưu họp thành một chúng. Chúng tuy chỉ một, nhưng xét từ căn gốc, thì mỗi người đều có thân riêng biệt, đều có tên gọi họ hàng riêng của mình. Như Xá-lợi-phất thuộc dòng Bà-la-môn, ông Ưu-lâu-tần-loa thuộc dòng Ca-diếp-ba, cho đến A-Nan thì thuộc dòng Cồ-đàm.

A-Nan, nếu lửa ấy do hòa hợp mà có, thì khi người kia cầm kính lấy ánh sáng mặt trời, lửa đó từ kính ra, từ bùi nhùi có, hay từ mặt trời mà đến?

A-Nan, nếu lửa từ mặt trời mà có, thì lửa ấy đã đốt được bùi nhùi trong tay ông rồi. Những rừng cây mà có ánh sáng mặt trời đi qua lẽ ra đều bị thiêu cháy cả.

Nếu lửa từ kính mà ra, thì lửa ấy có thể từ kính đốt cháy bùi nhùi, tại sao kính lại không bị chảy? Cho đến tay ông cầm kính còn không thấy nóng, làm sao kính chảy được?

Nếu lửa do từ bùi nhùi bằng ngải cứu sinh ra, thì đâu cần gì đến mặt trời, kính và ánh sáng tiếp xúc với nhau mới sinh được lửa?

Ông hãy suy xét kỹ, kính do tay cầm, mặt trời thì ở trên cao, bùi nhùi bằng ngải cứu thì từ đất sinh ra, vậy lửa từ đâu mà đến đây?

Mặt trời và kính xa cách nhau, không hòa không hợp. Không lẽ lửa chẳng do đâu mà tự có?

Ông vẫn chưa biết trong Như Lai tạng, tánh lửa là chơn không, tánh không là chơn hỏa, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tùy theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

A-Nan, ông không biết rằng người đời cầm kính ở đâu, thì ở đó phát ra lửa. Khắp pháp giới cầm kính, thì cả pháp giới có lửa. Lửa khắp cả thế gian, đâu có nơi chốn.

Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

20. Thủy Đại

A-Nan, tánh nước không nhất định, khi dừng khi chảy không chừng. Như trong thành Thất-la-phiệt, các vị tiên Ca-tỳ-la, Chước-ca-la và các vị đại huyễn thuật Bát-đầu-ma, Ha-tát-đa v.v… muốn cầu tinh thái âm để pha chế huyễn dược. Các vị ấy vào đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu phương chư, hứng nước từ mặt trăng.

Nước ấy từ hạt châu mà có, từ hư không ra hay từ mặt trăng đến?

A-Nan, nếu nước từ mặt trăng mà có, thì từ xa mặt trăng có thể làm cho hạt châu ra nước. Những rừng cây mà ánh trăng đi qua, lẽ ra đều phải ra nước. Đã ra nước thì đâu cần đợi có hạt châu mới tiết ra nước được. Còn nếu không ra nước thì rõ ràng nước ấy không phải từ mặt trăng mà có.

Nếu nước từ hạt châu thì trong hạt châu ấy thường chảy ra nước. Sao còn phải đợi mặt trăng lúc nửa đêm?

Nếu nước do hư không sinh ra, hư không vốn chẳng ngằn mé, nước cũng vô cùng. Từ cõi người đến cõi trời, lẽ ra đều phải chìm ngập cả. Làm sao còn có thủy lục không hành?

Ông suy xét thật kỹ, mặt trăng từ trên trời xa, hạt châu do tay người cầm, mâm hứng nước do người sắp đặt. Thế nước từ phương nào mà chảy đến đây?

Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ nước kia chẳng do đâu mà tự có?

Ông vốn không biết rằng trong Như Lai tạng, tánh nước là chơn không, tánh không là chơn thủy, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tùy theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh. Một nơi cầm hạt châu thì nơi ấy nước chảy ra, khắp nơi cầm hạt châu thì khắp pháp giới có nước. Thủy đại sinh khắp thế gian, đâu có nơi chốn.

Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

21. Phong Đại

A-Nan, phong đại không có tự thể, động tĩnh không chừng. Như ông thường chỉnh y để vào trong đại chúng, khi chéo y tăng-già-lê chạm vào người bên cạnh, thì có chút gió phất qua mặt người kia.

Gió nầy do chéo áo ca-sa mà ra, do hư không phát sinh, hay do mặt người kia?

A-Nan, nếu gió phất ra do chéo áo ca-sa, thì ông đã mặc gió, lẽ ra áo ấy phải bay ra rời khỏi thân ông rồi. Nay Như Lai đang giảng pháp, đại chúng thấy y của Như Lai rũ xuống, hãy xem trong đó gió ở chỗ nào? Không lẽ trong y lại có chứa gió?

Nếu gió do hư không sinh ra, thì khi y ông bất động, cớ sao không phất ra gió? Tánh hư không là thường hằng, gió lẽ ra phải thường sinh; khi không có gió, thì hư không phải diệt. Gió biến mất, thì có thể biết được, còn hư không diệt, thì hình trạng sẽ như thế nào? Lại nếu có sinh diệt, thì không gọi là hư không. Đã gọi là hư không, làm sao lại phát ra gió được?

Nếu gió sinh ra do nơi mặt người bị chéo y phất, đã do nơi mặt người kia sinh ra, lẽ ra phải phất lại ông. Sao tự ông chỉnh y mà gió phất ngược lại người kia?

Ông hãy xét kỹ, sửa áo là do ông, mặt thuộc người kia, hư không tịch lặng, không dự vào sự lay động. Vậy gió từ phương nào giong ruổi đến đây?

Tánh gió và tánh hư không khác biệt nhau, chẳng hòa chẳng hợp. Không lẽ tánh gió kia, không do đâu mà có?

Ông vẫn chưa biết trong Như Lai tạng, tánh gió là chơn không, tánh không là chơn phong, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới, biến hiện tùy theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.

A-Nan, như một mình ông, khẽ động y áo, gió liền phát ra. Khắp pháp giới đều phất thì cả pháp giới đều có gió. Tánh gió đầy khắp thế gian, đâu có nơi chốn.

Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

22. Địa Đại

A-Nan, tánh hư không chẳng có hình, nhân sắc tướng mà hiển bày. Như trong thành Thất-la-phiệt, nơi xa bờ sông. Những người thuộc dòng sát-đế-lợi, Bà-la-môn, dòng Tì-xá, dòng Thủ-đà-la hay dòng Phả-la-đọa, dòng chiên-đà-la v.v…, khi dựng nhà mới, họ đào giếng lấy nước. Đào một thước đất, thì có được một thước hư không. Như vậy cho đến đào được một trượng đất, thì có một trượng hư không. Hư không sâu hay cạn là tùy theo đào đất nhiều hay ít.

Hư không đó nhân đất mà ra, nhân đào mà có, hay chẳng do đâu mà tự sinh ra?

A-Nan, nếu hư không ấy vô nhân tự sinh, sao nơi đó chẳng vô chướng ngại, mà chỉ thấy đất, chẳng thấy thông suốt?

Nếu hư không nhân đất mà ra, thì khi đào ra đất, ắt phải thấy hư không vào. Nếu đất ra trước, mà chẳng thấy hư không vào, thì làm sao hư không nhân đất mà sinh ra được?

Còn nếu không ra không vào, thì hư không và đất vốn không khác nhau, không khác tức đồng. Thì khi đất ra, sao hư không chẳng ra?

Nếu nhân đào đất mà có hư không, thì phải đào ra hư không, chứ chẳng đào ra đất. Nếu không nhân đào mà ra, thì đào là ra đất, làm sao thấy được hư không?

Ông nên suy xét thật kỹ, quán sát thật sâu. Việc đào là do tay người, theo phương hướng mà vận chuyển, đất thì theo việc đào mà dời chỗ. Vậy hư không từ đâu mà ra?

Việc đào đất là có thật thể, hư không là vô thể, chẳng có tác dụng gì với nhau, chẳng hòa chẳng hợp. Không lẽ hư không chẳng do đâu mà tự ra?

Nếu hư không đó, tánh tròn đầy trùm khắp, vốn không lay động, thì nên biết hiện tiền hư không và bốn thứ đất, nước, lửa, gió đều gọi là năm đại, tánh thật viên dung, vốn là tánh Như Lai tạng, không sinh không diệt.

A-Nan, tâm ông mê muội, chẳng ngộ được tứ đại vốn là Như Lai tạng. Ông hãy quán sát hư không là ra hay vào, hoặc chẳng ra vào?

Ông hoàn toàn không biết, trong Như Lai tạng, tánh giác là chơn không, tánh không là chơn giác, xưa nay vốn thường thanh tịnh, trùm khắp pháp giới.

“Ứng hiện tùy theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh.”

A-Nan, như đào một giếng thì có một giếng hư không. Vậy mười phương hư không cũng lại như thế. Tánh không cùng khắp mười phương, đâu có nơi chốn.

Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

KHÔNG, THỨC & KIẾN ĐẠI

A-Nan, kiến giác không tự nhận thức được, nhân các thứ sắc không mà hiện hữu. Như ông nay đang ở trong vườn Kỳ-đà, sớm mai thấy sáng, chiều hôm thấy tối,

nếu lúc nửa đêm, trăng tròn thì sáng, không trăng thì tối. Những tướng sáng tối ấy, do cái thấy phân tích ra được.

A-Nan, nếu cái thấy đó cùng với sáng tối và hư không là một thể hay chẳng phải một thể? Hoặc đồng chẳng đồng? Hoặc khác chẳng khác?

A-Nan, nếu cái thấy đó cùng với sáng, tối và hư không vốn là một thể, thì cái sáng cái tối sẽ tiêu diệt lẫn nhau. Khi tối thì chẳng sáng, khi sáng thì chẳng tối. Nếu cái thấy cùng một thể với cái tối, thì khi sáng, cái thấy phải biến mất. Nếu cái thấy cùng một thể với cái sáng, thì khi tối, cái thấy phải biến mất. Đã diệt rồi, làm sao thấy được sáng tối? Còn nếu sáng tối khác nhau, cái thấy thì chẳng sinh diệt, làm sao thành một thể được?

Nếu cái thấy đó không đồng một thể với sáng và tối, thì ngoài cái sáng tối và hư không ra, ông hãy phân tích tánh thấy có hình tướng gì?

Rời cái sáng, tối và hư không ra, tánh thấy đó cũng đồng như lông rùa sừng thỏ. Sáng, tối và hư không, ba cái đều khác biệt, do đâu mà lập thành cái thấy?

Sáng tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được. Lìa ba thứ vốn chẳng có, làm sao nói khác được?

Bên hư không, bên cái thấy, vốn không có bờ mé, sao lại chẳng đồng? Thấy cái tối, thấy sáng, tánh chẳng dời đổi, sao lại chẳng khác?

Ông hãy xét cho kỹ, suy gẫm từng chi tiết, quán sát cho tường tận. Sáng là do mặt trời, tối là do đêm không trăng, thông suốt thuộc hư không, bưng bít thuộc đất liền. Như vậy tánh thấy nhân đâu mà ra?

Cái thấy thì có biết , hư không thì chẳng hay biết, chẳng hòa chẳng hợp. Không lẽ tánh thấy chẳng do đâu mà tự có?

Nếu như các sự thấy, nghe, hay, biết, bản tánh viên mãn cùng khắp, vốn không lay động; thì nên biết kiến đại cùng với hư không vô biên chẳng dao động và bốn thứ vốn lay động là địa, thủy, hỏa, phong, gọi là sáu đại, vốn thật viên dung, đều là tánh Như Lai tạng, vốn không sinh không diệt.

A-Nan, tánh ông chìm đắm, không ngộ được tánh thấy, nghe, hay, biết của chính ông vốn là Như Lai tạng. Ông hãy xem xét thử tánh thấy, nghe, hay, biết đó là sinh hay diệt, là đồng hay khác, là chẳng sinh diệt, là chẳng đồng chẳng khác?

Ông chưa từng biết, trong Như Lai tạng, tánh thấy là giác ngộ sáng suốt, tánh giác ngộ là cái thấy sáng suốt, vốn tự nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới.

Biến hiện tùy theo mức độ hiểu biết từ tâm chúng sinh. Như ở nhãn căn, cái thấy trùm khắp pháp giới. Tánh biết nghe, ngửi, biết nếm, biết xúc chạm, tánh nhận biết các pháp, có công năng, diệu dụng rõ ràng cùng khắp, viên mãn mười phương pháp giới, đâu có xứ sở.

Theo nghiệp mà biến hiện ra các cảnh giới hiện hữu. Thế gian không biết, lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên. Tất cả đều là do thức tâm phân biệt suy lường. Chỉ là lời nói, hoàn toàn không có nghĩa chân thật.

A-Nan, tánh của thức đại không có nguồn gốc, duyên theo sáu căn trần hư vọng mà có. Nay ông nhìn khắp thánh chúng trong hội nầy, khi mới dùng mắt xem qua; nhìn chung, chỉ thấy như bóng trong gương, chưa phân tích rõ được.

Rồi trong tâm thức ông, theo thứ tự chỉ ra, đây là Văn-thù, Phú-lâu-na, đây là Mục-kiền-liên, đây là Tu-bồ-đề. Thức nhận biết đó sinh ra do cái thấy, do các tướng, do hư không hay không nhân gì cả mà đột nhiên sinh ra?

A-Nan, nếu thức tánh của ông sinh ra do cái thấy, mà không có bốn tướng sáng tối, cùng sắc không, thì chắc không có được cái thấy. Tánh thấy còn không có, do đâu phát sinh ra thức?

Nếu cái Thức của ông sanh ra do các tướng, chứ không do cái Thấy, thì không thấy được cái sáng cũng chẳng thấy được cái tối. Sáng tối đã không thấy thì cũng không có Sắc Không. Các tướng kia còn không có thì cái Thức do đâu mà phát sanh ?

Nếu thức sinh ra do hư không, chẳng phải sắc tướng, chẳng phải cái thấy. Nếu chẳng phải là cái thấy thì không thể phân biệt, vốn tự không biết được các tướng sáng tối và sắc không. Nếu chẳng có sắc tướng thì sở duyên tự diệt mất, nên kiến văn giác tri chẳng có nơi an lập.

Giữa hai thứ chẳng phải nêu trên, nếu 'không' thì tâm thức đồng như chẳng có, nếu 'có' thì tâm thức đồng như các vật. Dù cho phát ra tâm thức của ông thì nó sẽ phân biệt được gì?

Nếu thức không do đâu mà phát sinh, tại sao không phân biệt được ánh trăng lúc ban ngày ?

Ông phải suy xét thật kỹ, quán sát thật tường tận. Cái thấy phải nương nhờ con mắt ông, sắc tướng là cảnh của tiền trần. Những gì có tướng mới thành có, chẳng có tướng ắt thành không. Cái thức như vậy, do đâu mà có?

Thức thì linh động, cái thấy trong lặng, chẳng hòa chẳng hợp. Tánh ngửi, tánh nghe và tánh hay biết cũng đều như vậy. Chẳng lẽ tâm thức không do đâu mà có?

Nếu thức ấy chẳng do đâu sinh ra, thì nên biết tác dụng của kiến văn giác tri vốn vắng lặng cùng khắp, tánh chẳng do đâu mà có. Hai đại ấy (thức đại và kiến đại) cùng với hư không, địa, thủy, hỏa, phong, đều gọi là bảy đại, tánh thật viên dung, đều là tánh Như Lai tạng,

A-Nan, tâm ông nông cạn, không ngộ được cái kiến văn, không rõ được cái giác tri vốn là tánh Như Lai tạng. Ông nên quán sát sáu chỗ thức tâm nầy là đồng hay khác, là không hay là có, là chẳng đồng chẳng khác, là chẳng không chẳng có?

Ông vốn không biết, trong Như Lai tạng tánh của thức là rõ biết sáng suốt, tánh giác ngộ sáng suốt chính là chơn thức. Bản giác trong sáng nhiệm mầu, vắng lặng cùng khắp pháp giới.

Bao gồm và hiển bày trong khắp mười phương hư không, đâu có phương hướng xứ sở?

Chỉ tùy theo nghiệp mà hiện bày ra, thế gian không biết lầm cho là tánh Nhân Duyên hay tánh Tự Nhiên, đều là sự phân biệt, so lường của thức tâm, chỉ có lời nói, danh tự, toàn không có thật nghĩa.

ĐỐN NGỘ PHÁP THÂN VÀ PHÁT NGUYỆN

Lúc bấy giờ, Ông Anan và cả đại chúng nhờ Phật Như Lai vi diệu chỉ bày, thân tâm rỗng rang, không gì chướng ngại. Cả đại chúng ấy, mỗi người đều tự biết Tâm đầy khắp mười phương. Thấy mười phương không như xem chiếc lá trong bàn tay, tất cảthế gian, hết thảy vật gì cũng đều là Bồ Đề Diệu Minh Nguyên Tâm.

Tâm tánh tròn khắp, trùm chứa cả mười phương cõi nước. Nhìn trở lại cái thân cha mẹ sanh ra, như một hạt bụi trong hư không mười phương, như còn như mất.

Như biển lớn lặng trong, nổi trôi một bọt nước, khởi diệt chẳng màng. Rõ ràng tự biết, vào được cái Tâm nhiệm mầu xưa nay, thường trụ bất diệt. Được cái chưa từng có, bèn chấp tay lễ Phật, đối trước Như Lai, nói lên bài kệ xưng tán bậc Giác Ngộ.

Kính lạy Pháp thân, Báo thân, Ứng thân Phật
Thủ Lăng Nghiêm vương hiếm có trên đời.
Tiêu trừ cho con các vọng tưởng điên đảo từ muôn ức kiếp
Không cần trải qua vô số kiếp mà vẫn được Pháp thân.

Nguyện nay đắc quả thành Bảo vương,
Trở lại độ thoát chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng.

Nguyện đem thân tâm này phụng sự vô số cõi,
Thế mới gọi là đền ơn chư Phật.

Cúi xin Đức Thế Tôn chứng minh cho con,
Trong đời ác ngũ trược con nguyện vào trước,
Nếu một chúng sanh chưa thành Phật,
Quyết không nơi đó tự mình chứng Niết Bàn.

Đức Phật là đấng đại hùng đại lực đại từ bi,
Cúi xin Ngài dứt trừ các hoặc vi tế cho con.
Khiến con mau đến Vô Thượng Giác,
Mười phương thế giới ngồi cõi đạo tràng.

Hư không kia còn có thể tiêu mất,
Bổn tâm kiên cố không hề lay động.

Kinh Lăng Nghiêm – Quyển 4



**KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM**

* * *

QUYỂN 4

NGUYÊN DO SINH KHỞI TƯƠNG TỤC

Lúc bấy giờ Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử từ chỗ ngồi trong đại chúng liền đứng dậy, bày vai áo bên phải, quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay cung kính rồi bạch Phật rằng: Đấng Thế Tôn đại oai đức, xin ngài hãy vì thương chúng sinh mà diễn bày đệ nhất nghĩa đế của Như Lai.

Thế Tôn thường khen, con là người thuyết pháp bậc nhất. Nay con nghe pháp âm vi diệu của Như Lai, con như người điếc, xa ngoài trăm bước, lắng nghe tiếng muỗi mòng, vốn thực chẳng thấy, huống nữa là nghe.

Tuy Thế Tôn tuyên bày giáo pháp rõ ràng, khiến cho con giải trừ hết nghi hoặc, nhưng nay con vẫn còn chưa tỏ tường nghĩa cứu cánh nầy để đạt đến chỗ không còn nghi hoặc. Bạch Thế Tôn, như A-Nan và các vị tuy đã chứng quả A La Hán, nhưng tập khí hữu lậu chưa trừ sạch được.

Trong chúng hội, con đã chứng được quả vô lậu. Tuy đã sạch các lậu hoặc, nhưng nay nghe pháp âm do Như Lai giảng nói, vẫn còn nhiều nghi nan bối rối.

Bạch Thế Tôn, nếu hết thảy các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v… trong thế gian đều là tánh Như Lai tạng, thanh tịnh bổn nhiên, thì làm sao lại bỗng dưng nổi lên các tướng hữu vi, núi sông đất liền, liên tục trước sau, theo nhau dời đổi?

Lại nữa, Như Lai thường nói bản tánh của đất, nước, lửa, gió vốn là viên dung, bao trùm khắp pháp giới, vắng lặng, thường trú.

Bạch Thế Tôn, nếu tánh của đất đầy khắp, thì làm sao còn chứa được nước? Nếu tánh của nước đầy khắp, thì lửa ắt là không sanh ra được. Lại nữa, Như Lai giải thích làm sao tánh của nước và tánh của lửa đều đầy khắp hư không mà không lấn hại lẫn nhau? Bạch Thế Tôn, tánh của đất là cứng, tánh của hư không là thông suốt; làm sao cả hai tánh nầy đều cùng lúc trùm khắp pháp giới được? Con không biết nghĩa nầy sẽ dẫn đến đâu?

Nguyện xin Như Lai mở lòng đại từ, khai mở mê lầm của con và đại chúng đang bị che mờ như mây. Nói lời ấy xong, năm vóc gieo sát đất, cung kính ngưỡng mong lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Phú-lâu-na và các vị A La Hán đã trừ sạch các lậu và chứng quả vô học rằng: "Nay Như Lai khắp vì hội chúng nầy, sẽ chỉ bày tánh thắng nghĩa chân thật trong thắng nghĩa. Khiến cho trong chúng hội nầy, hàng định tánh Thanh Văn cùng tất cả những vị A La Hán chưa chứng được nhân không và pháp không, nhưng có tâm hướng về thượng thừa, đều được pháp tu hành chân chính, chân thực không xao động trong cảnh giới nhất thừa tịch diệt. Ông hãy nghe kỹ, Như Lai sẽ vì ông giảng nói."

Ngài Phú-lâu-na và đại chúng, khâm ngưỡng pháp âm của Phật, im lặng lắng nghe.

Đức Phật bảo: "Phú-lâu-na, như ông vừa hỏi, đã là thanh tịnh bản nhiên, sao bỗng dưng sanh ra núi sông đất liền?"

Ông chẳng thường nghe Như Lai giảng bày, tánh giác là diệu minh, bản giác là minh diệu hay sao?

Phú-lâu-na bạch: "Thưa Thế Tôn, con thường nghe Phật chỉ dạy nghĩa ấy."

Đức Phật bảo: "Ông nói giác minh, có phải là bản tánh sáng suốt (minh), nên gọi là giác; hay ông cho rằng tánh giác đó vốn là không minh, thế nên gọi là minh giác?"

Phú-lâu-na thưa: "Nếu cái không minh đó mà gọi là giác, thì nó chẳng minh được cái gì."

Phật dạy: "Nếu không có sở minh thì không có minh giác; có sở minh thì chẳng phải là giác, mà không có sở minh thì chẳng phải là minh. Không minh thì lại chẳng phải là tánh giác trạm minh."

Tánh giác tất là minh, do vọng tưởng mà có ra minh giác. Giác chẳng phải là cái gì cần phải tác động vào mới sáng (sở minh), nhân có minh mà lập ra sở, Đã hư vọng lập ra sở rồi, mới lập nên cái năng hư vọng nơi ông. Thế nên trong cái không giống, không khác, bỗng dưng thành ra có khác.

Khác với cái khác kia, nhân cái khác đó mà lập cái đồng. Đã phát minh cái đồng cái khác rồi, nhân đó lại lập cái không đồng không khác. Rối loạn như vậy, đối đãi nhau sinh ra mệt mỏi. Mệt mỏi lâu dài phát ra trần tướng, tự làm vẩn đục lẫn nhau. Do đó đưa đến khởi phát trần lao phiền não.

Nổi lên thì thành thế giới, lắng đọng thì thành hư không. Hư không là đồng, thế giới là dị. Cái không đồng không khác kia, chân thật là pháp hữu vi.

Cái giác thì sáng suốt, hư không thì mê muội, hai cái đối đãi nhau thành có lay động. Nên có phong luân nắm giữ thế giới. Nhân hư không mà có sự lay động, phát minh ra tánh cứng, thành ra có ngăn ngại. Kim bảo ấy là do minh giác làm nên tánh cứng. Thế nên có kim luân để bảo trì quốc độ.

Biết cái cứng thì thành có kim bảo, rõ biết cái lay động thì khiến cho phong đại phát ra. Phong đại và kim bảo cọ xát nhau, nên có ánh sáng của lửa (hoả đại) làm tánh biến hoá.

Ngọn lửa xông lên, kim bảo sanh ra tánh ướt. Nên có thủy luân trùm khắp mười phương cõi giới. Lửa thì bốc lên, nước thì sa xuống; giao xen nhau, phát ra thành tánh cứng. Chỗ ướt thành biển lớn, chỗ khô thành gò nổi.

Do nghĩa ấy, nên trong biển lớn kia, thường phát ra ánh lửa; trong đất liền kia, sông ngòi thường chảy.

Thế nước kém thế lửa thì kết thành núi cao. Thế nên khi đập đá núi thì nháng tia lửa, khi nấu thì chảy ra nước. Thế đất kém thế nước, vươn ra thành cỏ cây. Thế nên rừng cây bị đốt thì thành đất, vắt đất ra thì thành nước. Vọng tưởng giao xen phát sinh, lần lượt làm chủng tử cho nhau. Do nhân duyên đó mà thế giới tương tục.

Lại nữa Phú-lâu-na, vọng tưởng chẳng phải là cái gì khác, chính do giác minh mà hoá ra lầm lỗi. Cái sở minh hư vọng đã lập, thì phạm vi của năng minh cũng không thể vượt qua được. Do nhân duyên ấy, cái nghe không ra ngoài tiếng, cái thấy không vượt khỏi sắc.

Sáu cái vọng sắc hương vị xúc v.v… đã thành lập. Do đó chia ra có thấy nghe hay biết. Đồng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà hợp, mà tách rời, mà thành, mà chuyển hoá.

Cái thấy phát minh thì sắc phát ra, soi rõ sự thấy thì có cái tưởng. Ý kiến khác nhau thành có cái ghét, cái tưởng đồng nhau thành có luyến ái. Lưu giữ tánh ái thành có chủng tử, thu nạp niệm tưởng thành ra bào thai. Phát sanh sự giao cấu làm hấp dẫn đồng nghiệp. Nên có nhân duyên sanh ra yết-la-lam, át-bồ-đàm v.v…

Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hoá sanh, tùy theo nghiệp tương ứng. Thai sanh do ái tình mà có. Thấp sanh là do cơ cảm mà hợp lại, hoá sanh do phân ly mà ứng hiện. Khi tình, khi tưởng, khi hợp, khi ly, thay đổi lẫn nhau. Các loài thọ nghiệp báo cũng theo nhau lên xuống. Do nhân duyên đó mà chúng sinh tương tục.

Phú-lâu-na, tư tưởng thương yêu ràng buộc lẫn nhau, yêu mãi không rời. Thế nên cha mẹ con cháu trong thế gian sanh nhau không dứt. Loại nầy thì lấy tham dục làm gốc.

Lòng tham ái cùng giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không dứt. Thế nên các loài noãn sanh, thai sanh thấp sanh, hoá sanh trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau. Loại chúng sinh nầy lấy sát và tham làm gốc.

Do người ăn dê, dê chết hoá làm người, người chết hoá làm dê. Như thế cho đến mười loại chúng sinh, sống chết xoay vần, ăn nuốt lẫn nhau. Ác nghiệp cùng tạo ra cho đến vị lai. Loại chúng sinh nầy lấy trộm đạo và tham lam làm gốc.

Ông nợ mạng tôi, tôi trả nợ thân mạng cho ông. Do nhân duyên ấy, trải qua trăm ngàn kiếp thường ở trong sinh tử. Ông yêu cái tâm tôi, tôi yêu hình sắc của ông. Do nhân duyên ấy, trải qua trăm nghìn kiếp, thường ở trong vòng ràng buộc. Chính ba thứ sát đạo dâm là căn bản. Do nhân duyên đó, nghiệp quả tương tục.

Phú-lâu-na, ba thứ tương tục điên đảo ấy, đều là do tánh sáng hư vọng muốn soi rõ tánh giác. Nhân cái liễu tri mà phát ra cảnh tướng, theo vọng tưởng mà kiến chấp phát sinh. Các tướng núi sông đất liền thứ lớp dời đổi. Do hư vọng nầy mà xoay vần không cùng tận.

<u>Phú-lâu-na bạch</u>: Nếu cái diệu giác dó, vốn bản tánh là diệu minh, cùng với tâm Như Lai không tăng không diệt. Không có cớ gì bỗng nhiên phát sanh các tướng

hữu vi, núi sông đất liền. Như Lai nay đã chứng được bản giác diệu không, thế thì núi sông đất liền, các tập khí hữu lậu hữu vi, có còn sanh khởi trở lại hay không?

GIÁC BẤT SANH MÊ

Đức Phật bảo Phú-lâu-na: "Ví như người mê, nơi một xóm làng, lầm hướng nam thành hướng bắc, thì cái mê nầy do mê mà có, hay do ngộ mà ra?

Phú-lâu-na bạch: "Người mê như vậy, cũng không do nơi mê, cũng chẳng do nơi ngộ. Sao vậy? Mê vốn không có gốc, làm sao do nơi mê được? Ngộ chẳng sinh ra mê, làm sao lại do nơi ngộ?"

Đức Phật dạy: "Nếu người mê kia, chính lúc đang mê, bỗng có người ngộ chỉ bày cho được ngộ. Phú-lâu-na, ý ông nghĩ sao? Người ấy qua được cái mê, đối với xóm làng đó, có còn sanh mê nữa không?"

Phú-lâu-na thưa: Bạch Thế Tôn, không.

Đức Phật bảo: Phú-lâu-na, các Đức Như Lai trong cả mười phương cũng đều như vậy. Cái mê ấy không có gốc, tánh nó rốt ráo là không. Xưa vốn chẳng có mê, tựa như có mê có giác. Giác ngộ được cái mê rồi thì cái mê ấy không còn nữa, cái giác ấy không sinh ra cái mê.

Cũng như người bị nhặm mắt thấy hoa đốm giữa hư không. Nếu bệnh nhặm được trừ, hoa đốm giữa hư không biến mất. Bỗng có người ngu, ở chỗ hoa đốm hư không kia đã diệt rồi, mong đợi hoa đốm kia sanh lại. Ông xem người ấy là người ngu hay người có trí huệ?

Phú-lâu-na thưa: "Vốn trong hư không không có hoa đốm, vì hư vọng mà thấy có sanh diệt. Thấy hoa đốm diệt giữa hư không, đã là người điên đảo rồi. Còn muốn nó sanh ra lại. Đó thật là người cuồng si. Sao còn phải hỏi những người cuồng như thế là ngu si hay trí huệ?"

Đức Phật bảo: "Ông hiểu như vậy, sao còn hỏi tánh diệu giác minh không của Như Lai, có khi nào sinh khởi núi sông đất liền lại chăng?"

Cũng như khoáng chất kim loại lẫn trong vàng, khi đã luyện thành vàng ròng rồi thì vàng không trở thành tạp chất kim loại nữa. Như cây cháy đã thành tro, tro ấy không trở lại thành cây được nữa.

Bồ-đề niết-bàn của chư Phật và các Đức Như Lai cũng đều như vậy.

SỰ DUNG THÔNG CỦA CÁC ĐẠI CHỦNG

Phú-lâu-na, ông lại hỏi rằng, tánh của đất nước lửa gió vốn là viên dung, trùm khắp pháp giới, ông nghi tại sao tánh lửa và tánh nước lại không xâm đoạt lẫn nhau. Ông lại nêu ra hư không và đất liền trùm khắp pháp giới, lẽ ra nó không dung hợp với nhau.

Phú-lâu-na, ví như hư không, bản thể của nó không phải là các tướng, nhưng hư không chẳng ngăn ngại các tướng ấy hiện hữu trong nó.

Vì sao như vậy? Phú-lâu-na, nơi hư không kia khi mặt trời lên thì chiếu sáng, khi mây kéo đến thì u ám, khi gió chuyển thì lay động, khi trời tạnh thì trong xanh, khi khí ngưng tụ thì mờ đục, bụi nổi thì mù, nước lắng trong thì phản chiếu.

Ý ông nghĩ sao? Các tướng hữu vi ở mỗi nơi khác nhau, nhân các cái kia mà sanh, hay nhân hư không mà có?

Phú-lâu-na, nếu như nhân các thứ kia mà sanh ra, thì khi mặt trời lên, mặt trời đã chiếu sáng, mười phương thế giới đều thành sắc của mặt trời. Làm sao giữa hư không còn thấy mặt trời tròn? Nếu là hư không sáng, thì hư không phải tự soi lấy, làm sao lúc giữa đêm mây mù, lại không sinh ra sáng chói?

Nên biết cái sáng đó, chẳng phải là mặt trời, chẳng phải là hư không, cũng chẳng khác hư không và mặt trời.

Xét về tướng vốn là vọng, không thể chỉ bày. Như muốn hoa đốm giữa hư không kết thành quả của hư không. Làm sao còn hỏi về nghĩa xâm diệt lẫn nhau?

Quán về tánh, vốn là chân, chỉ là tánh diệu giác minh. Tánh diệu giác minh, vốn chẳng phải là lửa, là nước. Làm sao còn hỏi về nghĩa không dung được nhau?

Tánh diệu giác minh chân thật cũng như vậy. Nếu ông phát minh hư không, thì có hư không hiện ra. Nếu ông phát minh đất, nước, lửa, gió, thì mỗi thứ đều hiện ra. Nếu cùng phát minh các hiện tượng, thì tất cả cùng hiện ra.

Thế nào là cùng hiện ra? Phú-lâu-na, như trong chỗ có nước hiện ra bóng mặt trời, có hai người cùng xem mặt trời hiện trong nước. Rồi mỗi người đi về mỗi hướng đông tây khác nhau, ắt là họ đều thấy có mặt trời theo mình. Theo hai người cùng đi, một về hướng đông, một về hướng tây, không có chuẩn đích nhất định.

Nên không thể gạn hỏi rằng, mặt trời ấy chỉ là một, tại sao khi mỗi người đi đều có mặt trời đi theo? Mặt trời đã thành hai, tại sao trước kia chỉ hiện ra một? Hư vọng quanh quẩn như vậy, chẳng có gì để làm bằng cứ.

Phú-lâu-na, ông lấy cái sắc không khuynh loát, xâm đoạt nhau trong Như Lai tạng, thì Như Lai tạng sẽ cùng theo ông làm sắc, làm không hiện khắp cả pháp giới.

Thế nên trong ấy, gió thì động, hư không thì tĩnh lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối. Chúng sinh mê lầm, trái ngược tánh giác, hợp với trần cảnh. Nên phát ra trần lao và các tướng thế gian.

Như Lai dùng tánh giác diệu minh bất sinh bất diệt hiệp cùng Như Lai tạng, thì Như Lai tạng chỉ thuần là tánh giác diệu minh, chiếu khắp cả pháp giới. Cho nên trong ấy, một là vô lượng, vô lượng là một, trong cái nhỏ hiện ra cái lớn, trong cái lớn hiện ra cái nhỏ.

Đạo tràng bất động cùng khắp cõi giới mười phương. Thân bao trùm cả hư không vô tận khắp mười phương. Ở trên đầu một mảy lông mà hiện ra cõi Bảo vương. Ngồi trong vi trần mà chuyển bánh xe đại pháp. Diệt trần tướng, khế hợp tánh giác, nên phát ra tánh giác chân như sáng suốt nhiệm mầu.

Mà Như Lai tạng chính là bổn diệu viên tâm. Không phải là tâm, chẳng phải là không. Không phải là đất, chẳng phải là nước, chẳng phải gió, chẳng phải lửa; chẳng phải mắt tai mũi lưỡi thân ý; chẳng phải sắc thanh hương vị xúc pháp. Chẳng phải nhãn thức giới, như thế cho đến chẳng phải ý thức giới.

Chẳng phải là minh, chẳng phải vô minh; chẳng phải là hết minh, chẳng phải hết vô minh. Như vậy cho đến chẳng phải là hết lão, hết tử, chẳng phải là hết lão, chẳng phải hết tử.

Không phải là khổ là tập; chẳng phải là diệt là đạo. Không phải là trí là đắc. Không phải là bố thí, trì giới, không phải là tinh tấn, nhẫn nhục; không phải là thiền định, trí tuệ; không phải là ba-la-mật-đa.

Như thế cho đến chẳng có Như Lai, chẳng phải A La Hán, chẳng có Chánh biến tri. Chẳng có đại niết-bàn, chẳng có thường lạc ngã tịnh.

Do đó đều chẳng phải là các pháp thế gian và xuất thế gian. Tức là bản nguyên vi diệu sáng suốt của Như Lai tạng. Tức là tâm, là không. Tức là đất nước gió lửa. Tức là mắt tai mũi lưỡi thân ý. Tức là sắc thanh hương vị xúc pháp. Tức là nhãn thức giới, cho đến tức là ý thức giới.

Tức là minh, là vô minh. Tức là chấm dứt minh và chấm dứt vô minh. Như thế cho đến tức là lão, là tử, tức là hết lão hết tử; tức là khổ, là tập, là diệt, là đạo. Tức là trí, là đắc. Tức bố thí, trì giới, tức tinh tấn, tức nhẫn nhục, tức thiền định, tức trí huệ, tức lục độ. Như thế cho đến tức Như Lai, tức Ứng cúng, tức Chánh biến tri. Tức đại niết-bàn, tức thường lạc ngã tịnh.

Do vậy nó là cả hai pháp thế gian và xuất thế gian, Tức là Như Lai tạng diệu minh tâm nguyên. Rời các nghĩa “tức,” “phi,” mà cũng là nghĩa “tức,” và chẳng phải nghĩa “tức.”

Làm sao chúng sinh trong ba cõi thế gian, cùng với hàng Thanh Văn Duyên Giác xuất thế gian, đem tâm sở tri mà suy lường Vô thượng bồ-đề của Như Lai, dùng ngôn ngữ thế gian để nhập vào tri kiến Phật?

Ví như những cây đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, đàn tỳ bà, tuy có âm thanh hay, nhưng nếu không có ngón tay tài ba gảy vào, thì rốt cuộc cũng không phát ra tiếng.

Ông và chúng sinh cũng đều như vậy. Chân tâm giác ngộ quý báu đều đầy đủ trong mỗi người. Nhưng khi Như Lai ấn ngón tay thì hải ấn phát ra hào quang, còn các ông chỉ tạm móng khởi tâm, thì trần lao liền nổi dậy. Do vì không siêng năng cầu đạo giác ngộ vô thượng. Chỉ thích nghĩ đến Tiểu thừa, được một ít liền cho là đủ.

Phú-lâu-na bạch: "Chân tâm quý báu, thanh tịnh vi diệu, giác ngộ sáng suốt của con cùng với Như Lai vốn là viên mãn không hai. Nhưng xưa con mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, nên phải ở lâu trong luân hồi. Nay được thánh thừa, còn chưa được chỗ cứu cánh. Như Thế Tôn, hết thảy các vọng đều dứt trừ, chỉ có diệu dụng của tánh chân thường."

Con xin hỏi Như Lai, tất cả chúng sinh vì nhân gì mà có vọng, tự che tánh diệu minh mà chịu chìm đắm như vậy?

Phật bảo Phú-lâu-na: Ông tuy đã trừ được mối nghi, nhưng còn những mê lầm chưa dứt sạch. Nay Như Lai sẽ dùng những việc hiện tiền ở thế gian để hỏi ông.

"Phú-lâu-na, Ông chưa nghe chuyện Diễn-nhã-đạt-đa trong thành Thất-la-phiệt hay sao? Buổi sáng anh ta lấy gương soi mặt, bỗng nhiên ưa thích cái đầu trong gương, nó có thể thấy được lông mày lông mi, rồi trách cái đầu mình không thể thấy được mặt mày của chính mình. Nên cho cái đầu mình là giống yêu quái, vô cớ phát điên bỏ chạy.

Ông nghĩ sao, Người ấy vì sao vô cớ phát điên bỏ chạy như vậy?

Phú-lâu-na thưa: "Tâm người ấy điên, chứ không có duyên cớ gì khác."

Đức Phật bảo: "Tính diệu giác viên mãn sáng suốt, vốn là diệu minh viên mãn. Nếu đã gọi là vọng, thì làm sao có nhân?

Nếu đã có nhân rồi, làm sao gọi là vọng?"

Chỉ tự các vọng tưởng xoay vần làm nguyên nhân cho nhau. Theo cái mê chứa cái mê, trải qua kiếp số như vi trần. Tuy Phật phát minh, nhưng không thể làm cho nó mất tác dụng.

Nguyên nhân cái mê như vậy, là nhân mê mà tự có. Biết mê không có nguyên nhân, thì vọng chẳng còn chỗ tựa. Vốn không có chỗ sinh, muốn nó diệt làm gì? Người được chứng ngộ, như người đang thức mà nói chuyện trong mộng. Tâm dù có sáng suốt, nhưng với nhân duyên nào mà lấy được vật trong mộng?

Huống nữa cái mê vốn không nhân, vốn không thực có. Như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành kia, đâu có nhân duyên gì, tự sợ cái đầu của mình mà bỏ chạy. Bỗng nhiên hết điên, thấy cái đầu chẳng do bên ngoài đưa đến. Dù chưa hết cuồng, cái đầu cũng chưa từng mất.

Phú-lâu-na, tánh vọng tưởng là như vậy, nguyên nhân của nó do đâu mà tồn tại?

Ông chỉ cần không theo sự phân biệt ba thứ tương tục: thế gian, nghiệp quả, chúng sinh. Do ba duyên đã đoạn, nên ba nhân không sanh.

Tánh cuồng của Diễn-nhã-đạt-đa trong tâm ông tự hết. Hết tức là tâm bồ-đề thù thắng trong sạch sáng suốt, vốn trùm khắp pháp giới. Không do người khác mà có. Nào cần phải nhờ tu chứng nhọc nhằn vất vả.

Như có người trong chéo áo mình có buộc hạt châu như ý mà không tự biết. Đành chịu nghèo khổ đi khắp nơi xin ăn. Tuy thật nghèo cùng, nhưng hạt châu chưa từng mất.

Bỗng có người trí chỉ cho thấy hạt châu ấy. Điều mong cầu toại nguyện, trở nên rất giàu. Mới biết hạt châu quý báu ấy không phải do bên ngoài mà có.

NHÂN DUYÊN & TỰ NHIÊN

Khi ấy, A-Nan liền từ trong đại chúng đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Phật rồi bạch rằng, “Thế Tôn giảng rằng khi ba duyên của các nghiệp sát đạo dâm đã dứt trừ, thì các nhân của chúng không còn sinh khởi nữa. Tánh cuồng trong tâm của Diễn-nhã-đạt-đa tự hết, hết tức bồ-đề. Chẳng phải có được do từ người khác. Đây rõ ràng là nghĩa nhân duyên. Tại sao Như Lai vội bỏ nghĩa nhân duyên?”

Chính con cũng do nhân duyên mà được khai ngộ. Bạch Thế Tôn, nghĩa nầy chẳng riêng hàng Thanh Văn nhỏ tuổi hữu học như chúng con, mà các vị ngay trong hội nầy như Đại Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề… từ khi theo các vị Bà-la-môn, nghe lý nhân duyên của Phật, liền phát tâm khai ngộ, chứng được quả vô lậu.

Nay Thế Tôn dạy bồ-đề không do nhân duyên, thì thuyết tự nhiên của nhóm Câu-xá-lê ở thành Vương xá lại thành đệ nhất nghĩa. Cúi mong Đấng đại bi khai mở chỗ mê lầm cho chúng con.

<u>Đức Phật bảo A-Nan:</u> “Như Diễn-nhã-đạt-đa trong thành, nếu trừ được nhân duyên của tánh cuồng, thì tánh không cuồng tự nhiên hiện ra. Lý nhân duyên tự nhiên rốt ráo cũng như vậy.”

A-Nan, như cái đầu của Diễn-nhã-đạt-đa vốn là tự nhiên. Vốn đã tự nhiên như thế thì có lúc nào mà không tự nhiên. Thế vì nhân duyên gì mà sợ cái đầu, phát điên bỏ chạy?

Nếu cái đầu vốn là tự nhiên, do nhân duyên mà phát cuồng, vì sao lại không tự nhiên do nhân duyên mà mất?

Đầu vốn không mất, nỗi cuồng sợ hư vọng phát ra. Vốn chưa từng thay đổi gì, đâu cần đến nhân duyên.

Nếu tánh cuồng vốn là tự nhiên, vốn sẵn có tánh cuồng sợ, thì khi chưa cuồng, tánh cuồng ở đâu?

Nếu tánh chẳng cuồng là tự nhiên, cái đầu vốn không mất, tại sao lại điên cuồng chạy khắp?

Nếu nhận cái đầu là vốn có, rõ biết vì phát cuồng mà bỏ chạy; thì nhân duyên, tự nhiên đều là hí luận. Thế nên Như Lai nói khi ba duyên đoạn trừ, đó tức là bồ-đề tâm.

Tâm bồ-đề sinh ra, tâm sinh diệt diệt đi. Đó chỉ là sinh diệt.

Diệt và sanh đều dứt, đó gọi là vô công dụng đạo. Nếu có tự nhiên, như thế rõ ràng tâm tự nhiên sanh. Khi tâm sanh diệt đã diệt, thì đó cũng chỉ là sanh diệt.

Phải không sanh diệt, mới gọi là tự nhiên. Như trong thế gian, các tướng hòa hợp với nhau thành một thể. Đó gọi là tánh hòa hợp.

Cái chẳng phải hòa hợp thì gọi là tánh bản nhiên. Bản nhiên chẳng phải là bản nhiên, hòa hợp chẳng phải là hòa hợp. Hòa hợp và bản nhiên đều rời bỏ, ngay cả cái rời bỏ đều chẳng phải. Câu nói nầy mới được gọi là pháp không hí luận. Bồ-đề niết-bàn còn cách rất xa, nếu ông không chịu trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ nhọc tu chứng.

Ông tuy ghi nhớ diệu lý thanh tịnh nhiệm mầu trong 12 bộ kinh của các Đức Như Lai trong mười phương như số cát sông Hằng, cũng chỉ càng thêm hí luận.

Ông tuy luận bàn nghĩa nhân duyên tự nhiên dứt khoát rõ ràng. Nhưng ông không thoát khỏi nạn Ma-đăng-già.

Sao còn phải nhờ Phật đảnh thần chú của Như Lai, khiến cho lửa dâm trong tâm Ma-đăng-già dứt sạch và chứng quả A-na-hàm. Thành rừng tinh tấn trong pháp của Như Lai, Sông ái khô cạn, khiến cho ông được giải thoát.

Thế nên A-Nan, tuy ông trải qua nhiều kiếp ghi nhớ những pháp bí mật diệu nghiêm của Như Lai, cũng chẳng bằng một ngày tu pháp vô lậu, xa lìa hai cái khổ yêu ghét ở thế gian.

Như Ma-đăng-già trước kia là dâm nữ, do nhờ sức của thần chú mà tiêu trừ ái dục. Nay trong Phật pháp có tên là Tánh tỷ-khưu ni.

Cô ta với mẹ của La-hầu-la là Da-thâu-đà-la cùng biết được nhân đời trước, biết trải qua nhiều đời, do vì tham ái mà khổ. Do một niệm huân tu thiện pháp vô lậu, nên người thì ra khỏi sự ràng buộc, người thì được Phật thọ ký. Sao ông còn tự khinh mình, mà lưu ngại trong cái thấy, cái nghe?

A-Nan và đại chúng nghe Phật chỉ dạy, nghi lầm tiêu trừ, thân ý nhẹ nhàng, được điều chưa từng có.

Lại thương khóc, đảnh lễ sát dưới chân Phật. Quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng, "Đức Vô Thượng Đại Bi Thanh tịnh Bảo Vương khéo dùng phương tiện khai mở tâm chúng con. Ngài hay dùng các phương tiện nhân duyên như thế để khuyến khích, dẫn dắt các chúng sinh mê mờ ra khỏi biển khổ."

Bạch Thế Tôn, con nay tuy nghe được pháp âm như thế. Biết tánh Như Lai tạng sáng suốt giác ngộ nhiệm mầu, trùm khắp mười phương, hàm chứa các cõi bảo nghiêm thanh tịnh giác ngộ vi diệu trong mười phương quốc độ của chư Phật. Như Lai còn trách con nghe nhiều không có công đức, không bằng tu tập.

Nay con như kẻ lang thang, bỗng được Thiên Vương ban cho ngôi nhà đẹp. Tuy được ngôi nhà lớn, phải nhờ có cửa mới vào nhà được.

Cúi mong Như Lai mở lòng đại bi, chỉ dạy cho chúng con và những người còn tối tăm trong hội chúng, từ bỏ pháp Tiểu thừa, nhận được con đường phát tâm tu tập đi đến vô dư niết-bàn của Như Lai. Khiến cho hàng hữu học, biết cách nhiếp phục tâm phan duyên từ trước. Được pháp tổng trì, chứng nhập tri kiến Phật. Thưa lời ấy rồi, năm vóc gieo sát đất. Trong hội chúng một lòng trông chờ lời dạy từ bi của Đức Phật.

HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

Khi ấy, Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn Duyên Giác trong chúng hội đối với bồ-đề tâm chưa được tự tại, và những chúng sinh phát bồ-đề tâm sau khi Phật đã diệt độ trong đời mạt pháp, khai thị con đường tu hành thượng thừa vi diệu.

Tuyên dạy A-Nan và đại chúng rằng: Các ông quyết định phát tâm bồ-đề, đối với pháp tam-ma-đề vi diệu của chư Phật Như Lai mà không sanh tâm mệt mỏi, thì trước tiên phải rõ hai nghĩa quyết định lúc ban đầu tự giác phát tâm. Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm?

ĐỆ NHẤT NGHĨA GIẢ

A-Nan, nghĩa thứ nhất là, nếu các ông muốn xả bỏ pháp Thanh Văn, tu Bồ Tát thừa, thể nhập vào tri kiến Phật, nên phải xét kỹ nhân địa lúc phát tâm và quả địa khi giác ngộ là đồng hay là khác?

A-Nan, nếu ở nhân địa, lấy tâm sanh diệt làm nhân chính tu tập, mà cầu Phật thừa không sanh không diệt, thì chuyện ấy không bao giờ có.

Do nghĩa ấy, ông phải thấy rõ các pháp có thể tạo tác trên thế gian đều theo sự biến diệt. A-Nan, ông xem các pháp có thể tạo tác trên thế gian, có pháp nào không hoại diệt?

Nhưng hoàn toàn không nghe hư không hoại diệt. Sao vậy? Vì hư không chẳng phải là pháp có thể tạo tác. Do đó trước sau trọn không hoại diệt.

Trong thân ông tướng cứng là đất, tướng ướt là nước, hơi nóng là lửa, lay động là gió. Do bốn thứ ràng buộc nầy mà phân chia tâm giác ngộ sáng suốt vi diệu vắng lặng viên mãn trùm khắp của ông thành ra cái thấy nghe hay biết. Trước sau tạo thành năm lớp vẩn đục.

Thế nào là vẩn đục? A-Nan, ví như nước trong, vốn sẵn là thanh khiết. Lại như các thứ bụi đất tro cát, vốn là chất ngăn ngại. Hai thể chất ấy vốn đã như vậy, không hợp nhau được. Như có người thế gian lấy bụi đất kia ném vào nước trong, Trạng thái khuấy trộn đó gọi là vẩn đục. Năm lớp vẩn đục của ông cũng giống như vậy.

23. A-Nan, ông thấy hư không khắp cả mười phương thế giới, mà chẳng thấy phân ra hư không và tánh thấy. (Tuy vậy) có hư không mà không có thực thể, có tánh thấy mà không có tánh biết. Hai bên đã đan dệt với nhau mà thành. Đây là lớp thứ nhất, gọi là ‘kiếp trược.’
24. Thân ông hiện bám lấy tứ đại làm tự thể, nên cái thấy nghe hay biết bị ngăn ngại. Trở lại làm cho các thứ đất nước lửa gió thành ra có cái hay biết. Các thứ đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ hai gọi là kiến trược.

25. Lại nữa, trong tâm ông do sự nhớ biết học tập mà tánh phát ra thấy biết. Dung nạp sáu trần, rời tiền trần thì không có tướng, rời cái biết thì không có tánh. Những điều đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ ba gọi là phiền não trược.
26. Lại nữa, tâm ông sớm chiều sanh diệt không ngừng. Cái thấy biết thì cứ muốn lưu mãi ở thế gian, mà nghiệp báo chuyển vần luôn luôn đổi dời từ cõi nầy đến cõi khác. Những điều đó đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ tư gọi là chúng sinh trược.
27. Cái thấy nghe của ông vốn chẳng phải là tánh nào khác, do các trần cách trở nên bỗng nhiên trở thành khác. Tánh thì vẫn biết nhau, nhưng trong phần dụng thì trái nghịch nhau. Cái đồng cái khác mất hẳn chuẩn đích, cùng đan dệt nhau, hư dối mà thành. Đây là lớp thứ năm, gọi là mạng trược.

A-Nan, nay ông muốn cho cái thấy nghe hay biết của mình, quay về khế hợp với bốn đức thường lạc ngã tịnh của Như Lai.

Trước hết ông phải xác định cái gì là cội gốc sanh tử, rồi nương vào tánh không sanh không diệt, rỗng lặng trùm khắp để thành tựu.

Dùng cái vắng lặng mà xoay chuyển các thứ sanh diệt hư vọng để trở về nơi bản giác. Được tánh giác sáng suốt không sanh diệt làm cái tâm tu nhân. Sau mới thành tựu quả địa tu chứng.

Như lắng nước đục bằng cách để yên trong bình chứa. Lặng yên mãi không lay động, đất cát lắng xuống, nước trong hiện ra. Gọi là ban đầu hàng phục khách trần phiền não.

Gạn bỏ đất bùn chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh. Tướng sáng suốt tinh thuần, tất cả đều biến hiện mà không do phiền não. Đều hợp với đức thanh tịnh vi diệu của niết-bàn.

ĐỆ NHỊ NGHĨA GIẢ

Nghĩa thứ hai, các ông chắc muốn phát tâm bồ-đề, sanh tâm đại dõng mãnh với Bồ Tát thừa, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi.

Ông nên xét rõ cội gốc phiền não. Những thứ vô minh phát nghiệp nhuận sanh từ vô thủy đến nay, là do ai làm ai chịu?

A-Nan, ông tu đạo bồ-đề, nếu không quán sát rõ cội gốc phiền não, thì không thể biết được căn trần hư vọng, điên đảo chỗ nào. Chỗ (điên đảo) còn không biết, làm sao hàng phục được nó, để thủ chứng quả vị Như Lai?

A-Nan, ông xem người muốn mở các gút buộc trong thế gian, nếu không thấy chỗ gút, thì làm sao biết mở?

Nhưng chẳng nghe hư không bị ông phá vỡ bao giờ. Sao vậy? Hư không chẳng có hình tướng, nên chẳng có thắt và mở.

Như hiện nay sáu thứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà. Do đây mà chúng sinh trong thế giới từ vô thủy phát sinh sự ràng buộc, không thể thoát khỏi các hiện tượng thế gian.

A-Nan, thế nào gọi là chúng sinh và thế giới? Thế là dời đổi, giới là phương hướng.

Nay ông nên biết các phương đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên, dưới là giới; quá khứ, vị Lai, hiện tại là thế. Phương vị có mười, số lưu chuyển của thời gian có ba. Hết thảy chúng sinh đan dệt cái giả dối mà thành. Sự dời đổi trong thân và thế giới gắn bó với nhau.

Nhưng tánh của thế giới ấy dù có thiết lập tuy cả mười phương, định vị có rõ ràng. Thì thế gian chỉ nhận phương đông, phương tây, phương nam, phương bắc. Phương trên phương dưới không có vị trí rõ ràng, ở giữa cũng không có phương vị nhất định. Số bốn đã rõ, nhân với số thế. Ba lần bốn, bốn lần ba thành ra mười hai.

Nhân cho ba lớp, mười thành trăm, thành ngàn. Tổng quát trước sau trong lục căn, mỗi căn có một ngàn hai trăm công đức.

A-Nan, trong sáu căn đó, ông lại khắc định điểm mạnh điểm yếu. Như nhãn căn xem thấy phía sau tối, phía trước sáng; phương trước hoàn toàn sáng, phía sau hoàn toàn tối. Nhìn qua lại hai bên, chỉ được hai phần ba (⅔). Tóm lại, công năng của nhãn căn không được hoàn toàn. Trong ba phần công đức, một phần không có. Nên biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.

Như nhĩ căn nghe khắp cả mười phương không sót. Động thì giống như có xa, có gần; tĩnh thì không ngằn mé. Nên biết nhĩ căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức.

Như tỉ căn biết ngửi thông cả lúc thở ra thở vào. Có ra có vào, nhưng gián đoạn trong khoảng giữa. Xét kỹ tỉ căn ba phần khuyết một. Nên biết tỉ căn chỉ có tám trăm công đức.

Như thiệt căn có thể diễn nói về trí thế gian và xuất thế gian. Lời nói có phần hạn, nhưng lý thì vô cùng. Nên biết thiệt căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức.

Như thân căn biết sự xúc chạm, biết các cảm xúc khó chịu và dễ chịu. Khi tiếp xúc thì biết, khi rời ra thì không. Rời ra chỉ một, hợp lại thành hai. Xét kỹ thân căn ba phần khuyết một. Nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.

Như ý căn âm thầm dung nạp tất cả các pháp thế gian xuất thế gian trong mười phương ba đời. Dù thánh hay phàm, chẳng pháp nào mà không bao dung đến tột cùng ngằn mé. Nên biết ý căn viên mãn một ngàn hai trăm công đức.

A-Nan, nay ông muốn ngược dòng ái dục sinh tử, quay ngược lại các căn lưu ngại, đến chỗ không sinh diệt. Ông nên xét trong sáu căn hiện đang thọ dụng nầy. Căn nào hợp, căn nào ly. Căn nào sâu, căn nào cạn. Căn nào viên thông, căn nào không viên mãn?

Nếu ngay nơi đây ngộ được căn tánh viên thông, ngược với dòng nghiệp hư vọng đan dệt từ vô thủy kia, theo tánh viên thông, thì đối với việc tu tập ở các căn không viên thông hiệu quả sẽ gấp bội, một ngày bằng một kiếp.

Nay Như Lai đã chỉ rõ sáu căn vắng lặng sáng suốt viên thông, vốn có đầy đủ công đức như vậy. Tùy ông xét kỹ căn nào có thể nhập đạo được. Như Lai sẽ giảng rõ, giúp ông tiến bộ hơn.

Chư Phật Như Lai ở trong mười phương, đối với mười tám giới, mỗi giới tu hành đều được viên mãn vô thượng bồ-đề. Trong các giới đó, không có cái nào hơn kém. Chỉ vì căn cơ ông còn thấp kém, chưa thể ở trong trí huệ viên mãn tự tại ấy được. Nên Như Lai mới giảng nói, khiến cho ông chỉ cần đi sâu vào một căn.

Vào một căn không còn vọng tưởng, thì cả sáu căn kia đồng thời thanh tịnh.

A-Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, thế nào là ngược dòng, đi sâu vào một căn, khiến cho sáu căn đồng thời thanh tịnh?”

Đức Phật bảo A-Nan: “Nay ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Đã diệt trừ được kiến hoặc của chúng sinh và thế gian trong tam giới. Nhưng do chưa biết rõ những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy. Các tập khí ấy phải do nhờ tu nhân mới trừ hết được. Huống gì trong đó, còn phải chịu sanh trụ dị diệt và nhiều chi tiết về sanh trụ dị diệt?

Nay ông hãy xem sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? A-Nan, nếu nói là một thì sao lỗ tai không thấy, mắt sao không nghe. Cái đầu sao không biết đi, chân sao không nói được?

Nếu các căn ấy quyết định là sáu, như nay Như Lai ở trong hội chúng vì các ông mà tuyên dương pháp môn vi diệu. Vậy trong các căn của ông cái gì đến lãnh thọ?

A-Nan thưa: “Con nghe bằng tai.”

Đức Phật hỏi: "Tai ông tự nghe, thì quan hệ gì đến thân và miệng? Tại sao miệng lại hỏi nghĩa lý, thân biểu hiện sự kính trọng?"

Do vậy nên biết, nếu không phải một thì phải là sáu, nếu không phải sáu thì phải là một. Thế nên các căn của ông, rốt ráo chẳng phải là một, chẳng phải là sáu.

A-Nan nên biết, các căn ấy không phải là sáu, không phải là một. Do từ vô thủy đến nay điên đảo chấp trước, nên đối với tánh viên trạm, sinh ra nghĩa một và sáu. Ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn, tuy chấp vào sáu đã tiêu, nhưng cái chấp một chưa quên.

Như bầu hư không, chung hợp với các vật. Do hình trạng các vật có khác, nên gọi là hư không có khác. Nếu bỏ các vật ra mà quán sát hư không, thì nói hư không là một.

Hư không kia làm sao vì ông mà thành đồng hay khác? Huống chi lại gọi là một hay chẳng phải một. Thế ông đã biết, sáu căn thọ dụng cũng giống như vậy.

Do hai thứ tối sáng hiển bày lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái thấy. Cái thấy ánh hiện ra thành sắc, kết sắc thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'nhãn căn' như trái bồ đào. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo sắc

Do hai tướng động tỉnh đối chọi lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái nghe. Cái nghe ánh hiện ra thành tiếng, cuộn cái tiếng lại thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'nhĩ căn' là lá sen non. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo âm thanh.

Do hai tướng thông và bít phát hiện lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra tánh ngửi. Tính ngửi ánh hiện ra thành hương, thu nạp các hương thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'tỉ căn' như hai móng tay duỗi xuống. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo hương.

Do vị nhạt và vị khác xen lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra tánh nếm. Tính nếm ánh hiện ra thành vị, thu nạp các vị thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi hình thể của 'thiệt căn' như mặt trăng lưỡi liềm. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo vị.

Do hai tướng ly và hợp cọ xát lẫn nhau, kết dính sự yên lặng trong tánh diệu viên mà phát ra cái biết xúc chạm. Tính biết xúc chạm ánh hiện thành xúc, thu nạp các xúc thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi thể của 'thân căn' như cái trống cơm. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo xúc.

Do hai thứ sinh diệt tương tục lẫn nhau, kết dính tánh yên lặng nơi tánh diệu viên mà phát ra cái biết. Tính biết ánh hiện thành các pháp, thu nạp các pháp thành căn. Bổn nguyên của căn là tứ đại thanh tịnh. Nhân đó gọi là 'ý tư,' như cái thấy trong nhà tối. Phù căn tứ trần giong ruổi chạy theo pháp.

A-Nan, sáu căn như vậy do tánh giác minh soi lại tánh minh giác. Làm mất tánh sáng suốt kia, kết dính với cái vọng mà phát ra ánh sáng.

Vậy nên nay ông rời tối rời sáng, thì không có cái thể của thấy. Rời động rời tỉnh, thì không có cái nghe. Không có thông không bít, thì tánh ngửi không phát sinh. Không có mùi vị, không lạt, thì tánh nếm không có. Không rời xa, không kết hợp thì tánh xúc chẳng có. Không sanh không diệt, thì cái biết gá chỗ nào?

Ông chỉ cần không theo động tĩnh hợp li, điềm biến thông tắc, sanh diệt ám minh, mười hai tướng như vậy. Tuỳ theo đó mà nhổ sạch một căn, thoát khỏi dính mắc, hàng phục nó từ bên trong. Hàng phục rồi trở về cội nguồn chân tâm, và phát ra tánh sáng suốt vi diệu vốn có. Khi tánh sáng suốt phát minh thì năm mối kết dính kia cũng được mở sạch.

Không do tiền trần mà khởi lên cái thấy biết, thì cái sáng suốt sẽ không theo căn, chỉ gá nơi căn mà tánh sáng phát ra. Do đó mà sáu căn được dùng thay cho nhau.

A-Nan, ông sao không biết, trong hội chúng nầy, ông A-na-luật-đà không có mắt mà vẫn thấy. Rồng Bạt-nan-đà không có tai mà vẫn nghe. Thần nữ Căng-già không có mũi mà ngửi được mùi hương. Ông Kiều-phạm-ba-đề lưỡi khác lưỡi người mà vẫn nếm được mùi vị.

Thần Thuấn-nhã-đa không có thân mà vẫn biết xúc chạm. Do hào quang của Như Lai ánh ra mà tạm hiện có thân, chứ bản chất của ông là gió, chứ không có thân thể. Các vị Thanh Văn được tịch diệt trong diệt tận định như Ma-ha Ca-diếp trong hội nầy, ý căn đã diệt từ lâu rồi, mà vẫn rõ biết cùng khắp nhưng không do ở tâm niệm.

A-Nan, nay các căn của ông nếu đã hoàn toàn nhổ sạch, sáng suốt bên trong sẽ phát ra. Như thế các phù trần và các tướng biến hoá trong thế gian như nước nóng làm tan băng. Ứng với tâm niệm, sẽ hoá thành vô thượng trí giác.

A-Nan như người thế gian kia gom cái thấy nơi mắt, nếu biểu nhắm kín thì tướng tối hiện ra. Cả sáu căn đều tối, thì đầu và chân đều giống nhau. Người kia lấy tay rờ quanh ngoài thân thể, tuy không thấy được nhưng đã nhận ra đầu và chân rồi thì cái hiểu biết vẫn như nhau.

Nếu sáng là duyên cần thiết của cái thấy, thì khi tối sẽ thành ra không thấy. Chứ không có ánh sáng mà phát ra cái thấy, thì các tướng không thể nào làm mờ tối được.

Căn trần đã tiêu, làm sao tánh giác minh chẳng thành viên mãn và vi diệu?

NGHE KHÔNG PHẢI LÀ TIẾNG

A-Nan bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, như Phật đã dạy, 'Muốn cầu quả thường trụ, khi phát tâm tu đạo giác ngộ ở nhân địa, phải tương ưng với quả vị."

Bạch Thế Tôn, như trong các quả vị Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như Phật tánh, Am-ma-la thức, Không Như Lai tạng, Đại viên cảnh trí. Bảy danh hiệu ấy tên gọi tuy khác, mà thể tánh thanh tịnh viên mãn vững chắc như kim cương vương, thường trụ bất hoại.

Nếu cái thấy nghe nầy, rời các tướng tối sáng, động tỉnh, thông bít, thì rốt ráo nó không có tự thể. Cũng như tâm niệm, nếu rời khỏi tiền trần, là vốn không thật có.

Sao lại đem cái tâm hoàn toàn đoạn diệt ấy làm nhân tu hành, mà mong đạt được bảy quả vị thường trụ của Như Lai?

Bạch Thế Tôn, nếu rời sáng tối thì cái thấy rốt ráo là không. Như không có tiền trần thì vọng niệm trong tự tánh bị diệt mất.

Xoay vần tới lui chiêm nghiệm chính chắn, thấy vốn không có tâm và tâm sở của con. Vậy con lấy gì làm nhân để cầu vô thượng giác?

Trước đây Như Lai đã nói, tánh hay biết vốn vắng lặng, viên mãn, thường trụ, thật là lời nói trái ngược, rốt ráo thành hí luận. Làm sao để nhận ra lời dạy của Như Lai là chân thật?

Cúi mong Như Lai rủ lòng đại từ khai ngộ chỗ mê lầm cho chúng con.

Phật bảo A-Nan: "Ông tuy học rộng nghe nhiều, nhưng mê lầm chưa sạch. Trong tâm chỉ biết suông cái nhân sở tri điên đảo. Cái điên đảo thật trước mắt, còn chưa biết được."

Ngại rằng tâm thành của ông chưa được tin phục. Nay Như Lai thử đem các việc thế gian để trừ mối nghi cho ông.

Liền khi ấy, Như Lai bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông,

Phật hỏi A-Nan: "Ông có nghe không?"

A-Nan và đại chúng đều đáp: "Chúng con có nghe."

Khi chuông hết ngân.

Đức Phật lại hỏi: “Nay ông có nghe không?” A-Nan và đại chúng đều đáp, “Chúng con không nghe.”

Khi ấy La-hầu-la lại đánh chuông.

Đức Phật lại hỏi: “Nay ông có nghe không?”

A-Nan và đại chúng lại đều đáp: “Chúng con đều có nghe.”

Đức Phật hỏi A-Nan: “Thế nào là ông có nghe, thế nào là không nghe?”

A-Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Nếu chuông được đánh lên, thì con được nghe. Đánh lâu tiếng hết, âm vang đều dứt, gọi là không nghe.”

Như Lai lại bảo La-hầu-la đánh một tiếng chuông nữa và

Hỏi A-Nan rằng: “Nay tai có nghe có tiếng không?”

A-Nan thưa: “Dạ có tiếng.”

Lát sau tiếng hết,

Đức Phật lại hỏi: “Nay tai có nghe có tiếng không?”

A-Nan cùng đại chúng thưa: “Dạ không có tiếng.”

Lát sau La-hầu-la lại đánh một tiếng chuông.

Đức Phật lại hỏi A-Nan: “Nay tai có nghe có tiếng không?”

A-Nan cùng đại chúng thưa: “Dạ có tiếng.”

Đức Phật hỏi A-Nan: “Ông cho thế nào là có tiếng, thế nào là không tiếng?”

A-Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng: “Tiếng chuông được đánh lên, gọi là có tiếng. Đánh lâu tiếng hết, âm vang không còn, gọi là không tiếng.”

Đức Phật bảo A-Nan và đại chúng: “Các ông hôm nay sao nói lộn xộn như vậy?”

A-Nan và đại chúng đều hỏi Đức Phật: “ Vì sao Thế Tôn bảo chúng con nói lộn xộn?”

Đức Phật bảo: “Như Lai hỏi ông có nghe không?”

Các ông đáp, “Có nghe.”

“Như Lai hỏi ông có tiếng không?”

Các ông đáp, “Có tiếng.”

Chỉ cái nghe và cái tiếng, mà ông trả lời không nhất định. Thế sao không gọi là lộn xộn?

A-Nan, khi tiếng hết không còn âm vang, ông cho là không nghe. Nếu thực không nghe, thì tánh nghe đã mất, giống như cây khô. Khi tiếng chuông lại được đánh lên, ông làm sao nghe?

Biết có biết không, chính là thanh trần hoặc có hoặc không. Chứ tánh nghe kia đâu có vì ông mà thành có thành không? Nếu nói tánh nghe thật là không, thì ai biết là không nghe?

Thế nên A-Nan, tiếng trong cái nghe, tự có sinh diệt, chẳng phải vì ông nghe có tiếng và không có tiếng. Khiến ông nghĩ rằng tánh nghe của ông là có, là không.

Ông còn điên đảo, lầm cho tiếng là tánh nghe. Đâu có lạ gì khi cho thường là đoạn. Tóm lại, không nên nói rằng rời các tướng động tĩnh, bế tắc, khai thông thì cái nghe không có tánh.

Như có người ngủ say trên giường. Trong nhà, khi người kia đang ngủ, có người giặt áo quần hoặc giã gạo. Người ấy trong mộng nghe rõ tiếng giã gạo. Lầm cho là tiếng gì khác, hoặc là đánh trống, hoặc là đánh chuông.

Lúc chợt tỉnh, liền biết là tiếng chày giã gạo. Tự nói với gia nhân, ngay khi trong mộng. lầm tiếng chày nầy cho là tiếng trống.

A-Nan, người ấy khi trong chiêm bao, đâu có nhớ những tướng động tịnh, mở đóng, thông bít. Thân tuy ngủ, nhưng tánh nghe không mờ tối.

Dù cho thân hình ông có tiêu tan. Làm sao mà tánh nghe ấy vì ông mà tiêu mất?

Do các chúng sinh từ vô thủy đến nay, theo các thứ sắc thanh, truy đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển. Chưa từng khai ngộ bản tánh thanh tịnh thường trụ vi diệu.

Không theo cái thường, chỉ đuổi theo sanh diệt. Do vậy phải sanh mãi và chịu tạp nhiễm khi lưu chuyển.

Nếu trừ bỏ sanh diệt, giữ tánh chân thường, tánh sáng suốt chân thường hiện tiền. Các thứ căn trần, thức tâm phân biệt đều tiêu mất.

Tướng của vọng tưởng là trần, thức tình phân biệt là cấu nhiễm. Cả hai đều rời bỏ, làm sao không thành Vô thượng trí giác?

Kinh Lăng Nghiêm – Quyển 5

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

* * *

QUYỂN 5

MỞ SÁU NÚT

A-Nan bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, tuy Như Lai đã dạy về hai nghĩa quyết định. Nay xem trong thế gian những người muốn cởi nút, nếu không biết đầu nút ở đâu, thì con tin chắc là những người ấy không cởi được.

Bạch Thế Tôn, con và hàng Thanh Văn hữu trong hội chúng nầy cũng như vậy. Từ vô thuỷ đến nay, chúng con cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh, tuy được căn lành nghe được Phật pháp như vậy. Tuy được gọi là hàng xuất gia, nhưng như người bị sốt rét cách nhật.

Xin nguyện Đức đại từ thương xót kẻ chìm đắm. Nay ngay nơi nơi thân tâm, xin chỉ cho chúng con thế nào là nút buộc, do đâu mà mở ra. Cũng khiến cho chúng sinh khổ não trong đời vị lai thoát khỏi luân hồi, không rơi vào ba cõi.

Nói lời ấy rồi, A-Nan và đại chúng gieo năm vóc sát đất, khóc lóc thành khẩn, ngưỡng trông được nghe lời khai thị vô thượng của Như Lai.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thương xót A-Nan và hàng hữu học trong chúng hội, lại cũng vì chúng sinh trong đời vị Lai, tạo cái nhân xuất thế để làm đạo nhãn cho đời sau.

Đức Phật dùng tay sáng ngời vàng rực như diêm-phù-đàn xoa đảnh đầu A-Nan. Liền khi ấy, các cõi Phật trong 10 phương thế giới đều rung động. Các Đức Như Lai nhiều như số vi trần trong các cõi nước đều có hào quang báu từ đảnh đầu phóng ra.

Hào quang ấy đồng thời từ các cõi nước kia, đến rừng Kỳ-đà, rót xuống đảnh Đức Như Lai, Tất cả đại chúng ở đây đều được điều chưa từng có.

Bấy giờ A-Nan cùng đại chúng đều nghe các Đức Như Lai trong 10 phương nhiều như vi trần đồng thanh bảo A-Nan rằng.

Hay thay, A-Nan! Ông muốn biết câu sinh vô minh là đầu mối khiến ông phải luân hồi sinh tử, thì nó chính là sáu căn của ông chứ không phải là cái gì khác.

Ông cũng muốn biết Vô thượng bồ-đề khiến ông mau được giải thoát an lạc vắng lặng diệu thường, đó cũng chính là sáu căn của ông, chẳng phải gì khác.

A-Nan tuy nghe được pháp âm như vậy, nhưng tâm chưa rõ. Cúi đầu bạch Phật: "Tại sao chính sáu căn khiến cho con phải chịu luân hồi sinh tử, và cũng chính sáu căn khiến cho con được an lạc diệu thường chứ không là cái gì khác?"

Đức Phật bảo A-Nan: "Căn và trần đồng một gốc, trói và mở chẳng phải là hai. Bản tánh của thức là hư vọng, như hoa đốm giữa hư không."

A-Nan, nhân nơi trần mà phát ra cái biết (của căn), nhân các căn mà có tướng (của trần). Tướng (phần sở kiến) và kiến (phần năng kiến) đều không có tự tánh, như bó lau gác vào nhau.

Vậy nay chính ông ngay nơi tri kiến, lập nên tướng tri kiến, đó tức là cội gốc vô minh. Chính nơi tri kiến, không có tướng tri kiến, thì đó là vô lậu chân tịnh niết-bàn. Làm sao trong ấy còn có vật gì khác? Bây giờ Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa nầy, nên nói kệ rằng:

Trên phương diện chân tánh, các pháp hữu vi là không.
Vì duyên sanh, nên chúng như huyễn.
Vì các pháp là vô vi, nên chẳng sinh chẳng diệt.
Chúng chẳng có thực, như hoa đốm giữa hư không.

Nói vọng để hiển bày cái chơn.
Vọng chơn đều là vọng.
(Chân lý) Vốn chẳng phải chơn lẫn chẳng phải phi chơn.
Làm sao có năng kiến, sở kiến?

(Thức) ở giữa (căn và trần), không có thật tánh.
Thế nên chúng giống như bó lau gác vào nhau.
Buộc và mở cùng một sở nhân.
Thánh và phàm chẳng phải hai đường.

Ông hãy xem tánh chất giữa các cọng lau giao nhau,
Đó chẳng phải là không và có.
Mê mờ nghĩa ấy, tức vô minh.
Hiểu ra nghĩa đó, tức là giải thoát.

Mở nút phải theo thứ lớp.
Khi sáu nút đã được mở, thì một cũng không còn.
Nơi các căn, hãy chọn tánh viên thông.
Được vào dòng , tức thành chánh giác.

Thức A-đà-na rất vi tế.
(Khiến cho) tập khí chảy như dòng nước xiết.
E rằng sẽ lầm đó là chơn hay phi chơn
Nên Như Lai thường không nói đến.

Tự tâm chấp lấy tự tâm.
Vốn không phải huyễn, lại thành pháp huyễn.
Chẳng thủ trước, thì chẳng có gì là phi huyễn.
Phi huyễn còn chẳng sinh,

Pháp huyễn làm sao lập?
Đó gọi là Diệu Liên Hoa
Kim Cang Vương Bảo Giác
Như huyễn tam-ma-đề,

Trong khoảnh khắc, vượt hàng vô học.
Pháp A-tỳ-đạt-ma nầy,
Chính là con đường duy nhất dẫn đến niết-bàn,
Mà các Đức Thế Tôn (Bạc-già-phạm) trong mười phương đồng tu tập.

Lúc ấy A-Nan và đại chúng nghe lời dạy từ bi vô thượng của Như Lai, qua bài kệ tụng tinh tuý, diệu lý rõ ràng thông suốt, nên tâm được khai ngộ, đồng tán thán là việc chưa từng có.

SÁU NÚT

A-Nan chắp tay đảnh lễ bạch Phật: "Con nay nghe Phật mở lòng vô giá đại bi dạy cho chúng con những lời pháp chân thật, thanh tịnh diệu thường. Nhưng tâm chúng con còn chưa được rõ mở từng nút theo thứ lớp, chưa rõ mở sáu nút thì một cũng không còn. Xin Đức Phật lại mở lòng từ bi, thương xót hội chúng nầy và những chúng sinh trong đời sau, mà ban bố cho pháp âm, để rửa sạch những cấu nhiễm sâu dày của chúng con."

Liền khi ấy từ toà sư tử, Như Lai chỉnh y niết-bàn tăng, vén y tăng-già-lê, vịn vào bàn thất bảo, tay cầm lên chiếc khăn hoa kiếp-ba-la do chư thiên dâng cúng.

Đức Phật ở trước đại chúng, (từ chiếc khăn) cột thành một nút, đưa cho A-Nan xem và Phật hỏi rằng: "Đây là cái gì?"

A-Nan và đại chúng đồng bạch Phật rằng: "Đó gọi là nút thắt."

Đức Phật cột nút khác và hỏi A-Nan, "Đây là cái gì?"

A-Nan và đại chúng lại đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt."

Đức Phật tuần tự cột từng nút như vậy trên chiếc khăn hoa, tổng cộng thành sáu nút. Mỗi khi cột xong một nút, đều đưa lên hỏi A-Nan rằng Đây là cái gì?"

A-Nan và đại chúng cũng tuần tự đồng bạch Phật rằng, "Đó gọi là nút thắt."

Đức Phật bảo A-Nan: "Khi Như Lai mới cột khăn lại thì ông gọi là nút, cái khăn hoa nầy, trước đây chỉ một cái, tại sao lần thứ hai, thứ ba, ông vẫn gọi là nút."

A-Nan bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, chiếc khăn hoa thêu quý báu nầy vốn chỉ một thể, song theo ý con, khi Như Lai cột một lần thì gọi là một nút, nếu cột 100 lần, thì thành 100 nút. Huống chi khăn nầy chỉ có sáu nút, không đến bảy, cũng không dừng ở năm. Sao Như Lai chỉ gọi cái đầu tiên là nút, mà cái thứ hai thứ ba thì không gọi là nút?"

Đức Phật bảo A-Nan, "Cái khăn hoa báu nầy, ông biết nó vốn chỉ là một, khi Như Lai thắt sáu lần thì ông gọi là sáu nút. Ông quán sát kỹ, thấy thể của khăn nầy là đồng, do vì các nút mà thành ra khác."

Ý ông nghĩ sao? Khi mới cột nút lần đầu thì gọi là nút thứ nhất, như thế cho đến nút thứ sáu. Nay Như Lai muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất có được không?

A-Nan: Bạch Thế Tôn. Không. Nếu còn sáu nút, thì cái gọi là thứ sáu, rốt cuộc chẳng phải là cái thứ nhất. Dù con có biện bạch hết đời, làm sao có thể lộn lạo tên gọi của sáu nút kia được?

Đức Phật dạy: "Đúng vậy, sáu nút không đồng nhau, Xét về căn gốc, vẫn do một cái khăn mà ra. Nhưng làm cho nó đảo lộn thứ tự thì rốt ráo không thể được."

Sáu căn của ông cũng giống như vậy. Trong thể tánh tuyệt đối giống nhau, lại sinh ra cái tuyệt đối khác nhau.

Đức Phật bảo A-Nan: 'Ông chắc không muốn có sáu nút nầy, mà chỉ muốn thành một thể, việc ấy phải làm sao?'

A-Nan thưa rằng: 'Nếu còn những nút đó, thì điều thị phi sẽ nổi dậy, trong đó sẽ tự cho rằng nút nầy chẳng phải là nút kia, nút kia chẳng phải là nút nầy. Nhưng nay Như Lai giải trừ tất cả. Các nút đã không sinh ra thì không có bỉ thử. Đã không có một thì sáu làm sao thành? '

Đức Phật bảo: 'Nghĩa mở được sáu, một không còn cũng như vậy.'

Do từ vô thuỷ, tâm ông điên loạn. Tri kiến vọng phát mãi mãi không dừng, làm cho tri kiến sinh mệt nhọc. Như khi con mắt mỏi mệt thì thấy như có hoa đốm không có nguyên nhân gì, hỗn loạn khởi lên trong thể tánh sáng suốt rỗng lặng.

Tất cả các tướng trong thế gian, núi sông đất liền, sinh tử niết-bàn, đều là tướng hoa đốm điên đảo, do bệnh mê lầm mà phát ra.

A-Nan thưa: "Bệnh mê lầm nầy cũng giống như các nút thắt, làm sao để giải trừ?"

Đức Phật dùng tay cầm cái khăn có nút, kéo mối bên trái, hỏi A-Nan rằng, "Thế này có cởi được không?"

A-Nan đáp: "Bạch Thế Tôn. Không."

Đức Phật dùng tay kéo riêng mối bên phải, rồi hỏi A-Nan rằng, "Thế này có cởi được không?"

A-Nan đáp: "Bạch Thế Tôn. Không."

Đức Phật bảo A-Nan: "Nay Như Lai dùng tay kéo mối bên phải rồi bên trái, rốt cuộc vẫn không cởi được. Vậy ông dùng phương tiện nào mà mở ra được?

A-Nan bạch Phật ngôn: "Bạch Thế Tôn, ngài phải cởi từ chính giữa, các nút sẽ được mở ra."

Đức Phật bảo A-Nan: "Đúng vậy, đúng vậy. Nếu ông muốn mở nút, ông phải mở từ chính giữa."

A-Nan, Như Lai nói Phật pháp do nhân duyên sinh, chẳng phải là căn cứ vào những tướng hoà hiệp thô trọng của thế gian. Như Lai nhận ra các tướng thế gian và xuất thế gian, biết rõ bản nhân của chúng do nhân duyên gì mà phát sinh ra.

Như thế cho đến một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới, (Như Lai) cũng đều biết số mục. Cũng như nay trước mắt ông, các thứ cây tùng thẳng, cây gai cong, chim hộc trắng, chim quạ đen, (Như Lai) đều biết nguyên do.

Vậy nên A-Nan, tùy tâm ông lựa chọn trong sáu căn, nếu trừ được nút thắt trong căn ấy rồi, thì trần tướng tự diệt. Các vọng đã tiêu, đó chẳng phải chân thì là gì? A-Nan, nay Như Lai hỏi ông: "Cái khăn hoa nầy hiện có sáu nút, nếu đồng thời cởi ra, thì có thể cùng lúc trừ hết được chăng?"

A-Nan: "Bạch Thế Tôn. Không. Những nút nầy khi cột lại, vốn có thứ tự. Nay cũng phải theo thứ lớp mà mở. Sáu nút tuy đồng một thể, nhưng cột lại không đồng thời, thì khi mở nút, làm sao cùng một lúc mà mở hết được?"

Đức Phật dạy rằng, "Việc giải trừ các nút nơi sáu căn cũng như vậy. Khi các căn bắt đầu được mở, trước hết sẽ được nhân không. Đến khi tánh không viên mãn sáng suốt, thì giải thoát được pháp chấp. Pháp chấp được giải thoát rồi, thì cả nhân không lẫn pháp không đều chẳng sanh khởi."

Đó gọi là Bồ Tát do tam-ma-điạ mà chứng được vô sanh nhẫn.

25 PHÁP MÔN VIÊN THÔNG

A-Nan và đại chúng nhờ Phật khai thị, tuệ giác được viên dung thông suốt, không còn điều gì nghi hoặc. Cùng lúc chắp tay, đảnh lễ sát hai chân Phật mà thưa rằng, "Ngày nay thân tâm chúng con được sáng suốt, vui mừng được điều vô ngại."

Tuy hiểu ra nghĩa một và sáu đều không còn, nhưng còn chưa rõ được căn tánh bản lai của viên thông.

Bạch Thế Tôn, chúng con đã phiêu dạt bơ vơ từ nhiều kiếp. Không biết do đâu mà được dự vào dòng Phật. Như trẻ con khát sữa, bỗng gặp mẹ hiền.

Nếu nhân trong hội nầy mà được thành đạo, chỗ bản ngộ phù hợp với đạo lý vi mật được nghe, thì với những người chưa được nghe.

"Xin Đức Phật rủ lòng đại bi ban cho chúng con những pháp bí mật trang nghiêm như là lời khai thị tối hậu của Như Lai."

Nói lời ấy xong, A-Nan gieo năm vóc xuống đất, lui về an trụ trong chánh niệm, trông chờ lời chỉ dạy vi mật của Đức Phật.

Bấy giờ Thế Tôn bảo khắp các vị đại Bồ Tát và các vị A La Hán đã sách các lậu hoặc trong đại chúng rằng: "Các ông là những vị Bồ Tát và A La Hán sinh trưởng trong Phật pháp, đã chứng được quả vô học. Nay Như Lai hỏi các ông, lúc ban đầu mới phát tâm, ngộ tánh viên thông ở giới nào trong mười tám giới? Do phương tiện gì mà được tam-muội? "

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN
1. VIÊN THÔNG THANH TRẦN

Kiều Trần Na

Nhóm năm vị tỷ-khưu Kiều-trần-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi thưa rằng, "Chúng con khi ở Lộc uyển và Kê viên, thấy Như Lai khi mới thành đạo, nhờ nghe được pháp âm của Như Lai mà ngộ được lý Tứ diệu đế."

Phật hỏi trong hàng tỷ-khưu chúng con (về viên thông). Con là người đầu tiên giải ngộ, nên Như Lai ấn chứng cho con là A-nhã-đa. Tính vi diệu của âm thanh vốn là nhiệm mầu và viên mãn, con nhờ âm thanh mà chứng được A La Hán.

Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, âm thanh là hơn cả.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN
2. VIÊN THÔNG SẮC TRẦN

Ưu bà ni sa đà

Ưu-ba-ni-sa-đà (Upaniṣad) liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: "Con cũng được gặp Phật lúc mới thành đạo. Con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ thể tánh của sắc, từ tướng bất tịnh, đến tướng xương trắng, tướng vi trần, đều quy về hư không. Thấy cả cái không và cái sắc đều là không, nên thành bậc vô học. "

Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni-sa-đà. Sắc của trần cảnh đã tận diệt, thì thể của sắc tinh diệu được viên mãn. Con do quán tưởng sắc tướng mà chứng đắc A La Hán. Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì sắc trần là hơn cả.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN
3. VIÊN THÔNG HƯƠNG TRẦN

Hương Nghiêm Đồng Tử

Hương Nghiêm đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nghe Như Lai dạy con quán sát thật kỹ về tường hữu vi."

Khi con từ giã Phật, về ngồi yên tĩnh trong liêu vắng. Thấy các tỷ-khưu đốt hương trầm, mùi hương lặng lẽ xông vào mũi con. Con quán sát hương nầy, vốn chẳng phải là cây, chẳng phải là hư không, chẳng phải là khói, chẳng phải là lửa. Đến chẳng dính mắc vào đâu, đi cũng chẳng do đâu. Do đó mà mọi ý niệm (phân biệt) đều được tiêu sạch, và con đạt được vô lậu.

Như Lai ấn chứng cho con tên Hương Nghiêm. Tướng của hương trần bỗng tiêu tan, thể tánh của hương là vi mật và viên mãn. Con từ hương nghiêm mà chứng được A La Hán. Nay Đức Phật hỏi về pháp tu viên thông, như sở chứng của con, thì hương trần là hơn cả.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN
4. VIÊN THÔNG VỊ TRẦN
Dược Vương, Dược Thượng Bồ Tát

Hai vị Pháp vương tử Dược vương, Dược thượng cùng với năm trăm vị Phạm thiên trong chúng hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng,

“Từ vô thuỷ kiếp đến nay, chúng con làm lương y trong thế gian, miệng thường nếm các thứ cỏ cây, đá, kim loại trong cõi giới ta-bà nầy, số mục có đến tám vạn bốn ngàn thứ. Chúng con biết hết các vị đắng, chua, mặn, nhạt, ngọt, cay..., cùng sự hoà hợp và biến đổi từ các vị ấy sinh ra. Thứ nào là lạnh, thứ nào tánh nóng, thứ nào độc, thứ nào không độc, chúng con đều biết rõ.”

Chúng con nhờ thừa sự Như Lai, mà rõ biết bản tánh của vị trần vốn chẳng phải là không, chẳng phải là có; không phải chính là thân tâm, chẳng phải tách rời thân tâm. Do phân biệt được bản nhân của vị trần mà được khai ngộ.

Nhờ Phật ấn chứng cho anh em chúng con tên gọi là Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát. Nay trong chúng hội, chúng con là pháp vương tử. Nhờ vị trần mà được chứng ngộ trong hàng Bồ Tát. Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Như chỗ chứng ngộ của chúng con, căn nguyên từ vị trần là hơn cả.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN
5. VIÊN THÔNG XÚC TRẦN
Bạt-đà-bà-la

Bạt-đà-bà-la cùng đồng bạn là mười sáu vị khai sĩ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng.

Chúng con ban đầu nghe pháp từ Đức Phật Oai âm vương mà xuất gia. Trong khi chư tăng đang tắm, theo thứ tự đi vào phòng tắm, bỗng nhiện ngộ ra bản tánh của nước. Vốn nó không tẩy được bụi, cũng chẳng tẩy được mình. Ở giữa hai điều ấy, con được rỗng rang tịch lặng, con nhận ra cái không có gì.

Đến nay con vẫn chưa quên điều sở chứng trong quá khứ, đến khi theo Phật xuất gia, con được quả vị vô học. Đức Phật ấy gọi con là Bạt-đà-bà-la. Do phát minh diệu tánh của xúc trần, nên thành bậc Phật tử trụ.

Đức Phật hỏi về viên thông, theo sở chứng của con, do xúc trần là hơn cả.

VIÊN THÔNG SÁU TRẦN
6. VIÊN THÔNG PHÁP TRẦN
Ma-ha Ca-diếp

Ma-ha Ca-diếp cùng tỷ-khưu ni Tử Kim Quang cùng những người khác liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Con từ kiếp trước, trong cõi nầy, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng. Con được thân cận, nghe pháp tu học với ngài. Khi Phật diệt độ, chúng con thắp đèn sáng mãi để cúng dường xá-lợi, lại lấy vàng thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời nầy qua đời khác, thân chúng con đều viên mãn sáng ngời như sắc vàng thắm. Tỷ-khưu ni Tử kim quang đây là quyến thuộc, cùng phát tâm một lần như chúng con.

Con quán sát trong thế gian, sáu trần đều biến hoại, chỉ dùng pháp không tịch tu diệt tận định, thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như khảy móng tay. Con do quán các pháp là không nên thành A La Hán. Thế Tôn nói con tu hạnh đầu-đà bậc nhất. Khai ngộ được diệu tánh của các pháp, thì các lậu hoặc tận diệt. Nay Phật hỏi về pháp tu viên thông, theo điều sở chứng của con, thì do pháp trần là hơn cả.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN
1. VIÊN THÔNG NHÃN CĂN
A-na-luật-đà

A-na-luật-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng: "Khi mới xuất gia con thường thích ngủ. Như Lai quở trách con là loài súc sinh. Con nghe Phật mắng, khóc thầm tự trách mình, suốt bảy ngày đêm không ngủ, bị mù hai mắt."

Thế Tôn dạy con tu pháp nhạo kiến chiếu minh kim cang tam-muội. Con bị mù mắt, nhưng thấy mười phương rỗng suốt tinh tường như thấy trái cây trong lóng bàn tay. Như Lai ấn chứng cho con đạt quả vị A La Hán.

Đức Phật hỏi về viên thông, như chỗ sở chứng của con, xoay cái thấy trở về căn nguyên, đó là pháp môn hay nhất.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN
2. VIÊN THÔNG TỊ CĂN
Châu-lợi Bàn-đặc-ca

Châu-lợi Bàn-đặc-ca liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ sát chân Phật và bạch Phật rằng:

Con không có khả năng trì tụng, không có khiếu đa văn. Khi mới được gặp Phật, nghe pháp xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, nhưng trong 100 ngày, nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước.

Đức Phật thương con ngu muội, dạy con pháp an cư, điều hoà hơi thở ra vào. Con quán sát hơi thở của con đến chỗ rốt ráo, từng chi tiết của các hạnh sinh, trụ, dị, diệt trong từng sát-na.

Tâm con bỗng nhiên đạt được đại vô ngại, cho đến hết sạch các lậu hoặc, thành A La Hán. Trước pháp toà của Phật, con được ấn chứng là bậc vô học.

Đức Phật hỏi về viên thông, như điều chứng được của con, quay hơi thở trở về với tánh không, đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN
3. VIÊN THÔNG THIỆT CĂN
Kiều-phạm-bát-đề

Kiều-phạm-bát-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng, "Con bị khẩu nghiệp, khinh chê một vị sa-môn trong thời quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai lại như bò."

Như Lai dạy con pháp môn nhất vị thanh tịnh tâm địa. Con đạt được chỗ tận diệt tâm phân biệt, nhập vào được tam-ma-đề. Quán sát tánh biết của vị, nó vốn chẳng phải thể, chẳng phải vật. Ngay đó siêu việt các lậu hoặc thế gian.

Bên trong thân tâm giải thoát, bên ngoài rời bỏ thế giới, xa lìa ba cõi như chim sổ lồng. Rời hết cấu nhiễm, tiêu diệt trần tướng nên pháp nhãn thanh tịnh, thành A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con đạt đạo vô học.

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, trả tánh của vị về khỏi sự phân biệt, xoay tánh biết về với tự tánh, đó là điều tốt nhất.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN
4. VIÊN THÔNG THÂN CĂN
Tất-lăng-già Bà-ta

Tất-lăng-già Bà-ta liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Khi con vừa mới phát tâm xuất gia theo Phật nhập đạo, thường nghe Thế Tôn dạy về những điều trên thế gian không thể đem lại niềm vui. Có lần con đang khất thực trong thành, tâm đang quán chiếu vào pháp môn nầy, đột nhiên giữa đường bị gai độc đâm vào chân. Toàn thân đau nhức. Tâm con biết mình biết có cái đau ấy, nhưng biết rõ tự tâm vốn thanh tịnh, không có cái đau và cái biết đau.

Con lại suy nghĩ, một thân nầy lẽ ra phải có hai cái biết? Nhiếp niệm chưa lâu, thân tâm bỗng nhiên rỗng lặng. Trong hai mươi mốt ngày, các lậu hoặc dứt sạch, thành bậc A La Hán. Được Phật ấn chứng là bậc vô học.

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, thìthuần tịnh cái tánh biết, quên bẵng thân thể, là điều tốt nhất.

VIÊN THÔNG NĂM CĂN
5. VIÊN THÔNG VỀ Ý CĂN
Tu-bồ-đề

Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con từ nhiều kiếp đến nay, tâm đạt được vô ngại, tự nhớ rằng mình đã thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Lúc còn trong thai mẹ, đã biết tánh không tịch. Như thế cho đến mười phương đều rỗng lặng và cũng khiến cho chúng sinh chứng được tánh không."

Nhờ được Như Lai chỉ bày cho tánh giác vốn là rỗng lặng, nên tánh không được viên minh. Nhờ đó con chứng được A La Hán, liền thể nhập vào Bảo minh không hải của Như Lai, Tri kiến của con được đồng như Phật, được Phật ấn chứng thành bậc vô học. Trong sự giác ngộ về tánh không, con được viên mãn nhất.

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, các tướng đều nhập vào phi tướng, năng phi, sở phi đều tận diệt, xoay các pháp về chỗ rỗng lặng, đó là thù thắng nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC
1. VIÊN THÔNG VỀ NHÃN THỨC
Xá-lợi-phất

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con từ nhiều kiếp lâu xa đến nay, chỗ thấy của con được thanh tịnh, tuy con thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng, mà đối với với các pháp biến hoá trong thế gian và xuất thế gian, hễ con thấy được là liền thông suốt, được điều không chướng ngại."

Con gặp anh em Ca-diếp-ba ở giữa đường, cùng đi theo họ. Họ nói về thuyết nhân duyên, con ngộ được tâm không có bờ mé.

Con theo Phật xuất gia, cái thấy biết của con trở nên sáng suốt viên mãn, được đại vô uý và trở thành bậc A La Hán. Là một trong những trưởng tử của Đức Phật, từ miệng Phật mà sinh ra, từ pháp Phật mà hoá sinh.

Đức Phật hỏi về viên thông, như sở chứng của con, tánh thấy của tâm thể phát ra sáng suốt, cùng tột các tri kiến, đó là bậc nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC
2. VIÊN THÔNG NHĨ THỨC
Bồ Tát Phổ Hiền

Phổ Hiền Bồ Tát tức tòng toà khởi, đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. Ngã dĩ tằng dữ hằng sa Như Lai vi Pháp vương tử. Thập phương Như Lai giáo kỳ đệ tử. Bồ Tát căn giả, tu Phổ Hiền hạnh, tòng ngã lập danh.

Bạch Thế Tôn, con dùng tâm để nghe và phân biệt mọi tri kiến của chúng sinh. Nếu ở phương khác, cách hằng sa cõi giới bên ngoài, nếu có một chúng sinh, trong tâm họ phát tâm tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, lúc ấy con sẽ phân thân thành trăm ngàn, cỡi voi sáu ngà liền đến chỗ người ấy. Dù người ấy nghiệp chướng sâu nặng, không thấy được con, con cũng thầm xoa đầu người ấy, ủng hộ an ủi, khiến họ được sự thành tựu.

Đức Phật hỏi về viên thông, con trình bày bản nhân của con là phát minh tánh nghe của tâm thể, phân biệt tự tại, đó là thứ nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC
3. VIÊN THÔNG TỊ THỨC
Tôn-đà-la Nan-đà

Tôn-đà-la Nan-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, “Lúc con mới xuất gia, theo Phật nhập đạo, tuy giữ đúng giới luật, nhưng trong pháp tam-ma-đề, tâm thường tán loạn, nên chưa đạt được quả vị vô lậu. Thế Tôn dạy con cùng với Câu-si-la quán tướng đầu chót mũi trắng.”

Ban đầu con con tu quán, trải qua hai mươi mốt ngày, thấy hơi thở ra vào qua mũi như làn khói trắng, thân tâm bên trong sáng suốt viên mãn đồng như thế giới. Khắp nơi thanh tịnh như ngọc lưu ly. Tướng khói dần dần tiêu mất. Hơi thở trong mũi trở nên màu trắng.

Tâm được khai ngộ, các lậu hết sạch, hơi thở ra vào hoá thành hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Con chứng quả A La Hán. Thế Tôn thọ ký cho con sẽ thành tựu quả vị bồ-đề.

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng phép nhiếp niệm vào hơi thở, dừng lặng lâu ngày nên phát ra sáng suốt. Sự sáng suốt viên mãn, trừ sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp hay nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC
4. VIÊN THÔNG THIỆT THỨC
Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con từ nhiều kiếp đến nay được biện thuyết không ngại. Con tuyên thuyết các pháp khổ, không, thâm đạt tướng chân thật. Như thế cho đến các pháp môn bí mật của Như Lai nhiều như cát sông Hằng, con đều dùng phương tiện khai thị ở trong chúng. Con đạt được sức vô uý."

Thế Tôn biết con có tài giảng thuyết, nên dùng pháp luân âm thanh, dạy con tuyên dương chánh pháp. Con theo giúp Phật chuyển pháp luân, nhờ pháp âm như tiếng sư tử mà con thành A La Hán. Thế Tôn ấn chứng cho con là thuyết pháp bậc nhất.

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp âm hàng phục ma oán, diệt sạch các lậu hoặc, đó là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC
5. VIÊN THÔNG VỀ THÂN THỨC
Ưu-ba-ly

Ưu-ba-ly liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con được theo Phật vượt thành xuất gia, tự mình thấy Như Lai sáu năm tinh cần khổ hạnh, đích thân thấy Như Lai hàng phục các ma, chế ngự các ngoại đạo, và giải thoát hẳn mọi tham dục thế gian."

Con nương vào giới luật do Đức Phật dạy, nên ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, cho đến tánh nghiệp, giá nghiệp đều được thanh tịnh. Thân tâm con được vắng lặng, thành bậc A La Hán.

Nay làm vị cương kỉ trong chúng hội của Như Lai, Chính Đức Phật ấn chứng cho là người con giữ giới tu thân, được đại chúng suy cử là bậc nhất.

Nay Đức Phật hỏi về viên thông. Con do giữ giới nơi thân mà thân được tự tại, giữ giới ở tâm thì tâm được thông suốt, sau đó thân tâm đều được viên thông tự tại, đó là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG SÁU THỨC

28. VIÊN THÔNG Ý THỨC
Mục-kiền-liên

Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Ban đầu con đi khất thực, giữa đường gặp ba anh em Ca-diếp-ba là Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, Na-đề, họ giảng nói nghĩa lý thâm diệu của pháp nhân duyên của Như Lai, Con liền phát tâm, được sự thông đạt sâu xa."

Như Lai ban cho con y ca-sa đắp trên thân, râu tóc tự rụng. Con có thể đi khắp mười phương mà không ngăn ngại. Có được thần thông, được đại chúng suy cử là đệ nhất, thành bậc A La Hán.

Không chỉ riêng Thế Tôn, mà mười phương Như Lai đều tán thán năng lực thần thông của con được thanh tịnh, viên mãn, sáng suốt và không sợ hãi.

Đức Phật hỏi về viên thông, con xoay ý niệm trở về bản thể tròn đầy sâu lắng, tâm thể sáng suốt được hiển bày, như nước đục lắng trong, lâu ngày thành trong suốt, đó là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

* * *

1. VIÊN THÔNG HOẢ ĐẠI
Ô-sô-sắc-ma

Ô-sô-sắc-ma đến trước Phật, chắp hai tay đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch rằng, "Con thường nhớ trước đây, trong nhiều kiếp xa xưa, tánh con nhiều dâm dục. Có Đức Phật ra đời, hiệu là Không Vương, nói rằng người đa dâm giống như đống lửa dữ, ngài dạy con quán khắp hơi nóng lạnh trên khắp trăm vóc tứ chi."

Được giác tánh sáng suốt ngưng lặng bên trong, tâm đa dâm hoá thành lửa trí huệ. Từ đó, mỗi khi chư Phật triệu mời con, thường gọi là Hoả đầu.

Con dùng sức hoả quang tam-muội mà thành A La Hán. Tâm phát nguyện lớn rằng khi chư Phật thành đạo, con sẽ làm vị lực sĩ thân cận chư Phật, hàng phục ma oán.

Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán sát hơi ấm nơi thân tâm đều lưu thông không ngăn ngại. Khi các lậu hoặc đã tiêu trừ, liền phát ra lửa đại trí huệ quý báu, được bậc giác ngộ vô thượng. Đó là đệ nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI
2. VIÊN THÔNG ĐỊA ĐẠI
Trì Địa Bồ Tát

Trì Địa Bồ Tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ vào kiếp trước, khi Đức Phật Phổ Quang Như Lai ra đời, con là tỷ-khưu thường ở những nơi đường sá, bến đò, đất đai hiểm trở, eo hẹp, không được an toàn; đề phòng cho sự tổn hại đến xe ngựa, con đều san bằng, con làm cầu hoặc đắp đất."

Con siêng năng khó nhọc như vậy, trải qua vô số chư Phật ra đời. Hoặc có chúng sinh, ở nơi chợ triền cần người mang đồ vật, trước hết con mang giúp cho họ, đến nơi để đồ vật xuống, con liền đi ngay, không nhận tiền công.

Khi đó vào thời Đức Phật Tì-xá-phù ra đời, thế gian phần nhiều đói kém, con cõng giúp người không kể gần xa, mà chỉ nhận một tiền. Hoặc có xe trâu mắc phải sình lầy, con dùng sức mạnh đẩy xe lên, giúp họ khỏi khổ não.

Lúc ấy trong nước có vị quốc vương thiết trai cúng dường Đức Phật, con liền sửa sang đường đất bằng phẳng đón Phật đi qua. Tì-xá-phù Như Lai xoa đầu con nói rằng, "Nên bình tâm địa, thì tất cả đất đai trên thế giới đều được an bình."

Tâm con liền được khai ngộ, thấy vi trần nơi thân cùng với vi trần tạo nên thế giới vốn chẳng sai biệt. Tự tánh của vi trần không cọ xát nhau, cho đến đao binh cũng không đụng chạm được gì.

Con do nơi pháp tánh mà ngộ vô sanh nhẫn, thành bậc A La Hán. Nay hướng tâm thể nhập Bồ Tát đạo. (Trong pháp hội) nghe các Đức Như Lai giảng bày Tri kiến Phật như Diệu liên hoa, con liền được chứng minh là vị thượng thủ.

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát kỹ về hai thứ trần nơi thân và thế giới đều không sai biệt, vốn là tánh Như Lai tạng, hư vọng phát ra trần tướng. Khi trần tướng tiêu sạch, thì trí huệ được viên mãn, thành đạo vô thượng. Đó là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

3. VIÊN THÔNG THUỶ ĐẠI
Nguyệt Quang Đồng Tử

Nguyệt Quang đồng tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ hằng hà sa kiếp từ trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Thuỷ Thiên, dạy cho các hàng Bồ Tát tu pháp quán về nước để nhập chánh định. "

Quán sát trong thân, tánh nước không xâm đoạt lẫn nhau. Ban đầu từ nước mũi, nước dãi, cho đến các thứ tân dịch tinh huyết, đại tiện, nước tiểu, châu lưu trong thân đều cùng một thể tánh. Con quán sát thấy nước trong thân cùng nước trong các biển hương thuỷ trong quốc độ của Phù Tràng Vương đều không sai biệt.

Lúc ấy, ban đầu con mới thành tựu được phép quán nầy, chỉ thấy được nước, chưa đạt được chỗ không thấy có thân. Lúc ấy con là vị tỷ-khưu đang ngồi thiền trong thất. Có vị đệ tử khi nhìn qua cửa sổ, thấy trong phòng chỉ toàn nước trong, chứ không thấy gì khác.

Đồng tử không biết, lấy miếng ngói ném vào trong nước, rơi xuống nước phát ra tiếng, chú nhìn quanh rồi bỏ đi. Sau khi con xuất định, mới thấy đau tim, như Xá-lợi-phất bị quỷ Vi hại đánh.

Con tự nghĩ, nay con đã thành bậc A La Hán, đã lâu không còn bệnh duyên, tại sao hôm nay bỗng dưng đau tim? Phải chăng đã bị thối thất?

Lúc bấy giờ, chú đệ tử đi đến, kể lại những việc như trước. Con bảo chú rằng, về sau khi nào lại thấy nước trong phòng thì hãy mở cửa, vào trong nước lấy viên ngói ra. Chú đệ tử theo lời con dặn, khi con nhập định, chú thấy viên ngói trong nước rõ ràng. Chú mở cửa vào lấy viên ngói đi. Sau khi con xuất định, thân thể bình thường như trước.

Con đã gặp được vô lượng chư Phật, cho đến khi gặp Đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, con mới chứng được không thân, cùng với thể tánh của nước biển hương thuỷ trong mười phương cùng thể nhập với chân không, chẳng hai chẳng khác. Nay ở trong pháp hội của Như Lai, con được danh hiệu là Đồng chân, được dự vào chúng hội của hàng Bồ Tát.

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán tánh nước lưu thông thuần một vị, nên chứng được vô sinh nhẫn, viên mãn đạo quả bồ-đề. Đây là phương pháp thứ nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

4. VIÊN THÔNG PHONG ĐẠI
Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử

Lưu Ly Quang Pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng: "Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Thanh, ngài khai thị cho hàng Bồ Tát tánh bản giác diệu minh. Ngài dạy quán sát thế giới nầy và thân chúng sinh đều là do sức lay động của nhân duyên hư vọng mà ra."

Lúc ấy, con quán sự an lập của thế giới, quán sự thiên lưu của thời gian, quán thân khi động khi yên, quán tâm khi khởi khi diệt. Thấy các tánh động ấy đều bình đẳng như nhau, vốn không sai biệt.

Bấy giờ con nhận ra các tánh lay động ấy, đến không do đâu, đi chẳng về đâu. Mười phương chúng sinh điên đảo nhiều như số vi trần đều đồng một tánh hư vọng.

Như thế cho đến hết thảy chúng sinh trong một tam thiên đại thiên, cũng như hằng trăm loài muỗi mòng có trong đồ chứa, kêu vo ve ầm ĩ, ở trong gang tấc, ồn ào rối rít. Con gặp Phật chưa bao lâu, liền được vô sinh pháp nhẫn.

Bấy giờ tâm con khai ngộ, mới thấy được cõi Phật Bất động ở phương đông. Con thành vị Pháp vương tử, thừa sự mười phương Phật. Thân tâm phát ra ánh sáng rỗng suốt không ngăn ngại.

Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán sát sức lay động của gió vốn không nương vào đâu, nên ngộ ra tâm bồ-đề, thể nhập vào chánh định. Hợp với diệu tâm của chư Phật trong mười phương đã truyền dạy. Đó là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

5. VIÊN THÔNG KHÔNG ĐẠI
Hư Không Tạng Bồ Tát

Hư Không Tạng Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con cùng Đức Như Lai chứng được vô biên thân nơi Đức Phật Định Quang."

Lúc ấy tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng khắp mười phương cõi Phật nhiều như vi trần, và biến các cõi nước ấy thành hư không. Lại trong tự tâm hiện ra đại viên kính trí, trong đó phóng ra 10 loại hào quang báu vi diệu, đều soi khắp cùng tận hư không khắp mười phương.

Các cõi nước Phù tràng vương đều hiện ra trong kính nầy và nhập vào thân con. Thân con đồng như hư không, không phương ngại lẫn nhau. Thân con khéo nhập vào các quốc độ nhiều như vi trần. Làm nhiều Phật sự, được sự tùy thuận.

Có được thần lực lớn nầy là do con quán chiếu rõ ràng, thấy tứ đại không nương vào đâu, do vọng tưởng mà có sanh diệt. Hư không vốn chẳng phải hai, quốc độ Phật vốn đồng nhau. Do thấy được thể tánh đồng mà được vô sinh pháp nhẫn. Đức Phật hỏi về viên thông, con do quán chiếu hư không vốn không ngằn mé, nên được thể nhập vào chánh định, có được diệu lực viên minh. Đây là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

6. VIÊN THÔNG THỨC ĐẠI
Di Lặc Bồ Tát

Di-lặc Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng, "Con nhớ trong kiếp trước nhiều như vi trần, có Đức Phật ra đời hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, con theo Phật xuất gia. Nhưng tâm con còn trọng hư danh thế gian, thích giao du với hàng quyền quý."

Lúc ấy Đức Thế Tôn dạy con tu tập pháp định duy tâm thức, con được nhập vào chánh định. Từ nhiều kiếp nay, nhờ chánh định nầy, mà con được phụng sự chư Phật nhiều như cát sông Hằng. Tâm cầu danh thế gian đã diệt sạch không còn.

Cho đến khi Đức Phật Nhiên Đăng thị hiện ra đời, con được thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam-muội. Cho đến cùng tận hư không các cõi nước của Như Lai, dơ sạch, có không, đều là biến hiện từ tâm con.

Bạch Đức Thế Tôn, do con rõ được tánh duy thức như vậy, nên từ thức tánh lưu xuất vô lượng Như Lai, Nay được Phật thụ kí, kế tiếp thành Phật ở cõi nầy. Đức Phật hỏi về viên thông, con dùng pháp quán tường tận mười phương đều do thức biến. Thức tâm được tròn sáng, thể nhập tánh viên thành thật, rời xa các tánh y tha khởi và tánh biến kế sở chấp, được pháp vô sanh nhẫn. Đó là phương pháp tốt nhất.

VIÊN THÔNG BẢY ĐẠI

7. VIÊN THÔNG KIẾN ĐẠI
Bồ Tát Đại Thế Chí

Đại Thế Chí Pháp vương tử cùng 52 vị Bồ Tát cùng tu tập, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật rồi bạch Phật rằng:

Con nhớ hằng hà sa kiếp trước, có Đức Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Lúc ấy có 12 Đức Như Lai kế tục nhau thành Phật trong một kiếp. Đức Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang, ngài dạy con pháp niệm Phật tam-muội.

Ví như có người, một đằng chuyên nhớ, một đằng chuyên quên, thì hai người ấy, dầu gặp cũng không là gặp, dầu thấy cũng không là thấy.

Nếu cả hai người đều nhớ nhau, hai bên nhớ nhau thật sâu trong tâm niệm, như thế cho đến đời nầy sang đời khác, như hình với bóng, không bao giờ cách xa nhau.

Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con trốn tránh, tuy nhớ, nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời không cách xa nhau.

Nếu tâm chúng sinh, nhớ Phật, tưởng đến Phật, thì đời nầy, đời sau, nhất định thấy Phật.

Họ đã cách Phật không xa, nên không nhờ vào phương tiện mà được tâm khai ngộ.

Như người xông hương thì thân thể có mùi thơm. Đó gọi là hương quang trang nghiêm.

Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật mà thể nhập vô sanh nhẫn. Nay con trong cõi nầy, tiếp dẫn những người niệm Phật trở về cõi Tịnh độ.

Đức Phật hỏi về viên thông, con do thu nhiếp tất cả sáu căn mà không cần lựa chọn, tịnh niệm liên tục. Đó là phương pháp hay nhất.

Kinh Lăng Nghiêm – Quyển 6



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

* * *

QUYỂN 6

GIẢNG GIẢI NHĨ CĂN

Quán Thế Âm Bồ Tát

Lúc bấy giờ Bồ Tát Quán Thế Âm liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát dưới chân Đức Phật, rồi bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn, con nhớ vào hằng hà kiếp từ thời quá khứ, lúc ấy có Đức Phật xuất hiện trên đời, danh hiệu là Quán Thế Âm. Con phát tâm bồ-đề từ Đức Phật đó. Ngài dạy con từ nghe, quán chiếu, tu tập mà thể nhập chánh định.

Ban đầu, con ở trong tánh nghe, vào được dòng viên thông thì không còn trạng thái sở văn nữa, tướng sở nhập cũng vắng lặng, hai trạng thái động tịnh rõ ràng chẳng còn sanh. Tình trạng như vậy tăng dần, các tướng năng văn, sở văn đều hết sạch.

Cũng không dừng trụ trong chỗ hết sạch năng văn, sở văn, đạt đến năng giác sở giác đều vắng lặng. Không giác viên mãn tột bậc, thì các tướng năng không và sở không đều tịch diệt. Sinh diệt đã diệt, thì bản tánh tịch diệt hiện tiền.

Bỗng nhiên con vượt ra ngoài thế gian và xuất thế gian, khắp mười phương một thể sáng suốt viên mãn hiển bày, và con đạt được hai cảnh giới thù thắng.

Một là, trên hợp với bổn diệu giác tâm của mười phương chư Phật. Con đạt được từ lực đồng như của chư Phật Như Lai.

Hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong lục đạo khắp mười phương. Cùng với chúng sinh đồng một bi ngưỡng.

32 ỨNG THÂN DIỆU TỊNH

Bạch Thế Tôn, do con cúng dường đức Quán Âm Như Lai, nên con được ngài truyền thọ Như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội, được cùng chư Phật Như Lai có đồng một từ lực. Khiến cho thân con thành tựu ba mươi hai ứng thân, có thể đến đi khắp mọi quốc độ. Bạch Thế Tôn

29. Nếu có Bồ Tát nhập tam-ma-địa, tiến tu pháp vô lậu, đã được thắng giải và thể hiện viên thông, con sẽ hiện thành thân Phật thuyết pháp cho các vị nghe, khiến cho các vị Bồ Tát ấy được giải thoát.
30. Nếu có hàng hữu học tu pháp diệu minh vắng lặng, đã được thắng diệu viên mãn, con sẽ hiện ra trước các vị ấy thân Độc giác, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được giải thoát.
31. Nếu các hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên, do các duyên đã đoạn mà phát ra thắng tánh, và thắng tánh đã viên mãn. Con hiện ra trước người đó thân Duyên Giác, thuyết pháp cho họ nghe khiến cho họ được giải thoát.
32. Nếu có hàng hữu học đã đạt được tánh không của Tứ đế, tu Đạo đế, và thể nhập Diệt đế, thắng tánh hiện bày viên mãn, con liền hiện ra thân Thanh Văn trước người kia, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ được giải thoát.
33. Nếu có chúng sinh, muốn tâm được tỏ ngộ, không phạm vào cảnh ngũ dục lạc thế gian, và muốn thân được thanh tịnh. Con liền hiện ra trước người ấy thân Phạm vương, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được giải thoát.
34. Nếu có chúng sinh muốn làm Thiên chủ, thống lãnh các cõi trời, con liền hiện ra trước người nầy thân Đế thích, thuyết pháp cho họ nghe, giúp cho họ được thành tựu ước nguyện.
35. Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, đi khắp mười phương, con hiện ra thân Tự tại thiên trước người đó, thuyết pháp cho họ nghe, khiến cho họ được thành tựu ước nguyện.
36. Nếu có chúng sinh muốn có thân tự tại, phi hành giữa hư không, con hiện ra trước người đó thân Đại tự tại thiên, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.
37. Nếu có chúng sinh muốn thống lĩnh quỷ thần, cứu giúp đất nước, con sẽ hiện ra trước người đó thân Thiên Đại tướng quân, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.
38. Nếu có chúng sinh thích thống lĩnh thế giới, bảo hộ chúng sinh, con sẽ hiện ra trước người đó thân Tứ thiên vương, thuyết pháp cho họ nghe để giúp cho họ thành tựu ước nguyện.

39. Nếu có chúng sinh muốn sanh ở thiên cung, sai khiến quỷ thần, con sẽ hiện ra thân Thái tử con của Tứ thiên vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
40. Nếu có chúng sinh thích làm vua cõi người, con sẽ hiện ra thân Quốc vương trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
41. Nếu có chúng sinh muốn làm chủ một gia đình thế tộc, được người đời kính ngưỡng, con sẽ hiện ra thân Trưởng giả trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
42. Nếu có chúng sinh thích đàm luận những lời hay, sống đời trong sạch, Con sẽ hiện ra thân Cư sĩ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
43. Nếu có chúng sinh thích việc trị nước, chỉ huy đoán định các bang ấp, con sẽ hiện ra thân Tể quan trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
44. Nếu có chúng sinh thích môn số thuật, tự mình nhiếp tâm giữ thân, con sẽ hiện ra thân Bà-la-môn trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
45. Nếu có người thiện nam muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tỷ-khưu trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
46. Nếu có người tín nữ muốn học pháp xuất gia, giữ các giới luật, con sẽ hiện ra thân tỷ-khưu-ni trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
47. Nếu có người thiện nam thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-tắc trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
48. Nếu có người tín nữ thích giữ ngũ giới, con sẽ hiện ra thân Ưu-bà-di trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
49. Nếu có phụ nữ lập thân trong việc nội chánh để điều hành gia đình hay quốc gia, con sẽ hiện ra thân nữ chủ hoặc thân quốc phu nhân mạng phụ đại gia trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
50. Nếu có chúng sinh, không hoại nam căn, con sẽ hiện ra thân đồng nam trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
51. Nếu có người con gái, muốn làm trinh nữ, không thích kết hôn, con sẽ hiện ra thân đồng nữ trước người kia, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
52. Nếu có chư thiên muốn thoát khỏi loài trời, Con sẽ hiện ra thân chư thiên, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

53. Nếu có loài rồng muốn thoát khỏi thân rồng, Con sẽ hiện ra thân rồng, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
54. Nếu có loài dược-xoa muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân dược-xoa, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
55. Nếu có loài càn-thát-bà muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân càn-thát-bà, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
56. Nếu có loài a-tu-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân a-tu-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
57. Nếu có loài khẩn-đà-la muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân khẩn-đà-la, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
58. Nếu có loài ma-hô-la-già muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ thân ma-hô-la-già, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
59. Nếu có chúng sinh thích được thân người, tu để thành thân người, Con sẽ hiện ra thân người, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.
60. Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc không có hình, hoặc có tưởng, hoặc không có tưởng, muốn thoát khỏi loài của mình, Con sẽ hiện ra trước họ với thân hình như họ, nói pháp cho họ nghe để giúp họ được thành tựu.

Đây gọi là 32 ứng thân diệu tịnh, đều đi vào được các cõi nước và thành tựu một cách tự tại văn huân văn tu tam muội và vô tác diệu lực.

14 CÔNG ĐỨC VÔ ÚY

Bạch Thế Tôn, do con lại dùng vô tác diệu lực và văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, và vì con có cùng một lòng bi ngưỡng với tất cả chúng sinh trong lục đạo mười phương ba đời, nên khiến cho chúng sinh, ai đã thể nhập vào thân con, đều có được 14 công đức vô uý.

61. Một là, do con không tự quán âm thanh, mà quán cái tâm năng quán, nên khiến cho chúng sinh đang khổ não trong mười phương ba đời kia quán sát âm thanh, liền được giải thoát.
62. Tri kiến đã xoay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào đống lửa, lửa vẫn không cháy.
63. Ba là, quán cái nghe đã quay trở lại, khiến cho các chúng sinh dù vào nước sâu, nước không nhận chìm.

64. Bốn là đã diệt hết vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến cho chúng sinh khi vào những nước quỷ, quỷ không hại được.

65. Năm là huân tập và thành tựu được tánh nghe. Sáu căn đều tiêu giải, quay về bản tánh, đồng như tánh nghe. Có thể khiến cho chúng sinh lúc sắp bị hại, dao gậy sẽ gãy từng đoạn, khiến cho binh khí chạm vào thân người như cắt vào nước, như thổi ánh sáng, bản tánh không hề lay động.

66. Sáu là huân tập tánh nghe sáng suốt thấy khắp pháp giới, thì các tánh tối tăm không thể còn được. Khiến cho chúng sinh, tuy các loài dược-xoa, la-sát, cưu-bàn-trà quỷ, cập tỳ-xá-già, phú-đan-na…đến gần bên cạnh, mắt chúng vẫn không nhìn thấy được.

67. Bảy là các âm thanh đều hoàn toàn tiêu mất, tánh quán sát và tánh nghe đều quay về tự tánh, lìa hẳn các vọng trần. Có thể khiến cho các thứ cùm dây, gông xiềng không thể dính vào được.

68. Tám là diệt đối tượng âm thanh, tánh nghe viên mãn, sanh từ lực cùng khắp, khiến chúng sanh đi qua đường hiểm mà giặc không thể cướp được.

69. Chín là do huân tập tánh nghe được thanh tịnh, lìa xa trần tướng, sắc, thanh… không lôi kéo được, khiến cho những chúng sanh đa dâm lìa xa tham dục.

70. Mười là con chỉ lưu lại thuần một viên âm thanh tịnh, không còn đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung, không còn đối đãi năng sở, khiến cho chúng sanh xa lìa được tham sân si sân nhuế.

71. Mười một là, tiêu dung thanh trần đối tượng, con xoay cái nghe về tánh bản minh, thân tâm và pháp giới trong sáng như lưu ly, lắng trong, không ngăn ngại. Khiến cho những chúng sanh ngu ngốc mê tối xa lìa sự si mê tăm tối.

72. Mười hai là viên dung các hiện tượng, con xoay tánh nghe trở về. Nơi đạo tràng bất động mà hòa vào thế gian nhưng không hủy hoại thế giới. Có thể cúng dường chư Phật Như Lai như số vi trần trong khắp mười phương, con ở bên mỗi Đức Phật làm Pháp vương tử. Khiến trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con trai, sanh được con trai phước đức trí tuệ.

73. Mười ba là, sáu căn của con được viên thông, cái được soi sáng là bất nhị, trùm khắp mười phương phương, thành đại viên kính không Như Lai tàng, con vâng lãnh những pháp môn bí mật của thập phương Như Lai như vi trần không hề thiếu sót, khiến cho trong pháp giới những chúng sanh không có con, cầu có con gái, sanh được con gái tướng tốt đoan chính, phước đức dịu dàng, được nhiều người kính quý.

74. Mười bốn là, trong tam thiên đại thiên thế giới này, có trăm ức mặt trời, mặt trăng, các Pháp vương tử hiện ở trong thế gian đông như số cát 62 sông Hằng, đều tu Phật pháp, làm gương mẫu, giáo hóa chúng sanh, tùy thuận chúng sinh. Trí tuệ và phương tiện mỗi Ngài đều khác nhau.

Do con được tánh viên thông, phát ra diệu tánh của nhĩ căn. Nên thân tâm vi diệu trùm khắp pháp giới. Khiến cho chúng sanh chấp trì danh hiệu của con, so với những người chấp trì danh hiệu Pháp vương tử số lượng bằng 62 số cát sông Hằng nói trên, công đức bằng nhau không sai khác.

Bạch Thế Tôn, một danh hiệu của con, cùng với các danh hiệu kia đều không sai khác, là do con tu tập được tánh viên thông chân thực.

Đó gọi là Mười bốn lực vô úy, con đem điều phước đến đầy đủ khắp cho các chúng sinh.

BỐN ĐỨC VÔ TÁC NHIỆM MẦU

Bạch Thế Tôn! Con lại được đạo tu chứng viên thông vô thượng đó, nên lại khéo được bốn đức vô tác nhiệm mầu không thể nghĩ bàn:

75. Một là, ban đầu con chứng được tánh nghe vi diệu, tâm tánh không còn các tướng năng văn. Các việc thấy nghe hay biết không còn cách biệt, con thành tựu được bảo giác viên dung thanh tịnh. Nên con có thể hiện ra rất nhiều diệu dụng, nói được rất nhiều thần chú bí mật.

Chẳng hạn,, con có thể hiện ra từ 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 108 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu cho đến 84.000 đầu thước-ca-la.

Con có thể hiện ra 2 tay, 4 tay, 6 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay, 24 tay, 108 tay rồi 1.000 tay, 10.000 tay cho đến 84.000 tay mẫu-đà-la.

Hoặc có thể hiện ra 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, 108 mắt, rồi 1.000 mắt, 10.000 mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh. Hoặc khi thì (hiện thân) từ, khi thì uy, khi thì định, khi thì tuệ để cứu độ chúng sanh được hoàn toàn tự tại.

76. Hai là do tánh nghe và suy nghĩ của con thoát ngoài sáu trần, như âm thanh xuyên qua vách tường, không bị ngăn ngại. Cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú. Hình và chú đó đều có thể đem sức vô uý mà bố thí cho chúng sinh. Thế nên các cõi nước trong mười phương nhiều như vi trần đều gọi con là vị bố thí sự không sợ hãi.

77. Ba là do con tu tập căn tánh bản diệu viên thông thanh tịnh, nên đi qua thế giới nào, đều khiến cho chúng sinh xả thân, xả đồ trân bảo, cầu con thương xót.
78. Thứ tư, do con chứng được tâm Phật, đạt đến chỗ rốt ráo, nên có thể đem các thứ trân báu cúng dường mười phương Như Lai, khắp đến chúng sinh trong sáu đường cả pháp giới.

Ai cầu vợ thì được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu sống lâu được sống lâu. Như thế cho đến cầu Đại niết-bàn liền được Đại niết-bàn.

Đức Phật hỏi về viên thông, con do được viên chiếu tam-muội nơi nhĩ căn mà duyên tâm được tự tại. Nhân tướng nhập lưu mà được tam-ma-đề, thành tựu quả vị bồ-đề. Đó là thứ nhất.

Bạch Thế Tôn, Đức Phật Như Lai đó, đã khen ngợi con khéo chứng được pháp môn viên thông. Trong đại chúng, ngài thọ ký cho con danh hiệu Quán Thế Âm.

Do con thấy nghe thấu suốt mười phương, nên tên gọi Quán Thế Âm cùng khắp mười phương thế giới.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nơi sư tử toà, từ năm vóc đều phóng hào quang báu, từ xa rót xuống đảnh các Đức Như Lai nhiều như vi trần và trên đảnh đầu các vị Bồ Tát Pháp vương tử.

Các đức Như Lai kia, từ năm vóc cũng đều phóng hào quang báu, từ các thế giới nhiều như vi trần đến rót trên đảnh Đức Phật và trên đảnh các vị Bồ Tát và A La Hán trong chúng hội.

Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Hào quang giao xen nhau như lưới tơ báu. Đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều chứng được Kim cang tam-muội.

Liền khi ấy, mưa trời rơi xuống loài hoa sen trăm báu, màu xanh vàng đỏ trắng xen lẫn nhau. Mười phương hư không hóa thành màu sắc bảy thứ châu báu.

Núi sông đất liền của cõi ta-bà nầy cùng lúc không hiện ra. Chỉ thấy các quốc độ như vi trần trong mười phương hợp thành một thế giới. Kệ tụng, tán ca tự nhiên vang lên.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi

UYỂN CHỌN VIÊN THÔNG

Lúc đó, Đức Như Lai bảo ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử rằng: “Nay ông hãy xem trong 25 vị Đại Bồ Tát và A La Hán vô học, mỗi vị đều trình bày phương tiện

ban đầu để thành đạo, họ đều nói về tu tập tánh viên thông chân thật. Việc tu hành của các vị đó thật là chẳng có chỗ hơn kém, trước sau khác nhau.”

Nay Như Lai muốn khiến cho A-Nan khai ngộ, thì trong 25 hạnh tu đó, hạnh nào hợp với căn cơ A-Nan? Và sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh trong cõi nầy muốn thể nhập Bồ Tát thừa, cầu đạo vô thượng, do phương tiện gì mà dễ thành tựu?

Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử vâng lời dạy của Đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật. Nương vào oai thần của Đức Phật, đáp bằng kệ rằng:

Biển giác tánh lặng trong viên mãn
Vốn nhiệm mầu viên mãn trong lặng
Tánh bản minh chiếu thành ra “sở”
Tướng “sở” lập, mất tánh bản minh.

Do mê vọng thấy có hư không
Nương hư không, hình thành thế giới
Tưởng lắng đọng, thành cõi nước
Tri giác phân biệt, thành chúng sinh.

Hư không sanh trong Đại giác
Như một bọt nước nổi lên giữa biển
Cõi nước hữu lậu như vi trần
Đều nương hư không mà phát sanh.

Bọt nước tan, hư không vốn chẳng còn
Huống nữa là sự hiện hữu trong ba cõi
Về nguồn, tánh không hai
Phương tiện có nhiều đường.

Tánh giác vốn dung thông
Thuận nghịch là phương tiện
Sơ tâm vào tam muội
Mau chậm chẳng đồng nhau.

Sắc và vọng tưởng kết lại thành ‘trần.’
Thể tánh của nó không thể thông suốt được,
Làm sao từ chỗ không thông suốt ấy,
Mà mong được tánh viên thông?

Thanh âm kết hợp ngữ ngôn,
Chỉ nương theo câu chữ,

Nếu cái một đã không bao hàm tất cả,
Làm sao để tu chứng viên thông?

Lúc hoà hợp, hương mới thành tác dụng;
Nếu rời ra, hương vốn chẳng có.
Sở giác đã không tương tục hiện hữu,
Khó mà tu chứng được viên thông?

Vị, không phải đương nhiên tự có,
Phải nếm mới biết có vị.
Với vị giác cũng không tương tục.
Làm sao tu chứng được viên thông?

Xúc, có vật chạm mới biết,
Nếu không vật chạm, xúc không thành.
Lúc hợp, lúc ly, tánh bất định.
Làm sao tu chứng được viên thông?

Pháp còn gọi là nội trần.
Nương theo trần, tất có 'sở'.
Năng sở chẳng biến nhập thành một
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Tánh thấy vốn rỗng rang bao quát
Thấy được phía trước chẳng thấy được phía sau
Bốn phía, thiếu đi một nửa,
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Mũi thở ra thở vào,
Khoảng giữa, hiện không có thở;
Không dung thông, còn cách trở,
Làm sao tu chứng viên thông?

Lưỡi không vị, tánh nếm không thành.
Nhân các vị, mới có hay biết.
Không có vị, rốt ráo chẳng có gì.
Làm sao mà tu chứng viên thông ?

Thân biết xúc cùng với cảnh sở xúc giống nhau
Cả hai đều có giới hạn, không cùng khắp.
Không xác định nhận ra tánh không hạn lượng.
Thì làm sao mà tu chứng viên thông?

Ý căn thường xen với loạn tưởng.
Khi dừng lặng thì chẳng thấy biết gì.
Nếu không thoát được các niệm tưởng.
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần.
Gạn xét tột cùng nó không tự tướng
Tự thể vốn đã không nhất định
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Tâm nghe, thấu suốt cả mười phương
Là do lực của đại nhân duyên
Hàng sơ tâm không thể đến chỗ ấy
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Quán chóp mũi đó chỉ là quyền phương tiện,
Nhằm thu nhiếp, an trụ tâm.
Nếu đối tượng quán sát trở thành “sở trụ”
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Thuyết pháp vận dụng âm Thanh Văn tự
Khai ngộ cho người đã gieo trồng chủng tử Phật.
Danh cú, văn tự không phải là vô lậu.
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Giữ giới chỉ câu thúc cái thân,
Ngoài thân, lấy gì câu thúc ?
Giới và thân vốn không cùng khắp
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Thần thông là do tập nhân từ đời trước,
Không dính dáng với ý thức phân biệt.
Niệm lự, không tách rời sự vật
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Khi quán tánh của đất,
Vốn nó ngăn ngại, không thông suốt.
Pháp hữu vi không là giác tánh
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Khi quán tánh của nước,
Đã là quán tưởng thì không phải chơn,

Vì như như thì chẳng phải là giác quán,
Nên làm sao mà tu chứng viên thông?

Quán hỏa đại để trừ lửa tham dục
Là do chán cái khổ, chưa phải viễn ly chơn thật.
Chẳng phải là phương tiện của hàng sơ tâm
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nếu quán tánh phong đại
Động tĩnh chẳng phải là không đối đãi
Đã đối đãi tức chẳng phải là vô thượng giác.
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nếu quán tánh không đại
Hư không vô tri, chẳng hay biết.
Không hay biết tức trái với bồ-đề.
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Nếu quán tánh thức đại.
Thức sanh diệt chẳng thường trụ
Chỉ bận tâm trong phân biệt hư vọng
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Tất cả các hành đều vô thường,
Tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt.
Nhân quả nay đã quá sai khác.
Làm sao mà tu chứng viên thông?

Con nay kính bạch Thế Tôn
Phật ra đời ở cõi ta-bà:
Thể chân thật của pháp môn trong cõi này,
Thanh tịnh do ở nói và nghe.

Muốn tu chứng tam-ma-đề,
Thật nên do tánh nghe mà vào,
Rời khổ, được giải thoát.
Hay thay Quán Thế Âm!

Trong kiếp số nhiều như cát sông Hằng,
Vào cõi Phật như vi trần,
Được lực tự tại rất to lớn,
Bố thí sự vô uý cho chúng sinh.

Nhiệm mầu là âm thanh của Quán Thế Âm.
Âm thanh thanh tịnh như tiếng hải triều.
Cứu độ thế gian, khiến đều được an lành.
Xuất thế gian, được quả thường trụ.

Con nay kính bạch Như Lai,
Như lời Bồ Tát Quán Thế Âm vừa trình bày.
Ví như có người trong chỗ yên lặng.
Khắp mười phương đều đánh trống.

Mười xứ cùng lúc đều nghe.
Đó gọi là hoàn toàn chân thật.
Mắt không thấy khi có chướng ngại bên ngoài.
Thiệt căn, tỷ căn cũng như vậy.

Thân, khi hợp mới biết xúc.
Ý căn, phân vân không manh mối.
Cách tường, tai vẫn nghe được tiếng.
Xa gần đều nghe được.

Năm căn so sánh thật không bằng.
Thế mới chân thật thông.
Tánh của âm thanh, có động có tĩnh.
Trong tánh nghe thành có, thành không.

Khi không tiếng, gọi là không nghe.
Chẳng phải thật là không có tánh nghe.
Không tiếng, tánh nghe đã không diệt.
Có tiếng, tánh nghe cũng chẳng sanh.

Lìa hẳn hai ý niệm sanh diệt.
Thế mới thường chân thật.
Dù đang lúc mộng tưởng,
Chẳng phải do không suy nghĩ mà không có.

Tính giác quán vượt ra ngoài suy nghĩ
Thân, ý không so kịp.
Hiện tại cõi ta-bà,
Thanh luận được biểu dương.

Chúng sinh bỏ mất tánh nghe.
Theo thanh trần nên bị lưu chuyển.

A-Nan tuy nhớ giỏi,
Vẫn không khỏi mắc tà nạn.

Há chẳng phải tùy chỗ chìm đắm.
Xoay ngược dòng, thoát khỏi hư vọng.
A-Nan! Hãy nghe kỹ:
Tôi nương uy lực Phật.

Trình bày tam-muội của Kim cang vương
Như huyễn bất khả tư nghị.
Thiền định là mẹ của chư Phật.
Ông nghe các pháp bí mật của chư Phật

Nhiều như số vi trần.
Nếu trước tiên không trừ các dục lậu.
Nghe nhiều, chất chứa thành lầm lỗi.
Đem cái nghe thọ trì Phật pháp.

Sao không tự nghe tánh nghe của mình?
Tánh nghe không phải tự nhiên sanh.
Nhân thanh trần mà có tên gọi.
Xoay lại cái nghe là thoát khỏi thanh trần.

Cái đã lìa xa ấy, gọi là gì?
Khi một căn đã trở về nguồn.
Sáu căn tức thành giải thoát.
Thấy, nghe như mắt nhặm.

Ba cõi như hoa đốm giữa hư không.
Tánh nghe xoay trở lại, gốc bệnh nhặm tiêu trừ.
Trần tướng tiêu, tánh giác thuần thanh tịnh.
Tột cùng thanh tịnh, trí quang thông suốt.

Thể tịch chiếu trùm khắp hư không.
Trở lại quán sát việc thế gian.
Giống như việc trong mộng.
Ma-đăng-già chỉ là chiêm bao.

Thì ai bắt giữ được ông?
Như các huyễn sư giỏi trong đời.
Tạo ra các hình người như thật.
Tuy thấy các căn đều cử động.

Chủ yếu đều do bộ máy giật giây.
Máy dừng, tất cả trở về yên lặng.
Các trò huyễn thành vô tánh.
Sáu căn đều như vậy.

Nương một bản tánh sáng suốt,
Phân ra sáu thứ hoà hợp.
Một thứ đã lìa ra, quay về,
Thì cả sáu đều không tồn tại.

Trong một niệm, trần cấu đều tiêu,
Chuyển thành tánh viên minh tịnh diệu.
Còn sót lại trần cấu là còn học vị.
Sáng suốt cùng tột tức Như Lai.

A-Nan và đại chúng
Xoay tánh nghe trở vào
Để nhận ra tự tánh của mình.
Nhận ra tự tánh, Thành đạo vô thượng.

Thật tánh viên thông là như vậy.
Đây là con đường thể nhập niết-bàn,
Của chư Phật như vi trần
Các Đức Như Lai trong quá khứ,

Đều thành tựu do pháp môn nầy
Các Bồ Tát trong hiện tại,
Nay đều thể nhập sự sáng suốt viên mãn.
Chúng sinh tu học trong đời sau,

Đều nên nương theo pháp nầy.
Con cũng nhờ trong pháp ấy mà tu chứng,
Chẳng riêng gì Quán Thế Âm.
Thật như lời Đức Thế Tôn hỏi,

Con về các phương tiện,
Để cứu giúp trong đời mạt pháp,
Cho những người cầu pháp xuất thế gian.
Thành tựu được tâm niết-bàn,

Quán Thế Âm là hơn cả.
Còn tất cả các phương tiện khác,

Đều là nhờ uy lực của Đức Phật.
Ngay nơi cảnh giới hiện tượng mà xả bỏ trần lao.

Chẳng phải là phương tiện tu học thông thường.
Đồng giảng nói cho người căn tánh cạn và sâu.
Đảnh lễ Như Lai Tạng
Và những bậc vô lậu, không thể nghĩ bàn,

Nguyện xin gia hộ cho đời vị lai
Không lầm lẫn trong pháp môn nầy.
Đây là phương tiện để thành tựu.
Nên đem dạy cho A-Nan,

Cùng chúng sinh trầm luân trong đời mạt pháp.
Chỉ dùng nhĩ căn tu tập.
Đạt viên thông nhanh hơn các pháp khác.
Chân thật tâm đúng là như vậy.

Lúc ấy A-Nan và cả đại chúng, thân tâm rỗng rang, nhận được sự khai thị sâu mầu. Thấy bồ-đề và đại niết-bàn của chư Phật giống như người nhân có việc phải đi xa chưa trở về được. Nay đã biết rõ con đường về nhà.

Toàn thể pháp hội, chúng thiên long bát bộ, hàng Nhị thừa hữu học, cùng hết thảy hàng Bồ Tát sơ phát tâm, số lượng có đến 10 số cát sông Hằng, đều nhận ra bản tâm, lìa xa trần tướng, được pháp nhãn thanh tịnh.

Tánh tỷ-khưu-ni nghe nói bài kệ này xong liền chứng quả A La Hán.

Vô lượng chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề.

TỨ QUYẾT ĐỊNH

A-Nan chỉnh trang pháp phục, hướng vào đại chúng, chắp tay đảnh lễ. Tâm tánh hoàn toàn sáng suốt, vừa mừng vừa tủi. Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh đời vị Lai, nên cúi đầu bạch Phật: "Kính bạch Đức Thế Tôn đại bi, con nay đã ngộ pháp môn thành Phật, theo trong đó tu hành, được điều không nghi hoặc.

Con thường nghe Như Lai dạy rằng: 'Tự mình chưa được độ, mà độ người trước, đó sự phát tâm của hàng Bồ Tát. Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người khác, đó là sự ứng thế của các đức Như Lai'. Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện độ cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.

Bạch Thế Tôn, các chúng sinh nầy cách Phật ngày càng xa. Những tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng. Nếu muốn họ nhiếp tâm vào tam-ma-địa, làm sao khiến họ dựng lập đạo tràng để khỏi rơi vào ma sự, không lui sụt tâm bồ-đề?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, khen ngợi A-Nan: Hay thay! Hay thay! Như điều ông hỏi về dựng lập đạo tràng để cứu giúp chúng sinh chìm đắm trong đời mạt pháp. Nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, Như Lai sẽ nói cho ông biết. A-Nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Đức Phật bảo A-Nan: "Ông thường nghe trong giới luật của Như Lai, giảng bày ba nghĩa quyết định của việc tu hành. Thu nhiếp tâm ý gọi là giới, nhân giới phát định lực, nhân định có trí huệ. Đó gọi là ba môn học vô lậu.

79. ĐOẠN TRỪ DÂM TÂM

A-Nan vì sao thu nhiếp tâm niệm, Như Lai gọi là giới? Nếu các chúng sinh trong thế giới lục đạo tâm không dâm dục, thì sẽ không bị tương tục trong sinh tử.

Ông tu tam-muội, cốt là để thoát khỏi trần lao. Nếu không trừ lòng dâm, không thể ra khỏi trần lao được. Dù có nhiều trí và thiền định hiện tiền, nếu không đọan trừ tâm dâm, chắc lạc vào ma đạo. Hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ.

Các loài ma kia cũng có đồ chúng. Đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Sau khi Như Lai diệt độ, có nhiều loại ma dân nầy náo loạn trong thế gian. Chúng gây nhiều việc tham dâm, xưng là thiện tri thức, khiến cho chúng sinh rơi vào hầm sâu ái kiến, lạc mất đường đến giác ngộ.

Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, trước hết phải đoạn trừ tâm dâm. Đó là lời dạy bảo thanh tịnh, quyết định thứ nhất của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Thế nên, A-Nan, nếu không đoạn tâm dâm mà tu thiền định, cũng như nấu cát mà mong thành cơm. Trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Vì sao? Vì đó chẳng phải là bản nhân của cơm, đó chỉ là cát đá.

Ông đem thân dâm dục cầu diệu quả chư Phật, dù được diệu ngộ, cũng chỉ là gốc dâm. Cội gốc đã thành dâm, thì phải trôi lăn trong tam đồ, chắc không ra khỏi được. Còn đường nào để tu chứng niết-bàn của Như Lai?

Ắt phải khiến cho thân tâm đều đọan trừ hết căn dâm. Tánh đoạn cũng trừ. Mới mong chứng quả bồ-đề của chư Phật.

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

80. PHẢI ĐOẠN TRỪ TÂM SÁT HẠI

Lại nữa, A-Nan, nếu các chúng sinh trong sáu cõi khắp các thế giới, nếu họ không có tâm sát hại, ắt sẽ không tương tục theo dòng sanh tử.

Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm sát hại không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

Dù có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu như không đoạn trừ tâm sát hại, ắt rơi vào thần đạo. Bậc cao thì làm đại lực quỷ. Bậc trung thì làm quỷ phi hành dạ-xoa và các loài quỷ soái. Bậc thấp thì làm quỷ địa hành la-sát.

Các loài quỷ thần ấy cũng có đồ chúng. Chúng đều tự cho rằng mình đã thành đạo vô thượng.

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, nhiều loại quỷ thần nầy sôi nổi trong thế gian. Chúng tự tuyên bố rằng ăn thịt sẽ chứng được đạo bồ-đề.

A-Nan, Như Lai cho phép hàng tỷ-khưu ăn năm loại tịnh nhục. Thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa ra, vốn chúng không có mạng căn. Xứ Bà-la-môn của các ông, đất đai phần nhiều ẩm thấp và nóng, lại thêm cát đá, rau cỏ không sinh được. Như Lai dùng thần lực từ bi gia hộ. Do tâm đại từ bi giả gọi là thịt. Các ông cũng nhận được vị như thịt. Cớ sao sau khi Như Lai diệt độ, những người ăn thịt chúng sinh lại xưng là Thích tử?

Các ông nên biết những người ăn thịt đó, dù tâm được khai ngộ, như tam-ma-đề, đều là loài đại la-sát. Khi quả báo hết, lại phải chìm đắm trong biển khổ sinh tử. Họ chẳng phải là đệ tử của Phật. Những người ấy giết hại, thôn tánh lẫn nhau, ăn nuốt nhau không thôi. Những người như vậy làm sao ra khỏi ba cõi?

Ông dạy người đời tu pháp tam-ma-địa, phải đoạn trừ việc sát sanh. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ hai của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Thế nên A-Nan, nếu không đoạn trừ việc sát hại mà tu thiền định, ví như có người tự bịt tai mình, rồi kêu lớn tiếng, mà mong mọi người chẳng nghe tiếng mình. Loại người nầy gọi là muốn dấu nhưng càng lộ bày.

Tỷ-khưu thanh tịnh và các vị Bồ Tát khi đi trên đường còn không đạp cỏ non, huống là dùng tay nhổ. Tại sao thực hành tâm đại bi mà lại lấy máu thịt chúng sinh làm thức ăn?

Nếu các tỷ-khưu không mặc tơ lụa, là lượt của phương đông, và không dùng giày dép, áo cừu, áo len, hay các thứ sữa, lạc, đề hồ. Những tỷ-khưu ấy, thật là giải thoát trong pháp thế gian. Trả hết nợ cũ xong, sẽ không vào trong ba cõi nữa.

Tại sao dùng những bộ phận thân thể chúng sinh, đều có ảnh hưởng đến chúng. Như con người ăn trăm giống cốc loại trong đất, thì chân không rời đất. Dứt khoát thân tâm mình, đối với thân thể hay chi phần của chúng sinh, quyết không dùng, không ăn không mặc. Những người như vậy, Như Lai mới thật xem là giải thoát.

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

81. DỨT TRỪ TÂM TRỘM CẮP

Lại nữa A-Nan, nếu như chúng sinh trong thế giới lục đạo, tâm không trộm cắp, thì họ sẽ không bị tương tục trong dòng luân hồi sinh tử.

Ông tu tam-muội, cốt là ra khỏi trần lao. Tâm trộm cắp không trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được.

Dù có nhiều trí thiền định hiện tiền, nếu không đoạn trừ tâm trộm cắp, ắt phải rơi vào tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng trung thành yêu mị, lớp dưới thành người tà đạo, bị yêu mị gá vào.

Các nhóm tà đạo kia cũng có đồ chúng. Họ đều tự xưng đã thành đạo vô thượng.

Sau khi Như Lai diệt độ, trong thời mạt pháp, có nhiều loại yêu ma tà đạo ấy sôi nổi trong thế gian, lén lút gian dối xưng là thiện tri thức. Họ đều tự xưng đã được pháp thượng nhân. Dối gạt kẻ không biết, doạ dẫm khiến họ mất lòng tin. Chúng đi đến đâu, gia đình người ta đều bị hao tán.

Như Lai dạy hàng tỷ-khưu theo thứ tự khất thực, là khiến họ xả trừ lòng tham, thành tựu đạo bồ-đề. Các hàng tỷ-khưu không tự nấu ăn, gửi cái thân sống nhờ như khách trọ trong ba cõi. Hiện thân một lần qua lại, đi rồi không trở lại nữa.

Tại sao loại giặc ấy lại mượn y của Phật, buôn bán Như Lai, tạo vô số nghiệp, nói rằng đó đều là Phật pháp. Lại chê hàng xuất gia thọ giới tỷ-khưu là đạo Tiểu thừa. Do chúng làm cho vô lượng chúng sinh mắc phải nghi lầm, nên sẽ bị đoạ vào địa ngục vô gián.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tỷ-khưu phát tâm quyết định tu tam-ma-đề. Có thể trước hình tượng Như Lai, tự mình thắp một ngọn đèn, đốt một ngón tay; hay ở trên thân đốt một liều hương. Như Lai nói người nầy, nợ nần từ kiếp lâu xa, nay được trả hết trong một đời, xa lìa thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi các lậu hoặc.

Người ấy tuy chưa hiểu rõ đạo vô thượng giác, nhưng đối với Phật pháp đã có tâm quyết định.

Nếu không gieo được cái nhân xả thân nhỏ bé ấy, dù có thành đạo vô vi, cũng phải sanh lại làm người, hoàn trả các nợ cũ, như quả báo ăn lúa ngựa của Như Lai.

Ông dạy người đời, tu pháp tam-ma-địa, sau nữa, dứt trừ tâm trộm cắp. Đó gọi là lời dạy rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ ba của các Đức Phật Như Lai Thế Tôn trong quá khứ.

Cho nên A-Nan, nếu không dứt trừ tâm trộm cắp mà tu thiền định, cũng như rót nước vào bình thủng, mà mong cho đầy. Dù trải qua nhiều kiếp số như vi trần, rốt cục vẫn không đầy được.

Nếu các tỷ-khưu, ngoài y bát ra, không tích trữ mảy may. Khất thực có thừa, bố thí cho chúng sinh đói. Nơi hội lớn đông người, chắp tay lễ bái đại chúng. Nếu có người đánh mắng, xem như khen ngợi mình. Xem thân thịt máu xương của mình giống như thân của chúng sinh. Nếu không đem lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ tỏ ngộ của mình, khiến cho kẻ sơ học khỏi bị lầm lạc, thì Như Lai ấn chứng người ấy chân thực được tam-muội.

Như lời Như Lai nói đây, tức là lời của chư Phật. Nếu không đúng như lời nói đó, tức ma ba-tuần nói.

82. DỨT TRỪ VỌNG NGỮ

A-Nan, chúng sinh trong thế giới lục đạo như thế, tuy thân tâm không còn sát đạo dâm, ba hạnh đều đã viên mãn, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì tam-ma-đề không được thanh tịnh, sẽ thành giống ma ái kiến, và làm mất chủng tử Như Lai.

Chưa được gọi là đã được, chưa chứng nói rằng đã chứng. Hoặc để mong cầu thế gian Tôn trọng tột bậc, bảo người khác rằng: Nay tôi đã đắc quả Tu-đà-hoàn quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, được đạo A La Hán, Bích-chi Phật thừa, hay các quả vị Bồ Tát trong Thập địa hay trước Thập địa. Mong được mọi người lễ bái, tham được cúng dường.

Những kẻ nhất-điên-ca ấy tự tiêu diệt chủng tử Phật. Như người dùng dao chặt cây đa-la. Phật ấn ký người ấy mất hẳn thiện căn, không còn chánh tri kiến, chìm đắm trong ba bể khổ, không thành tựu được pháp tam-muội.

Sau khi Như Lai diệt độ, dạy hàng A La Hán và Bồ Tát hãy ứng thân sinh trong đời mạt pháp, hiện ra nhiều hình tướng khác nhau để độ những chúng sinh còn trong vòng luân hồi.

Hoặc làm sa-môn, cư sĩ bạch y, vua chúa, quan lại, đồng nam đồng nữ. Như vậy cho đến làm dâm nữ, làm người quả phụ, người gian dối, trộm cắp, người hàng thịt, kẻ buôn bán. Để cùng với họ đồng sự, xưng tán Phật thừa, khiến cho thân tâm họ nhập vào tam-ma-địa,

Rốt ráo không tự bảo mình thật là Bồ Tát, là A La Hán. Khinh xuất nói với người chưa học, tiết lậu mật nhân của Phật.

Chỉ trừ khi đến lúc lâm chung, âm thầm có lời di chúc. Tại sao những người ấy lừa gạt chúng sinh, thành tội đại vọng ngữ.

Ông dạy người đời tu tam-ma-địa, sau rốt phải đoạn trừ nói lời đại vọng ngữ. Đó là lời dạy bảo rõ ràng thanh tịnh, quyết định thứ tư của các Đức Phật Thế Tôn Như Lai trong đời trước.

Thế nên A-Nan, nếu không đoạn trừ lời đại vọng ngữ, như khắc phân người làm hình cây chiên đàn, mà muốn được hương thơm. Thật không có chuyện đó.

Như Lai dạy hàng tỷ-khưu, lấy trực tâm làm đạo tràng. Trong các hành xử từ bốn uy nghi, còn không được hư dối. Làm sao có kẻ tự xưng là đã được pháp thượng nhân?

Ví như người bần cùng, tự xưng là đế vương, tự chuốc lấy sự tru diệt. Huống gì là ngôi vị pháp vương, sao dám xưng càn! Nhân đã không thật, quả ắt quanh co. Cầu đạo bồ-đề của Phật, như người muốn cắn rốn, làm sao thành tựu được?

Nếu hàng tỷ-khưu, tâm thẳng như dây đàn, hành xử mọi việc chân thật, nhập vào tam-ma-đề, ắt hẳn không có ma sự. Như Lai ấn chứng cho người nầy, thành tựu được vô thượng trí giác của hàng Bồ Tát.

Như lời Như Lai nói đây, chính là lời chư Phật đã nói. Nếu không phải như vậy, tức là lời ma ba-tuần nói.

Kinh Lăng Nghiêm – Quyển 7



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

***

QUYỂN 7

PHẬT DẠY TRÌ CHÚ LĂNG NGHIÊM

A Nan! Ngươi hỏi cách nhiếp tâm, trước ta đã nói về pháp môn vi diệu, tu tập Tam Ma Địa. Người cầu đạo bồ đề trước tiên phải giữ bốn thứ luật nghi kể trên, trong sáng như băng tuyết để làm căn bản, tự nhiên chẳng sanh tất cả nhánh lá; nhờ đó, ba ý nghiệp và bốn khẩu nghiệp ắt chẳng có nhân để sanh khởi.

A Nan, nếu giữ kỹ bốn giới chẳng bỏ sót, tâm còn chẳng duyên theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, thì tất cả ma sự làm sao còn sanh khởi được?

Nếu có tập khí xưa chẳng thể diệt trừ, ngươi dạy người ấy nhất tâm tụng trì "Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú" của ta, ấy là cái tâm chú do Vô Kiến Đảnh Tướng Như Lai, từ nơi đảnh đầu hiện ra Vô Vi Tâm Phật, ngồi trên bửu liên hoa mà thuyết.

Ngươi và Ma Đăng Già, do tập khí ân ái từ nhiều kiếp, ta vừa tuyên thuyết thần chú, liền khiến Ma Đăng Già thoát hẳn lòng yêu, đắc quả A La Hán. Nàng kia là dâm nữ, chẳng có tâm tu hành, nhờ thần lực thầm giúp, được mau chứng vô học, huống là hàng Thanh Văn các ngươi trong hội, cầu tối Thượng Thừa, nhất định thành Phật, cũng như bụi bay theo chiều gió, đâu có ngăn ngại gì?

Nếu người đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước tiên phải giữ giới cấm trong sạch của Tỳ Kheo, cần phải lựa chọn vị Sa Môn giữ giới trong sạch bậc nhất để làm thầy mình, nếu chẳng gặp vị tăng thật trong sạch, thì giới luật của người ấy ắt chẳng thành tựu.

Khi giới đã thành tựu, nên mặc y áo sạch sẽ, đốt hương an cư, tụng 108 biến thần chú do tâm Phật sở thuyết, rồi kết giới dựng lập đạo tràng, cầu xin Vô Thượng

Như Lai hiện ở các quốc độ mười phương, phóng hào quang đại bi đến chiếu soi đảnh đầu mình.

A Nan! Trong đời mạt pháp, những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bạch Y, đàn việt, tâm diệt tham dâm, giữ giới trong sạch, phát nguyện Bồ Tát, khi ra vào nơi đạo tràng, đều tắm rửa sạch sẽ, sáu thời hành đạo chẳng ngủ, đến 21 ngày, ta tự hiện thân trước người ấy, xoa đảnh an ủi, khiến được khai ngộ.

A Nan bạch Phật: Con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành đạo vô học. Nhưng người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, cần kết giới thế nào, cho hợp với quy tắc trong sạch của chư Phật?

Phật dạy Ông Anan : "Người đời mạt pháp, nguyện lập đạo tràng, trước hết kiếm con trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết Sơn, sống bằng cỏ thơm non mướt, loài trâu trắng này chỉ uống nước trong của núi Tuyết Sơn, phân rất nhuyễn mịn. Nên lấy phân đó hòa trộn với bột hương Chiên Đàn để tráng nền đất. Nếu không phải là loài trâu trắng ở Tuyết Sơn thì phân hôi bẩn, không thể tráng nền. Riêng ở đồng bằng, có thể đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy đất sét vàng từ năm thước trở xuống rồi hòa trộn với hương Chiên Đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, can tùng và kê thiệt.

Mười thứ ấy rây nghiền thành bột, trộn với đất sét để làm nền đàn tràng, mỗi bề một trượng sáu, thành cái đàn bát giác. Ở chính giữa đạo tràng, đặt một hoa sen làm từ vàng, bạc, đồng hay gỗ. Trong hoa sen đặt một cái bát, trong bát đựng nước sương móc tháng Tám. Trong nước tùy ý để các hoa lá hiện có.

Lấy tám cái gương tròn, mỗi cái để theo mỗi hướng, chung quanh cái bát hoa. Bên ngoài gương, dựng lập mười sáu hoa sen, mười sáu lư hương, giữa chúng bày hoa. Các lư hương đều trang nghiêm, đốt thuần bằng trầm thủy, không cho thấy lửa.

Lấy sữa trâu trắng để trong mười sáu đồ chứa. Lấy sữa làm bánh với đường cát, bánh rán, váng sữa, tô hợp, mật gừng, thuần kem, thuần mật, mỗi thứ mười sáu cái đặt quanh ngoài hoa sen để cùng dâng Chư Phật và các Đại Bồ Tát.

Mỗi giờ ăn cơm và lúc nửa đêm dùng nửa thăng mật hòa với thăng rưỡi váng sữa (bơ). Trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, lấy hương Đâu Lâu Bà(01) nấu lấy nước thơm mà rửa than, đốt cho cháy hừng, rót mật bỏ vào, đốt cho hết khói, cúng dường Phật và Bồ Tát.

Ở bốn phía ngoài, treo khắp phan, hoa; ở trong nhà đàn, bốn vách chưng bày các hình tượng của mười phương Như Lai và các vị Bồ Tát. Chính giữa để tượng Phật

Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà; hai bên đặt tượng Đức Quan Âm Đại Biến Hóa và Kim Cang Tạng Bồ Tát. Hai bên cửa để hình tượng Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sắt Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi, bốn vị Thiên Vương, Tần Na Dạ Ca…

Lại dùng tám cái gương treo úp giữa hư không, đối chiếu với tám gương trước trong đàn tràng, khiến cho hình ảnh lồng nhập vào nhau nhiều lớp. Trong bảy ngày đầu, chí thành đảnh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, Chư Đại Bồ Tát, Chư A La Hán. Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng Chú, hết lòng hành Đạo, mỗi thời trì một trăm lẻ tám biến.

Trong bảy ngày thứ hai, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát, tâm không gián đoạn. Trong Luật Tạng của Ta đã có chỉ dạy về nguyện. Trong bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai thời, một bề trì Chú Bát Đát Ra của Phật.

Cho đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đảnh; bèn ở nơi đạo tràng tu Tam Ma Địa, có thể khiến cho hạng tu học đời mạt thế thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly.

A Nan, nếu bổn sư truyền giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong đàn, trong đó có một người giữ giới chẳng được trong sạch, thì đạo tràng này chẳng thể thành tựu. Sau thất thứ ba, tĩnh tọa an cư trải qua 100 ngày, nếu người lợi căn, có thể ngay đó chứng sơ quả, dẫu cho thân tâm chưa thành chánh quả, nhưng được tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai. Ngươi hỏi cách kiến lập đạo tràng là như thế.

A Nan đảnh lễ chân Phật và bạch rằng: Từ khi xuất gia, con ỷ lại nơi lòng thương của Phật, ham cầu đa văn, chưa chứng quả vô vi, nên bị kẹt vào tà thuật của Phạn Thiên, tâm dù rõ ràng, nhưng sức chẳng tự do, nhờ gặp Văn Thù, khiến con được giải thoát. Dù thầm nhờ sức thần chú của Như Lai, nhưng còn chưa nghe chú ấy. Xin nguyện Đức Thế Tôn Đại Từ tuyên thuyết lại cho, thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong hội này và những người đời sau còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát. Bấy giờ, đại chúng trong hội thảy đều đảnh lễ, chờ nghe thần chú bí mật của Phật.

Phật phóng hào quang nói thần chú

Khi ấy, Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có hóa thân Phật ngồi trong liên hoa, trên đảnh phóng ra mười tia ánh sáng, trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng sa Hộ Pháp Kim Cang, đội núi, cầm chày, khắp cõi hư không. Đại chúng ngó thấy đều kính mến,

cầu Phật gia hộ, một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đảnh Tướng của Phật tuyên thuyết thần chú.

ĐỆ NHẤT

* * *

Nam mô tát đát tha, tô già đa da, a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa. Nam mô tát đát tha, Phật đà cu tri sắc ni sam. Nam mô tát bà, bột đà bột địa, tát đa bệ tệ. Nam mô tát đa nẩm, tam miệu tam bồ đà, cu tri nẩm, sa xá la bà già, tăng già nẩm. Nam mô lô kê a la hán đa nẩm. Nam mô tô lô đa ba na nẩm. Nam mô sa yết lị đà già di nẩm. Nam mô lô kê tam miệu già đa nẩm, tam miệu già ba ra, để ba đa na nẩm. Nam mô đề bà ly sắc nỏa.
Nam mô tất đà da, tỳ địa da, đà ra ly sắt nỏa. Xá ba nô, yết la ha, sa ha sa la ma tha nẩm. Nam mô bạt la ha ma ni. Nam mô nhân đà la gia. Nam mô bà già bà đế lô đà la gia, ô ma bát đế, sa hê dạ gia. Nam mô bà già bà đế, na la dã, na gia, bát giá ma ha, tam mộ đà la. Nam mô tất yết lị đa gia. Nam mô bà già bà đế, ma ha ca la gia. Địa lị bát lạt na. Già la tỳ đà la. Ba nô ca la gia. A địa mục đế. Thi ma xá na ni. Bà tất ni. Ma đát lị già nô.

Nam mô tất yết lị đa gia. Nam mô bà già bà đế, đa tha già đa câu la gia. Nam mô bát đầu ma câu la gia. Nam mô bạt xà la câu la gia. Nam mô ma ni câu la gia. Nam mô già xà câu la gia. Nam mô bà già bà đế, đế lị trà, thâu la tây na, ba la ha la nô la xà gia, đa tha già đa gia. Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia. Nam mô bà già bà đế, a sô ti gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia. Nam mô bà già bà đế, ti sa xà gia, câu lô phệ trụ lị gia, bát la bà la xà gia, đa tha già đa gia. Nam mô bà già bà đế, tam bổ sư sắt đa, tát lân nại la lạt xà gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia. Nam mô bà già bà đế, lạt đát na kê đô la xà gia, đa tha già đa gia, a la ha đế, tam miệu tam bồ đà gia.

Đế Biều, Nam mô tất yết lị đa, Ế đàm bà già bà đa. Tát đát tha già đô sắt ni sam. Tát đát đa bát đát lam Nam mô a bà la thị đam. Bát La Đế Dương Kì La tát la bà. Bộ đa yết la ha, ni yết la ha. Yết ca la ha ni. Bạt la bí địa gia. Sất đà nễ. A ca la. Mật lị trụ Bát lị đát la gia, Ninh yết lị. Tát la bà, bàn đà na. Mục xoa ni, tát la bà. Đột Sắc Trá, đột tất phạp, bát na nễ, phạt la ni. Giả đô la, thất đế nẩm. Yết la ha. Sa ha tát la nhạ xà, Tỳ đa băng sa na yết lị, A sắt trá băng xá đế nẩm, na xoa sát đát la nhã xà. Ba la tát đà na yết lị, a sắt tra nẩm.

Ma ha yết la ha nhã xà, tỳ đa băng tát na yết lị. Tát bà xá đô lô, nễ bà la nhã xà. Hô lam đột tát phạp, nan giá na xá ni. Bí sa xá. tất đát la, a cát ni. Ô đà ca la nhã xà. A bát la thị đa câu la, Ma ha bát la chiến trì. Ma ha điệp đa. Ma ha đế xà. Ma ha thuế đa xà bà la. Ma ha bạt la bàn đà la, bà tất nễ. A lị gia đa la, tỳ lị câu tri. Thệ bà tì xà gia. Bạt xà la ma lễ để, tỳ xá lô đa. Bột đằng võng ca, Bạt xà la chế hắc na a giá.

Ma la chế bà, bát la chất đa. Bạt xà la thiện trì. Tỳ xá la giá, phiến đa xá. Tì đề bà, bổ thị đa, Tô ma lô ba. Ma ha thuế đa, A lị gia đa la. Ma ha bà la a bát la. Bạt xà la thương yết la chế bà. Bạt xà la câu ma lị, câu lam đà lị. Bạt xà la hát tát đa giá, tỳ địa gia, kiền giá na. Ma lị ca. Khuất tô mẫu.Bà yết la đa gia. Bệ lô giá na, câu lị gia, dạ la thố. Sắt ni sam, Tỳ triết lam bà ma ni giá. Bạt xà la ca na ca ba la bà. Lô xà na. Bạt xà la đốn trĩ giá. Thuế đa giá, ca ma la. Sát xa thi, ba la bà. Ê đế di đế. Mẫu đà la. Yết noa.

Ta bệ ra sám. Khuất phạm đô. Ấn thố na ma ma toả.

ĐỆ NHỊ

* * *

Ô hồng, rị sắt yết noa. Bát lặt xá tất đa. Tát đát tha, già đô sắt ni sam, Hổ hồng đô lô ung, chiêm bà na. Hổ hồng đô lô ung, tất đam bà na. Hổ hồng đô lô ung. Ba ra sắt địa gia. Tam bát xá, noa yết ra. Hổ hồng đô lô ung, tát bà dược xoa. Hắt ra sát ta. Yết la ha nhã xà. Tỳ đằng băng tát na yết ra. Hổ hồng đô lô ung. Giả đô la, Thi để nẩm. Yết ra ha, sa ha tát ra nẩm. Tỳ đằng băng tát na ra. Hổ hồng đô lô ung, Ra xoa. Bà già phạm.

Tát đát tha. Già đô sắt ni sam. Ba ra điểm. Xà kiết rị, Ma ha ta ha tát ra. Bột thọ ta ha tát ra, Thất rị sa, Cu tri ta ha tát nê. Đế lệ a thệ đề thị bà rị đa. Tra tra anh ca. Ma ha bạt xà lô đà ra. Đế rị bồ bà na. Mạn trà ra. Ô hồng, Ta tất đế. Bạt bà đô. Mạ mạ ấn thố na mạ mạ toả.

ĐỆ TAM

* * *

Ra xà bà dạ. Chủ ra bạt dạ. A kỳ ni bà dạ. Ô đà ca bà dạ. Tỳ xa bà dạ. Xá tát đa ra bà dạ. Bà ra chước yết ra bà dạ. Đột sắc xoa bà dạ. A xá nể bà dạ. A ca ra. Mật rị trụ bà dạ. Đà ra ni bộ di kiếm. Ba già ba đà bà dạ. Ô ra ca bà đa bà dạ. Lặc xà đàn trà bà dạ. Na dà bà dạ. Tỳ điều đát bà dạ. Tô ba ra noa bà dạ. Dược xoa yết ra ha. Ra xoa tư yết ra ha.

Tất rị đa yết ra ha. Tỳ xá giá yết ra ha. Bộ đa yết ra ha. Cưu bàn trà yết ra ha. Bổ đơn na yết ra ha. Ca tra bổ đơn na yết ra ha. Tất kiền độ yết ra ha. A bá tất ma ra yết ra ha. Ô đàn ma đà yết ra ha. Xa dạ yết ra ha. Hê rị bà đế yết ra ha. Xả đa ha rị nẩm. Yết bà ha rị nẩm. Lô địa ra ha rị nẩm. Mang ta ha rị nẩm.

Mê đà ha rị nẩm. Ma xà ha rị nẩm. Xà đa ha rị nữ. Thị tỷ đa ha rị nẩm. Tỳ đa ha rị nẩm. Bà đa ha rị nẩm. A du giá ha rị nữ. Chất đa ha rị nữ. Đế sam tát bệ sam. Tát bà yết ra ha nẩm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ba rị bạt ra giả ca. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Trà diễn ni. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ma ha bát du bát đác dạ. Lô đà ra. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Na ra dạ noa. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Đát đỏa dà lô trà tây. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ma ha ca ra. Ma đác rị già noa. Hất rị đởm.

Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ca ba rị ca. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Xà dạ yết ra. Ma độ yết ra Tát bà ra tha ta đạt na. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Giả đốt ra. Bà kỳ nể. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Tỳ rị dương hất rị tri. Nan đà kê sa ra. Dà noa bác đế. Sách hê dạ. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Na yết na xá ra bà noa. Hất rị đởm.
Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. A-la hán. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Tỳ đa ra dà. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Bạt xà ra ba nể. Câu hê dạ câu hê dạ. Ca địa bát đế. Hất rị đởm. Tỳ đà dạ xà. Sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ra xoa vỏng. Bà dà phạm. Ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TỨ

* * *

Bà già phạm. Tát đác đa bát đác ra. Nam mô tý đô đế. A tất đa na ra lặc ca. Ba ra bà. Tất phổ tra. Tỳ ca tát đác đa bát đế rị. Thập Phật ra thập Phật ra. Đà ra đà ra. Tần đà ra tần đà ra. Sân đà sân đà. Hổ hồng hổ hồng.. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra. Ta ha. Hê hê phấn. A mâu ca da phấn. A ba ra đề ha da phấn. Ba ra bà ra đà phấn. A tố ra. Tỳ đà ra. Ba ca phấn. Tát bà đề bệ tệ phấn. Tát bà na dà tệ phấn. Tát bà dược xoa tệ phấn. Tát bà kiền thát bà tệ phấn. Tát bà bổ đơn na tệ phấn. Ca tra bổ đơn na tệ phấn. Tát bà đột lang chỉ đế tệ phấn. Tát bà đột sáp tỷ lê. Hất sắc đế tệ phấn. Tát bà thập bà lê tệ phấn. Tát bà a bá tất ma lê tệ phấn. Tát bà xá ra bà noa tệ phấn. Tát bà địa đế kê tệ phấn. Tát bà đát ma đà kê tệ phấn. Tát bà tỳ đà da. Ra thệ giá lê tệ phấn. Xà dạ yết ra. Ma độ yết ra. Tát bà ra tha ta đà kê tệ phấn. Tỳ địa dạ. Giá lê tệ phấn. Giả đô ra. Phược kỳ nể tệ phấn. Bạt

xà ra. Câu ma rị. Tỳ đà dạ. La thệ tệ phấn. Ma ha ba ra đinh dương. Xoa kỳ rị tệ phấn.

Bạt xà ra thương yết ra dạ. Ba ra trượng kỳ ra xà da phấn. Ma ha ca ra dạ. Ma ha mạt đát rị ca noa. Nam-mô ta yết rị đa da phấn. Tỷ sắc noa tỳ duệ phấn. Bột ra ha mâu ni duệ phấn. A kỳ ni duệ phấn. Ma ha yết rị duệ phấn. Yết ra đàn tri duệ phấn. Miệc đát rị duệ phấn. Lao đát rị duệ phấn. Giá văn trà duệ phấn. Yết la ra đác rị duệ phấn.. Ca bát rị duệ phấn. A địa mục chất đa. Ca thi ma xá na. Bà tư nể duệ phấn. Diễn kiết chất. Tát đỏa bà tỏa. Mạ mạ ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ

* * *

Đột sắc tra chất đa. A mạt đác rị chất đa. Ô xà ha ra. Dà ba ha ra. Lô địa ra ha ra. Ta bà ha ra. Ma xà ha ra. Xà đa ha ra. Thị tỉ đa ha ra. Bạt lược dạ ha ra. Kiền đà ha ra. Bố sử ba ha ra. Phả ra ha ra. Bà tả ha ra. Bát ba chất đa. Đột sắc tra chất đa. Lao đà ra chất đa. Dược xoa yết ra ha. Ra sát ta yết ra ha. Bế lệ đa yết ra ha. Tỳ xá giá yết ra ha. Bộ đa yết ra ha. Cưu bàn trà yết ra ha. Tất kiền đà yết ra ha. Ô đát ma đà yết ra ha. Xa dạ yết ra ha. A bá tất ma ra yết ra ha. Trạch khê cách. Trà kỳ ni yết ra ha. Rị Phật đế yết ra ha. Xà di ca yết ra ha. Xá câu ni yết ra ha. Lao đà ra. Nan địa ca yết ra ha. A lam bà yết ra ha. Kiền độ ba ni yết ra ha. Thập phạt ra. Yên ca hê ca. Trị đế dược ca. Đát lệ đế dược ca. Giả đột thác ca. Ni đề thập phạt ra. Tỉ sam ma thập phạt ra. Bạt để ca. Tỷ để ca. Thất lệ sắc mật ca. Ta nể bát để ca. Tát bà thập phạt ra. Thất lô kiết đế. Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm. A ỷ lô kiềm. Mục khê lô kiềm. Yết rị đột lô kiềm. Yết ra ha. Yết lam yết noa du lam. Đản đa du lam. Hất rị dạ du lam. Mạt mạ du lam. Bạt rị thất bà du lam. Tỷ lật sắc tra du lam. Ô đà ra du lam. Yết tri du lam.

Bạt tất đế du lam. Ô lô du lam. Thường dà du lam. Hắc tất đa du lam. Bạt đà du lam. Ta phòng án dà. Bát ra trượng dà du lam. Bộ đa tỷ đa trà. Trà kỳ ni. Thập bà ra. Đà đột lô ca. Kiến đốt lô kiết tri. Bà lộ đa tỳ. Tát bát lô. Ha lăng già. Du sa đát ra. Ta na yết ra. Tỳ sa dụ ca. A kỳ ni. Ô đà ca. Mạt ra bệ ra. Kiến đa ra. A ca ra. Mật rị đốt. Đát liểm bộ ca. Địa lật lặc tra. Tỷ rị sắc chất ca. Tát bà na câu ra.

Tứ dẫn dà tệ. Yết ra rị dược xoa. Đác ra sô. Mạt ra thị. Phệ đế sam. Ta bệ sam. Tất đát đa bát đác ra. Ma ha bạt xà lô. Sắc ni sam. Ma ha bát lặc trượng kỳ lam. Dạ ba đột đà. Xá dụ xà na. Biện đát lệ noa. Tỳ đà da. Bàn đàm ca lô di. Đế thù. Bàn đàm ca lô di. Bát ra tỳ đà. Bàn đàm ca lô di.

Đát điệt tha: Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra, bạt xà ra đà rị. Bàn đà bàn đà nể, bạt xà ra, bán ni phấn. Hổ hồng đô lô ung phấn, ta bà ha.

VI DIỆU THẦN CHÚ

* * *

A Nan! Những hòa quang trên đảnh đầu đức Phật chứa đầy mật chú Tát Đát Đa Bát Đát La, những câu vi diệu, sanh ra tất cả chư Phật ở khắp mười phương

Mười phương Như Lai do tâm chú này, được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Mười phương Như Lai trì tâm chú này, uốn dẹp tà ma, chế phục ngoại đạo.

Mười phương Như Lai vận tâm chú này, ngồi bửu liên hoa, ứng hiện trong vô số quốc độ.
Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, nơi vô số quốc độ, chuyển đại pháp luân.
Mười phương Như Lai trì tâm chú này, hay ở nơi mười phương xoa đảnh thọ ký cho hàng Bồ Tát, Thanh Văn, cho đến người chưa chứng quả vị.
Mười phương Như Lai nương tâm chú này, hay ở nơi mười phương cứu vớt các khổ như: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm và bát khổ, những tai nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát các nạn, giặc, binh, vua, ngục, bão, lụt, lửa, nước cho đến đói khát nghèo nàn, ngay đó tiêu tan.
Mười phương Như Lai tùy theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương phụng sự thiện tri thức, trong tứ oai nghi được cúng dường như ý, nơi pháp hội của hằng sa Như Lai, được suy Tôn là Đại Pháp Vương Tử.
Mười phương Như Lai hành theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương nhiếp thọ người có nhân duyên, khiến hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật, chẳng sanh kinh sợ.
Mười phương Như Lai tụng tâm chú này, thành Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề vào Đại Niết Bàn.
Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp, trụ trì cứu cánh, nghiêm tịnh giới luật, thảy đều trong sạch.

Như ta thuyết chú "Phật Đảnh Quang tụ chẳng ô nhiễm" này, từ sáng đến tối chẳng dứt tiếng, trong đó những chữ và câu cũng chẳng trùng điệp, nếu từ đây ngộ nhập, mới biết tất cả hữu tình vô tình cũng thường thuyết chú này, nên gọi "Đảnh Như Lai" vậy.

Hàng hữu học các ngươi chưa ra khỏi luân hồi phát tâm chí thành tu chứng quả A La Hán, nếu chẳng trì chú này mà ngồi đạo tràng, muốn khiến thân tâm xa lìa các ma sự thì chẳng có chỗ đúng.
A Nan! Nếu có chúng sanh trong các thế giới, tùy theo vật dụng trong đất nước, hoặc lá, giấy, vải trắng để biên chép chú này, đựng trong túi nhỏ, nếu người ấy

ngu muội chẳng thể tụng nhớ thì đeo trên mình, hoặc để trong nhà, nên biết người ấy trọn đời chẳng bị các thứ độc hại.
A Nan! Nay ta vì ngươi thuyết chú này, cứu giúp thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.

Sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong đời mạt pháp, có người biết tự trì tụng, hoặc dạy người khác trì tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như thế, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể chìm, độc chẳng thể hại, cho đến tất cả ác chú của các Thiên Long, quỷ thần, yêu tinh, ma mị đều chẳng thể dính mắc, tâm được chánh thọ, tất cả bùa chú, yểm cổ, kim ngân độc dược, cỏ, cây, sâu, rắn, độc khí muôn loài, vào miệng người ấy đều thành cam lồ.

Tất cả ác tinh, quỷ thần, dù có độc tâm hại người, đối với người ấy cũng chẳng thể khởi ác; các ác quỷ vương Tần Na, Dạ Ca cùng các quyến thuộc, đều thọ ơn Phật, thường gia hộ người ấy.

A Nan nên biết! Chú này thường có tám vạn bốn ngàn vô số chủng tộc Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương, mỗi mỗi đều có quyến thuộc, ngày đêm hộ vệ. Giả sử có chúng sanh nơi tâm tán loạn, chẳng thể vào Tam Ma Địa, miệng niệm tâm trì, thì các vị Kim Cang Vương thường theo ủng hộ thiện nam tử ấy, huống là người có tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề, các vị Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương này, khiến người ấy phát ra thần thức, thân tâm tinh tấn, ngay đó được nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng sa kiếp đến nay, đều rõ ràng chẳng có nghi hoặc.
Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, đời đời chẳng sanh vào các loài Dược Xoa, La Sát, quỷ bệnh tật, quỷ thúi, quỷ yểm mị, quỷ hút tinh khí, cùng các loài ngạ quỷ có hình vô hình, có tưởng vô tưởng, và những xứ ác độc.

Thiện tri thức ấy, hoặc đọc tụng, biên chép, hoặc đeo giữ và cúng dường tâm chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi nghèo nàn hèn hạ và chỗ chẳng an lành.

Các chúng sanh này, dẫu cho tự thân chẳng làm phước nghiệp, mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ, do đó được trong vô số kiếp thường với chư Phật đồng sanh một chỗ, vô lượng công đức như chùm quả ác xoa, đồng một chỗ huân tu, trọn chẳng chia cách.

Cho nên, Tâm chú này hay khiến người đã phá giới được giới căn trong sạch, người chưa đắc giới khiến cho đắc giới, người chẳng tinh tấn, chẳng trí huệ, chẳng trong sạch, chẳng trai giới, thảy đều thành tựu.

A Nan! Thiện nam tử ấy, giả sử trước kia có phạm giới cấm, thì sau khi trì chú, các tội phá giới chẳng kể nặng nhẹ, đều được tiêu diệt, dù đã uống rượu, ăn ngũ tân, và các thứ bất tịnh, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Thiên Tiên, quỷ thần, chẳng

cho là có lỗi; dù mặc y áo rách rưới, khi đi khi đứng, đồng như trong sạch; dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo, mà trì tụng chú này, với công đức vào đàn, hành đạo, chẳng có sai khác.

Nếu trước kia tạo các tội nặng ngũ nghịch, vô gián, những tội Tứ khí, Bát khí của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đống cát, những nghiệp nặng như vậy đều trừ sạch, chẳng còn mảy may.

A Nan! Nếu có chúng sanh từ vô số kiếp đến nay, có tất cả những tội chướng nặng nhẹ, tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối, nay nếu biết đọc tụng, biên chép chú này, giữ đeo trên mình hay để nơi chỗ ở, thì những nghiệp tích chứa từ trước, đều tiêu như nước sôi làm tan băng tuyết, chẳng bao lâu sẽ được vô sanh nhẫn.
Lại nữa A Nan! Nếu có người đàn bà chưa có con, mong cầu có thai, chí tâm tưởng niệm, hoặc đeo chú này, thì được sanh những đứa con trai gái có phước đức trí huệ, cầu sống lâu được sống lâu, cầu phước báo được phước báo, cho đến cầu thân mạng sức mạnh đều được như thế. Sau khi chết, tùy nguyện vãng sanh trong mười phương quốc độ, chắc chắn chẳng sanh nơi biên địa, dòng hạ tiện, huống là các tạp hình!

A Nan! Nếu các quốc độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch; hoặc những nơi bị binh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác, viết thần chú này dán nơi bốn cửa thành, và những thấp miếu hoặc trên các tràng phan, khiến chúng sanh trong nước thừa phụng chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường; khiến nhân dân mỗi mỗi đeo chú trong mình, hoặc để nơi chỗ ở, thì tất cả tai nạn thảy đều tiêu diệt.
A Nan! Nếu chúng sanh nơi các quốc độ, hễ chỗ nào có chú này, thì Thiên Long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui; những tai chướng do tất cả ác tinh biến quái ở mọi nơi, đều chẳng sanh khởi, người chẳng chết yểu, gông, cùm, xiềng, xích, chẳng dính vào mình, ngày đêm ngủ yên, thường chẳng ác mộng.

A Nan! Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, do 28 đại ác tinh làm thượng thủ; lại có 8 đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sanh. Hễ có chú này thì thảy đều tiêu diệt, trong phạm vi 12 do tuần, các tai biến hung dữ, trọn chẳng thể xâm nhập.

Cho nên Như Lai thuyết chú này, bảo hộ người tu hành sơ học đời vị Lai, vào Tam Ma Địa, thân tâm thư thái, được đại yên ổn chẳng bị tất cả tà ma, quỷ thần, và những oán thù, nghiệp cũ nợ xưa từ vô thỉ đến quấy hại.
Ngươi và hàng hữu học trong chúng, với người tu hành đời vị Lai, y pháp trì giới trong đạo tràng, được vị thầy truyền giới trong sạch, đối với tâm chú này chẳng

sanh nghi hoặc, thì cái thân do cha mẹ sanh của người này, nếu chẳng được tâm thông, mười phương Như Lai bèn thành vọng ngữ.

Nói xong, vô số Kim Cang đều nhất thời đảnh lễ bạch Phật: Như lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu đạo Bồ Đề.

Bấy giờ, Phạn Vương và Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng đồng thời đảnh lễ bạch Phật: Nếu có người tu học như thế, chúng con xin hết lòng bảo hộ, khiến họ suốt đời việc làm thỏa nguyện.
Còn có vô số Quỷ Vương chắp tay đảnh lễ bạch Phật: Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì cho người ấy, khiến tâm Bồ Đề mau được viên mãn.

Còn có vô số Nhật Nguyệt Thiên tử, Phong Sư, Vũ Sư, Vân sư, Lôi Sư, cùng với Điện Sư, Tuần Quan, Chư Tinh và quyến thuộc đảnh lễ bạch Phật: Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được vô sở úy.
Còn có vô số Sơn Thần, Hải Thần, Phong Thần, cõi Trời Vô Sắc, tất cả tinh kỳ trên mặt đất, dưới nước và trên không, đồng thời đảnh lễ bạch Phật: Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành Bồ Đề, trọn chẳng ma sự.

Khi ấy, tám vạn bốn ngàn ức hằng sa Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ bạch Phật:

Như chúng con tu thành Bồ Đề đã lâu, mà chẳng thủ chứng Niết Bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chơn tu Tam Ma Địa trong đời mạt pháp. Thế Tôn, những người tu tâm cầu chánh định như thế, dù ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến lúc đi dạo chơi, con và đồ chúng thường theo hộ vệ người ấy.
Dẫu cho Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn tìm cách quấy phá, trọn chẳng thể được. Các quỷ thần nhỏ phải cách xa người ấy ngoài mười do tuần, chỉ trừ khi họ đã phát tâm tu thiền chánh pháp thì mới được gần người ấy. Thế Tôn, nếu những ác ma hay quyến thuộc ma, muốn đến xâm nhiễu người ấy, thì con dùng chày Kim Cang đập nát đầu họ như vi trần, khiến người ấy việc làm thỏa nguyện.

HAI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

* * *

A Nan liền đứng dậy đảnh lễ bạch Phật: Chúng con ngu độn, ham được đa văn, chưa cầu thoát ly nơi tâm phiền não, nhờ Phật từ bi dạy bảo, tu theo chánh pháp, được lợi ích lớn, thân tâm an lạc.

Thế Tôn! Nếu tu chứng pháp Tam Ma Địa, chưa đến Niết Bàn, thì thế nào gọi là chỗ Càn Huệ? Nơi 44 tâm, được tu đến cấp bậc nào và đến chỗ nào mới gọi là nhập Sơ Địa? Thế nào gọi là Đẳng Giác Bồ Tát?

Nói xong, năm vóc gieo sát đất, đại chúng đều nhất tâm chăm chú, mong đợi từ âm của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khen A Nan rằng: Lành thay! Lành thay! Các ngươi lại biết vì cả chúng trong hội này và tất cả chúng sanh tu Tam Ma Địa, cầu pháp Đại Thừa trong đời mạt pháp, xin ta chỉ rõ lối tu vô thượng chơn chánh, từ phàm phu đến Đại Niết Bàn. Nay các ngươi hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ngươi mà nói.

A Nan và đại chúng chắp tay lắng lòng, yên lặng thọ giáo.

Phật bảo: A Nan nên biết! Diệu tánh sáng tỏ, lìa những danh tướng, vốn chẳng có thế giới chúng sanh. Do vọng có sanh, do sanh có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn, ấy tức là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng là hai hiệu chuyển y của Như Lai.

A Nan! Nay ngươi muốn tu chơn Tam Ma Địa, thẳng đến Đại Niết Bàn, trước hết phải biết hai nhân điên đảo của thế giới và chúng sanh; nếu điên đảo chẳng sanh tức là chơn Tam Ma Địa của Như Lai.

CHÚNG SANH ĐIÊN ĐẢO

* * *

A Nan! Sao gọi là Chúng Sanh Điên Đảo?

Do tánh sáng tỏ nơi Tâm, vì chấp tánh sáng tỏ, nên từ sáng tỏ ấy phát ra vọng tánh; tánh vọng thì kiến chấp sanh khởi, từ bổn lai vô, thành cứu cánh hữu. Cái năng hữu sở hữu này, chẳng có tướng năng nhân sở nhân và năng trụ sở trụ, trọn chẳng nguồn gốc. Từ chỗ vô trụ này, kiến lập thế giới và chúng sanh.

Vì mê cái bổn tâm sáng tỏ, nên sanh ra hư vọng, tánh vọng chẳng tự thể, chẳng có chỗ nương tựa; toan muốn trở về chơn, thì cái "muốn chơn" ấy, đã chẳng phải là chơn tánh của Chơn Như. Chẳng chơn mà cầu trở về chơn, rõ ràng thành phi tướng, phi sanh phi trụ, phi tâm phi pháp, xoay vần phát sanh, sanh mãi không thôi, huân tập thành nghiệp, đồng nghiệp cảm nhau, do sự cảm nghiệp, nên có tương diệt tương sanh, do đó thành chúng sanh điên đảo.

THẾ GIỚI ĐIÊN ĐẢO

* * *

A Nan! Sao gọi là Thế Giới Điên Đảo?

Do năng hữu sở hữu phân đoạn vọng sanh, từ đó an lập Giới, từ chỗ chấp năng nhân sở nhân, năng trụ sở trụ, dời đổi chẳng ngừng, nên vọng lập Thế. Tam thế tứ phương hòa hợp lẫn nhau, chúng sanh biến hóa thành 12 loài.

Vì giác tri của chúng sanh, nên trong thế giới, do động có thanh, do thanh có sắc, do sắc có hương, do hương có xúc, do xúc có vị, do vị biết pháp, sáu thứ vọng tưởng nhiễu loạn thành nghiệp tánh, nương theo tướng điên đảo luân chuyển này mà có 12 loài: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tưởng, hoặc phi vô tưởng, lưu chuyển chẳng ngừng.

12 LOÀI

* * *

1. A Nan! Bởi do thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, hòa hợp thành khối, vọng tưởng thăng trầm, vì thế nên có loài noãn sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài cá, chim, rùa, rắn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

2. Bởi do thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, hòa hợp thành sanh, vọng tưởng ngang dọc, vì thế nên có loài thai sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như người, súc, rồng, tiên, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

3. Bởi do thế giới có chấp trước luân hồi, hướng về điên đảo, hòa hợp thành noãn (hơi ấm), vọng tưởng lăng xăng, vì thế nên có loài thấp sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài côn trùng, sâu bọ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

4. Bởi do thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, hòa hợp thành xúc, vọng tưởng mới cũ, vì thế nên có loài hóa sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thối xác phi hành, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

5. Bởi do thế giới có ngăn ngại luân hồi, điên đảo về chướng, hòa hợp thành trước, vọng tưởng tinh sáng, vì thế nên có loài hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như tất cả thần vật tinh sáng, đều hay dự đoán sự kiết hung, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

6. Bởi do thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về mê hoặc, hòa hợp thành ám, vọng tưởng u ẩn, vì thế nên có loài vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như cõi vô Sắc và Thần Hư Không, cho đến quỷ mị u ẩn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

7. Bởi do thế giới có mường tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, hòa hợp thành nhớ, vọng tưởng thầm kết, vì thế nên loài hữu tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thần quỷ tinh linh, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

8. Bởi do thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si, hòa hợp thành ngu, vọng tưởng khô khan, vì thế nên có loài vô tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, tinh thần hóa ra đất, gỗ, kim thạch, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

9. Bởi do thế giới có đối đãi luân hồi, điên đảo về ngụy, hòa hợp thành nhiễm, vọng tưởng ỷ nhờ, vì thế nên có loài phi hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thủy mẫu, lấy tôm làm mắt, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

10. Bởi do thế giới có dẫn dụ luân hồi, điên đảo về tánh, hòa hợp thành chú, vọng tưởng kêu gọi, vì thế nên có loài phi vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài chú nguyền rủa, yêu mị, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

11. Bởi do thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về mường tượng, hòa hợp thành dị, vọng tưởng xoay vòng, vì thế nên có loài phi hữu tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài tò vò, hay bắt con vật khác làm con mình, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

12. Bởi do thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát (hại), hòa hợp thành quái, vọng tưởng ăn thịt cha mẹ, vì thế nên có loài phi vô tưởng lưu chuyển nơi quốc độ, như con thổ cưu và chim phá kính, ôm trái cây độc làm con, khi con lớn lên thì ăn luôn cả cha mẹ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới. Ấy gọi là mười hai loại chúng sanh.

Kinh Lăng Nghiêm – Quyển 8



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

*** * ***

QUYỂN 8

BA MÓN TIỆM THỨ

A Nan! Như vậy chúng sanh trong mỗi loài đều gồm đủ 12 thứ điên đảo, cũng như dụi mắt thấy hoa đốm lăng xăng, thảy đều từ diệu tâm sáng tỏ vọng sanh điên đảo, nên có đủ thứ tư tưởng hư vọng tán loạn như thế. Nay ngươi tu chứng Tam Ma Địa, đối với bản nhân của tư tưởng tán loạn ấy, phải lập ba tiệm thứ mới có thế diệt trừ, cũng như muốn trừ mật độc trong bình để đựng cam lồ, thì phải dùng nước sôi và tro rửa sạch cái bình, rồi mới đựng cam lồ.

83. Trừ các trợ duyên bên ngoài:

A Nan! 12 loại chúng sanh trong thế giới, chẳng thể tự sống, phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng, ấy là: ăn bằng cách nhai xé như con người; ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần; ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ Thiền và ăn bằng ý thức như cõi Tứ không, cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại.

A Nan! tất cả chúng sanh, ăn ngọt thì sống, ăn độc thì chết. Vậy chúng sanh cầu Tam Ma Địa, nên dứt bỏ ngũ tân của thế gian, ngũ tân này hễ ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm sân hận. Những người ăn ngũ tân, dù biết giảng giải mười hai bộ kinh, nhưng mười phương thiên tiên đều chê mùi hôi thối ấy mà tránh xa; các loài ma quỷ, thừa lúc đang ăn ngũ tân, liếm môi của họ, người ấy thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, chẳng được lợi ích.

Người ăn ngũ tân mà tu Tam Ma Địa, thì Bồ Tát, Thiên Tiên, mười phương thiện thần chẳng đến hộ vệ. Đại lực ma vương có cơ hội hiện ra thân Phật, thuyết pháp cho họ, chê bai giới cấm, tán thán dâm dục và sân si. Người ấy chết thành quyến thuộc ma, khi hết phước báo của ma, liền đọa ngục A Tỳ.

A Nan! Người tu đạo Bồ Đề phải dứt hẳn ngũ tân, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ nhất.

84. Trừ các chánh nhơn bên trong:

A Nan! Chúng sanh muốn vào Tam Ma Địa, trước tiên phải giữ giới trong sạch, dứt hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ nấu chín, chẳng ăn đồ sống.

A Nan! Người tu hành nếu chẳng dứt dâm dục và sát sanh, mà muốn ra khỏi ba cõi thì chẳng có chỗ đúng. Nên phải xem sự dâm dục như rắn độc, như kẻ thù.

Trước tiên phải giữ Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn, trì thân chẳng động, sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi. Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh tương sát; đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau, và khỏi phải trả nợ của thế gian.

Người trong sạch ấy tu Tam Ma Địa, với cái thân của cha mẹ sanh, chẳng cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, gặp Phật nghe pháp, vâng lãnh thánh chỉ, được đại thần thông, dạo khắp cõi mười phương, túc mạng trong sạch, chẳng còn những điều khó khăn nguy hiểm, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

85. Trừ các nghiệp hiện tiền:

A Nan! Người giữ giới trong sạch như thế, tâm chẳng tham dâm thì chẳng dong ruổi theo lục trần bên ngoài, do sự chẳng dong ruổi tự xoay về bản tánh, đã chẳng duyên theo cảnh trần thì lục căn chẳng chỗ nương tựa, ngược dòng về Nhất, lục dụng chẳng thành, mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, ví như lưu ly, bên trong có trăng sáng, thân tâm an lạc, diệu viên bình đẳng, được đại yên ổn, tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó, người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Từ đó dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.

55 QUẢ VỊ

A Nan, người tu hành khi ái dục khô khan, sáu căn không còn chạy theo sáu trần nhiễm trước, lúc bấy giờ chỉ có trí huệ khô khan, chưa thấm nhuần nước pháp của Phật. Đây là địa vị đầu tiên tên Càn huê địa, lần lần tấn tu vào địa vị

THẬP TÍN

86. **Tín tâm trụ** – Tập khí tham dục mới cạn, chưa nối được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu, diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuần chơn, gọi là Tín Tâm Trụ.

87. **Niệm tâm trụ** – Chơn tín sáng tỏ, tất cả viên thông, ba thứ: ấm (5 ấm), xứ (12 xứ), giới (18 giới), chẳng thể ngăn ngại, như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị Lai, tất cả tập khí xã thân, thọ thân, thảy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên, gọi là Niệm Tâm Trụ.

88. **Tinh Tấn Tâm** – Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thỉ đều hóa thành một tâm tinh minh, từ tinh minh tiến lên chơn tịnh, gọi là Tinh Tấn Tâm.

89. **Huệ Tâm Trụ** – Tâm tinh tấn hiện tiền, thuần dùng trí huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

90. **Định Tâm Trụ** – Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là Định Tâm Trụ.
91. **Bất Thối Tâm** – Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tiến tới chẳng lui gọi là Bất Thối Tâm.
92. **Hộ Pháp Tâm** – Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất, giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai gọi là Hộ Pháp Tâm.
93. **Hồi Hướng Tâm** – Tánh sáng của Bổn giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật về tự tánh, cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau, trong đó, các bóng nhiệm mầu trùng trùng vô tận, gọi là Hồi Hướng Tâm.
94. **Giới Tâm Trụ** – Với từ Quang của Bản Tâm miên mật, an trụ nơi vô vi, vô thượng trong sạch, thường trụ của Phật, chẳng thể lạc mất, gọi là Giới Tâm Trụ.
95. **Nguyện Tâm Trụ** – Trụ giới tự tại, hay dạo khắp mười phương, ở đi tùy Nguyện Tâm Trụ nguyện, gọi là.

THẬP TRỤ

96. **Phát Tâm Trụ** – A Nan! Thiện nam tử ấy, do chân phương tiện phát ra mười bậc tín tâm kể trên, tâm tinh vi phát ra ánh sáng, mười thứ dụng xen lẫn nhau, viên dung thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.
97. **Trị Địa Trụ** – Trong tâm sáng suốt như lưu ly trong sạch, trong hiện vàng ròng tinh túy, dùng diệu tâm trước kia sửa sang thành đất địa để đi đứng gọi là Trị Địa Trụ.
98. **Tu Hành Trụ** – Tâm địa biết khắp, tất cả rõ ràng, đi khắp mười phương, được chẳng ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.
99. **Sanh Quý Trụ** – Hạnh đồng với Phật, thọ tinh thần Phật, như cái thân trung ấm tự tìm cha mẹ, trung ấm dung thông với lòng tin, thầm nhập vào giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.
100. **Cụ Túc Trụ** – Đã vào đạo thai, nối dòng của Phật, như thai đã thành hình, tướng người đầy đủ, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.
101. **Chánh Tâm Trụ** – Dung mạo và tâm tướng đều đồng như Phật, gọi là Chánh Tâm Trụ.
102. **Bất Thối Trụ** – Thân tâm dung hợp, ngày càng tăng trưởng gọi là Bất Thối Trụ.
103. **Đồng Chơn Trụ** – Linh tướng của thập thân nhất thời đầy đủ gọi là Đồng Chơn Trụ.
104. **Pháp Vương Tử Trụ** – Hình đã thành, ra khỏi thai, làm con của Phật, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

105. **Quán Đảnh Trụ** – Khi Pháp Vương Tử đã trưởng thành, ví như Thái Tử vua Sát Lợi đến tuổi trưởng thành, sẽ được phụ vương ủy nhiệm việc nước, nên làm lễ quán đảnh, gọi là Quán Đảnh Trụ.

THẬP HẠNH

106. **Hoan Hỉ Hạnh** – A Nan! Thiện Nam tử ấy, đã thành con Phật, đầy đủ vô lượng diệu của đức Như Lai, tùy thuận mười phương chúng sanh, phương tiện tiếp dẫn, gọi là Hoan Hỉ Hạnh.

107. **Nhiêu Ích Hạnh** – Hay lợi ích cho tất cả chúng sanh, gọi là Nhiêu Ích Hạnh.

108. **Vô Sân Hận Hạnh** – Tự giác giác tha, được chẳng chống trái, gọi là Vô Sân Hận Hạnh.

109. **Vô Tận Hạnh** – Tam thế bình đẳng, mười phương thông đạt, vì được "ý-sanh-thân", nên tùy mỗi loài chúng sanh mà hiện thân hóa độ cho đến cùng tột vị Lai, gọi là Vô Tận Hạnh.

110. **Ly Si Loạn Hạnh** – Nơi mỗi mỗi pháp môn, tất cả hòa đồng, được chẳng sai lầm, gọi là Ly Si Loạn Hạnh.

111. **Thiện Hiện Hạnh** – Nơi tướng đồng hiện ra nhiều tướng dị; nơi những tướng dị, mỗi mỗi thấy đồng, gọi là Thiện Hiện Hạnh.

112. **Vô Trước Hạnh** – Như thế cho đến vi trần đầy khắp mười phương hư không, trong mỗi mỗi trần hiện mười phương cõi; hiện trần hiện cõi, chẳng ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.

113. **Tôn Trọng Hạnh** – Các thứ hiện tiền đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.

114. **Thiện Pháp Hạnh** – Viên dung như thế, hay thành tựu quy tắc lợi sanh của mười phương chư Phật, gọi là Thiện Pháp Hạnh.

115. **Chơn Thật Hạnh** – Mỗi mỗi đều trong sạch vô lậu, nhất chơn vô vi, bản tánh vốn như thế, gọi là Chơn Thật Hạnh.

THẬP HỒI HƯỚNG

116. **Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hướng** – A Nan! Thiện nam tử ấy, thần thông đầy đủ, Phật sự đã thành; tự tánh tinh túy thuần chơn, xa lìa các lỗi lầm, ngay khi hóa độ chúng sanh mà diệt tướng năng độ, sở độ, hồi tâm vô vi hướng đạo Niết Bàn, gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hướng.

117. **Bất Hoại Hồi Hướng** – Hoại cái có thể hoại, tức xa lìa chúng sanh tướng, tướng xa lìa cũng phải lìa, vậy tướng hoại thì sở không, lìa cái Lìa thì

năng không; năng sở đều không, bản giác bất hoại, gọi là Bất Hoại Hồi Hướng.

118. **Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng** – Bản giác trạm nhiên, tâm giác đồng như Phật giác, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hướng.

119. **Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng** – Tinh túy sáng tỏ, tâm địa đồng như Phật địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng.

120. **Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng** – Thế giới và Như Lai xen lộn lẫn nhau, được chẳng ngăn ngại, gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

121. **Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng** – Nơi đồng Phật địa, mỗi mỗi sanh ra cái nhân trong sạch, nương nhân ấy mà phát huy, vào đạo Niết Bàn, gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hướng.

122. **Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng** – Chơn thiện căn đã thành, thì mười phương chúng sanh đều là bản tánh của ta, thành tựu tánh tròn đầy, chẳng bỏ chúng sanh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hướng.

123. **Chơn Như Tướng Hồi Hướng** – Tức nơi nhất thiết pháp, mà lìa nhất thiết tướng cái “tức” cái “lìa”, cả hai đều chẳng dính mắc, gọi là Chơn Như Tướng Hồi Hướng.

124. **Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng** – Thật đắc Chơn Như, mười phương vô ngại, gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hướng.

125. **Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng** – Đức tánh viên mãn thành tựu, số lượng của pháp giới tiêu diệt, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng.

TỨ GIA HẠNH

A Nan! Thiện nam tử ấy, đã tu xong 41 bậc tâm trong sạch, kế đó thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên:

126. **Noãn Địa** – Tức đem Phật giác, dụng làm tự tâm, cũng như dùi cây lấy lửa, cây chưa đốt cháy, lửa sắp ra mà chưa ra, gọi là Noãn Địa.

127. **Đảnh Địa** – Lại dùng tâm mình thành chỗ hành của Phật cũng như người đứng trên chót núi, toàn thân đã vào hư không, nhưng dưới chân đôi khi còn hơi dính đất, như có chỗ nương mà chẳng phải nương, gọi là Đảnh Địa.

128. **Nhẫn Địa** – Tâm với Phật đồng, khéo đắc trung đạo, như người hay nhẫn nại, niệm chẳng phân biệt, chẳng nhớ, chẳng quên, chẳng thể nói ra, gọi là Nhẫn Địa.

129. **Thế Đệ Nhất Địa** – Số lượng tiêu diệt, mê, giác và trung đạo đều chẳng thể gán tên, gọi là Thế đệ Nhất địa.

THẬP ĐỊA

130. **Hoan Hỷ Địa** – A Nan! Thiện Nam tử ấy, khéo được thông đạt nơi Đại Bồ Đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tột cảnh giới của Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.

131. **Ly Cấu Địa** – Tánh dị nhập đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu Địa.

132. **Phát Quang Địa** – Trong sạch thì phát ra ánh sáng, gọi là Phát Quang Địa.

133. **Diệm Huệ Địa** – Sáng tỏ thì giác tánh sung mãn, gọi là Diệm Huệ Địa.

134. **Nan Thắng Địa** – Tất cả đồng dị đều chẳng thể đến, gọi là Nan Thắng Địa.

135. **Hiện Tiền Địa** – Tánh trong sạch hiển lộ, Chơn Như vô vi gọi là Hiện Tiền Địa.

136. **Viễn Hành Địa** – Cùng tột bờ bến của Chơn Như, gọi là Viễn Hành Địa.

137. **Bất Động Địa** – Nhất tâm chơn như, gọi là Bất Động Địa.

138. **Thiện Huệ Địa** – Chơn như phát dụng, gọi là Thiện Huệ Địa.

139. **Pháp Vân Địa** – A Nan, công hạnh tu tập của Bồ Tát từ trước đến đây, công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu Tập Vị, tức dùng đám mây nhiệm mầu, đầy đủ từ bi trí huệ, che chở chúng sanh, khắp biển Niết Bàn

ĐẲNG GIÁC

Như Lai ngược dòng từ quả vị trở lại nhân địa, cứu độ chúng sanh; Bồ Tát thuận hành từ chúng sanh tu đến quả Phật, thuận ngược đều giao tiếp nơi Bổn Giác, gọi là Đẳng Giác.

DIỆU GIÁC

A Nan! Từ Càn Huệ Tâm đến bậc Đẳng Giác rồi giác ấy mới được viên mãn nơi Tâm Kim Cang. Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, trải qua 12 ngôi vị đơn và phức mới đến Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

Mỗi mỗi địa ấy, đều lấy trí Kim Cang quan sát mười thứ ví dụ như huyễn, dùng Xa Ma Tha (chỉ) và Tỳ Bà Xá Na (quán) của chư Như Lai tu chứng trong sạch lần lượt sâu vào.

A Nan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tiến tu, nên khéo thành tựu 55 quả vị trong đạo Bồ Đề chơn thật. Quán như thế gọi là chánh quán, chẳng quán như thế gọi là tà quán.

DANH KINH

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ở trong chúng, liền đứng dậy đảnh lễ bạch Phật: Thế Tôn! Nên gọi Kinh này là Kinh gì, con và chúng sanh phải phụng trì như thế nào?

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Kinh này gọi là "Đại Phật Đảnh Thuần Trắng Chẳng Ô Nhiễm, Vô Thượng Bảo Ấn, Mười Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn"

Cũng gọi là "Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan, và Tỳ Kheo Ni Tánh trong Hội này, đắc Tâm Bồ Đề, vào Biển Biến Tri", cũng gọi là "Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa"

Cũng gọi là "Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Mười Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú", cũng gọi là "Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm". Các ngươi nên phụng trì.

Phật nói xong, tức thời A Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa "Mật Ấn Chẳng Ô Nhiễm" và được nghe những danh hiệu liễu nghĩa của Kinh này, đốn ngộ diệu lý của Thiền Na, tiến tu các Thánh vị, tâm niệm rỗng lặng, dứt trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tam giới.

SANH KHỞI & NHÂN QUẢ

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: Thế Tôn có oai đức lớn, từ âm vô ngại, khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh khiến con hôm nay thân tâm an lạc, được lợi ích lớn.

Thế Tôn! Nếu diệu tâm sáng tỏ này vốn viên mãn cùng khắp, như thế cho đến đất đai, cỏ cây sâu bọ, hàm linh, bản tánh chơn như, tức là chơn thể thành Phật của Như Lai; vậy Phật thể chơn thật, tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và trời? Thế Tôn, lục đạo này vốn tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi?

Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trì Giới Bồ Tát, lén hành dâm dục, vọng nói hành dâm, chẳng phải sát sanh và trộm cắp, chẳng có nghiệp báo. Nói xong, nơi nữ căn liền sanh ngọn lửa lớn, rồi từng đốt xương lại bị bừng cháy, đọa ngục A Tỳ.

Như vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly thì giết hại hết dòng họ Cù Đàm; Thiện Tinh thì vọng nói tất cả pháp đều Không đang sống bị đọa vào ngục A Tỳ. Các địa ngục ấy, là có chỗ nhất định hay chẳng định? Mỗi người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả, hay là tất cả tự nhiên?

Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai phá ngu dại, khiến tất cả chúng sanh trì giới, nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.

Phật bảo A Nan: Lành thay câu hỏi này, khiến các chúng sanh chẳng mắc tà kiến, nay ngươi hãy lắng nghe, ta sẽ vì ngươi mà nói.

NỘI PHẦN NGOẠI PHẦN

A Nan! Bản tánh của tất cả chúng sanh vốn chơn thật trong sạch, vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí, do đó chia thành nội phần và ngoại phần.

A Nan! Nội phần tức là phần trong của chúng sanh. Do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình, vọng tình tích chứa không thôi, sanh ra ái thủy, nên chúng sanh hễ nghĩ đến thức ăn ngon thì chảy nước miếng; nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì chảy nước mắt, tham cầu của báu, trong tâm ham muốn, cả mình đều thấm nhuần nước tham; tâm tham dâm dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch. A Nan, những ái dục ấy dù khác, nhưng sự chảy nước là đồng, tánh nước thấm ướt chẳng lên được, tự nhiên sa đọa, gọi là Nội Phần.

A Nan! Ngoại Phần tức là phần ngoài của chúng sanh. Do lòng khao khát phát ra vọng tưởng, vọng tưởng chứa mãi không thôi, sanh ra thắng khí. Nên chúng sanh hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng; tâm trì chú ấn thì cử chỉ hùng dũng, tâm muốn sanh cõi trời thì chiêm bao thấy bay lên, tâm nhớ cõi Phật, thì thắng cảnh thầm hiện, phụng sự Thiện Tri Thức thì tự khinh thân mạng. A Nan, những vọng tưởng dù khác, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là động, bay động chẳng chìm, tự nhiên vượt lên, gọi là Ngoại Phần.

A Nan! Tất cả sanh tử tương tục trên thế gian, sống thì tùy thuận theo tập khí, chết thì biến đổi theo dòng nghiệp, đến lúc lâm chung, còn chút hơi ấm, các việc thiện ác của một đời đồng thời hiện ra, sống thì thuận, chết thì nghịch, hai tập khí giao xen lẫn nhau, thuần tưởng thì bay lên, ắt sanh cõi trời, nếu cái tâm bay ấy gồm cả phước đức, trí huệ và tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được mở mang, thấy tất cả tịnh độ với mười phương chư Phật, theo nguyện vãng sanh.

Tình ít tưởng nhiều, nhẹ nhàng bay xa thì làm phi tiên, đại lực quỷ vương, phi hành Dạ Xoa, địa hành La Sát, dạo khắp cõi trời, chẳng gì ngăn ngại. Trong đó nếu có thiện tâm thiện nguyện, hộ trì Phật Pháp, hoặc hộ trì giới cấm và người trì giới;

hoặc hộ trì thần chú và người trì chú; hoặc hộ trì thiền định, thành tựu pháp nhẫn, thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tọa của Như Lai,

Tình và tưởng bằng nhau, chẳng bay chẳng chìm, sanh nơi cõi người; tưởng sáng suốt thì thông minh, tình ám muội thì ngu độn.

Tình nhiều tưởng ít, đọa vào súc sinh, nghiệp nặng thì làm loài có lông, nghiệp nhẹ thì làm loài có cánh.

Bảy phần tình, ba phần tưởng, thì chìm dưới thủy luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngạ quỷ, thọ cái khổ của lửa hồng, thường bị đốt cháy, dầu được uống nước cũng hóa thành lửa, nên nói bị nước hại, trải qua trăm ngàn kiếp, chẳng thể ăn uống.

Chín phần tình, một phần tưởng, thì đọa dưới hỏa luân, thân vào giữa phong luân và hỏa luân, nghiệp nhẹ thì vào ngục Hữu Gián, nghiệp nặng thì vào ngục Vô Gián.

Thuần tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu tâm chìm sâu ấy, có phỉ báng Đại Thừa, phá giới cấm của Phật, cuồng vọng thuyết pháp, hư tiêu tín thí, lạm nhận cung kính, hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng cấm, thì lại phải sanh khắp ngục A Tỳ mười phương.

Chúng sanh cùng tạo ác nghiệp thì phải chịu quả báo đồng phận, nhưng trong cộng nghiệp mỗi người đều có biệt nghiệp của mình, tùy theo ác nghiệp sở tạo, mỗi mỗi tự chuốc lấy quả báo khác nhau.

THẬP TẬP NHÂN

A Nan! Những điều kể trên, đều do nghiệp của chúng sanh tự chiêu cảm, tạo Thập Tập Nhân, thọ Lục Giao Báo.

Sao nói Thập Tập Nhân?

140. **Một là Dâm Tập giao tiếp**, phát nơi cọ xát lẫn nhau, cọ mãi không thôi, thế nên trong đó phát ra ngọn lửa hồng, như người dùng hai tay cọ xát, thì tướng ấm hiện tiền. Hai tập khí đốt nhau mới sanh những việc giường sắt, trụ đồng. Mười phương Như Lai xem sự hành dâm đồng như dục hỏa, Bồ Tát xem dục như hầm lửa phải tránh.

141. **Hai là Tham Tập giao kế,** phát nơi thu hút lẫn nhau, hút mãi không thôi, thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá, như người hít hơi gió vào miệng thì có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lấn nhau, mới chịu những khổ của địa ngục hàn băng. Mười phương Như Lai xem việc tham cầu đồng như tham thủy, Bồ Tát xem tham như biển độc phải tránh.

142. **Ba là Mạn Tập giao lăng**, phát nơi ỷ thế, lấn áp không thôi; thế nên có sự cãi vã tranh chấp, quậy nước thành sóng, như người tự liếm miệng lưỡi, chảy ra nước miếng. Hai tập khí chọi nhau, mới sanh những việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy v.v… Mười phương Như Lai xem sự ngã mạn như uống nước si, Bồ Tát xem ngã mạn như sự chìm đắm phải tránh.

143. **Bốn là Sân Tập giao xung**, phát nơi chống đối chống mãi không thôi, tâm nóng nảy phát lửa, đúc khí thành kim loại, thế nên có những việc đao sơn, kiếm thụ, rìu, búa, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đụng nhau, mới sanh những việc thiến, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đánh, đập, v.v… Mười phương Như Lai xem sự sân hận như dao gươm bén, Bồ Tát xem sân hận như chém giết phải tránh.

144. **Năm là Trá Tập giao dụ**, phát nơi quyến rũ, lôi kéo chaüng thôi, thế nên có những việc dây, cây, thòng lọng, căng nọc, như nước thấm ruộng thì cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau mới sanh những việc gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, đòn v.v… Mười phương Như Lai xem sự dối trá đồng như gian tặc, Bồ Tát xem dối trá như beo sói phải sợ.

145. **Sáu là Cuồng tập giao khi**, phát nơi phỉnh gạt, gạt mãi không thôi, buông tâm gian dối, thế nên có đất bùn, đại tiểu tiện, các thứ ô uế, như bụi theo gió, chẳng có chỗ thấy. Hai tập khí dìm nhau, mới sanh những việc chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn v.v… Mười phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng như cướp giết, Bồ Tát xem sự lừa gạt, như giẫm rắn độc.

146. **Bảy là Oán Tập giao hiềm**, phát nơi sân hận, thế nên có sự quăng đá, ném gạch, hộp nhốt, cũi nhốt, rọ nhốt, đãy bọc, như người hiểm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau, mới sanh những việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, tóm, siết v.v. Mười phương Như Lai xem sự thù oán, đồng như Quỷ Vi Hại, Bồ Tát xem thù oán như uống rượu độc.

147. **Tám là Kiến Tập giao minh**, như năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau, ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thưa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng. Hai tập khí giao xen, thế nên mới có Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn v.v… Mười phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hầm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

148. **Chín là Uổng Tập giao xen**, phát nơi vu khống phỉ báng; thế nên có hợp sơn, hợp thạch, cối nghiền, cối xay, như kẻ gièm pha vu oan người lương thiện. Hai tập khí bài xích lẫn nhau, mới sanh những việc áp giải, đè đập, ép huyết v.v. Mười phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp gièm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như bị sấm sét.

149. **Mười là Tụng Tập giao thuyên**, phát nơi che giấu tội lỗi; thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như đứng giữa mặt trời, chẳng thể giấu bóng. Hai tập khí phô bày lẫn nhau mới sanh ra những việc ác hữu, nghiệp kính, chiếu soi, hỏa châu, phơi bày nghiệp xưa, đối nghiệm v.v… Mười phương Như Lai xem sự che giấu đồng như hiểm tặc, Bồ Tát xem sự che giấu như đội núi cao đi trên biển cả.

LỤC GIAO BÁO

Sao nói Lục Giao Báo?

A Nan! tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, đều từ lục căn mà ra.

Sao nói ác báo từ lục căn mà ra?

150. Một là Kiến Báo chiêu cảm ác quả. Khi kiến nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng; hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng.

Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

151. Hai là Văn Báo chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm.

Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp; chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

152. Ba là Khứu Báo chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy dẫy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là ngửi thông bị

các hơi độc xông vào, nhiễu loạn tâm thần; hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất.

Như vậy, ngửi khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; xông vào thị giác thì thành lửa, đuốc; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi; xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thịt lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý thức thì thành tro, chướng khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

153. Bốn là Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bừng cháy, che khắp thế giới; thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể, hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy.

Như vậy, nếm mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì thành lồng sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa.

154. Năm là Xúc Báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn, rắn lửa, cọp, sói, sư tử, người gác ngục đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lùa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu; hai là lìa xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ.

Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; qua thính giác thì thành đánh, đập, đâm bắn; qua khứu giác thì thành tóm, đựng, khảo, trói; qua vị giác thì thành cày, kìm, chém, chặt; qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

155. Sáu là Tưởng Báo chiêu cảm ác quả. Khi tưởng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi; hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở.

Như vậy, tà tưởng kết vào ý thức thì thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; kết vào thính giác thì thành đại hợp băng giá, sương mù, đất bùn; kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; kết vào vị giác thì

thành tiếng la hét, than khóc; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

A Nan! Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A-Tỳ; nếu cả thân khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào khu 18 địa ngục; nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo, thì người ấy vào khu 36 địa ngục; nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào khu 108 địa ngục.

Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp, nhưng cùng vào chỗ đồng phận trong thế giới, ấy đều do vọng tưởng sanh ra, chẳng phải vốn sau có.

THẬP CHƯ HÌNH QUỶ

Lại nữa A Nan! Nếu các chúng sanh phá hủy luật nghi, phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết Bàn và các nghiệp khác, thì trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy, sau khi đền tội xong, thọ các hình quỷ. Nếu ở nơi bản nhân:

156. Do tham vật tạo tội, người ấy khi đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là Quái Quỷ.
157. Do tham sắc tạo tội, khi đền tội xong, gặp gió thành hình. gọi là Bạt Quỷ;
158. Do tham dối trá tạo tội, khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình, gọi là Mî Quỷ;
159. Do tham sân hận tạo tội, khi đền tội xong, gặp sâu bọ thành hình, gọi là Cổ Độc Quỷ;
160. Do tham ghi khắc thù oán tạo tội, khi đền tội xong, gặp kẻ thù vận suy thành hình, gọi là Lệ Quỷ;
161. Do tham ngạo mạn tạo tội, khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Ngạ Quỷ;
162. Do tham lừa gạt tạo tội, khi đền tội xong, gặp u ẩn thành hình, gọi là Yểm Quỷ.
163. Do tham minh ngộ tạo tội, khi đền tội xong, gặp tinh linh thành hình, gọi là Võng Lượng Quỷ;
164. Do tham vu vạ tạo tội, khi đền tội xong, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch Sử Quỷ;

165. Do tham kết bè phái tạo tội khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quỷ.

A Nan! Loại này đều vì thuần tình mà sa đọa, khi nghiệp lửa đốt cạn thì lên làm quỷ, ấy đều do vọng tưởng của tự mình chiêu cảm nghiệp quả, nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì nơi diệu tâm sáng tỏ, vốn chẳng có gì cả.

THẬP SÚC SANH

Lại nữa A Nan! Khi hết nghiệp quỷ, tình và tưởng cả hai đều không, mới ở nơi thế gian, với người mắc nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để trả nợ xưa.

Loài Quái quỷ theo vật, khi vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kêu.

Bạt quỷ theo gió, khi gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cửu trưng

Mî quỷ theo súc, khi súc chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn.

Cổ quỷ theo sâu, khi suy sâu diệt hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài độc hại.

Lệ quỷ theo vận suy, khi suy tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun sán.

Ngạ quỷ theo khí, khi khí tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài gia súc.

Yểm quỷ theo u-ẩn, khi u-ẩn tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tằm, cừu, cung cấp đồ mặc.

Võng Lượng Quỷ theo tinh linh, khi tinh tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim mùa.

Dịch Sử Quỷ theo linh hiển, khi linh diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hưu trưng (loài dự báo điềm tốt như phụng, lân).

Truyền Tống Quỷ theo người, khi người chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tùng phục bên người như chó, mèo.

A Nan! Loại này đều vì nghiệp lửa đốt cạn, sanh vào loài súc, đền trả nợ xưa, ấy cũng là do vọng nghiệp chiêu cảm; nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì các vọng duyên này, vốn chẳng có gì cả.

Như ngươi hỏi về những quả báo ác nghiệp của Bửu Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ Kheo Thiện Tinh từ đâu ra? Phải biết mỗi mỗi đều tự tạo, chẳng phải từ trên trời xuống, từ dưới đất ra, hay người khác đưa đến. Tự tạo vọng nghiệp, tự chiêu ác quả, mà chẳng biết nơi tâm Bồ Đề, ấy đều do vọng tưởng giả dối kết tụ.

THẬP NGƯỜI

Lại nữa A Nan! Những súc sinh ấy, đền trả nợ cũ, nếu trả quá nợ cũ, thì trở lại làm người, đòi lại phần thừa. Nếu người kia có sức mạnh, lại có phước đức, thì khỏi bỏ thân người mà vẫn hoàn lại phần thừa ấy được, còn nếu chẳng phước đức thì phải làm súc sinh để trả lại cái thiếu.

A Nan nên biết! Nếu mắc nợ tiền tài hoặc sức lực của loài vật, khi đền đủ thì tự ngưng... Nếu ở trong đó có giết hại sinh mạng hoặc ăn thịt họ, như thế cho đến ăn nhau, giết nhau, trải qua vô số kiếp, như chuyển bánh xe, lúc cao lúc thấp, thay phiên nhau chẳng ngừng. Trừ khi gặp Phật ra đời, ngộ pháp Xa Ma Tha, nếu không thì nghiệp chẳng thể ngưng. Nay ngươi nên biết,

166. Loài chim kêu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngoan cố.
167. Loài cữu trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng quái dị.
168. Loài chồn kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngu dại.
169. Loài độc hại kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nham hiểm.
170. Loài giun sán kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng hèn hạ.
171. Loài gia súc kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nhu nhược.
172. Loài tằm, cừu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nghèo khổ.
173. Loài chim mùa trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng văn hoa.
174. Loài hưu trưng kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông minh.

175. Loài tùng phục bên người kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông thạo.

A Nan! Loại này dù trả hết nợ cũ, trở lại làm người, đều do điên đảo tạo nghiệp, sanh nhau giết nhau từ vô thỉ, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao xoay vần mãi, bọn này gọi là thật đáng thương xót.

THẬP TIÊN CHÚNG

A Nan! Lại có chúng sanh, trong cõi người chẳng theo chánh giác tu Tam Ma Địa, mà tu theo vọng niệm, giữ tâm củng cố hình hài, ẩn trong rừng núi, những chỗ vắng người, thành mười loại tiên.

176. A Nan! Những chúng sanh ấy, kiên cố dùng đồ bổ chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thực, gọi là Địa Hành Tiên.
177. Kiên cố dùng cỏ cây chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thuốc, gọi là Phi Hành Tiên.
178. Kiên cố luyện đơn chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo hóa chất, gọi là Du Hành Tiên.
179. Kiên cố luyện khí chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tinh khí, gọi là Không Hành Tiên.
180. Kiên cố luyện tâm dịch chẳng ngừng nghỉ, thành tựu nhuận đức, gọi là Thiên Hành Tiên.
181. Kiên cố hấp thụ tinh hoa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự hấp thụ, gọi là Thông Hành Tiên.
182. Kiên cố luyện theo bùa chú chẳng ngừng nghỉ, thành tựu bùa phép, gọi là Đạo Hành Tiên.
183. Kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ, thành tựu niệm tưởng, gọi là Chiếu Hành Tiên.
184. Kiên cố về thủy hỏa giao cấu chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự cảm ứng, gọi là Tinh Hành Tiên.
185. Kiên cố biến hóa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tà ngộ, gọi là Tuyệt Hành Tiên.

A Nan! Loại này đều ở trong cõi người mà luyện tâm, chẳng tu chánh giác, xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi, ẩn núp nơi núi sâu, hòn đảo, những chỗ vắng người; ấy cũng là theo vọng tưởng mà luân hồi. Nếu chẳng tu tam muội, khi phước báo hết, phải trở lại trong lục đạo.

DỤC GIỚI

186. A Nan! Những người thế gian, chẳng cầu đạo thường trụ, chưa thể rời bỏ sự ân ái vợ chồng, nhưng tâm chẳng buông lung nơi tà dâm, do tâm đứng lặng phát ra sáng suốt. Sau khi chết, ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

187. Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, chưa hoàn toàn trong sạch. Sau khi chết, vượt ánh sáng nhựt nguyệt, ở trên đảnh cõi người, loại này gọi là Đao Lợi Thiên.

188. Gặp dục tạm giao, qua rồi thì chẳng nhớ; nơi cõi người động ít tịnh nhiều. Sau khi chết, an trụ nơi hư không, ánh sáng nhựt nguyệt chẳng thể soi đến, hạng người ấy tự có ánh sáng, loại này gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

189. Lúc nào cũng tịnh, nhưng khi tiếp xúc bỗng đến, chưa thể lìa bỏ. Sau khi chết, sanh lên cõi tinh vi, chẳng nối liền với những cõi trời, người ở dưới; khi kiếp hoại tam tai cũng chẳng thể đến, loại này gọi là Đâu Suất Đà Thiên.

190. Ta chẳng tâm dâm dục, chỉ đáp ứng với nhu cầu của người, xem sự dâm dục vô vị như ăn sáp. Sau khi chết, sanh lên cõi biến hóa, loại này gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

191. Tâm chẳng trụ thế gian, mà thọ dụng cảnh dục đồng như thế gian; đang lúc thọ dụng, rõ ràng siêu thoát. Sau khi chết, vượt lên tất cả cảnh biến hoá và chẳng biến hóa, loại này gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

– A Nan! Sáu cõi trời kể trên, hình dù khỏi động mà tâm còn dính mắc, từ đây trở xuống, gọi là Dục Giới.

Kinh Lăng Nghiêm – Quyển 9



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

** **

QUYỂN 9

SẮC GIỚI

SƠ THIỀN

A Nan! Tất cả người tu tâm trong thế gian chẳng nhờ Thiền Na thì chẳng có trí huệ

192. Nếu được giữ thân chẳng dâm dục, khi đi khi ngồi, niệm tưởng đều không, ái nhiễm chẳng sanh, chẳng lưu luyến Dục Giới, làm bạn với Phạm Thiên, hạng này gọi là Phạm Chúng Thiên.
193. Dục lậu đã trừ, "Tâm lìa dục" hiện, ưa hành theo các luật nghi, đức hạnh trong sạch, hạng này gọi là Phạm Phụ Thiên.
194. Thân tâm diệu viên, oai nghi đầy đủ, giới cấm trong sạch, lại có sự tỏ ngộ, được thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương, hạng này gọi là Đại Phạm Thiên.

A Nan! Ba bậc này tất cả khổ não chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, dục lậu chẳng thể lay động, gọi là Sơ Thiền.

NHỊ THIỀN

195. A Nan! Hàng Phạm Thiên thống lãnh phạm chúng, đầy đủ phạm hạnh, lắng tâm chẳng động; do tịch lặng sanh ra ánh sáng; hạng này gọi là Thiểu Quang Thiên.
196. Ánh sáng chói lọi, chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi đều như lưu ly; hạng này gọi là Vô Lượng Quang Thiên.
197. Hào quang đồng như âm thanh, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa trong sạch, ứng dụng vô cùng; hạng này gọi là Quang Âm Thiên.

A Nan! Ba bậc này tất cả lo buồn chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, những phiền não thô động đã uốn dẹp, gọi là Nhị Thiền.

TAM THIỀN

198. A Nan! Hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, thành hạnh tinh tấn, thông với sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Thiểu Tịnh Thiên.
199. Cảnh "Tịnh Không" hiện tiền, chẳng có bờ bến, thân tâm nhẹ nhàng, thành sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

200. Thế giới và thân tâm, tất cả đều trong sạch, thành tựu đức tánh trong sạch, thắng cảnh hiện tiền, qui về cái vui tịch diệt, hạng này gọi là Biến Tịnh Thiên.

A Nan! Ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên ổn, được sự vui vô lượng, dù chẳng phải thật đắc chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ, gọi là Tam Thiền.

TỨ THIỀN

201. Lại nữa A Nan! Cõi trời này, thân tâm chẳng bị bức bách, nhân khổ đã hết, biết sự vui chẳng thường trụ, lâu ắt biến hoại, hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả, tướng thô đã diệt, tánh phước được sanh, hạng này gọi là Phước Sanh Thiên.

202. Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch, được sự tùy thuận nhiệm mầu, cùng tột vị Lai, tánh phước chẳng ngăn ngại, hạng này gọi là Phước Ái Thiên.

203. A Nan! Từ cõi trời này tẻ ra hai đường: Nếu dùng tâm sáng tỏ đầy đủ phước đức trước kia để tu chứng an trụ, hạng này gọi là Quảng Quả Thiên.

204. Nếu nơi tâm trước kia, nhàm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn, trọn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lắng tâm bặt tưởng, trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sanh, hạng này gọi là Vô Tưởng Thiên.

A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động, dù chẳng phải là chỗ chơn bất động của đạo vô vi, nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thục, gọi là Tứ Thiền.

NGŨ TỊNH CƯ THIÊN

Ở đây, còn có năm bậc Bất Hoàn Thiên, đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới, nên an lập chỗ ở nơi tâm xả của đồng phận chúng sanh.

205. Vậy, khổ vui đã diệt, ưa ghét chẳng sanh, hạng này gọi là Vô Phiền Thiên.

206. Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đối đãi, hạng này gọi là Vô Nhiệt Thiên.

207. Mười phương thế giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn tất cả cấu nhiễm của cảnh trần, hạng này gọi là Thiện Kiến Thiên.
208. Diệu kiến hiện tiền, biến tạo vô ngại, hạng này gọi là Thiện Hiện Thiên.
209. Sắc trần từ tướng lăng xăng đến chỗ cứu cánh chẳng động, cùng tột tánh sắc chẳng có bờ bến, hạng này gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

A Nan! Với các cõi Bất Hoàn Thiên này, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương cõi Tứ Thiền mới được nghe biết, nhưng chẳng thể thấy biết. Như nay trong thế gian, nơi núi sâu rừng thẳm, những đạo tràng của bậc thánh, đều có các vị A La Hán trụ trì, mà người thế tục chẳng thể thấy.

A Nan! Mười tám cõi trời kể trên, dù thoát khỏi cảnh dục, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân, gọi là Sắc Giới.

VÔ SẮC GIỚI

Lại nữa A Nan! Từ trên đảnh của Sắc Giới, lại tẽ ra hai đường:

Nếu nơi tâm xả, phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông, bèn ra cõi trần, thành A La Hán, vào Bồ Tát Thừa, hạng này gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

210. Nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại, tiêu ngại vào không, hạng này gọi là Không Xứ.
211. Chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt, trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức; hạng này gọi là Thức Xứ.
212. Sắc và Không đã tiêu, tâm thức đều diệt, mười phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến; hạng này gọi là Vô Sở Hữu Xứ.
213. Dùng tánh thức chẳng động để diệt sự nghiền ngẫm, thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận, như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận, hạng này gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

Hạng này xét cùng cái Không, nhưng chẳng tột lý Không; nếu từ thánh đạo Bất Hoàn Thiên mà xét cùng, hạng này gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán.

Nếu từ Vô Tưởng Thiên của ngoại đạo mà chấp thật Không, chẳng biết quày đầu, mê muội hữu lậu, chẳng nghe chánh pháp, bèn vào luân hồi.

A Nan! Những cõi trời kể trên, mỗi mỗi đều là phàm phu đền trả nghiệp quả, khi nghiệp quả trả hết bèn vào luân hồi. Thiên Vương các cõi ấy, đều là Bồ Tát tu Tam Ma Địa, lần lượt tiến lên, hướng về đường tu của Bậc Thánh.

A Nan! Cõi Tứ Không này, thân tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền, chẳng có sắc thân của nghiệp quả; từ đây đến cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

Ấy đều do chẳng rõ diệu tâm sáng tỏ, tích chứa vọng tưởng, chấp thân trung ấm, tùy loại thọ sanh, vọng có tam giới, nên vọng theo bảy loài mà chìm đắm.

A TU LA

Lại nữa A Nan! Trong tam giới còn có 4 loại A Tu La:

214. Nếu từ loài quỷ, dùng sức hộ pháp, nhờ thần thông vào trong hư không; loại A Tu La này là noãn sanh, thuộc về loài quỷ.
215. Nếu từ cõi trời, thất đức bị đọa, chỗ ở gần với nhựt nguyệt; loại A Tu La này là thai sanh, thuộc về loài người.
216. Có vua Tu La, thống lãnh tất cả A Tu La trên thế giới, sức mạnh vô úy, có thể tranh quyền với Phạn Vương Đế Thích và Tứ Thiên Vương, loại A Tu La này là hóa sanh, thuộc về loài trời.
217. A Nan, riêng có một số A Tu La thấp kém sanh ở đáy biển, lặn dưới hang nước, ban ngày dạo trên hư không, ban đêm về ngủ dưới nước; loại A Tu La này là thấp sanh, thuộc về loài súc.

A Nan! Bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người, thần tiên, cõi trời và A Tu La kể trên, đều là những tướng hữu vi hôn trầm, vọng tưởng tùy nghiệp thọ sanh. Thật ra thảy đều như hoa đốm trên không, vọng hiện nơi bản tâm vô tác sáng tỏ, vốn vô sở đắc, chỉ một hư vọng, chẳng có cội gốc.

A Nan! Những chúng sanh này, chẳng nhận được bản tâm, bị luân hồi trải qua vô số kiếp, chẳng được chơn tánh trong sạch, ấy đều do tùy thuận ba nghiệp sát, đạo, dâm; hoặc ngược lại ba thứ đó, thành không sát, đạo, dâm; vọng thấy "Có" thì là loài quỷ, vọng thấy "Không" thì là loài trời; Có và Không thay phiên nhau, phát khởi tánh luân hồi.

Nếu ngộ pháp Tam Ma Địa, thì diệu Tâm thường tịch, hữu vô bất nhị, bất nhị cũng diệt, những việc không sát, đạo, dâm còn chẳng có, huống là thuận theo sát, đạo, dâm.

A Nan, chẳng dứt ba nghiệp thì chúng sanh mỗi mỗi đều có nghiệp riêng, do nghiệp riêng ấy, trong đồng phận của chúng sanh, chẳng phải là không có chỗ nhất định. Đó là do tự tạo vọng nghiệp, vọng vốn chẳng nhân, chẳng thể truy cứu cội gốc.

Ngươi khuyên người tu hành, muốn đắc đạo Bồ Đề, phải trừ dứt ba nghiệp. Nếu ba nghiệp chẳng dứt, dẫu được thần thông, cũng đều là những công dụng hữu vi

của thế gian, tập khí chẳng diệt thì lạc vào ma đạo, dù muốn trừ vọng, càng thêm giả dối. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót.

Vậy, vọng do người tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ Đề, thuyết như thế gọi là chánh thuyết, chẳng thuyết như thế tức là tà thuyết.

50 MA CHƯỚNG

Lúc bấy giờ Đức Như Lai sắp rời pháp tòa. Từ tòa sư tử, ngài vin chiếc ghế bảy báu, xoay thân hình như sắc núi vàng tía, rồi lại tựa lưng vào ghế, bảo đại chúng cùng A-Nan rằng: Các ông là hàng Thanh Văn , Duyên Giác hữu học, ngày nay hồi tâm hướng về Vô thượng bồ-đề . Như Lai đã dạy pháp tu chơn chánh cho các ông rồi.

Do các ông vẫn còn chưa biết những ma sự nhỏ nhiệm xảy ra lúc tu chỉ và quán . Nếu các ông không nhận ra ma cảnh khi nó hiện ra là do việc thanh tịnh tâm ý của ông không đúng với pháp chân thật, nên bị rơi vào tà kiến.

Ông sẽ bị quấy nhiễu bởi một loài ma từ ngũ ấm của ông. Hoặc là thiên ma, hoặc bị dính mắc bởi quỷ thần, hoặc gặp loài ly, mỵ. Nếu tâm ông không sáng suốt, ông sẽ nhận lầm kẻ giặc làm con mình.

Lại nữa, do trong khi tu tập, cảm thấy hài lòng, thỏa mãn khi có chút ít thành quả. Như tỷ-khưu Vô Văn , đã đạt được Tứ thiền, vọng ngôn cho rằng mình đã chứng Thánh. Khi phước báo ở cõi trời hết, tướng suy xuất hiện, nên phỉ báng rằng chứng quả A La Hán còn phải chịu sanh tử. Ông liền đoạ vào địa ngục a-tỳ.

Các ông nên lắng nghe kỹ. Như Lai sẽ giảng giải chi tiết cho các ông.

A-Nan đứng dậy, cùng hàng hữu học trong chúng hội vui mừng đảnh lễ, im lặng lắng nghe lời chỉ dạy từ bi của Đức Phật.

Đức Phật bảo ngài A-Nan và mọi người trong chúng hội: Các ông nên biết, mười hai loại chúng sanh trong thế giới hữu lậu đều vốn có bản tâm sáng suốt nhiệm mầu, là tâm thể giác ngộ trọn vẹn, không khác tâm thể mười phương chư Phật.

Do ông vọng tưởng, mê mờ chân lý nên phát sinh si ái, khiến gây ra mê lầm cùng khắp, nên có hư không. Cái mê biến hóa không dừng nên có thế giới. Do vậy, các cõi nước nhiều như vi trần trong mười phương chẳng phải là vô lậu, đều dựng lập nên từ mê muội, vọng tưởng.

Nên biết hư không sanh trong tâm ông ví như phiến mây điểm trên nền trời xanh. Huống nữa là các cõi nước ở trong hư không thì nhỏ đến cỡ nào?

Nếu chỉ có một người trong các ông phát minh chân lý và quay về bổn tánh, thì mười phương hư không đều tiêu mất. Làm sao các cõi hư không kia lại không bị hủy diệt?

Các ông tu thiền, đạt được chánh định. Tâm ông thông suốt, hợp với tâm của chư vị Bồ Tát, và các vị vô lậu đại A La Hán trong mười phương đã an trụ trong trạng thái vắng lặng.

Tất cả ma vương, cùng các loài quỷ thần, các cõi trời phàm phu đều thấy cung điện của mình vô cớ bị tiêu hủy, đất đai rung động, các loài thủy lục không hành thảy đều kinh sợ. Hàng phàm phu mê muội thì chẳng hay biết những biến động này.

Các loài sinh vật ấy đều có năm thứ thần thông, trừ lậu tận thông, đương luyến tiếc cảnh trần lao. Làm sao nó chịu để cho các ông phá hoại chỗ ở của nó? Vậy nên các loài quỷ thần, thiên ma, ly mị, võng lượng, yêu tinh… trong khi ông tu pháp tam-muội, chúng đều muốn đến phá ông.

Các loài ma ấy tuy có oai lực lớn, nhưng vẫn còn ở trong trần lao. Trong khi ông ở trong tánh giác vi diệu, ma chẳng ảnh hưởng gì đến ông, như gió thổi chẳng làm lay động ánh sáng, hoặc như dao chẳng cắt được nước. Ông như nước sôi, trong khi ma vương giống như tảng băng, khi gần hơi nóng, băng sẽ tiêu tan. Chúng nó dựa vào ma lực, nhưng đó chỉ là khách thôi!

Nó có thể phá rối được, là do người chủ của ngũ ấm trong tâm ông. Nếu chủ nhân mê lầm thì khách mới được dịp quấy phá.

Khi trong thiền định, sáng suốt không mê lầm, thì các ma sự kia không làm gì được ông. Khi năm ấm tiêu trừ, ông có thể nhập vào bản tánh sáng suốt, mà tà ma kia đều nương vào ám khí. Do sáng phá được tối, nên bọn chúng sẽ bị tiêu hủy khi đến gần ông. Sao còn dám đến gần ông để phá rối thiền định?

Nếu không tỏ ngộ sáng suốt, bị Ngũ Ấm ngăn che, mê lầm thì chính Ông Anan là con của Ma và thành người Ma.

Như ông gặp nạn Ma-đăng-già, là việc nhỏ nhặt. Cô ta dùng chú thuật bắt ông phá hủy luật nghi của Phật. Nó mong trong số tám vạn bốn ngàn tế hạnh, ông chỉ hủy phạm một giới. Nhưng vì tâm ông thanh tịnh nên không bị chìm đắm.

Đây là nỗ lực muốn phá hoại hoàn toàn sự giác ngộ quý báu của ông. Ông sẽ như quan Tể tướng bỗng nhiên bị truất quyền, gia đình ông ta trở nên bơ vơ, tuyệt vọng không ai thương xót cứu giúp.

10 SẮC ẤM

A. TRẠNG THÁI TÂM LÝ THANH TỊNH

TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI SẮC ẤM

A-Nan nên biết, ông ngồi nơi đạo tràng, phải dứt sạch các vọng niệm. Khi vọng niệm đã dứt sạch, thì các ly niệm sáng tỏ rõ ràng. Động tịnh không đổi dời, nhớ quên đều như một.

PHẠM VI SẮC ẤM

Khi an trụ trong trạng thái đó mà vào được chánh định, như người sáng mắt ở nơi tối tăm. Dù chân tánh nhiệm mầu thanh tịnh, nhưng tâm chưa tỏa phát được trí huệ sáng suốt. Đây gọi là phạm vi của Sắc ấm.

KHI VƯỢT QUA SẮC ẤM, THẤY ĐƯỢC CỘI GỐC CỦA SẮC ẤM

Như mắt sáng tỏ, rõ thấu mười phương, không còn tối tăm, gọi là dứt sạch sắc ấm. Người ấy có thể vượt ra khỏi kiếp trược. Xem kỹ nguyên do của sắc ấm, nhận ra vọng tưởng kiên cố chính là cội gốc.

MƯỜI CẢNH GIỚI SAI BIỆT CỦA SẮC ẤM

218. TÂM THOÁT NGẠ

A-Nan, ngay trong định ấy, quán xét thật kỹ bản tánh diệu minh, thấy tứ đại không còn đan dệt với nhau nữa. Trong chốc lát, thân thoát ra khỏi sự ngăn ngại. Trạng thái này gọi là tinh minh trôi vào tiền cảnh. Đó chỉ là trạng thái nhất thời do dụng công, không phải là biểu hiện sự chứng quả thánh. Nếu không khởi tâm chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

219. NHẶT TRÙNG SÁN TRONG THÂN

Lại nữa, A-Nan, nếu dùng tâm ấy cứu xét tánh diệu minh, thấy rõ suốt khắp thân. Bỗng nhiên có thể lượm ra những con trùng, con sán từ trong thân mình, mà thân thể vẫn nguyên vẹn, không bị tổn thương. Trạng thái này gọi là tinh minh tràn ra hình thể. Đây chỉ là trạng thái nhất thời do tinh tấn công phu, chẳng phải là chứng

thánh. Nếu người ấy không nghĩ mình chứng thánh thì đó là trạng thái tốt. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

220. NGHE TIẾNG THUYẾT PHÁP GIỮA HƯ KHÔNG

Lại nữa, nếu đem tâm ấy quán xét tinh tường cả trong lẫn ngoài. Khi ấy hồn phách, ý chí, tinh thần, trừ ra sắc thân, đều giao tiếp lẫn nhau thay phiên làm khách chủ. Rồi bỗng dưng nghe giữa hư không có tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương đồng diễn bày nghĩa lý thâm mật. Cảnh giới này gọi là: "Tinh thần hồn phách thay phiên nhau khi rời xa, khi kết hợp để cùng nhau thành tựu những hạt giống tốt." Nhưng đó chỉ là trạng thái nhất thời, chẳng phải là chứng thánh. Nếu chẳng nghĩ mình đã chứng thánh thì đó là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

221. PHẬT HIỆN THÂN

Lại đem tâm ấy lóng sạch, thấu triệt, bên trong hào quang toả chiếu sáng ngời. Mười phương biến thành sắc diêm-phù-đàn. Tất cả loài hữu tình đều hóa làm Như Lai, Lúc ấy bỗng thấy Đức Phật Tỳ-lô-giá-na ngồi trên đài thiên quang, có ngàn Đức Phật nhiễu quanh trăm ức cõi nước, cùng với hoa sen đồng thời hiện ra. Cảnh giới này gọi là tâm hồn được truyền dẫn bởi sự lĩnh ngộ, khi tập trung tham cứu đến tận nguồn tâm thì ánh sáng từ trong tâm chiếu khắp cõi nước. Đây chỉ là trạng thái tạm thời, không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh gọi là cảnh giới tốt, nếu tự cho mình đã chứng thánh thì liền rơi vào tà kiến.

222. SẮC BÁU ĐẦY HƯ KHÔNG

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng mầu nhiệm sáng tỏ. Quán sát không ngừng. Đè nén, hàng phục ngăn dứt quá phần. Bấy giờ bỗng dưng thấy hư không mười phương biến thành màu sắc bảy loại châu báu, hoặc màu sắc của trăm loại châu báu. Xuất hiện đồng thời đầy khắp, không ngăn ngại lẫn nhau. Những mầu xanh, vàng đỏ, trắng hiện ra rõ ràng. Cảnh giới này gọi là "Sức công phu hàng phục vọng tâm quá phần." Mới được cảnh giới như vậy, chẳng phải chứng thánh. Không khởi thánh tâm là trạng thái tốt. Còn nếu nghĩ rằng mình đã chứng Thánh thì liền rơi vào tà kiến.

6. BAN ĐÊM NHƯ BAN NGÀY

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, sáng suốt không loạn. Bỗng nhiên giữa đêm có thể thấy các thứ hiện ra trong phòng tối không khác gì ban ngày, mà các thứ ở trong phòng tối cũng không biến mất. Đó gọi là: "Định tâm lặng đứng cái thấy, nên thấy suốt chỗ tối tăm." Tạm được như thế, không phải chứng thánh. Nếu không khởi tâm chứng thánh, đó là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ là chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

223. THÂN KHÔNG CÒN CẢM GIÁC, ĐỒNG NHƯ CÂY CỎ

Lại đem tâm ấy, hoàn toàn nhập vào tánh hư dung, tứ chi bỗng nhiên đồng như cây cỏ, lửa thiêu dao cắt cũng không hay biết. Lửa đốt không cháy thân, dù bị lóc thịt cũng như chẻ cây. Đó gọi là: trần cảnh và tánh tứ đại đều sạch hết, chỉ một hướng thuần chơn. Tạm được như thế, không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh, là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

224. BIẾN THÀNH CẢNH GIỚI CHƯ PHẬT

Lại đem tâm ấy, thành tựu tánh thanh tịnh, công phu tịnh tâm đến mức cùng tột. Bỗng thấy núi sông, đất liền khắp mười phương biến thành cõi Phật, đầy đủ bảy loại báu, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi. Lại thấy chư Phật Như Lai nhiều như cát sông Hằng, khắp cõi hư không đầy lâu đài tráng lệ. Dưới thấy địa ngục, trên xem thấy thiên cung mà không ngăn ngại. Đó gọi là: tư tưởng thích, chán ngưng lắng ngày càng sâu, tưởng lâu mà thành như vậy, không phải là chứng thánh. Không khởi tâm chứng thánh, gọi là cảnh giới tốt. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh liền rơi vào tà kiến.

225. BAN ĐÊM NHÌN THẤY XA

Lại đem tâm ấy, cứu xét sâu xa, bỗng nhiên giữa khuya thấy được những nơi chốn xa xôi. Thấy chợ, giếng nước, đường phố, ngõ hẻm, bà con thân quyến, cùng nghe họ đang nói chuyện với nhau.

10. THẤY THIỆN TRI THỨC BIẾN DẠNG MÀ KHÔNG HIỂU NGUYÊN NHÂN

Lại đem tâm ấy, cứu xét tinh ròng, thấy hình thể của các vị thiện tri thức bị biến dạng. Chỉ trong chốc lát, thân họ biến thành nhiều dạng khác nhau mà không biết vì cớ gì. Đó gọi là: "Tà tâm bị loài ly mỵ hay bị thiên ma nhập vào, vô cớ thuyết

pháp, rất thông suốt diệu lý," chứ không phải là chứng thánh. Nếu không nghĩ mình chứng thánh thì các ma sự liền tiêu mất. Còn nếu nghĩ mình đã chứng thánh, liền rơi vào tà kiến.

LỜI KHUYÊN RĂN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ SẮC ẤM

A-Nan, mười cảnh giới hiện ra trong thiền định như vậy, là do sắc ấm và tâm dụng công giao xen với nhau mà có.

Chúng sanh mê muội không tự xét kỹ. Gặp nhân duyên này, mê muội không tự biết, tự cho là chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Các ông phải nương theo, sau khi Như Lai nhập diệt, trong đời mạt pháp, phải truyền bá giáo pháp này. Đừng để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Giữ gìn che chở cho mọi chúng sanh, khiến họ được thành đạo vô thượng.

10 THỌ ẤM

TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI THỌ ẤM

A-Nan, thiện nam tử ấy tu tập chánh định, trong khi tu xa-ma-tha (chỉ), sắc ấm dứt sạch, thấy tâm chư Phật như bóng hiện ra trong gương.

PHẠM VI CỦA THỌ ẤM

Như có chỗ sở đắc, nhưng chưa dùng được. Ví như người bị bóng mộc đè, tay chân còn y nguyên, thấy nghe không lầm, nhưng tâm bị khách tà, không cử động được. Đó gọi là phạm vi của thọ ấm .

CỘI GỐC CỦA THỌ ẤM

Khi mộc đè lắng dịu rồi thì tâm rời khỏi thân, trở lại thấy được mặt mày, đi ở tự do, không còn ngăn ngại. Đây gọi là hết thọ ấm . Người ấy có thể vượt qua kiến trược. Xét kỹ nguyên do, thì vọng tưởng hư minh là gốc của thọ ấm.

MƯỜI CẢNH GIỚI CỦA THỌ ẤM

226. SỰ BI LỤY QUÁ ĐỘ

A-Nan, hành giả khi ở trong trạng thái này, tâm rất sáng suốt, do bên trong đè nén quá phần. Bỗng dưng phát sanh tâm thương cảm vô cùng, cho đến xem muỗi mòng như là con mới sinh, tâm thương xót bất giác rơi lệ.

Đây gọi là đè nén tâm quá mức trong khi công phu. Nhận ra điều đó thì không có gì sai trái, chẳng phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy không còn mê lầm, trạng thái đó dần tự tiêu vong. Nếu nghĩ là mình chứng thánh thì bị loài ma bi lụy nhập vào trong tâm phủ, mỗi khi thấy người thì thương xót kêu khóc không thôi. Nếu mất chánh định sẽ bị chìm đắm.

227. SỰ TÁO BẠO QUÁ MỨC

Lại nữa A-Nan, khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, cảnh giới thù thắng hiện ra, cảm kích quá phần. Bỗng dưng trong đó sinh tâm rất dõng mãnh, thông minh bén nhạy, sánh đồng như Phật, cho rằng có thể vượt qua ba a-tăng-kỳ kiếp chỉ trong một niệm.

Đây gọi là dụng công lấn lướt quá mức. Nếu nhận biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh. Nếu biết rõ như vậy và duy trì sự sáng suốt, thì trạng thái ấy sẽ tiêu mất. Nhưng nếu nghĩ mình chứng thánh, liền có ma cuồng nhập vào tâm phủ, khi gặp người sẽ khoe khoang về mình, cực kỳ ngã mạn. Tâm họ đến mức trên không còn thấy chư Phật, dưới không thấy có ai. Nếu bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

228. SỰ CHÁN NẢN QUÁ MỨC

Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Trước không không thấy có cảnh giới mới để chứng, lui về thì mất chỗ cũ. Trí lực suy yếu, rơi vào nơi cùng cực, không còn gì để trông mong. Bỗng dưng có cảm giác đơn điệu, khao khát trỗi dậy. Trong mọi lúc đều thầm nhớ không quên. Lầm cho như vậy là tướng tinh tấn.

Đây gọi là tu tâm mà thiếu trí huệ, nên tự gây ra lầm lạc. Nếu nhận biết được thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh. Nếu tự cho mình chứng thánh, liền bị loài ma nhớ nhập vào tâm. Ngày đêm giữ tâm treo vào một chỗ. Bỏ mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

229. SỰ TỰ MÃN

Lại nữa khi hành giả ở trong trạng thái định này, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Sức huệ hơn định, mắc lỗi do trí mạnh mẽ sắc bén. Ôm giữ tánh siêu việt trong tâm. Ngỡ mình là Đức Phật Lô-xá-na , được chút ít sở đắc tự cho là đủ.

Trạng thái này gọi là "dụng công mà quên mất tánh suy xét thường xuyên, ngưng trệ nơi tri kiến." Nếu biết thì không mắc sai lầm. Đó chẳng phải là chứng thánh. Nếu cho là chứng thánh thì loài ma hạ liệt chuyển tánh thấy đủ, nhập ngay vào tâm phủ, khi gặp người liền tự xưng Ta đã được Vô thượng dệ nhất nghĩa đế. Khi mất chánh định, chắc chắn bị chìm đắm.

230. SỰ LO SỢ BUỒN BÃ

Lại nữa khi hành giả ở trong định ấy, thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới chưa được, còn tâm cũ đã mất. Xem xét kỹ hai bên, thấy mình như gặp hiểm nạn. Tâm bỗng nhiên thấy buồn vô hạn, như thể ngồi trên giường sắt, như uống thuốc độc. Không muốn sống nữa, thường mong người khác hủy hoại thân mình để chóng giải thoát.

Đây gọi là tu hành sai mất phương tiện. Nếu biết được, thì không lầm lỗi, dó không phải là chứng thánh. Nếu nghĩ mình đã chứng thánh thì sẽ bị loài ma ưu sầu nhập vào tâm phủ. Tay dùng dao kiếm tự cắt thịt mình, thích được tự sát, hoặc thường ưu sầu, chạy vào rừng sâu, không thích thấy người. Khi thiếu chánh định, chắc chắn sẽ bị đọa lạc.

231. SỰ VUI MỪNG VÔ HẠN

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Trong chỗ thanh tịnh, tâm được an ổn. Bỗng sanh niềm vui vô hạn. Trong tâm mừng rỡ, không thể kềm chế.

Đây gọi là tâm khinh an, nhưng thiếu trí tuệ để tự điều phục. Nếu hiểu rõ thì không lầm lỗi, không phải là chứng thánh.

Nhưng nếu tự xem mình đã chứng thánh, thì có loài ma thích vui vẻ nhập vào tâm, gặp người liền cười, cùng ca hát nhảy múa trên đường. Tự xưng đã được vô ngại giải thoát. Sai lạc chánh định, sẽ bị chìm đắm.

232. ĐẠI NGÃ MẠN

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ, tự cho là đủ rồi. Bỗng không nguyên do, khởi tâm đại ngã mạn, như thế cho đến khởi tâm kiêu

mạn, tâm mạn quá mạn, tâm tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn, đều cùng phát ra một lúc. Tâm khinh thường cả mười phương Như Lai, huống gì các bậc thấp như Thanh Văn , Duyên Giác.

Đây gọi là kiến giải quá cao, nhưng thiếu trí huệ để tự cứu. Nếu nhận ra thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Nếu hành giả nhận là chứng thánh, thì có loại ma đại ngã mạn nhập vào tâm phủ. Không lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng. Nói với đàn việt rằng: tượng chỉ là đồng, hoặc là gỗ đất; kinh chỉ là lá hoặc là giấy lụa; thân xác thịt là chân thường mà không quí trọng, lại sùng bái gỗ đất, thật là điên đảo.

Những kẻ đã quá tin, theo lời đập phá kinh tượng hoặc chôn trong đất. Do gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, nên sẽ đọa vào vô gián địa ngục. Thiếu mất chánh định sẽ bị đọa lạc.

233. SỰ NHẸ NHÀNG SẢNG KHOÁI

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Từ trong chỗ sáng suốt tinh anh, giác ngộ được chân lý vi diệu, mọi thứ đều tùy thuận theo sở nguyện. Tâm bỗng nhiên được khinh an vô bờ bến. Tự cho mình đã thành thánh, được đại tự tại. Đây gọi là nhân trí tuệ mà đạt được nhẹ nhàng thanh thoát. Nếu rõ biết thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Nếu nhận là chứng thánh, thì có loại ma thích khinh thanh nhập vào tâm phủ, tự thấy đã thỏa mãn, không cần tiến bộ nữa. Phần nhiều những người này làm như tỷ-khưu Vô Văn , gây nghi ngờ lầm lạc cho chúng sanh, đọa vào ngục a-tì. Thiếu mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

234. CHẤP ĐOẠN DIỆT, BÀI BÁC NHÂN QUẢ

Lại trong định ấy, hành giả thấy sắc ấm đã tiêu dung, thọ ấm tỏ rõ. Trong chỗ tỏ ngộ, đạt được tánh hư minh. Bỗng dưng trong ấy hành giả bỗng xoay lại theo hướng đoạn diệt, bài bác nhân quả, cho mọi việc đều là không. Tâm rỗng không hiện tiền, cho đến tăng trưởng nhận định đoạn diệt vĩnh viễn. Nếu biết thì không sai lầm, không phải là chứng thánh. Đây gọi là định tâm phân tán, mất đi sự chiếu diệu. Nếu rõ biết được thì không sai lầm, đó không phải là chứng thánh.

Nếu nhận là chứng thánh, liền có loại ma không nhập vào tâm phủ. Nó liền phỉ báng người giữ giới, gọi họ là “tiểu thừa,” cho rằng “Bồ Tát đã ngộ tánh, không có gì là giữ, là phạm.”. Người này ở nhà đàn việt uống rượu, ăn thịt, phóng đãng dâm

ô. Do ma lực nên nó nhiếp phục được mọi người không khởi tâm nghi báng nó. Sau khi ma nhập vào tâm rồi nó khiến hành giả ăn phân uế, uống nước tiểu, ăn thịt, uống rượu, cho những thứ này đều là không. Nó phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác mê lầm phạm tội. Lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

235. THAM ÁI CUỒNG LOẠN

Lại nữa, khi hành giả ở trong định, thấy sắc ấm tiêu trừ, thọ ấm tỏ rõ. Thích nghiền ngẫm trạng thái hư minh, khắc sâu vào tâm cốt. Trong lòng bỗng phát sanh lòng yêu thương vô hạn. Thương quá phát cuồng, thích việc dâm dục. Đây gọi là cảnh định an thuận, thâm nhập vào tâm mà thiếu trí tuệ để tự điều phục mình, nên mê lầm, đắm nhiễm ngũ dục. Nếu hiểu rõ điều này thì không sai lầm. Đó không phải là chứng thánh.

Nếu tự nhận mình là bậc thánh thì loại ma tham dục sẽ nhập vào tâm. Một mặt cho rằng dâm dục là đạo bồ-đề, dạy hàng bạch y bình đẳng hành dâm dục, gọi những người hành dâm là trì pháp tử. Do ma lực trong thời mạt pháp, khiến nó thu hút giới phàm phu đến cả trăm, cho đến hai trăm, năm trăm, sáu trăm, nhiều đến mức có cả ngàn, vạn người. Khi ma chán rồi, nó sẽ bỏ rơi người ấy. Khi sức quyến rũ của ma hết, người ấy bị rơi vào vòng lao lý. Do gieo sự nghi lầm cho chúng sanh nên đọa vào ngục vô gián. Thiếu mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

LỜI KHUYÊN RĂN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ THỌ ẤM

A-Nan, mười trạng thái trên hiện ra trong thiền định như thế, đều do thọ ấm và tâm dụng công giao xen nhau, nên hiện ra như vậy. Chúng sanh ngu mê lầm lẫn, không biết tự lượng xét, gặp nhân duyên này mê muội không tự biết, bảo là chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

Sau khi Như Lai nhập diệt độ, các ông nên lưu truyền lời dạy của Như Lai, để cho chúng sanh trong thời mạt pháp đều tỏ ngộ được ý chỉ này. Chớ để cho thiên ma có cơ hội quấy phá. Giữ gìn, hộ trì chúng sanh tu tập cho đến khi thành tựu quả vị vô thượng.

10 TƯỞNG ẤM

TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHIVÀO CẢNH GIỚI TƯỞNG ẤM

A-Nan, hành giả kia tu tập pháp tam-ma-địa, khi thọ ấm tiêu dung, tuy chưa hết mê lầm, nhưng tâm người ấy có thể rời thoát khỏi thân như chim ra khỏi lồng. Đã thành tựu điều ấy, từ thân phàm phu đã có khả năng vượt qua 60 thánh vị của hàng Bồ Tát, đạt được ý sanh thân, đến đi tự tại, không bị ngăn ngại.

PHẠM VI TƯỞNG ẤM

Như người ngủ say nói mớ. Tuy người ấy không biết mình nói gì, nhưng lời nói kia vẫn có âm vận mạch lạc rõ ràng, khiến những người thức đều biết rõ. Đó là phạm vi của tưởng ấm .

CỘI GỐC CỦA TƯỞNG ẤM

Nếu hết động niệm, tiêu trừ sạch vọng tưởng thô phù. Trong tâm giác ngộ sáng suốt, như rủ bỏ hạt bụi dơ. Một dòng sanh tử trước sau soi chiếu tròn khắp, gọi là tiêu dung tưởng ấm . Người ấy có thể vượt khỏi phiền não trược. Quán sát lại nguyên do của tưởng ấm , thấy nguồn gốc của nó là vọng tưởng dung thông.

Đến lúc này, các vọng tưởng trở nên dung thông với nhau, mỗi vọng tưởng trở thành nguồn gốc của chính nó.

10 MƯỜI CẢNH GIỚI CỦA TƯỞNG ẤM

236. THAM CẦU THIỆN XẢO

A-Nan, khi thọ ấm đã hư diệu, không còn vướng mắc các tà lự, phát minh tánh viên định, trong tam-ma-đề, tâm mong muốn có được sự sáng suốt viên mãn, thúc bách tư tưởng tham cầu thiện xảo.

Khi ấy thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện, cho tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người đó giải thuyết kinh pháp.

Người này không biết bị ma gá vào. Tự tuyên bố chứng được Vô thượng niết-bàn. Ma đến nơi hành giả đang móng tâm tham cầu thiện xảo, nó trải tòa rồi thuyết pháp. Trong chốc lát nó hiện thân tỷ-khưu, khiến cho hành giả được thấy, hoặc hóa làm Đế thích , làm phụ nữ, hoặc tỷ-khưu ni, hoặc hiện thân phát ra ánh sáng khi nằm trong phòng tối.

Hành giả ngu mê, lầm cho đó là Bồ Tát, tin lời giáo hóa của ma, tâm bị dao động, nên phá luật nghi của Phật, lén lút làm chuyện tham dục.

Người ấy ưa nói những chuyện tai ương quái dị, hoặc nói Như Lai xuất hiện chỗ nọ chỗ kia. Hoặc nói có kiếp hỏa, hoặc nói có đao binh. Dọa cho người sợ hãi, khiến họ vô cớ tiêu tán của cải, tài sản.

Đây gọi là giống quỷ quái, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Sau khi quấy phá chán rồi, nó rời bỏ thân người vừa gá vào. Nên cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.

Ông phải nên biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

237. THÍCH ĐI DU LỊCH

A-Nan, lại hành giả kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích dạo chơi, cho tư tưởng bay ra, tham cầu đi nhiều nơi.

Khi ấy, thiên ma chờ được cơ hội thuận tiện, đem tinh thần, gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng kinh pháp.

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự nói rằng mình đã được vô thượng bồ-đề. Ma đến nơi người mong cầu lãng du kia, trải tòa ngồi thuyết pháp. Hình người giảng pháp thì không biến đổi, nhưng những người nghe pháp bỗng dưng thấy mình đang ngồi trên những tòa sen báu, toàn thân hóa thành khối vàng tía chói sáng. Mỗi người đang nghe pháp đều cảm thấy như vậy, cho rằng mình đạt được chuyện chưa từng có.

Hành giả ngu mê, lầm cho đó là Bồ Tát, tâm hóa dâm dật, phá hủy luật nghi của Phật, lén làm chuyện tham dục.

Người ấy ưa nói chư Phật ứng hiện ra đời. Người đó, chỗ đó, chính là vị Phật ấy, hóa thân thị hiện. Hoặc nói người kia là Bồ Tát hóa thân đến đây giáo hóa nhân gian. Hành giả nghe vậy, tâm sanh khát ngưỡng, tà kiến âm thầm lớn mạnh, chủng trí bị tiêu diệt.

Đây là loại bạt quỷ, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Đến khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Các ông nên biết trước, thì khỏi bị luân hồi. Nếu ông mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

238. THAM CẦU SỰ KHẾ HỢP

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa sự thầm hợp, lóng lặng tư tưởng, tham cầu khế hợp.

Lúc ấy thiên ma được cơ hội thuận tiện, dùng tinh thần nó gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng thuyết kinh pháp.

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, lại tự cho rằng mình đã chứng được vô thượng niết-bàn. Khi nó đến nơi người mong cầu sự hợp nhất tinh thần ấy, liền trải tòa ngồi giảng pháp. Thân hình người đó và những người ngồi nghe pháp, bên ngoài không có gì thay đổi, nhưng lại khiến cho thính giả trước khi nghe pháp có cảm giác trở nên được "khai ngộ," nên họ thấy được từng niệm từng niệm đổi đời.

Hoặc họ được túc mạng thông, hoặc có tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết được những việc tốt xấu trong cõi người, hoặc nói kệ, tụng kinh. Mọi người đều vui vẻ, như được việc chưa từng có.

Hành giả ngu mê, lầm cho người ấy là Bồ Tát . Tâm trở nên vướng mắc chuyện yêu đương, nên hủy phạm luật nghi của Phật Lén lút làm chuyện tham dục.

Nó ưa nói có Phật lớn, Phật nhỏ; vị Phật này trước, vị Phật này sau; trong đó còn có Phật thật, Phật giả, Phật nam, Phật nữ; Bồ Tát cũng như thế. Người tu hành nghe vậy liền tin, tẩy sạch bản tâm, dễ rơi vào tà ngộ.

Đây là loại mỵ quỷ, tuổi già thành ma, nó khuấy rối người tu hành. Khi đã nhàm chán, nó rời khỏi thân người mà nó đã gá vào. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

239. THAM CẦU SỰ HIỂU BIẾT

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích được biết nguồn gốc của các sự vật, nên cứu xét cùng tột bản chất của sự vật cùng sự biến hóa từ gốc đến ngọn. Niệm tưởng tinh ròng bén nhạy do vì tham cầu phân tích rõ sự vật.

Lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện. Phóng tinh thần nó đến gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.

Người này không biết mình bị ma gá vào, lại còn cho mình đã được vô thượng niết-bàn. Ma liền đến gặp người mong cầu biết cội nguồn sự vật kia, nó trải tòa ngồi thuyết pháp. Thân nó có oai thần hàng phục được người cầu pháp, khiến cho thính chúng tự nhiên kính phục dù chưa nghe pháp. Nó nói bồ-đề, niết-bàn, pháp thân của Phật đều là thân xác thịt hiện tiền. Nó nói: "Cha con cùng sinh ra nhau từ đời này đến đời khác chính là pháp thân thường trụ không mất. Tất cả đều chỉ là hiện tại, đó chính là cõi Phật, chẳng có cõi Tịnh cư riêng biệt nào, và cũng chẳng có thân tướng sắc vàng nào cả.

Người ấy tin vào những điều ma nói, bỏ mất tín tâm ban đầu, đem hết thân mạng mình quy y với ma, cảm thấy được việc chưa từng có. Ngu mê tự cho mình là Bồ Tát. Theo đuổi ảo tưởng như vậy, nên phá hủy luật nghi của Phật chế, lén lút làm việc tham dục.

Ma thường ưa nói: mắt, tai, mũi, lưỡi đều là tịnh độ; nam căn, nữ căn, đích thật là bồ-đề, niết-bàn. Bọn người vô tri kia đều tin lời nói dơ bẩn ấy. Đây là giống quỷ cổ độc và quỷ ác thắng, tuổi già thành ma, quấy rối người tu hành. Đến khi nhàm chán, nó rời khỏi thân người đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Các ông nên giác ngộ sớm để khỏi bị luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ rơi vào địa ngục vô gián.

240. THAM CẦU SỰ THẦM CẢM

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa thích biết việc trước sau, soi xét cùng khắp, tham cầu sự thầm cảm.

Vào lúc đó thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người bị gá giảng nói kinh pháp.

Người ấy vốn không biết mình bị ma nhập, còn nói mình chứng vô thượng niết-bàn. Ma liền đến nơi người mong cầu huyền ứng kia, trải tòa thuyết pháp. Trong chốc lát, khiến cho thính chúng thấy mình hiện thân thành người già trăm ngàn tuổi. Họ sinh lòng ái nhiễm, không thể rời người ấy. Họ tự thân làm như nô bộc, đem cúng dường cho ma bốn thứ mà không hề mệt mỏi. Thính chúng ở dưới pháp tòa đều tin rằng người ấy là vị thầy trong đời trước của mình, phát khởi lòng riêng yêu mến pháp sư, dính chặt như keo sơn, như được điều chưa từng có.

Hành giả mê lầm, cho rằng kẻ kia là Bồ Tát. Bị cuốn hút vào tâm ma, phá hủy luật nghi của Phật chế, lén lút làm chuyện dâm dục.

Ma thích nói rằng: “Ta vào kiếp trước đã độ người kia, lúc đó là vợ, hoặc là huynh đệ của ta, nên nay lại đến để độ nhau, ta sẽ cùng các người theo nhau đến cảnh giới kia để cúng dường Đức Phật nọ.” Hoặc nó nói: “Có cõi trời Đại Quang Minh , nơi Đức Phật và các đức Như Lai đang nghỉ ngơi.” Những người mê muội tin vào lời phỉnh gạt ấy, đánh mất bản tâm.

Đây là loại lệ quỷ, tuổi già thành ma, khuấy rối người tu hành. Đến khi nhàm chán, không gá thân vào người kia nữa. Cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật.

Các ông nên rõ biết trước, để khỏi rơi vào luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

241. THAM CẦU TĨNH LẶNG

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích đi vào sự tinh cần khắc khổ, thích sống nơi vắng vẻ, tham cầu yên lặng.

Khi ấy thiên ma có được cơ hội, phóng tinh thần gá vào người khác, dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp.

Người này vốn không biết mình bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình đã chứng vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu tịch tịnh, trải tòa ngồi thuyết pháp. Nó khiến mọi người nghe đều biết rõ nghiệp đời trước của mình. Hoặc nó bảo với một người ở đó rằng “Ông nay chưa chết mà đã làm súc sanh.” Rồi bảo người ở phía sau đạp lên đuôi người phía trước, bỗng nhiên người kia không đứng dậy được. Lúc bấy giờ cả hội chúng đều hết lòng kính phục. Nếu có người móng khởi tâm niệm nghi ngờ, ma liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật, nó tinh chuyên khổ hạnh, phỉ báng tỷ-khưu, mắng chửi đồ chúng, rao lỗi người khác, không ngại chê bai tị hiềm. Miệng ưa nói họa phước chưa đến, khi việc xảy ra, quả nhiên chẳng sai mảy may.

Đây là loại đại lực quỷ, loài ma sống lâu mà thành, quấy rối người tu hành. Khi nó đã nhàm chán, liền rời khỏi thân người nó đã gá vào. Khi ấy cả thầy và trò đều sa vào lưới pháp luật. Các ông nên rõ biết trước những việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

242. THAM CẦU HIỂU BIẾT TÚC MẠNG

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích được thêm nhiều hiểu biết, siêng năng khổ nhọc truy tìm, mong biết được đời sống trong kiếp trước.

Khi ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần gá vào thân người ấy và dùng miệng người đó giảng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình đã chứng được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên hành giả tham cầu hiểu biết, trải tòa ngồi thuyết pháp.

Trong pháp hội, người ấy bỗng dưng như được viên ngọc to lớn. Có khi ma hóa thành súc vật, miệng ngậm châu báu, thẻ tre bùa chú và những vật quái dị khác. Trước trên, đến trao cho người ấy rồi sau rồi mới gá vào thân họ. Hoặc là ma mê hoặc người đến nghe pháp, bằng cách chôn một vật xuống đất rồi nói rằng: Có một hạt "minh châu" đang tỏa sáng ở nơi đó. Nên các người nghe đều cảm thấy mình được việc chưa từng có. Ma thường chỉ ăn các loại dược thảo chứ không dùng thực phẩm có sẵn. Hoặc nó chỉ dùng ngày một hạt mè, một hạt lúa mạch mà vẫn thấy khỏe mạnh, là nhờ sự duy trì của ma lực. Nó phỉ báng các tỷ-khưu, mắng chửi đồ chúng, không ngại dùng cả lời chê bai tị hiềm.

Nó ưa nói về kho báu ở nơi xa lạ, hoặc nơi ẩn cư của các bậc Thánh hiền. Những người đi theo nó thường thấy những nhân vật kỳ lạ.

Đây gọi là một loại ma, hoặc thần núi rừng, thổ địa, thành hoàng, sông núi, tuổi già thành quỷ. Người bị ma gá vào, tán thành việc dâm dục, phá hủy giới luật Phật chế. Nó lén lút hành dâm với đệ tử, hoặc nó lại tinh tấn ăn toàn thảo mộc, hành xử thất thường, quấy rối người tu hành. Đến khi chán rồi, không gá vào người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.

Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

243. THAM CẦU CÓ THẦN LỰC

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm thích thần thông và các loại biến hóa, nên nghiên cứu căn nguyên các phép ấy, tham cầu có thần lực.

Lúc ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Người ấy không biết bị ma gá vào, còn tự bảo mình đã được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu thần thông, trải tòa ngồi thuyết pháp. Người đó hoặc nắm lửa trên tay, gom lửa lại rồi trải ra trên đầu tứ chúng đang nghe pháp, lửa

trên đầu họ tỏa cao vài thước, mà họ không thấy nóng hoặc bị đốt cháy. Hoặc nó có thể đi trên nước như đi trên mặt đất, hoặc có thể ngồi bất động trên không, hoặc có thể đi vào trong bình hay trong túi xách, hoặc vượt qua cửa sổ, đi qua tường vách mà không ngăn ngại. Duy chỉ đối với binh đao thì không được tự tại. Nó tự tuyên bố đã thành Phật, nhưng mặc y phục cư sĩ, để cho tỉ-khưu lễ lạy. Nó hủy báng thiền định và giới luật, mạ lỵ đệ tử và rao bày lỗi người khác, không ngại cả cách chê bai và hiềm tỵ.

Nó thường nói đến thần thông và tự tại, hoặc khiến cho người khác thấy được cõi Phật. Cõi ấy không thật, chỉ hiện ra do ma lực để huyễn hoặc người ta. Nó tán thán tham dục, không từ bỏ những việc thô tục. Làm những hạnh bất tịnh, cho đó là truyền pháp.

Đây gọi là những giống sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh, và những loài tinh mị của tất cả cỏ cây đã sống nhiều kiếp, có sức rất mạnh trong trời đất. Hoặc là loại long yêu quái, hoặc là các vị tiên tuổi thọ đã hết, tái sanh làm yêu quái. Hoặc là những vị Tiên quả báo đã hết, đáng ra phải chết, nhưng thân thể không bị hủy hoại, nên loài yêu quái khác đến gá vào. Các loài nầy sống lâu thành quỷ, quấy nhiễu người tu hành. Khi chán rồi không gá thân người nữa. Cả đệ tử và thầy đều rơi vào lưới pháp luật.

Các ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

244. THAM CẦU SỰ RỖNG KHÔNG SÂU

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa vào nơi tịch diệt, nghiên cứu tánh biến hóa, mong cầu tánh rỗng không sâu lắng.

Lúc ấy thiên ma có cơ hội thuận tiện, liền phóng tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Người ấy thật không biết bị ma gá vào, còn tự tuyên bố mình được vô thượng niết-bàn. Nó đến nơi người tham cầu không tịch, trải tòa ngồi thuyết pháp. Ở trong đại chúng, thân hình nó bỗng dưng biến thành không, chẳng ai thấy được, rồi từ hư không bỗng dưng nó lại hiện ra, khi còn, khi mất một cách tự tại. Hoặc hiện thân trong suốt như ngọc lưu ly, khi duỗi tay chân, thơm mùi hương chiên đàn. Hoặc đại tiểu tiện ra chất cứng như đường phèn. Nó phỉ báng, huỷ phạm giới luật, khinh thường các vị xuất gia.

Nó thường nói không có nhân quả. Khi chết là hoàn toàn mất hẳn. Chẳng có đời sau, chẳng có thánh phàm, dù các vị ấy đã được không tịch, nhưng vẫn lén lút làm chuyện dâm dục. Người cùng nó làm chuyện dâm dục cũng được tâm rỗng không và bài bác nhân quả.

Đây là tinh khí do nhật thực, nguyệt thực tụ vào các loại vàng ngọc, các loại nấm quý hiếm, kỳ lân, phụng hoàng, rùa hạc. Tinh khí ấy giúp cho các sinh vật đó sống hàng ngàn, hàng vạn năm không chết, rốt cuộc thành tinh linh, sinh ra nơi cõi nước này, tuổi già thành ma, phá rối người tu hành. Đến khi chán rồi, không gá vào người nữa, cả thầy trò đều rơi vào lưới pháp luật.

ông nên biết rõ trước việc này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

245. THAM CẦU SỐNG LÂU

Lại nữa thiện nam tử kia, thụ ấm đã hư diệu, không mắc các tà lự, tánh viên định phát minh. Trong tam-ma-địa, tâm ưa sống lâu, khổ nhọc nghiên cứu tinh vi, mong cầu được bất tử, thoát khỏi sự sống chết nơi thân xác. Nôn nóng tham cầu tướng vi tế biến dịch sinh tử, mong được thường trụ lâu dài trong ấy.

Lúc ấy thiên ma có được cơ hội thuận tiện, phóng tinh thần bay đến gá vào người khác, dùng miệng người ấy giảng nói kinh pháp.

Người này thật không biết bị ma gá, còn tự tuyên bố đã chứng được vô thượng niết-bàn. Nó đến bên người tham cầu sống lâu, trải tòa ngồi thuyết pháp. Nó thích khoe việc có thể đi lại mọi nơi, rồi trở về mà không ngăn ngại, có thể dạo chơi ngàn dặm rồi trở về trong chớp mắt. Nó có thể lấy đem về những đồ vật từ những nơi nó đã đến. Hoặc nó có thể bảo một người đi từ phía đông sang phía tây của một căn phòng trong khoảng cách chỉ cần đi vài bước, thế mà người ấy có đi hết năm cũng không đến được. Do đó mọi người đều tin lời người bị ma gá, lầm cho đó là Phật.

Nó thường nói: Chúng sanh trong mười phương đều là con của ta. Ta sinh ra chư Phật, ta tạo ra thế giới. Ta là Phật đầu tiên, ta tạo dựng thế giới này một cách ngẫu nhiên, không do tu mà thành.

Đây gọi là Trụ thế tự tại thiên ma, khiến loại quyến thuộc chưa phát tâm như giá-văn-trà, hay Tỳ-xá đồng tử ở cõi Tứ thiên vương, thích hư minh, đến ăn tinh khí của người tu hành. Hoặc không nương nơi thầy (người bị ma gá vào) mà chính hành giả thấy, bọn đó tự xưng là thần Chấp kim cang đến cho sống lâu. Hoặc bọn đó biến thành phụ nữ xinh đẹp, cùng hành giả cuồng nhiệt làm việc dâm dục. Nên

chưa đầy một năm, gan não hành giả khô kiệt, miệng lẩm nhẩm một mình, nghe như tiếng của loài yêu mỵ. Người ngoài chưa rõ nguyên nhân, nên phần nhiều người bị như thế đều rơi vào pháp luật. Chưa kịp chịu hình phạt, đã bị chết khô. Ma quấy phá người tu, cho đến phải chết.

Các ông nên biết rõ tình trạng này, để khỏi rơi vào vòng luân hồi. Nếu các ông mê lầm không biết, sẽ đọa vào địa ngục vô gián.

LỜI KHUYÊN RĂN CỦA ĐỨC THẾ TÔN TỔNG KẾT VỀ TƯỞNG ẤM

A-Nan nên biết, trong thời mạt pháp mười thứ ma ấy, hoặc xuất gia tu tập theo giáo pháp của Như Lai, hoặc chúng gá vào thân người, hoặc tự biến thành nhiều dạng khác nhau. Chúng đều tự xưng đã thành bậc chánh biến tri.

Chúng nó khen ngợi dâm dục, phá luật nghi của Phật chế. Thầy trò ma truyền dạy nhau về dâm dục. Tinh thần tà vạy như thế, mê hoặc tâm ý người tu hành, trải qua ít nhất chín đời, nhiều thì cả trăm thế hệ. Khiến kẻ chân tu đều rơi vào quyến thuộc của ma.

Sau khi chấm dứt mạng sống, ắt phải đọa làm dân của ma. Đánh mất chánh biến tri, và đọa vào địa ngục vô gián.

A-Nan, ông nay chưa nên vội vào niết-bàn, dù ông đã đạt được quả vị vô học. Hãy lưu giữ lời nguyện đi vào cõi đời mạt pháp kia, phát lòng đại bi cứu độ các chúng sanh có lòng tin chân chánh sâu xa, khiến cho họ không mắc vào tà ma, giúp cho họ có được chánh tri kiến. Nay Như Lai đã giúp ông thoát ra khỏi sinh tử. Nay ông vâng lời Phật dạy, đó gọi là báo ơn Phật.

A-Nan, mười cảnh giới hiện ra trong thiền định như thế, đều do tưởng ấm và tâm dụng công giao xen.

Chúng sinh ngu mê, không biết lượng sức mình, gặp nhân duyên đó, mê không tự biết, còn nói đã chứng thánh, thành tội đại vọng ngữ, phải đọa vào địa ngục vô gián.

Vào thời mạt pháp, sau khi Như Lai nhập niết-bàn, các ông cần phải đem lời dạy của Như Lai chỉ bày cho chúng sinh, khiến cho họ được tỏ ngộ nghĩa đó. Đừng để cho thiên ma có dịp quấy phá. Phải giữ gìn, che chở cho chúng sanh thành đạo vô thượng.

Kinh Lăng Nghiêm – Quyển 10



KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI
MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM

*** * ***

QUYỂN 10

10 HÀNH ẤM

1. TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO CẢNH GIỚI HÀNH ẤM

A-Nan, thiện nam tử kia, tu pháp tam-ma-đề, tưởng ấm đã tiêu dung, mộng tưởng bình thường cũng hết hẳn, ngủ thức đồng một thể. Tính giác minh rỗng lặng như hư không, không còn những tướng tiền trần thô trọng. Xem mọi hiện tượng trong thế gian như sông núi đất liền, như lòng gương sáng, ảnh hiện không dính mắc, đi không lưu lại dấu vết, thong dong phản chiếu sự vật, sạch hết tập khí cũ, thuần nhất chân tánh tinh anh.

PHẠM VI HÀNH ẤM

Căn nguyên của sinh diệt từ đó lộ ra, thấy được mười hai loại chúng sanh trong khắp mười phương, rõ hết các loài. Dù chưa thông suốt manh mối của mỗi loại, nhưng đã thấy chúng có chung một cơ sở sinh diệt, giống như sóng nắng chớp nhoáng bập bềnh, làm điểm then chốt để phát sinh các *phù căn trần*. Đây gọi là phạm vi của *hành ấm*

CỘI GỐC CỦA HÀNH ẤM

Nếu cội gốc của tánh bập bềnh chớp nhoáng ấy nhập vào bản chất trong lặng vốn sẵn có xưa nay, thì tập khí của hành giả sẽ lóng lặng, như sóng lặng nước yên. Đây gọi là hành ấm tiêu dung. Người ấy có thể vượt qua được chúng sanh trược. Quán xét nguyên do cội gốc của hành ấm, chính là u ẩn vọng tưởng.

MƯỜI CẢNH GIỚI CỦA HÀNH ẤM

246. HAI LOẠI TÀ KIẾN VÔ NHÂN

A-Nan, nên biết, các thiện nam tử ấy đã được sự nhận biết chân chính trong khi tu xa-ma-tha , chánh tâm ngưng lặng, sáng suốt, không bị quấy phá bởi mười loại thiên ma. Trong lúc nghiên cứu tinh vi cùng tột gốc của các loại chúng sanh, khi thấy manh mối sinh diệt của các loại hiện ra, quán xét cội gốc thường chuyển động lăng xăng cùng khắp u ẩn kia, trong đó lại khởi tâm so đo chấp là tánh viên nguyên, thì liền rơi vào hai thứ luận vô nhân.

Một là, người ấy thấy cái gốc không có nhân. Vì sao? Vì người ấy đã hoàn toàn chuyển hóa cơ chế của sự sinh ra. Nhờ tám trăm công đức của nhãn căn, thấy được toàn bộ chúng sanh theo vòng nghiệp báo mà xoay vần trong tám vạn kiếp, chết nơi này sanh nơi kia. Thấy chúng sanh luân hồi trong đó, nhưng ngoài tám mươi ngàn kiếp thì không biết được gì.

Do vậy hành giả có kiến giải rằng, những loại chúng sanh trong mười phương thế giới này từ tám vạn kiếp trở lại, hiện hữu mà không có nguyên nhân.

Do sự suy đoán này, nên mất chánh biến tri, bị lạc vào ngoại đạo, trở nên mê lầm tánh bồ-đề.

Thứ hai là người ấy thấy cái ngọn là không có nguyên nhân. Tại sao? Vì đã nhận ra cội gốc sinh diệt. Biết loài người luôn luôn sanh ra người, chim luôn luôn sanh ra chim. Quạ vốn xưa nay là đen, chim hộc vốn xưa nay là trắng. Loài người, loài trời luôn luôn đứng thẳng, loài vật luôn luôn có thân nằm ngang. Sắc trắng không do rửa mà thành, mầu đen không do nhuộm mà có. Suốt tám vạn kiếp việc ấy không hề thay đổi.

Cho đến hết đời này cũng như vậy. Mà ta từ xưa nay, chưa từng thấy có gì là bồ-đề, thì làm sao có chuyện thành tựu bồ-đề? Các ông ngày nay nên biết, các vật tượng hiện hữu đều không có nguyên nhân.

Do sự suy đoán như vậy, người ấy đánh mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo trở nên mê mờ tánh bồ-đề.

Đây gọi là ngoại đạo thứ nhất, lập nên luận thuyết vô nhân.

247. TÀ KIẾN CHẤP THƯỜNG

A-Nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng vi tế kia. Trong đó, nếu khởi tâm chấp trước là tánh viên thường, thì sẽ rơi vào bốn luận thuyết biến thường.

Một là, người ấy nghiên cứu tột cùng tâm cảnh, cả hai đều không có nhân. Tu tập biết được trong hai muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương trải qua xoay vần sanh diệt mà không mất hẳn, nên chấp là thường.

Hai là người ấy nghiên cứu tột cùng cội gốc của tứ đại, cho rằng tánh của nó là thường trụ. Tu tập biết được trong bốn muôn kiếp, chúng sanh trong mười phương tuy có trải qua sống chết, nhưng bản thể là thường hằng, không bao giờ tan mất, nên chấp đó là thường.

Ba là, người ấy nghiên cứu cùng tột nguyên do bản lai của lục căn, của sự chấp thụ ở thức mạt-na và của tâm ý thức, thấy bổn tánh của nó vốn thường hằng. Tu tập biết được trong tám vạn kiếp, tất cả chúng sanh xoay vần không mất, xưa nay vốn thường trụ. Nghiên cứu cùng tột tánh không mất ấy, chấp cho là thường.

Thứ tư là người ấy đã tiêu dung được căn nguyên tưởng ấm . Lý sanh khởi không còn nữa, trạng thái lưu chuyển đứng lặng xoay vần, tâm tưởng sanh diệt, nay vĩnh viễn không còn. Trong lý tự nhiên, thành không sanh diệt. Do tâm niệm suy lường như thế, mà chấp cho là thường.

Do suy luận chấp thường ấy, quên mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là loại ngoại đạo thứ hai, lập ra thuyết viên thường.

248. TÀ KIẾN VỪA CHẤP THƯỜNG VỪA CHẤP ĐOẠN

A-Nan, các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề chánh tâm đứng lặng sáng suốt. Thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc sự phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường giữa mình và cái khác. Người ấy sẽ rơi vào bốn kiến chấp điên đảo của luận thuyết một phần vô thường, một phần thường.

Một là, người ấy quán xét tâm tánh sáng suốt vi diệu khắp cùng mười phương. Cho trạng thái lặng lẽ sâu kín ấy làthần ngã rốt ráo. Nên hành giả chấp cái ngã của mình thì trong lặng sáng suốt, bất động, trùm khắp mười phương. Còn các loài chúng sanh đều lưu xuất từ tâm ta, chúng tự sinh tự diệt. Vậy nên tâm tánh của ta là thường, trong khi các loài kia phải trải qua sanh diệt, nên chúng thực sự là vô thường.”

Thứ hai là, người ấy không quán xét tâm mình, lại quán xét mười phương cõi nước nhiều như cát sông Hằng. Thấy có nơi đang trong kiếp hoại, cho nơi đó có tánh rốt ráo vô thường. Còn những nơi rốt ráo thường hằng là không ở trong kiếp hoại.

Thứ ba, người ấy quán sát chỉ riêng tâm mình, thấy nó rất mầu nhiệm, vi tế, giống như vi trần lưu chuyển khắp mười phương mà tánh chất không dời đổi, khiến cho thân này sinh rồi lại diệt. Nến chấp tánh không biến diệt ấy là tánh thường của mình. Còn tất cả sự sanh diệt lưu xuất từ tâm mình là tánh vô thường.

Thứ tư, người ấy biết rằng tưởng ấm đã tiêu dung, thấy hành ấm đang lưu chuyển. Chấp sự lưu chuyển liên tục của hành ấm là thường. Còn sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm đã được tiêu dung rồi là vô thường.

Do những chấp trước về một phần thường và một phần vô thường này nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là thuyết ngoại đạo thứ ba chủ trương luận thuyết một phần thường.

249. TÀ KIẾN CHẤP CÓ

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong khi quán xét sâu xa nguồn gốc phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về phận vị. Người ấy rơi vào bốn thứ luận hữu biên.

Một là người ấy suy luận về cội gốc sanh diệt trôi chảy biến dịch không ngừng, xét đoán quá khứ tương lai là hữu biên, còn chấp sự tương tục của tâm là vô biên.

Hai là người ấy quán sát trong tám vạn kiếp, thấy có chúng sanh. Còn ngoài tám vạn kiếp thì vắng bặt, không thấy không nghe được gì cả. Cho rằng nơi không thấy không nghe được gì là vô biên, còn nơi có chúng sanh là hữu biên.

Ba là người ấy chấp rằng mình biết cùng khắp, là được tánh vô biên, còn các người kia đều hiện ra trong cái biết của mình, mà mình chưa từng biết họ nhận ra được tánh biết. Cho rằng những người kia không đạt được tâm tánh vô biên mà chỉ đạt được tâm tánh hữu biên.

Bốn là người ấy khi nghiên cứu tột cùng hành ấm đến chỗ rốt ráo không. Do những điều thấy được, suy luận rằng tất cả chúng sanh trong mỗi thân phần, gồm có nữa phần sanh, nửa phần diệt. Cho rằng rõ ràng mọi thứ trong đời một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.

Do những chấp trước hữu biên, vô biên như thế, nên người ấy rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh bồ-đề. Đây là luận hữu biên, thuyết thứ tư của hàng ngoại đạo.

250. TÀ KIẾN VỀ BỐN THỨ LUẬN THUYẾT ĐIÊN ĐẢO

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về những gì mình thấy và biết. Người ấy rơi vào bốn thứ luận điên đảo, hư vọng suy lường chấp trước, ngụy biện về bất tử.

Một là người ấy quán sát cội gốc của sự biến hóa, thấy chỗ đổi dời, nên gọi là biến. Thấy chỗ tương tục, gọi là thường hằng. Thấy chỗ thấy được, gọi đó là sanh. Chỗ không thấy được, thì gọi là diệt. Chỗ các nhân tương tục, tánh không dứt đoạn, thì gọi là tăng. Chính trong tương tục, không xa lìa nhau, thì gọi là giảm. Chỗ mỗi mỗi sinh ra, thì gọi là có. Chỗ nương nhau hư hoại, thì gọi là không. Dùng lý quán sát, thấy đều do dụng tâm mà dẫn đến những kiến chấp sai biệt. Nếu có người đến cầu pháp, hỏi về nghĩa ấy thì đáp rằng ta cũng sinh, cũng diệt, cũng có, cũng không, cũng tăng, cũng giảm. Luôn luôn giải thích một cách càn loạn, khiến người nghe không thể hiểu được.

Hai là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thảy mọi thứ đều là không. Nhân nơi cái không mà có chứng đắc. Nên khi có người đến hỏi chỉ đáp một chữ không. Ngoài chữ không ra, không nói điều gì.

Ba là người ấy quán sát chân xác tâm mình, thấy hết thảy mọi thứ đều hiện hữu. Nhân nơi cái có mà chứng đắc. Nên khi người đến hỏi chỉ đáp một chữ có. Ngoài chữ có ra, không nói gì khác.

Bốn là người ấy chấp cả có và không. Do cảnh phân tán, tâm cũng tán loạn. Khi có người đến hỏi, thì đáp cũng có tức là cũng không; trong cái cũng không, chẳng phải là cũng có. Tất cả hoàn toàn càn loạn, khi suy xét kỹ lưỡng, thấy không thể nói hết được.

Do chấp trước càn loạn rỗng không này, người ấy rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ năm, lập bốn luận thuyết hư vọng, điên đảo biến kế, càn loạn bất tử.

251. TÀ KIẾN VỀ HỮU TƯỚNG

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm chấp đó là dòng sinh diệt vô tận, thì người ấy rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết còn có tướng.

Hoặc tự củng cố thân mình, cho rằng sắc là ta. Hoặc thấy cái ta bao trùm khắp các cõi nước, cho rằng ta có sắc. Hoặc thấy các tiền trần kia, đều theo ta quay về, nên cho rằng sắc thuộc về ta. Hoặc cho rằng cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, nên cho rằng ta ở trong sắc.

Từ tất cả kiến chấp này, đều cho rằng sau khi chết còn có tướng. Xoay vần như thế có 16 tướng.

Từ đó, chấp rằng rốt ráo phiền não, tột cùng bồ-đề, hai tánh ấy đều khu biệt, không mâu thuẫn nhau.

Do chấp sau khi chết vẫn còn hiện hữu, nên rơi vào ngoại đạo và trở nên mê mờ tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ sáu, lập nên lý thuyết điên đảo, cho rằng trong ngũ ấm, sau khi chết có tướng.

252. TÀ KIẾN SAU KHI CHẾT KHÔNG CÒN SẮC TƯỚNG

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, khởi tâm suy lường về sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm đã được trừ diệt rồi, thì người ấy sẽ rơi vào tư tưởng điên đảo, cho rằng sau khi chết, không còn có tướng.

Thấy sắc ấm đã diệt, thân không còn chỗ y cứ. Quán sát tưởng ấm đã tiêu dung, thấy tâm không ràng buộc. Biết thọ ấm đã tiêu trừ, chẳng còn dính dáng vào đâu. Các ấm này đã tiêu tán, dù còn có lý sinh khởi, nhưng thọ ấm, tưởng ấmkhông còn nữa, nên hành giả cho rằng mình như cây cỏ.

Rồi nghĩ rằng, hiện tiền thể chất này còn không nắm bắt được, làm sao sau khi chết lại còn sắc tướng? Do nghiệm xét như thế, nên cho rằng sau khi chết không còn sắc tướng. Xoay vần như vậy, có tám thứ luận vô tướng.

Do đây, cho rằng niết-bàn nhân quả tất cả đều là không, chỉ có tên gọi, rốt ráo đều là đoạn diệt.

Do chấp sau khi chết không còn có tướng như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ bảy, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết không còn có tướng.

253. TÀ KIẾN PHỦ NHẬN CẢ CÓ VÀ KHÔNG CÓ TƯỚNG SAU KHI CHẾT

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, trong trạng thái hành ấm chưa tiêu dung, nhưng thọ ấm và tưởng ấm đã tiêu trừ, nếu khởi tâm chấp trước cả hai cái có và không, thì tự thể phá nhau. Người ấy rơi vào luận thuyết điên đảo, phủ nhận cả có, cả không còn gì tồn tại sau khi chết.

Thấy sắc ấm, thọ ấm , tưởng ấm có mà chẳng phải có. Xét trong dòng chuyển biến của hành ấm , thấy cái khôngchẳng phải là không.

Xoay vần như thế, cùng tột các ấm , lập thành tám tướng “chẳng phải có, chẳng phải không.” Gặp duyên gì cũng đều nói rằng sau khi chết là có tướng, không tướng. Lại thấy hành ấm thay đổi liên tục, tâm phát thông ngộ, chấp tất cả đều chẳng phải có, chẳng phải không

Do những kiến chấp sau khi chết “chẳng phải có, chẳng phải không” như thế mà đường sau mờ mịt, không còn lối đi. Nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là tà thuyết ngoại đạo thứ tám, lập luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết, chẳng phải có, chẳng phải không.

254. TÀ KIẾN VỀ ĐOẠN DIỆT

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau nầy là không, người ấy rơi vào mê lầm với bảy luận thuyết đoạn diệt.

Hoặc chấp hết thân này là diệt, hoặc chấp hết ngũ dục là diệt, hoặc chấp hết khổ là diệt, hoặc chấp tột vui là diệt, hoặc chấp cực điểm của xả bỏ là diệt.

Xoay vần như thế, cùng tột đến bảy quan niệm chấp trước hiện tiền là tiêu diệt, đã diệt rồi thì không hồi phục lại nữa. Do chấp sau khi chết là đoạn diệt như thế, nên rơi vào ngoại đạo, lầm mất tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ 9, lập nên những thứ luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, sau khi chết là đoạn diệt hẳn.

255. TÀ KIẾN VỀ NIẾT BÀN

Lại nữa các thiện nam tử đó, trong tam-ma-đề, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không có cơ hội quấy phá. Trong nguồn gốc sâu xa phát sinh của muôn loài, quán xét cội gốc thường nhiễu động lăng xăng kia, sinh tâm kế chấp sau nầy là có. Người ấy rơi vào năm thứ luận về niết-bàn.

Hoặc xem Dục giới là chuyển y chân chánh, do thấy sáng suốt cùng khắp nên sanh tâm yêu thích. Hoặc nhận cõi Sơ thiền là nơi chuyển y chân chánh, do tâm không còn lo buồn. Hoặc nhận cõi Nhị thiền là chuyển y chân chánh, do tâm không khổ lụy nữa. Hoặc nhận Tam thiền, vì rất vui đẹp. Hoặc nhận Tứ thiền vì cả vui khổ thực sự tiêu vong, không còn chịu sinh diệt trong luân hồi nữa.

Mê chấp các cõi trời hữu lậu, phát khởi kiến giải vô vi, lầm sự an ổn năm chỗ ấy là nơi nương tựa thắng tịnh. Tuần hoàn rốt ráo trong năm chỗ như vậy .

Do kế chấp năm thứ niết-bàn hiện có như vậy, nên rơi vào ngoại đạo, mê mờ tánh bồ-đề. Đây là ngoại đạo thứ mười, lập nên những luận điên đảo, chấp trong ngũ ấm, có năm thứ niết-bàn hiện có.

LỜI KHUYÊN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ CÁC TÀ KIẾN

A-Nan, tất cả mười thứ tri giải cuồng loạn trong thiền-na như thế, đều do tâm dụng công giao xen với hành ấm nên phát ra ngộ giải này.

Chúng sinh ngu mê, không tự suy xét được. Gặp phải cảnh ấy, nhận mê làm ngộ, nói rằng mình đã chứng thánh. Thành tội đại vọng ngữ, sẽ đọa vào ngục vô gián.

Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông nên đem lời dạy của Như Lai truyền bá trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sinh hiểu rõ nghĩa này. Đừng để cho tâm ma tự gây những tội chướng sâu nặng. Giữ gìn che chở cho chúng sanh tiêu trừ tà kiến.

Dạy cho họ giác ngộ đạo nghĩa chân thật. Nơi đạo vô thượng, không lạc vào đường tẻ. Đừng để cho chúng sinh hài lòng với chút ít hiểu biết rồi tự cho là đủ. Phải làm mẫu mực thanh tịnh của bậc Đại giác vương

10 THỨC ẤM

TRẠNG THÁI TÂM LÝ TRƯỚC KHI VÀO THỨC ẤM

A-Nan, thiện nam tử kia tu pháp tam-ma-đề, khi hành ấm hết rồi, cái then chốt nhiễu động u ẩn, nơi phát sinh chung các loài trong thế gian, bỗng nhiên được xóa sạch. Giềng mối vi tế, quan hệ sâu xa, gây nghiệp thọ báo của bổ-đặc-già-la nơi mỗi chúng sinh cũng được chấm dứt.

PHẠM VI THỨC ẤM

Bầu trời niết-bàn sắp tỏa sáng rực rỡ, như sau khi gà gáy sáng, có ánh bình minh ló dạng ở phương Đông. Sáu căn rỗng rang thanh tịnh, không còn giong ruổi nữa.Trong ngoài đều phát ra ánh sáng sâu mầu, vào được tánh vô sở nhập. Thấu suốt được nguyên do thọ mạng của mười hai loại chúng sinh trong suốt mười phương. Xét rõ nguồn gốc do chấp trước gây ra, nên các lòai không thu hút được. Nhận được tánh đồng nhất với mười phương thế giới. Tinh minh không tiêu trầm, những gì ẩn mật từ trước nay đều hiển bày. Đây gọi là phạm vi của thức ấm.

CỘI GỐC CỦA THỨC ẤM

Như trong tánh đồng của các loài đã chứng được, tiêu dung luôn sáu căn, Khiến việc khai hợp sáu căn đều thành tựu. Cái thấy, cái nghe dung thông với nhau một cách thanh tịnh. Mười phương thế giới và trong ngoài thân tâm trong suốt như lưu ly. Đây là sự chấm dứt của thức ấm . Người ấy có thể vượt qua mạng trược. Xét lại nguyên do của *thức ấm*, mới thấy cỗi gốc là vọng tưởng điên đảo, huyễn hoá rỗng không.

MƯỜI CẢNH GIỚI CỦA THỨC ẤM

256. CHẤP CÓ NGUYÊN NHÂN CHÂN THƯỜNG

A-Nan nên biết, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, nên trở lại bản tánh của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Người đó có thể khiến nơi thân mình, các căn khi hợp, khi chia lìa, còn thông suốt với sự hay biết các loài chúng sinh trong mười phương. Tánh hay biết đó thông suốt, nên có thể nhập vào tánh nguyên viên. Nếu xem chỗ quay về, lập nên nhân chân thường, cho là đúng đắn tuyệt đối, thì người ấy rơi vào cái chấp nhân sở nhân. Trở thành bè bạn với Sa-tì-ca-la, chấp vào minh đế, mê mờ tánh bồ-đề của Phật, bỏ mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ nhất, lập nên tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, nên trái xa tánh viên thông, ngược hướng niết-bàn, sinh ra hạt giống ngoại đạo.

257. TỰ CHẤP CÓ NĂNG LỰC NHƯNG THẬT SỰ KHÔNG PHẢI NĂNG LỰC

Lại nữa A-Nan, thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, nên trở lại bản tánh của thức, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nếu xem nơi trở về chân thật là tự thể của riêng mình, xem mười hai loại chúng sinh cùng khắp cả pháp giới hư không đều từ trong thân mình sinh ra, quyết định cho kiến giải này là đúng, thì người ấy rơi vào cái chấp năng phi năng, thành bè đảng với Ma-hê-thủ-la, thường hiện ra vô biên thân. Do mê muội tánh bồ-đề của chư Phật, nên bỏ mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ hai, lập nên cái tâm *năng vi*, thành cái quả *năng sự*, trái xa với tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống Đại mạn thiên, chấp cái ta trùm khắp.

258. TÀ KIẾN VỀ CÁI KHÔNG PHẢI THƯỜNG MÀ CHO LÀ THƯỜNG

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nếu lúc quay về, thấy có chỗ sở quy, tự nghi thân tâm mình từ nơi ấy sinh ra, mười phương hư không cũng từ đó sinh khởi. Ngay nơi chỗ sinh ra tất cả đó, cho là cái thể chân thường không sinh diệt, ở trong sinh diệt, vội chấp là thường trụ. Chẳng những mê lầm tánh bất sinh, mà còn mê lầm tánh sinh diệt. Chìm đắm trong mê lầm, mà sanh kiến giải thù thắng, người ấy rơi vào kiến chấp thường phi thường, thành ra bè đảng với Tự tại thiên. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ ba, lập nên cái *tâm nhân y*, thành cái *quả vọng kế*, trái xa với viên thông, ngược với đạo niết-bàn, sinh ra giống *đảo viên*.

259. TÀ KIẾN VỀ VẬT CÓ TRI GIÁC VÀ KHÔNG CÓ TRI GIÁC

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các *hành*, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nếu nơi chỗ hay biết, nhân cái hay biết cùng khắp mà cho rằng tất cả thảo mộc trong khắp mười phương đều gọi là hữu tình, không khác gì người, cây cỏ làm người, người chết trở thành cây cỏ mười phương. Không quyết trạch rõ ràng cái biết cùng khắp này, cho là thắng giải, người ấy rơi vào kiến chấp tri vô tri. Trở thành bè đảng với Bà-tra , Tiển-ni, chấp tất cả đều có tánh biết. Do đó nên mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, lạc mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ tư, chấp cái tâm *viên tri*, thành *hư mậu* quả, trái xa với tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống *đảo tri*.

260. TÀ CHẤP VỀ CÁI KHÔNG SANH MÀ CHO LÀ SANH

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nếu trong lúc đã đạt được sự tùy thuận viên dung hỗ tương của các căn, lại nơi tánh viên dung biến hoá hết thảy đều phát sinh, mong cầu ánh sáng của lửa, thích tánh trong lặng của nước, ưa sự châu lưu của gió, nhìn ngắm xem xét sự thành tựu của đất, trân trọng mọi loài. Nhận tứ đại ấy làm bản nhân, nhận đó là tánh thường trụ. Người ấy rơi vào kiến chấp sanh vô sinh, trở thành bè đảng với ngoại đạo Ca-diếp-ba và bà-la-môn thờ lửa và nước để cầu vượt thoát sinh tử. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ năm, chấp trước việc sùng bái sự vật, tâm mê theo vật, lập nhân hư vọng, để cầu quả hư vọng, nên xa rời tánh viên thông, trái ngược đạo niết-bàn, làm sinh khởi hạt giống điên hóa.

261. TÀ CHẤP CHỖ TRỞ VỀ, MÀ KỲ THẬT KHÔNG PHẢI LÀ CHỖ TRỞ VỀ

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nếu nơi cảnh viên minh, chấp cái rỗng không trong tánh viên minh, chối bỏ tiêu diệt mọi sự biến hóa, nhận sự tịch diệt hẳn làm nơi nương về, rồi xem đây là kiến giải đúng đắn, thì người ấy sẽ rơi vào cái chấp quy vô quy, thành bè bạn của nhóm thuấn-nhã-đa ở cõi trời Vô tưởng. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Đây là loại thứ sáu, viên thành cái tâm hư vô, lập nên cái quả không mất, trái xa tánh viên thông, nghịch với đạo niết-bàn, làm sanh khởi giống đoạn diệt.

262. TÀ CHẤP VỀ SỰ THAM ĐẮM CÁI KHÔNG THỂ THAM ĐẮM

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nếu nơi tánh viên thường, củng cố cái thân cho thường trụ như tánh ấy, mãi mãi không suy mất, rồi cho đó là thù thắng, thì sẽ mắc vào cái chấp tham phi tham. Nên người ấy thành bè đảng với A-tư-đà, mong cầu trường sanh. Mê lầm tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ bảy, chấp trước cái mạng căn, lập cái nhân củng cố hư vọng, dẫn đến quả báo khổ nhọc lâu dài, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, gieo giống sai lầm ưa kéo dài mạng sống.

263. TÀ CHẤP VỀ CÁI CHÂN THẬT MÀ THẬT SỰ KHÔNG PHẢI CHÂN THẬT

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Quán sát căn mệnh và trần cảnh dung thông nhau, nên muốn lưu giữ các trần lao, sợ nó bị tiêu mất. Liền ngay lúc ấy ngồi cung hoa sen, hóa ra rất nhiều bảy thứ trân báu, cùng nhiều gái đẹp, buông lung tâm ý mình, rồi cho đây là thù thắng, người ấy rơi vào cái chấp chân vô chân, thành bè bạn của ngoại đạo Tra-chỉ -ca-la. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ tám, lập cái nhân tà tư, thành cái quả trần lao xí thạnh, nghịch xa với tánh viên thông, quay lưng với đạo niết-bàn, làm nảy sinh giống thiên ma.

264. ĐỊNH TÁNH THANH VĂN

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nơi căn mạng sáng tỏ, phân biệt cái tinh thô, quyết đoán cái chân ngụy, sự báo đáp lẫn nhau của nhân quả, chỉ cầu cảm ứng, ngược với đạo thanh tịnh; nghĩa là chỉ thấy khổ đế, dứt trừ tập đế, chứng được diệt đế, tu đạo đế, nơi diệt đế đã yên, không tiến thêm nữa, rồi cho đây là thù thắng, thì người ấy sẽ rơi vào hàng định tánh Thanh Văn , thành bè bạn của hàng Vô Văn tăng thượng mạn. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ chín, viên mãn tâm tinh ứng, thành cái quả thú tịch, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống triền không.

265. ĐỊNH TÁNH DUYÊN GIÁC

Lại nữa thiện nam tử ấy đã quán sát tường tận tánh không của các hành, đã chấm dứt sinh diệt rồi, nhưng chưa viên mãn tánh tịnh diệu của tịch diệt.

Nếu ở trong tánh giác minh thanh tịnh viên dung, phát minh tánh thâm diệu, liền nhận đó là niết-bàn mà không tiến lên, rồi cho đây là cảnh giới thù thắng, thì người ấy rơi vào hàng định tánh Bích chi. Thành bè bạn với các vị Duyên Giác, Độc giác, không hồi tâm hướng về Đại thừa. Mê mờ tánh bồ-đề của chư Phật, đánh mất chánh tri kiến.

Đây là dạng thứ mười, viên thành giác tâm vắng lặng, lập thành cái quả trạm minh, trái xa tánh viên thông, ngược với đạo niết-bàn, làm sinh khởi giống giác ngộ viên minh, nhưng không không hóa giải được kiến chấp về tánh giác viên minh.

LỜI KHUYÊN TỔNG KẾT CỦA ĐỨC THẾ TÔN VỀ THỨC ẤM

A-Nan, mười loại thiền-na như thế, giữa chừng hoá điên, nhân nơi mê lầm, khi chưa đầy đủ, khởi tâm chứng đắc hoàn toàn. Tất cả đều do thức ấm và tâm dụng công giao xen.

Chúng sanh mê mờ, không biết tự xét. Gặp tình huống này, đều đem tâm mê lầm, ưa thích những tập quán cũ, mà tự dừng nghĩ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo. Tự tuyên bố đã đạt được quả vị Vô thượng bồ-đề viên mãn. Thành tội đại vọng ngữ. Ngoại đạo tà ma sau khi chiêu cảm nghiệp báo chấm dứt, sẽ rơi vào địa ngục vô gián. Các hàng Thanh Văn , Duyên Giác không thể tiến lên hơn nữa.

Các ông nên chú tâm giữ gìn đạo Như Lai. Sau khi Như Lai nhập diệt, hãy đem pháp môn nầy truyền dạy trong đời mạt pháp, khiến cho tất cả chúng sanh hiểu rõ nghĩa ấy. Đừng để ma tà kiến tự gây ra chướng nạn. Giữ gìn và từ bi cứu giúp, tiêu trừ hết các tà duyên kiến. Khiến thân tâm được vào tri kiến Phật. Từ khi bắt đầu cho đến thành tựu, không bị lạc vào đường tẻ.

Pháp môn như thế, các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong hằng sa kiếp từ quá khứ, đều vận dụng mà khai ngộ bản tâm, chứng được đạo vô thượng.

Khi thức ấm tiêu dung rồi, thì các căn hiện tiền của ông đều được dùng thay nhau. Từ chỗ hỗ dụng đó, ông có thể nhập vào bậc Kim cang càn huệ Bồ Tát. Tâm tinh diệu viên minh phát hóa trong ấy.

Như ngọc lưu ly trong suốt, hàm chứa mặt trăng báu ở trong. Như thế mà vượt lên giai vị Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Tứ gia hạnh tâm và sở hành của Bồ Tát Kim cang Thập địa .

Đây là những ma sự vi tế, mà các Đức Phật Thế Tôn từ đời quá khứ trước đã giác ngộ nghiệm xét và phân tích trong khi tu chỉ quán .

Nếu ông nhận biết được ma cảnh hiện tiền, thì tẩy trừ được cấu nhiễm, không bị rơi vào tà kiến.

Các ấm ma đều tiêu diệt, thiên ma bị phá tan, Đại lực quỷ thần hoảng hốt chạy trốn, các loài li mị võng lượng không hiện tướng ra nữa.

Thẳng đến bồ-đề, không chút thiếu sót. Hàng căn cơ hạ liệt cũng được tăng tiến, đối với Đại niết-bàn, tâm không mê lầm.

Nếu có chúng sinh mê độn trong đời mạt pháp, chưa hiểu thiền-na, chưa nghe pháp yếu, ưa tu tam muội, nhưng căn tánh chậm lụt, sợ họ bị lạc vào tà kiến, thì các ông nhất tâm khuyên họ trì tụng chú Phật đảnh đà-la-ni . Nếu chưa tụng thuộc thì viết trên thiền đường hay mang trong thân. Thế nên các loài ma không thể nào quấy phá họ được.

Ông nên kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về phép tu tiến rốt ráo của mười phương Như Lai.

LÝ TUY ĐỐN NGỘ, SỰ PHẢI TIỆM TRỪ

A-Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nghe lời dạy của Đức Phật, đảnh lễ kính vâng, ghi nhớ không sót. Ở trong đại chúng lại bạch Phật rằng: “Như Đức Phật dạy, trong tướng ngũ ấm có năm thứ hư vọng, vốn có cội gốc là tâm vọng tưởng. Chúng con bình thường chưa từng được được nghe lời khai thị vi diệu của Như Lai,

Lại nữa, năm thứ ấm này được tiêu trừ một lần hay lần lượt theo từng thứ lớp. Giới hạn của năm lớp ấy là gì?

Xin nguyện Như Lai, mở lòng đại từ, làm cho tâm và mắt của đại chúng đây được trong sáng, để làm đạo nhãn tương lai cho hết thảy chúng sinh trong đời mạt pháp.

Đức Phật bảo A-Nan, tánh tinh chân là diệu minh, tánh bản giác là viên tịnh, không lưu lại sinh tử và các trần cấu, cho đến cả hư không, đều nhân vọng tưởng mà sinh khởi ra.

Tất cả cái ấy, gốc nơi bản giác diệu minh chân tánh, do vọng tưởng mà phát sinh khí thế gian, như Diễn-nhã-đạt-đamê đầu mà nhận bóng.

Vọng vốn không có nhân, ở trong vọng tưởng mà lập ra tánh nhân duyên, mê tánh nhân duyên thì gọi đó là tự nhiên. Cả tánh hư không kia cũng sinh ra từ huyễn hóa, nên nhân duyên, tự nhiên đều là suy lường từ vọng tâm chúng sanh.

A-Nan, đã biết do vọng sanh khởi ra, mà nói nhân duyên vọng. Nếu vọng vốn không thì nhân duyên vọng đó vốn là chẳng có. Huống gì những người không biết, cho đó là tự nhiên.

Thế nên Như Lai giải bày cho các ông rõ bổn nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

Thân thể của ông, trước là nhân cái tưởng của cha mẹ mà sanh ra. Tâm ông nếu không có một niệm tưởng nào, thì ông chẳng đến gá mạng vào nơi tưởng.

Như trước đây Như Lai đã nói, khi tâm tưởng đến vị chua, thì trong miệng tiết ra nước bọt, khi tâm tưởng đang leo cao thì lòng bàn chân cảm thấy rờn rợn, mà dốc cao chẳng có, vị chua cũng không thấy, thân thể của ông chẳng phải cùng loại với hư vọng, tại sao khi nghe nói đến vị chua thì nước bọt trong miệng tiết ra?

Vậy ông nên biết, sắc thân hiện nay của ông,

Như Lai đã nói trước đây, khi tâm ông tưởng đến một nơi cao là thân có cảm giác rờn rợn.

Do các thứ cảm thọ sanh khởi, nó tác động đến sắc thân. Nên hiện nay, hai thứ cảm thuận ích và vi tổn đang thúc bách thân ông. Đó là là vọng tưởng hư minh thứ hai.

Do những ý nghĩ sai sử thân ông, nếu thân ông không cùng dạng với niệm tưởng, sao lại theo vọng tưởng nắm bắt mọi thứ hình tượng, sanh tâm chấp giữ, cùng niệm tưởng tương ưng?

Khi thức là tưởng tâm, khi ngủ là chiêm bao, nên niệm tưởng lay động vọng tình của ông. Đó gọi là dung thông vọng tưởng thứ ba.

Chuyển hóa không ngừng, xoay vần âm thầm dời đổi. Móng tay và tóc dài ra, khí lực suy tàn, da mặt nhăn nheo. Thay đổi ngày đêm, thế mà ông không hề thức tỉnh.

A-Nan, nếu những thứ này chẳng phải là ông, tại sao thân ông lại biến đổi? Nếu chắc thật là ông, sao ông không biết?

Ắt là hành ấm của ông tương tục không dừng trong mỗi niệm. Đó là vọng tưởng thứ tư, tánh chất là vi tế và ẩn mật.

Lại chỗ tinh minh lóng lặng, không dao động của ông, gọi là là thường còn, thì nơi thân ông, chẳng ra ngoài sự thấy nghe, hiểu biết. Nếu nó thật sự là tánh chân, thì đã không dung chứa tập khí

Do đâu mà các ông, trong những năm trước đã từng thấy vật lạ, trải qua nhiều năm, chẳng để ý đến; rồi sau bỗng dưng, thấy lại vật lạ đó, liền nhớ rõ ràng, không hề thiếu sót? Vậy trong tánh tinh minh đứng lặng, trọn không dao động ấy, đã chịu sự huân tập trong từng niệm, đâu có trù tánh gì?

A-Nan nên biết trạng thái trong lặng ấy là không thực, như dòng nước chảy nhanh, xa trông như đứng lặng, do chảy nhanh mà không thấy được, chứ không phải là nước không chảy. Nếu đây không phải là cội gốc của vọng tưởng, cớ sao lại bị huân tập bởi tập khí hư vọng?

Nếu sáu căn của ông chưa được khai hợp, dùng thay lẫn nhau, thì cái vọng tưởng ấy không khi nào diệt trừ được.

Cho nên hiện nay, cái thấy nghe hiểu biết của ông đã xâu kết trong tập khí hư vọng. Ắt trong tánh rỗng lặng trong suốt ấy, là cái vọng tưởng điên đảo vi tế, rỗng không huyễn hóa thứ năm

A-Nan, năm loại ấm này là do năm vọng tưởng tạo thành.

Nay ông muốn biết giới hạn sâu cạn, chỉ có sắc và không là biên giới của sắc ấm, xúc và ly là biên giới của thọ ấm , nhớ và quên là biên giới của tưởng ấm , diệt và sinh là biên giới của hành ấm , đứng lặng và hiệp với đứng lặng thuộc về biên giới của thức ấm .

Năm ấm này vốn sinh khởi trùng điệp. Sinh, do thức ấm mà có. Diệt, từ sắc ấm mà trừ. Lý tức ngộ liền, nhân ngộ mà tiêu trừ sạch. Sự thì chẳng phải trừ được ngay, mà phải theo thứ lớp mới dứt được.

Như Lai đã chỉ cho ông về những gút nơi khăn kiếp-ba-la. Có điều gì chưa hiểu rõ khiến ông lại hỏi?

Ông nên đem sự thông hiểu cội nguồn của vọng tưởng này, truyền dạy cho người tu hành đời sau trong thời mạt pháp, khiến cho họ nhận ra được hư vọng, tự thấy nhàm chán, biết có niết-bàn, để không luyến tiếc ba cõi.

PHẦN LƯU THÔNG

A-Nan, ví như có người mang bảy thứ báu đầy trong hư không khắp cả mười phương, dâng lên chư Phật nhiều như số vi trần, với tâm cung kính cúng dường

không hề xao lãng. Ý ông nghĩ sao, người này do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, được nhiều phước đức hay không?

A-Nan đáp rằng: hư không chẳng có giới hạn, trân bảo cũng vô hạn, xưa có người cúng dường Phật bảy đồng tiền, đến khi xả thân, còn được vị Chuyển luân Thánh vương. Huống gì hiện tiền, hư không cùng tận, cõi Phật đã đầy khắp bảy thứ trân bảo cúng dường. Dù có suy nghĩ cùng tận đến vô số kiếp còn không thể biết được. Phước đức ấy làm sao có ngằn mé?

Đức Phật bảo A-Nan: chư Phật Như Lai không nói lời hư vọng. Ví như có người phạm bốn tội lớn, mười tội ba-la-di , giây lát phải trải qua địa ngục A-tì ở phương này rồi phương khác, cho đến cùng tột vô số các địa ngục vô gián trong mười phương mà không nơi nào chẳng phải trải qua.

Nếu người này, dùng một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng của người ấy liền được tiêu diệt. Biến cái nhân phải chịu khổ địa ngục thành cõi nước an lạc.

Được phước đức vượt hơn người ấy thí cúng trước kia gấp trăm, ngàn, triệu, ức lần. Như thế cho đến toán số thí dụ cũng không thể diễn tả hết được.

A-Nan, nếu có chúng sanh biết tụng kinh, biết trì niệm thần chú này, dù Như Lai có nói đến cùng tận số kiếp cũng không hết được. Nếu theo lời chỉ dạy của Như Lai, y theo lời dạy mà tu hành, thì thẳng đến đạo bồ-đề, không bị các ma nghiệp.

Khi Đức Phật nói kinh này rồi, các vị tỷ-khưu, tỷ-khưu-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, các loài trời, người, a-tu-la trong thế gian. Cùng các vị Bồ Tát, hàng Nhị thừa, Thánh, Tiên, Đồng tử ở các cõi khác, cùng với loại Đại lực quỷ thần mới phát tâm, tất cả đều hoan hỷ đảnh lễ rồi lui ra.

=== H Ế T ===

KINH PHÁP DIỆT TẬN

Trong Phật giáo có rất nhiều bản kinh quan trọng, nhưng quan trọng nhất là kinh Thủ Lăng Nghiêm. Nếu nơi nào có kinh Thủ Lăng Nghiêm đang được lưu hành, có nghĩa là chánh pháp đang còn ở thế gian. Nếu không còn kinh Thủ Lăng Nghiêm nữa, có nghĩa đã đến thời mạt pháp. Do vậy, người Phật tử chúng ta, mỗi người cũng như tất cả, phải đem hết sức lực, đem hết tâm huyết, đem hết mồ hôi nước mắt để giữ gìn kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Trong kinh Pháp Diệt Tận có nói rất rõ ràng: "Vào thời mạt pháp kinh Thủ Lăng Nghiêm bị hoại diệt trước hết, sau đó, các kinh khác dần dần biến mất."

Nếu như kinh Thủ Lăng Nghiêm không bị biến mất thì thời kỳ chánh pháp vẫn còn tồn tại. Do đó hàng Phật tử chúng ta phải đem tất cả tánh mạng để hộ trì kinh Thủ Lăng Nghiêm. Phải đem hết tâm huyết để thọ trì kinh Thủ Lăng Nghiêm. Phải đem hết hạnh nguyện để hộ trì kinh Thủ Lăng Nghiêm làm cho kinh Thủ Lăng Nghiêm mãi mãi tồn tại ở thế gian, xiển dương sâu rộng khắp nơi, lưu truyền đến mọi ngóc ngách ở trên thế gian, cho đến từng hạt vi trần, khắp tận hư không pháp giới. Nếu chúng ta làm được như vậy thì nay vẫn còn thời chánh pháp đang tỏa chiếu ánh sáng đại quang minh.

Tại sao lại nói kinh Thủ Lăng Nghiêm bị tiêu hủy trước tiên? Vì một điều quá chân thực, kinh Thủ Lăng Nghiêm là chân thân của Đức Phật, kinh Thủ Lăng Nghiêm là xá-lợi của Đức Phật, kinh Thủ Lăng Nghiêm là tháp miếu chân thực của Đức Phật.

Do vì đạo lý trong kinh Thủ Lăng Nghiêm quá chân thực nên toàn thể ma vương đều dùng mọi cách để phá hủy kinh Thủ Lăng Nghiêm. Họ bắt đầu đưa ra những lời đồn đại, xuyên tạc, cho rằng kinh Thủ Lăng Nghiêm là giả mạo. Vì sao thiên ma ngoại đạo cho rằng kinh Thủ Lăng Nghiêm là ngụy tạo?

Vì kinh Thủ Lăng Nghiêm nói quá chính xác, đặc biệt là phần nói về bốn lời khai thị về bản tánh thanh tịnh sáng suốt, phần hai mươi lăm vị Thánh nói về pháp tu chứng viên thông, và phần năm mươi tướng trạng ấm ma. Ngoại đạo tà giáo, yêu ma quỷ quái không thể nào chịu nổi giáo lý này, nên họ kéo theo rất nhiều người thiếu hiểu biết tuyên bố rằng kinh Thủ Lăng Nghiêm là ngụy tạo.

Những đạo lý được đề xuất trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, một mặt đúng là chánh pháp, mặt khác lại phù hợp với đạo lý, nên bọn tà ma, quỷ quái, bàng môn ngoại đạo không thể ẩn dấu tung tích được. Một số người thiếu ý thức, cụ thể là những học giả kém thông thái, những giáo sư chuyên thu thập kiến thức tạp nham "chuyên đuổi mồi bắt bóng", với sự hiểu biết cực kỳ hẹp hòi và hạn chế, họ hoàn toàn bị mê muội và nhầm lẫn, họ không có được sự uyên bác thực sự và không có trí tuệ chân thực, thế nên họ phê phán một cách hồ đồ.

Chúng ta là những người tu học Phật pháp, nên nhận thức sâu sắc về những trường hợp này, do đóbất kỳ đi đâu chúng ta cũng phải xiển dương kinh Thủ Lăng Nghiêm. Bất kỳ đi đâu chúng ta cũng nên truyền bá kinh Thủ Lăng Nghiêm. Bất kỳ đến đâu chúng ta cũng giới thiệu kinh Thủ Lăng Nghiêm cho mọi người. Sao vậy? Vì chúng ta muốn làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian. Nếu kinh Thủ Lăng Nghiêm là ngụy tạo, tôi xin có cam đoan này với quý vị:

Nếu kinh Thủ Lăng Nghiêm là chân thực thì dĩ nhiên chẳng có vấn đề gì, còn nếu kinh Thủ Lăng Nghiêm là ngụy tạo, thì tôi nguyện rằng tôi là kẻ trước tiên đọa vào Vô gián địa ngục, vì tôi không nhận thức được Phật pháp, nhận vọng làm chân. Còn nếu kinh Thủ Lăng Nghiêm là chân thực, thì tôi nguyện đời đời kiếp kiếp truyền bá đại pháp Thủ Lăng Nghiêm, nghiã là mọi nơi mọi lúc tôi sẽ xiển dương đạo lý chân thật của kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Mọi người nên chú tâm vào điểm này. Nếu kinh Thủ Lăng Nghiêm không do từ kim khẩu Đức Phật nói ra, thì chẳng còn một ai có thể giảng nói được, chẳng còn một người nào khác có thể nói được một giáo lý chính xác như kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Vì thế tôi hy vọng rằng những người thiếu ý thức đã có các suy nghĩ sai lầm này, sớm thức tỉnh, dừng lại việc tạo ra cái nhân sai lạc, sẽ chiêu cảm quả báo ở địa ngục Bạt thiệt bất luận học giả đó là ai, bất luận những nhà nghiên cứu Phật pháp ở bất cứ quốc gia nào, tất cả nên nhanh chóng sửa đổi cách nhìn, nhận ra lỗi lầm của mình và tìm cách điều chỉnh.

Chẳng có việc thiện nào lớn lao hơn thế nữa. Tôi chắc rằng khi tất cả mọi người đều đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm, mọi người đều nghe giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm, mọi người đều tham cứu kinh Thủ Lăng Nghiêm, thì tất cả đều sẽ chóng thành Phật đạo.

PHÁP SƯ KIM SƠN SA-MÔN TAM TẠNG

THÍCH TUYÊN HÓA

KINH PHÁP DIỆT TẬN
CHÁNH VĂN

Như thật tôi nghe, một thời Đức Phật ở thành Câu-thi-na. Như Lai sẽ nhập niết-bàn trong vòng ba tháng nữa, nên các tỷ-khưu, tỷ-khưu ni cũng như vô số các loài hữu tình đến để cung kính quy y và đảnh lễ. Thế Tôn an trú trong định, ngài không nói một lời và hào quang không còn xuất hiện. Ngài A-Nan cung kính đảnh lễ và hỏi:

“Bạch Thế Tôn, từ trước đến nay bất kỳ khi nào Thế Tôn thuyết pháp, ánh sáng từ oai nghi của Thế Tôn tự nhiên xuất hiện, nhưng hôm nay trong đại chúng, không thấy ánh hào quang ấy từ Thế Tôn tỏa ra nữa, chắc hẳn có nhân duyên gì, chúng con muốn nghe đức Thế Tôn giảng giải.”

Đức Phật vẫn im lặng không trả lời, cho đến khi A-Nan cầu thỉnh đến ba lần, lúc đó Đức Phật mới bảo A-Nan: “Sau khi Như Lai nhập niết-bàn, khi giáo pháp bắt đầu suy yếu, trong đời ngũ trược ác thế, ma đạo sẽ rất thịnh hành, ma quỷ biến thành sa-môn, nó sẽ xuyên tạc và phá hoại giáo pháp của ta.

Nó mặc y phục của hàng cư sĩ, ưa thích y phục đẹp đẽ và giới y thì may bằng loại vải có màu sặc sỡ. Nó uống rượu, ăn thịt, giết hại các sinh vật khác và tham đắm thọ hưởng cao lương mỹ vị. Nó không có lòng từ bi và thường mang lòng sân hận, đố kỵ lẫn nhau.

“Vào lúc ấy, sẽ có các vị Bồ Tát, Bích-chi Phật, A La Hán hết sức Tôn kính và siêng năng tu tập tịnh giới, các vị này sẽ được mọi người kính trọng. Lời dạy của họ rất hoàn hảo và bình đẳng, những người tu đạo này thường cứu giúp những người nghèo, lưu tâm đến những người già yếu, và họ thường cứu giúp và khuyên giải cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn vào mọi lúc.

Họ thường khuyến khích mọi người thờ phượng, hộ trì kinh pháp và quán tưởng đến Đức Phật. Họ thường làm các việc lành, tâm kiên định, đầy lòng từ bi và không bao giờ nhiễu hại kẻ khác. Họ thường không ích kỷ mà thường nhẫn nhục, nhu nhuyến, từ bi và hòa ái.

“Nếu những vị này hiện hữu, thì các loại tỷ-khưu tà ma này sẽ ganh ghét họ, ma quỷ sẽ quấy rối, phỉ báng họ, đánh đuổi họ ra khỏi trụ xứ và hạ nhục họ, nó đánh đuổi các vị tỷ-khưu chân chính ra khỏi tăng viện. Sau đó, các tỷ khưu ác ma này không tu đạo thanh tịnh, các tu viện sẽ bị hoang vắng, cỏ dại mọc đầy.

Thay vì phải chăm sóc và bảo trì già lam khỏi trôi vào hoang phế và lãng quên, các tỷ-khưu ác ma sẽ chỉ tham lam lợi dưỡng và tích chứa vô số của cải, khước từ việc chia sẻ cho người khác, hoặc sử dụng tài sản vào việc tu tạo phước đức.

“Vào lúc đó các ác ma tỷ-khưu sẽ mua và mướn nô lệ để cày ruộng, chặt cây và đốt phá rừng núi, sát hại các sinh vật mà không cảm thấy một chút thương xót. Những nam nô lệ này sẽ trở thành các tỷ-khưu tăng và nữ nô lệ thành tỷ-khưu ni hoàn toàn không có đạo hạnh, điên cuồng đắm mình trong dâm loạn. Trong sự mê muội dơ bẩn ấy, họ không thể nào phân biệt được đàn ông, đàn bà ở trong tu viện.

Từ sự việc này, chánh đạo bị suy yếu dần, những người chạy trốn luật pháp sẽ tìm đến quy y trong đạo của Như Lai, muốn làm sa-môn nhưng không chịu quán sát và thực hành luân lý đạo đức. Giới luật vẫn được tụng đọc hai lần mỗi tháng, nhưng chỉ là trên danh nghĩa. Do lười biếng và phóng dật, không còn ai muốn nghe nữa.

Những ác sa-môn này sẽ không muốn đọc toàn văn bản kinh, tóm tắt đoạn đầu và cuối bản kinh theo ý của nó. Chẳng bao lâu, việc tụng tập kinh kiển cũng sẽ chấm dứt. Cho dù vẫn còn nhiều người tụng kinh, nhưng họ lại không biết đọc. Tuy thế, những người vô tư cách vẫn khăng khăng cho họ là đúng đắn, đầy tự phụ, kiêu căng, ngạo mạn.

Những người này thấy mình nổi tiếng và đầy danh vọng. Nó bày đặt phong cách tao nhã để mong thu hút nhiều của cúng dường từ mọi người. Khi mạng căn của các ma ác tỷ-khưu này chấm dứt, thần thức của họ liền đọa vào địa ngục A-tỳ. Đã phạm phải 5 tội trọng, nên họ phải chịu khổ và tái sinh liên tục trong loài quỷ đó và súc sinh. Họ sẽ nếm vô vàn nỗi thống khổ khi họ phải trải qua cảnh giới như thế trong vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng. Khi đã thanh toán các chướng nạn xong, họ sẽ tái sinh ở những vùng biên địa, nơi Tam bảo chưa được lưu hành.

“Khi chánh pháp sắp biến mất, phụ nữ sẽ trở nên tinh tấn và họ dành nhiều thời gian để làm việc thiện. Đàn ông sẽ trở nên lười biếng và sẽ không còn ai giảng pháp nữa. Những vị sa-môn chân chính sẽ bị họ xem như cọc cây khô và không ai tin ở các vị ấy nữa. Khi chánh pháp sắp suy tàn, chư Thiên sẽ bắt đầu khóc lóc, sông sẽ khô cạn và năm loại ngũ cốc không có để thu hoạch.

Các bệnh dịch thường xuyên xảy ra, cướp đi vô số mạng người. Số đông dân chúng phải làm việc quần quật khổ sai, trong khi các quan chức địa phương mưu tính lợi riêng, không ai màng đến đạo lý. Mặt khác, dân số gia tăng còn nhiều hơn cả cát trên bờ đại dương, nhưng khó tìm thấy người có thiện tâm, hầu như chỉ có được một hoặc hai người.

“Khi kiếp giảm đến gần, vòng quay của mặt trăng và mặt trời trở nên ngắn hơn và mạng sống của con người thu ngắn lại. Tóc của người trở nên bạc vào lúc bốn mươi tuổi vì họ tham đắm trong dâm dục, họ mau bị cạn kiệt tinh dịch nên sẽ chết vào lúc còn rất trẻ, thường là trước 50 tuổi. Khi mạng sống của nam giới giảm, thì mạng sống cuả nữ giới tăng đến 70, 90 hay đến 100 tuổi.

Những dòng sông lớn sẽ phát sinh dòng chảy bất thường không đúng với chu kỳ tự nhiên, nhưng con người không để ý hoặc không quan tâm. Khí hậu khắc nghiệt được xem là điều dĩ nhiên. Người thuộc các chủng tộc bị lai tạp nhau một cách ngẫu nhiên, họ không còn Tôn trọng danh dự và trung đạo nữa. Họ sẽ bị xoay vần, chìm đắm và trôi nổi như những sinh vật được thuần dưỡng.

Lúc đó các vị Bồ Tát, Bích-chi Phật, A La Hán không còn cùng tu tập với nhau trong một hội chúng chưa từng có như trước nữa, vì họ đều bị ma quỷ quấy rối. Họ không còn cộng trú trong tăng đoàn, nhưng giáo lý Tam thừa vẫn được lưu hành

ở vùng hẻo lánh, những người tu tập vẫn tìm thấy sự an tịnh, an lạc và trường viễn.

Chư thiên sẽ bảo hộ cho họ và mặt trăng sẽ chiếu sáng họ, giáo pháp Tam thừa sẽ có dịp hòa nhập và chính đạo sẽ hưng thịnh. Tuy nhiên, kinh Thủ Lăng Nghiêm và Kinh Bát-chu Tam-muội sẽ bị sửa đổi trước tiên rồi biến mất. Mười hai bộ kinh sẽ dần dần bị tiêu trầm cho đến khi hoại diệt hoàn toàn và không bao giờ xuất hiện lại nữa. Văn tự kinh điển sau đó hoàn toàn bị lãng quên, giới y của sa-môn bị biến thành màu trắng.

Khi giáo pháp của Như Lai sắp biến mất, cũng giống như ngọn đèn dầu tỏa sáng lên trong chốc lát trước khi tàn lụi, chánh pháp cũng bừng tia sáng hưng thịnh như thế rồi suy tàn, sau thời kỳ này khó nói được điều gì chắc chắn sẽ xảy ra.

Thời kỳ này sẽ kéo dài suốt mười triệu năm. Khi Đức Phật Di-lặc sắp thị hiện ở thế gian để thành vị Phật tiếp theo, các cõi nước đều được hoàn toàn an vui. Ma khí sẽ bị tiêu tán, mưa nhiều và đều đặn, vụ mùa sẽ được bội thu, cây cối sum suê cao lớn, và loài người sẽ cao to đến hơn 24 mét, tuổi thọ trung bình của con người sẽ đến 84.000 năm, khó có thể tánh đếm được bao nhiêu chúng sanh đạt được sự giác ngộ giải thoát.

Ngài A-Nan thưa thỉnh Đức Phật : Bạch Thế Tôn, chúng con nên gọi Kinh này là gì, và làm thế nào để phụng trì kinh ấy?

Đức Phật bảo: Này A-Nan, kinh này gọi là Pháp Diệt Tận. Hãy dạy cho mọi người truyền bá rộng rãi kinh này. Những ai truyền bá kinh nầy, công đức của những người ấy không thể nghĩ bàn, không thể nào tính đếm được.

Khi bốn chúng đệ tử nghe nói kinh này rồi, họ đều rất đau lòng và buồn tủi, mỗi người đều phát tâm tu đạo để đạt đến quả vị tối thượng, họ cung kính đảnh lễ Đức Phật rồi lui ra.

=== H Ế T ===

Khai Thị Về Kinh Và Chú Thủ Lăng Nghiêm
https://www.dharmasite.net/vekinhvachuTLN.htm

LĂNG NGHIÊM CHÚ SỚ LƯỢC GIẢNG
https://www.dharmasite.net/LangNghiemChuSoLuocGiang.htm

CHÚ THỦ LĂNG NGHIÊM

► NGHI THỨC - CHÚ LĂNG NGHIÊM
https://issuu.com/shurangama.htth/docs/chu_lang_nghiem_108_201802

► Linh Văn Của Trời Đất Cứu Thế Giới
https://chu-daibi.blogspot.com/p/chu-lang-nghiem.html

CHÚ LĂNG NGHIÊM KỆ VÀ GIẢNG GIẢI
https://chu-daibi.blogspot.com/p/chu-lang-nghiem-you-tu-be.html

TRANG CHỦ WEB NGHE KINH MP3

https://lang-nghiem.blogspot.com

https:/chiase-phatphap.blogspot.com

https:/hoc-phat.blogspot.com